

LỜI CAM ĐOAN

Trong quá trình nghiên cứu, tôi đã sử dụng các thông tin, dữ liệu sơ cấp được thu thập từ các chủ thể tham gia thị trường vàng gồm: NHNN và các bộ, ngành liên quan (Bộ Tài chính, Bộ Công thương); Các chủ thể kinh doanh vàng gồm doanh nghiệp kinh doanh vàng độc lập thuộc nhiều hình thức sở hữu và một số NHTM có tham gia hoạt động kinh doanh vàng. Ngoài ra, luận án còn sử dụng các thông tin, dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các trang website của Chính phủ, NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Sài Gòn (SJC), Tổng cục Thống kê...

Tôi cam đoan những thông tin đưa ra trong luận án là hoàn toàn chính xác và luận án là một công trình nghiên cứu độc lập, không sao chép từ bất kỳ công trình khoa học nào.

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Thanh Huyền

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	ii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC BẢNG.....	viii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	viii
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	5
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	5
1.1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước.....	5
1.1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước.....	15
1.1.3. Những giá trị khoa học và thực tiễn luận án được kế thừa và khoảng trống nghiên cứu.....	21
1.2. Câu hỏi nghiên cứu.....	23
1.3. Phương pháp nghiên cứu.....	24
1.3.1. Phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu.....	24
1.3.2. Phương pháp tổng hợp và xử lý thông tin, dữ liệu.....	26
TÓM TẮT CHƯƠNG 1.....	29
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG.....	30
2.1. Những vấn đề lý luận chung về thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ...	30
2.1.1. Khái niệm, đặc điểm, cấu trúc và các chủ thể tham gia thị trường vàng.....	30
2.1.2. Hoạt động kinh doanh vàng.....	40
2.2. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.....	47
2.2.1. Khái niệm, mục tiêu và vai trò của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.....	47
2.2.2. Nội dung và chu trình chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.....	53

2.2.3. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng	57
2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng	60
2.3. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.....	63
2.3.1. Chính sách của Trung Quốc đối với hoạt động kinh doanh vàng	64
2.3.2. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng của Ấn Độ.....	67
2.3.3. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng của Thái Lan	69
2.3.4. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng của Mỹ.....	72
2.3.5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	75
TÓM TẮT CHƯƠNG 2.....	77
Chương 3: THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG Ở VIỆT NAM.....	79
3.1. Tổng quan về thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam	79
3.1.1. Tổng quan về thị trường vàng ở Việt Nam.....	79
3.1.2. Thực trạng kinh doanh vàng ở Việt Nam	86
3.2. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam	94
3.2.1. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng giai đoạn trước năm 2010	94
3.2.2 Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng giai đoạn 2010-2014.....	97
3.3. Thực trạng tác động của chính sách đến hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.....	106
3.3.1. Những tác động tích cực của chính sách	106
3.3.2. Những tác động bất lợi của chính sách	113
3.4. Đánh giá thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam	119
3.4.1. Những ưu điểm.....	119
3.4.2. Những hạn chế, bất cập	120
3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập	129

TÓM TẮT CHƯƠNG 3.....	132
Chương 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG Ở VIỆT NAM..	134
4.1. Dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025	134
4.1.1. Tình hình kinh tế thế giới	134
4.1.2. Tình hình kinh tế của Việt Nam.....	135
4.2. Mục tiêu, quan điểm, định hướng phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025	136
4.2.1. Mục tiêu phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam	136
4.2.2. Quan điểm, định hướng phát triển thị trường vàng ở Việt Nam.....	138
4.2.3. Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.....	142
4.3. Định hướng hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam	144
4.3.1. Định hướng chung về chính sách phát triển thị trường vàng ở Việt Nam.....	145
4.3.2. Các chính sách cụ thể đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam	153
4.4. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu lực pháp lý của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.....	164
4.4.1. Giải pháp đối với Quốc hội và Chính phủ	164
4.4.2. Giải pháp đối với NHNN và các bộ, ngành có liên quan	167
4.4.3. Các giải pháp hỗ trợ khác.....	170
TÓM TẮT CHƯƠNG 4.....	172
KẾT LUẬN.....	174
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	176
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	177
PHỤ LỤC 1: Phiếu điều tra	183
PHỤ LỤC 2: Các đơn vị được NHNN cấp phép kinh doanh vàng	189
PHỤ LỤC 3: Danh sách các sàn giao dịch vàng ở Việt Nam.....	191

PHỤ LỤC 4: Tóm tắt chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng giai đoạn 2000-2010.....	192
PHỤ LỤC 5: Tóm tắt chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2014	194
PHỤ LỤC 6: Các chính sách xuất, nhập khẩu vàng	196
PHỤ LỤC 7: Các chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng.....	198
PHỤ LỤC 8: Các chính sách thuế điều tiết hoạt động kinh doanh vàng.....	199
PHỤ LỤC 9: Các chính sách quy định chế tài xử phạt hành vi vi phạm trong kinh doanh vàng	200
PHỤ LỤC 10: Kết quả điều tra thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng miếng	202
PHỤ LỤC 11: Kết quả điều tra thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ghi sổ và giao dịch vàng phái sinh	209
PHỤ LỤC 12: Kết quả điều tra thực trạng chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh vàng	211
PHỤ LỤC 13: Kết quả điều tra thực trạng mức độ hoàn thiện của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng	214
PHỤ LỤC 14: Kết quả điều tra nguyên nhân của những bất cập về chính sách hiện hành	219
PHỤ LỤC 15: Kết quả điều tra về xu hướng phát triển thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020.....	230
PHỤ LỤC 16: Kết quả điều tra về phương hướng hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.....	237

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<i>Viết tắt</i>	<i>Viết đầy đủ</i>
CP	Chính phủ
CTCP	Công ty cổ phần
CS	Chính sách
CSTT	Chính sách tiền tệ
DN	Doanh nghiệp
DTNH	Dự trữ ngoại hối
DTNHNN	Dự trữ ngoại hối nhà nước
KTTT	Kinh tế thị trường
KT-XH	Kinh tế - xã hội
MTV	Một thành viên
NCS	Nghiên cứu sinh
NĐ	Nghị định
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTW	Ngân hàng trung ương
NK	Nhập khẩu
QĐ	Quyết định
QH	Quốc hội
SX	Sản xuất
TB	Thông báo
TCT	Tổng cục thuế
TCTD	Tổ chức tín dụng
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TTĐB	Thuế tiêu thụ đặc biệt
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế XK, NK	Thuế xuất khẩu, nhập khẩu

TT	Thông tư
TTCK	Thị trường chứng khoán
TTTC	Thị trường tài chính
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VPCP	Văn phòng Chính phủ
VND	Việt Nam đồng
XNK	Xuất nhập khẩu
XK	Xuất khẩu
XH	Xã hội
XHCN	Xã hội chủ nghĩa



DANH MỤC BẢNG

Bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 3.1	Tám thương hiệu vàng miếng “biến mất” sau Nghị định 24/2012/NĐ-CP	111
Bảng 3.2	Biểu thuế NK và thuế GTGT đối với vàng tại một số nước năm 2010	128

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 3.1	Diễn biến giá vàng trong nước trước và sau năm 2010	84
Biểu đồ 3.2	Trữ lượng vàng XNK của Việt Nam giai đoạn 2000 – 2013	89
Biểu đồ 3.3	Diễn biến giá vàng trong nước và giá vàng thế giới giai đoạn từ 2007 đến 2014	90
Biểu đồ 3.4	Biến động giá vàng trong nước trước và sau khi ban hành Thông tư 11/2011/TT-NHNN (Từ 6/3/2011 đến 27/7/2011)	107
Biểu đồ 3.5	Biến động giá vàng trong nước trước và sau thời điểm Nghị định 24/NĐ-CP và Thông tư 16/2012/TT-NHNN được ban hành (Từ 1/2/2012 đến 1/12/2012)	108
Biểu đồ 3.6	Biến động giá vàng trong nước trước và sau khi ban hành Thông tư 38/2012/TT-NHNN (Từ 3/12/2012 đến 31/3/2013)	109
Biểu đồ 3.7	Biến động giá vàng trong nước trước và sau thời điểm ban hành Quyết định số 16/2013/QĐ-TTg, Thông tư 06/2013/TT-NHNN, Quyết định 563/2013/QĐ-NHNN (Từ 1/2/2013 đến 1/12/2013)	110
Biểu đồ 3.8	Diễn biến giá vàng SJC từ năm 2012 đến hết năm 2014 (Từ 31/1/2012 đến 31/12/2014)	112

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận án

Kể từ xa xưa cho đến nay, vàng luôn chiếm một vị trí quan trọng trong xã hội. Trong tất cả các dân tộc, các khu vực, các thời đại, các nền văn minh được biết đến, con người đều sử dụng vàng. Vàng luôn là một kim loại có giá trị kinh tế hàng đầu - một hàng hóa đặc biệt và trở thành một bộ phận không thể tách rời trong hệ thống tiền tệ thế giới. Mặc dù hiện tại chức năng tiền tệ của vàng không còn rõ nét như thời kỳ bản vị vàng, song Chính phủ các nước vẫn duy trì một lượng vàng đáng kể trong dự trữ. Bên cạnh các công cụ tài chính khác, vàng vẫn chứng tỏ vai trò quan trọng của mình như một công cụ tài chính. Tại Việt Nam, giống như nhiều quốc gia khác trong khu vực và thế giới, vàng luôn giữ một vị thế đặc biệt quan trọng trong đời sống KT-XH. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển của TTCK, thị trường bất động sản, thị trường vàng ngày càng trở nên sôi động. Cùng với sự gia tăng của số lượng nhà đầu tư và nhu cầu mua bán vàng, các sàn giao dịch vàng cũng được hình thành và có xu hướng tăng lên. Ngoài các giao dịch mua bán vàng dưới hình thái vật chất, loại hình kinh doanh vàng phi vật chất, kinh doanh vàng trên tài khoản cũng bắt đầu được triển khai. Các nghiệp vụ kinh doanh vàng cũng ngày một đa dạng hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, hoạt động của thị trường vàng nói chung, hoạt động kinh doanh vàng của các cơ sở kinh doanh vàng nói riêng vẫn còn chứa đựng nhiều bất cập, tiềm ẩn nhiều rủi ro và gây bất ổn cho nền KT-XH. Chất lượng vàng chưa đạt tới độ chuẩn hóa; việc giao dịch mua bán, chuyển nhượng vàng chưa thuận tiện. Quy chế hoạt động kinh doanh vàng không nhất quán, thị trường vàng trong nước và quốc tế chưa liên thông. Đặc biệt, thời gian gần đây, cùng với sự biến động của thị trường vàng thế giới, thị trường vàng Việt Nam đã chứng kiến những biến động bất thường về giá cả và các hoạt động của thị trường. Nhà nước phải đối mặt với nhiều thách thức khi đưa ra các chính sách và biện pháp can thiệp thị trường bao gồm chính sách quản lý XNK vàng, chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng, chính sách điều tiết hoạt động kinh doanh vàng, chính sách quản lý kinh doanh vàng qua tài khoản... Bên cạnh những kết quả tích cực như từng bước bình ổn thị trường vàng, hạn chế tình trạng làm giá, đầu cơ trên thị trường, quyền lợi của người dân được đảm bảo... thì các chính sách quản lý nhà nước hiện hành đối với hoạt động kinh doanh vàng vẫn chưa đạt được hiệu quả mong đợi: Các chính sách quy định về chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng không đồng nhất, còn phân tán,

thiếu rõ ràng, việc quy định điều kiện tham gia kinh doanh vàng miếng chưa thực sự hợp lý, thuế suất các loại thuế khi NK vàng chưa hợp lý dẫn đến nguy cơ gây bất ổn cho thị trường, chưa có quy định cụ thể trong quản lý thị trường giao dịch... Vì vậy, nghiên cứu thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng để từ đó đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 nhằm đảm bảo cho thị trường phát triển ổn định và có hiệu quả là hết sức cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn cấp bách.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất một số định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

➤ Về mặt lý luận: Hệ thống hóa các cơ sở lý luận về thị trường vàng, các hoạt động kinh doanh vàng, chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.

➤ Về mặt thực tiễn:

- Phân tích thực trạng thị trường vàng, các hình thức kinh doanh vàng và các chủ thể kinh doanh vàng ở Việt Nam, diễn biến giá thị trường Việt Nam trong 2 giai đoạn: giai đoạn trước năm 2010 và giai đoạn từ năm 2010-2014 (Luận án lấy mốc năm 2010 để phân chia giai đoạn nghiên cứu vì trong năm này, hoạt động sản xuất và kinh doanh vàng qua tài khoản chính thức bị Nhà nước chấm dứt, đánh dấu bước ngoặt trong quan điểm quản lý thị trường vàng tại Việt Nam trong thời gian qua).

- Phân tích thực trạng chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam trong 2 giai đoạn: giai đoạn trước năm 2010; giai đoạn từ 2010-2014, chỉ ra những ưu điểm, những hạn chế bất cập và nguyên nhân những bất cập trong chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.

- Xác định mục tiêu, quan điểm và định hướng phát triển thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 phù hợp với thực tiễn phát triển KT-XH Việt Nam và thế giới.

- Đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án tập trung vào hoạt động kinh doanh vàng, chính sách quản lý của nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách và tác động của chính sách đến hoạt động kinh doanh vàng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

** Về nội dung*

+ Đối tượng kinh doanh vàng: Đối tượng kinh doanh của thị trường vàng rất đa dạng bao gồm vàng vật chất (gồm vàng miếng, vàng thỏi, vàng trang sức...) và vàng ghi sổ (vàng tài khoản). Để đảm bảo tính chuyên sâu của luận án, trong luận án này NCS chỉ tập trung nghiên cứu sâu về thực trạng kinh doanh và chính sách quản lý nhà nước đối với kinh doanh vàng miếng và vàng tài khoản.

+ Chủ thể quản lý hoạt động kinh doanh vàng: Tham gia quản lý hoạt động kinh doanh vàng có nhiều chủ thể: Chính phủ, NHNN, các bộ, ngành liên quan và các tổ chức tự quản (Hiệp hội kinh doanh vàng, Sàn giao dịch vàng). Tuy nhiên, luận án chỉ tập trung nghiên cứu chủ thể tổ chức quản lý thị trường vàng là Chính phủ và NHNN.

+ Khách thể chịu sự quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng: Các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường (bao gồm các DN kinh doanh vàng và các NHTM).

+ Hình thức kinh doanh vàng: Thị trường vàng có nhiều hình thức kinh doanh khác nhau nhưng luận án chỉ giới hạn nghiên cứu với các hình thức kinh doanh sau: Kinh doanh vàng vật chất, kinh doanh vàng trên tài khoản và dịch vụ nhận gửi tiết kiệm vàng, cho vay vàng.

** Về thời gian*

+ Luận án nghiên cứu thực trạng thị trường vàng, hoạt động kinh doanh và chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng trong 2 giai đoạn: giai đoạn trước năm 2010 và giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2014.

+ Thời gian áp dụng đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

- Luận án bổ sung tri thức mới về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, các chủ thể kinh doanh vàng, giáo viên và sinh viên của các trường Đại học có học phần nghiên cứu về hoạt động kinh doanh vàng và chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu độc lập cho NCS về hoạt động kinh doanh vàng và chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.

- Các đề xuất hoàn thiện và nâng cao hiệu lực của chính sách nếu được áp dụng trong thực tiễn sẽ góp phần xây dựng thị trường vàng Việt Nam phát triển an toàn và bền vững.

5. Kết cấu luận án

Ngoài lời mở đầu và kết luận, luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng trong nền kinh tế thị trường.

Chương 3: Thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.

Chương 4: Định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Với tính chất quan trọng và nhạy cảm của vàng, thời gian gần đây thực trạng hoạt động kinh doanh vàng và các chính sách quản lý điều tiết thị trường vàng của Chính phủ đã thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu ở cả trong và ngoài nước.

1.1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

Các công trình nghiên cứu trong nước về lĩnh vực quản lý và kinh doanh vàng thời gian qua thường nghiên cứu về các giải pháp nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng, các giải pháp để huy động vàng dự trữ trong dân, các giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh vàng và thị trường vàng, về hoạt động kinh doanh vàng của các NHTM...

1.1.1.1. Những nghiên cứu về giải pháp nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng

Thứ nhất, đề tài “*Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam*”, 2001, của tác giả Đinh Nho Bảng đã phân tích thực trạng thị trường vàng và cơ chế quản lý hoạt động kinh doanh vàng ở nước ta giai đoạn từ năm 1993 trở về trước, giai đoạn 1993 đến năm 2000, đưa ra những đánh giá về chính sách quản lý vàng của Nhà nước Việt Nam, đặc biệt là một số nhận xét về chính sách quản lý vàng theo Nghị định 174/1999/NĐ-CP. Trên cơ sở những bất cập của chính sách, đồng thời trước yêu cầu của đổi mới cơ chế quản lý hoạt động kinh doanh vàng là phải tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, có chính sách đòn bẩy kinh tế khuyến khích các DN đầu tư phát triển các cơ sở SX vàng trang sức, mỹ nghệ với công nghệ hiện đại tạo ra các sản phẩm chất lượng tốt, kỹ thuật tinh xảo với giá thành hạ đủ sức cạnh tranh tại thị trường trong nước và hướng tới XK, mặt khác cần có cơ sở để Nhà nước có thể điều hành thị trường vàng theo định hướng XHCN, tác giả đã đưa ra các giải pháp sau: (1) Nên đưa vàng ra khỏi khái niệm ngoại hối; (2) Không nên quy định cơ chế quản lý riêng đối với hoạt động kinh doanh vàng; (3) Giải pháp về chính sách NK vàng nguyên liệu là cần hình thành trung tâm giao dịch vàng nguyên liệu; (4) Giải pháp về chính sách quy hoạch phát triển các tổ chức kinh doanh vàng cụ thể đối với hệ thống DN nhà nước và đối với hệ thống tư nhân và đối

với các DN có vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, tác giả còn đề xuất một số kiến nghị nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp như: (i) Chính sửa hệ thống văn bản pháp luật cho phù hợp với tinh thần đổi mới; (ii) Có chính sách thuế hợp lý; (iii) Nghiên cứu ban hành các quy định phù hợp hơn làm cơ sở pháp lý cho việc huy động nguồn vốn bằng vàng; (iv) Thành lập trung tâm giao dịch vàng; (v) Nâng cao vai trò của các tổ chức hỗ trợ phát triển ngành kim hoàn; (vi) Từng bước phát triển nghiệp vụ kinh doanh vàng theo thông lệ quốc tế và kinh doanh vàng trên thị trường quốc tế ; (vii) Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế ngành kim hoàn [2].

Thứ hai, đề tài “*Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh vàng theo chức năng của NHTW*”, 2011, của ThS. Nguyễn Văn Anh mới chỉ nghiên cứu về giai đoạn trước năm 2011 khi các chính sách chưa có quá nhiều thay đổi dẫn đến các phân tích vẫn chưa phù hợp cho giai đoạn mới (sau năm 2012). Đề tài mới chỉ dừng lại ở mức độ phân tích lịch sử điều hành thị trường vàng của NHNN cũng như đưa ra những dự báo về diễn biến của thị trường trong giai đoạn mới. Cụ thể, trong đề tài của mình, tác giả Nguyễn Văn Anh đã đưa ra đánh giá về thực trạng công tác quản lý vàng thuộc DTNHNN và hoạt động quản lý thị trường vàng của NHNN, đặc biệt là hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản thời gian qua đồng thời phân tích những bất cập, rủi ro trong công tác quản lý vàng thuộc DTNHNN và hoạt động quản lý thị trường vàng trong nước thuộc chức năng của NHNN. Kết quả nghiên cứu cho thấy, qua phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh vàng của các TCTD trong các lĩnh vực XNK vàng, SX vàng miếng, kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài và kinh doanh sản giao dịch vàng, hoạt động huy động và cho vay bằng vàng, có thể nhận thấy một số bất cập trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh vàng và những rủi ro của các TCTD khi tham gia thị trường vàng. Một cơ chế XNK vàng hợp lý cùng với các biện pháp can thiệp của NHNN sẽ giảm thiểu rủi ro cho các TCTD cũng như tăng cường vai trò quản lý và ổn định thị vàng trong cân đối chung của nền kinh tế. Bên cạnh đó, cơ chế quản lý hoạt động SX vàng miếng cũng cần được đổi mới với sự phối hợp đồng bộ của các ngành. Đối với hoạt động kinh doanh vàng không gắn liền với vàng vật chất như kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài và kinh doanh sản giao dịch vàng, cơ quan quản lý không khuyến khích hoạt động này. Với chức năng là cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, NHNN cùng các bộ, ngành liên quan cần rà soát tổng thể các quy định quản lý hoạt động kinh doanh vàng nhằm giải quyết các vướng mắc và bất cập còn tồn tại [1].

Thứ ba, đề tài “*Giải pháp quản lý thị trường vàng tại Việt Nam*”, 2013, của TS. Nguyễn Đức Trung tiếp cận, luận giải một cách có hệ thống các vấn đề liên quan đến thị trường vàng từ đó phân tích và cụ thể hóa các nội dung về quản lý nhà nước đối với thị trường vàng. Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, đề tài rút ra được nhiều bài học hữu ích dành cho các nhà hoạch định chính sách Việt Nam về điều hành thị trường trong bối cảnh bất ổn kinh tế vĩ mô cũng như quản lý lĩnh vực XNK vàng, SX, kinh doanh vàng trang sức mỹ nghệ, hoạt động sản vàng và phát triển các hình thức đầu tư hiện đại. Đề tài đã phân tích, đánh giá một cách sâu sắc, toàn diện có hệ thống những tác động của chính sách quản lý thị trường vàng trong quá khứ, của Nghị định 24/2012/NĐ-CP cũng như Thông tư 16/2012/TT-NHNN cùng các văn bản liên quan đến thị trường theo từng lĩnh vực quản lý. Qua phân tích, nhóm nghiên cứu đã chỉ ra được một số tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại trong công tác quản lý thị trường vàng tại Việt Nam. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thị trường vàng Việt Nam kết hợp với bài học kinh nghiệm quốc tế, đề tài đã đề xuất một số khuyến nghị quản lý thị trường vàng cả trong ngắn hạn và dài hạn, với mục tiêu trước mắt loại bỏ dần hiện tượng “*vàng hóa*”, đồng thời bảo đảm ổn định thị trường trong bối cảnh nền kinh tế diễn biến phức tạp. Đề tài đã xây dựng thành công hai mô hình báo giá vàng cho Việt Nam là mô hình ARIMA và mô hình hồi quy động, cùng mô hình định lượng về quy mô vàng dự trữ trong dân, hỗ trợ đắc lực quá trình hoạch định chính sách quản lý thị trường vàng [35].

Ngoài ra, còn có thể kể đến một số bài viết trong hội thảo khoa học: “*Thị trường vàng Việt Nam - Những vấn đề đặt ra*”, 3/2011. Trong đó, bài viết của tác giả TS. Nguyễn Thị Thanh Hương đã đưa ra các giải pháp sau nhằm đồng bộ, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng: (1) Hoàn thiện hệ thống VBQPPL hiện hành điều tiết hoặc có liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh vàng để thống nhất vai trò quản lý hoạt động kinh doanh vàng của NHNN theo đúng quy định tại khoản 17 điều 4 Luật NHNN Việt Nam số 46/2010/QH12; (2) Xây dựng tiêu chí cụ thể để phân biệt vàng “*có tính chất tiền tệ*”; vàng có hàm lượng cao; vàng trang sức mỹ nghệ; (3) Phân biệt mức thuế suất XK hoặc NK đối với vàng “*có tính chất tiền tệ*” hoặc vàng có hàm lượng cao; đối với vàng trang sức, mỹ nghệ hoặc vàng có hàm lượng thấp. Giữ nguyên mức thuế suất 10% đối với vàng hàm lượng cao và hạ mức thuế suất xuống 5% đối với vàng có hàm lượng thấp; (4) Khi đã có mức thuế suất hợp lý để điều tiết XNK vàng, nói lỏng dần và tiến tới xóa bỏ việc cấp quota XNK vàng để việc liên thông thị trường vàng trong nước và thế giới được linh hoạt, theo cơ chế thị trường; (5) Thu hẹp

phạm vi số lượng các tổ chức được mua, bán vàng “*có tính chất tiền tệ*” - vàng miếng so với hiện nay; (6) NHNN thực hiện nghiệp vụ hoán đổi giữa vàng tiền tệ với VND đối với các NHTM; (7) Nghiên cứu cho thành lập và hoạt động 1 hoặc 2 Sở giao dịch vàng sau khi NHNN đã xây dựng, ban hành đầy đủ cơ chế quản lý chặt chẽ, phân tích rõ các tác động về KT-XH ở cả tầm vi mô và vĩ mô; (8) Trong thành phần DTNH quốc gia, NHNN cần có phương án dự trữ vàng ở tỷ lệ nhất định so với tổng DTNH [28].

PGS.TS Lê Hoàng Nga và Hoàng Phương Linh trong bài viết của mình đã đưa ra các giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý vàng như sau: (1) Cần coi trọng tính chất tiền tệ, mặc dù chỉ là hình thức của vàng; (2) Có chiến lược hình thành thị trường vàng theo đúng nghĩa của nó [28].

ThS. Trần Trọng Quốc Khanh cũng đưa ra một số giải pháp chính sách nhằm quản lý và phát triển thị trường vàng Việt Nam, cụ thể: (1) Xóa bỏ kinh doanh vàng miếng trên thị trường tự do; (2) Thanh toán mua bán vàng bằng chuyển khoản; (3) Quản lý XNK vàng; (4) Thống kê số lượng vàng cất giữ trong dân; (5) Quy định quy cách sản phẩm vàng miếng; (6) Hỗ trợ hoạt động khai khoáng vàng trong nước; (7) Cung cấp các sản phẩm/dịch vụ tiên tiến cho thị trường vàng; (8) Xây dựng trung tâm giám định vàng quốc gia; (9) Xây dựng sàn giao dịch vàng quốc gia; (10) Có chế tài xử lý vi phạm và vai trò can thiệp thị trường của NHNN [28].

Nói đến hiện tượng vàng hóa, đô la hóa và hiệu quả của các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, TS. Nguyễn Đức Độ đã viết bài theo hướng lập luận rằng, dù những tác động tiêu cực của việc chuyển đổi tài sản từ VND sang vàng, USD và ngược lại là không thể phủ nhận, nhưng việc thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế hay cấm huy động và cho vay bằng vàng, USD sẽ gặp rất nhiều thách thức. Thêm vào đó, nếu lạm phát, thâm hụt ngân sách và thâm hụt thương mại được duy trì ở mức thấp, kỷ luật đối với các NHTM cũng như đối với các DN được đề cao, đồng thời NHNN chuyển sang chiến lược hoạch định CSTT dựa trên mục tiêu trung gian là lãi suất, thì sự ổn định kinh tế vĩ mô nói chung và sự ổn định của thị trường tiền tệ nói riêng có thể được cải thiện đáng kể, mà không nhất thiết phải sử dụng tới các biện pháp hành chính [28].

Đề cập đến chức năng quản lý của NHTW, tác giả ThS. Nguyễn Thị Nhung sau khi đưa ra những kinh nghiệm của Trung Quốc, trên cơ sở một số hạn chế, bất cập trong công tác quản lý thị trường vàng trong nước đã có một số gợi ý chính sách cho Việt Nam như sau: (1) Việt Nam cần xây dựng phương án tăng lượng vàng dự trữ

tương ứng mức độ tăng tổng dự trữ. Đồng thời đa dạng hóa hình thức đầu tư như gửi tiết kiệm, cho vay hay ủy thác cho quỹ đầu tư để nâng cao hiệu quả đầu tư vàng thuộc dự trữ; (2) Sự quản lý của NHTW đối với thị trường vàng là cần thiết. Về hình thức quản lý, NHTW có thể quản lý bằng các biện pháp gián tiếp như cấp giấy phép XNK. Bên cạnh đó, NHTW cũng cần có cơ chế chủ động can thiệp trực tiếp trên thị trường khi có sự chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới; (3) Cùng với quá trình tự do hóa TTTC, thị trường vàng cũng cần được tự do từng bước nhằm phù hợp với trình độ phát triển chung của TTTC; (4) Khi thị trường vàng được hoàn toàn tự do hóa, mọi rào cản trong đó có hoạt động XNK được gỡ bỏ thì việc thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong đó có giao dịch vàng như mô hình của Sở giao dịch vàng Thượng Hải là cần thiết. Tuy nhiên, vẫn cần duy trì quản lý nhà nước đối với hoạt động của các Sở giao dịch này nhằm đảm bảo thị trường hoạt động minh bạch, hiệu quả [28].

Tuy nhiên, các bài viết này mới chỉ dừng lại ở mức độ một bài báo khoa học chứ chưa có những nghiên cứu sâu về chính sách quản lý của Nhà nước đối với thị trường vàng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

1.1.1.2. Những nghiên cứu về hoạt động kinh doanh vàng, thực trạng thị trường vàng và các giải pháp đối với hoạt động kinh doanh và thị trường

Nghiên cứu về vấn đề này có thể kể đến luận văn thạc sỹ kinh tế “*Các giải pháp phát triển kinh doanh vàng tại Việt Nam*”, 2008, của tác giả Đặng Thị Tường Vân. Trên cơ sở sử dụng các phương pháp: phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, đặc biệt là phương pháp phân tích số liệu bằng hồi quy, tác giả Tường Vân đã tổng hợp biến động giá vàng thế giới và Việt Nam trong 2 giai đoạn: từ trước năm 2007 và từ năm 2007 đến giữa năm 2008, phân tích thực trạng kinh doanh vàng ở Việt Nam trong giai đoạn này, chỉ rõ những vấn đề còn tồn tại của thị trường. Từ đó, tác giả đã đề xuất 2 nhóm đề xuất nhằm phát triển kinh doanh vàng tại Việt Nam, kiểm định biến động giá vàng theo tỷ giá: Nhóm đề xuất đối với chính sách tỷ giá và nhóm đề xuất đối với những tồn tại từ phía cơ quan hữu quan và đối với nghiệp vụ kinh doanh vàng tại ngân hàng [41].

Khảo sát, nghiên cứu về vấn đề này còn có thể kể đến một số bài viết trong hội thảo khoa học “*Thị trường vàng Việt Nam: Những vấn đề đặt ra*” do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tổ chức. Cụ thể: Trong bài viết của mình, tác giả Phạm Huy Hùng đã chỉ rõ những bất cập của thị trường vàng thế giới và Việt Nam qua, xu hướng phát triển thị trường vàng thế giới, so sánh thị trường vàng trong

nước và thế giới, từ đó đặt ra một số vấn đề về quản lý tiền tệ, ổn định vĩ mô và huy động nội lực phát triển KT-XH [28].

Theo tác giả Nguyễn Thị Phương Liên, ở Việt Nam những năm gần đây, cùng với sự phát triển của các bộ phận TTTC khác như TTCK, thị trường bất động sản, thị trường vàng cũng ngày càng trở nên sôi động hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, hoạt động của thị trường vàng cũng còn nhiều bất cập, tiềm ẩn nhiều rủi ro và gây bất ổn cho nền KT-XH. Hoạt động kinh doanh vàng bao gồm nhiều mảng khác nhau như kinh doanh vàng trang sức, kinh doanh vàng miếng - vàng tiền tệ... nhưng trong khuôn khổ bài viết của mình, tác giả chỉ tập trung vào hoạt động kinh doanh vàng tiền tệ (vàng hữu hình và vàng ghi sổ), đặc biệt là hoạt động kinh doanh vàng trên sàn vàng trong những năm qua. Bài viết đề xuất một số giải pháp từ phía Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước; giải pháp từ các NHTM đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam nhằm phát triển ổn định và bền vững thị trường vàng Việt Nam trong thời gian tới [28].

Bài viết *“Những động thái nổi bật của thị trường vàng năm 2010 và thông điệp cho năm 2011”* của TS. Nguyễn Minh Phong đã tổng hợp những động thái chủ yếu trên thị trường vàng năm 2010 và đưa ra thông điệp cho thị trường vàng năm 2011. Theo tác giả những thông điệp đáng chú ý cho năm 2011 là: (1) Về tổng thể và trung hạn, giá vàng sẽ tiếp tục có những động thái bất thường, không loại trừ sự gia tăng và sụt giảm nhanh với những biên độ lớn và giạt cục; (2) Yếu tố tâm lý và sự nhạy cảm giá vàng tỷ lệ thuận với độ *“đóng cửa”*, thiếu liên thông trực tiếp, nhanh nhạy và thiếu minh bạch thông tin trên thị trường vàng trong nước; (3) Dự báo giá vàng và các động thái giá vàng tốt cho phép giảm thiểu những rủi ro trong kinh doanh và tăng tính chủ động trong điều hành chính sách quốc gia có liên quan với thị trường vàng trong nước; (4) Trong khi hoạch định và điều hành chính sách quản lý nhà nước đối với vàng, cần chú ý tới mối liên thông và tương quan trực tiếp và chặt chẽ, dù các chiều thuận, nghịch khác nhau, giữa các thị trường vàng với thị trường tiền tệ - tín dụng và các thị trường khác, nhất là TTCK và thị trường bất động sản trong nước; cũng như cần đánh giá đúng đắn hơn quy mô và tác động của các dự trữ vàng và ngoại tệ trong khu vực dân cư, DN [28].

Bài viết *“Thị trường vàng Việt Nam 2010: Thực trạng và giải pháp”* của TS. Vũ Đình Ánh khẳng định ma lực hấp dẫn của vàng đã quay trở lại trong năm 2010 với đà đi lên của giá vàng dường như không thể ngăn cản nổi, xô đổ hết dự báo này tới dự báo khác. Kinh tế thế giới phục hồi không vững chắc, thậm chí có nguy cơ tái

khủng hoảng, đi đôi với những gói hỗ trợ kinh tế trị giá hàng ngàn tỷ USD đã thổi bùng nguy cơ lạm phát trên toàn cầu trong khi khủng hoảng nợ Châu Âu chưa biết sẽ lan rộng tới đâu và hệ quả của nó vẫn chưa được lường hết.... Trong bối cảnh các đồng tiền chao đảo và chiến tranh tiền tệ rình rập, vàng lại trở thành “*hầm trú ẩn*” cuối cùng. Ánh sáng lấp lánh có bề dày lịch sử hàng ngàn năm của vàng lại xuất hiện không chỉ trong khu dự trữ của NHTW từ Âu sang Á, từ nước công nghiệp phát triển tới các quốc đảo tí hon mà còn chói lọi hơn trong các quỹ đầu tư và các hộ gia đình, đặc biệt ở châu Á khi mà các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán hay ngoại tệ trở nên bấp bênh hơn, chứa đựng nhiều rủi ro hơn và nhất là không thể so sánh với tốc độ tăng giá như tên lửa của giá vàng trong năm 2010 này. Nằm trong vòng xoáy, diễn biến thị trường vàng Việt Nam năm 2010 được miêu tả với những từ ngữ như “*sốc*”, “*điên loạn*”, “*phi mã*”, “*lao dốc*”, “*đổ đèo*”, “*tăng vọt*”, “*kỷ lục mọi thời đại*”... Vấn đề vàng và giá vàng không chỉ nằm trên bàn nghị sự của các cơ quan chức năng mà còn len lỏi vào các câu chuyện bên mâm cơm hàng ngày của mỗi gia đình do biến động không ngừng của nó trong suốt 12 tháng qua. Thông qua việc phân tích diễn biến thị trường vàng năm 2010, tác giả đã đưa ra các giải pháp cho thị trường vàng Việt Nam: (1) Chính phủ nên đưa vàng ra khỏi danh sách hàng hóa XNK mà coi vàng như một loại tiền tệ đặc biệt; (2) Không nên hạn chế hay cấm huy động, cho vay vàng; (3) NHNN có thể bán vàng ra để bình ổn và điều tiết thị trường thông qua việc NHNN vay vàng của các DN và ngân hàng rồi ủy thác cho họ bán theo mức giá chỉ đạo của NHNN; (4) Đã đến lúc thị trường vàng cần một lời giải căn cơ có tính thị trường, chuyên nghiệp và tạo điều kiện để ổn định, phát triển TTTC - đó chính là thành lập Sở Giao dịch vàng quốc gia [28].

Trong bài viết của mình, tác giả Phạm Thị Hồng Phương đã đưa ra những bất ổn trên thị trường vàng Việt Nam năm 2010, từ đó đưa ra một số đề xuất: (1) Thay đổi về chính sách (như chính sách thuế, hạn ngạch NK vàng, huy động và cho vay vốn bằng vàng của các tổ chức tín dụng); (2) Quản lý các sản phẩm vàng [28].

Bài viết của TS. Nguyễn Thị Kim Nhã đề cập đến hoạt động kinh doanh vàng trong thời kỳ lạm phát. Tác giả Kim Nhã cũng chỉ rõ đầu tư vàng tiềm ẩn rất nhiều rủi ro: Rủi ro bị mua đắt trong khi giá thế giới đang hạ; Rủi ro gắn với chiếc bẫy nợ trong kinh doanh vàng; Rủi ro vì thiếu thông tin và kinh nghiệm khi sử dụng các phương thức kinh doanh vàng hiện đại [28].

Nhìn chung, nội dung của các bài viết nêu trên chỉ đề cập đến thực trạng hoạt động kinh doanh vàng của Việt Nam và thế giới mà không đề cập nhiều đến sự tác động của các chính sách quản lý nhà nước đến hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

và các giải pháp để hoàn thiện các chính sách đó. Mặt khác, các bài viết mới chỉ dừng lại ở việc đưa ra các giải pháp mang tính định hướng chứ chưa có những phân tích kỹ lưỡng về những cơ sở khoa học và thực tiễn để thực hiện các giải pháp đó.

1.1.1.3. Những nghiên cứu về giải pháp để huy động vàng dự trữ trong dân

Viết về các giải pháp nhằm huy động vàng dự trữ ở trong dân cư trong hội thảo khoa học “*Thị trường vàng Việt Nam: Những vấn đề đặt ra*” do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tổ chức” có bài viết “*Giải pháp huy động vàng dự trữ trong dân*” của tác giả Phí Đăng Minh - Hiệp hội ngân hàng Việt Nam. Trong bài viết của mình, tác giả Phí Đăng Minh đã đưa ra những nhận định về lượng vàng dự trữ trong dân. Theo tác giả, hiện nay lượng vàng dự trữ trong dân khá cao do các nguyên nhân khách quan và chủ quan sau: (1) Nguyên nhân bên ngoài: Giá vàng quốc tế tăng liên tục trong nhiều năm, là kênh đầu tư có hiệu quả và thu hút sự quan tâm của giới đầu tư trong và ngoài nước; (2) Nguyên nhân bên trong: Do lạm phát của Việt Nam cao, do tỷ giá đồng Việt Nam thiếu ổn định, do yếu tố tâm lý và thói quen tích trữ vàng của người dân để làm nơi cư trú khi có lạm phát cao và đồng tiền bị mất giá. Trên cơ sở phân tích những lợi ích mang lại và những tác hại có thể gây nên từ việc tỷ lệ dự trữ vàng trong dân cao, tác giả đã đề xuất một số biện pháp để Nhà nước có thể huy động và sử dụng được nguồn vốn bằng vàng trong dân, cụ thể như sau: *Một là*, xây dựng Nghị định mới về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, trong đó nhấn mạnh vàng là hàng hóa đặc biệt, kinh doanh có điều kiện chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước; *Hai là*, trình Chính phủ cho phép công nhận thị trường vàng là một bộ phận quan trọng của thị trường tiền tệ; *Ba là*, trình Chính phủ cho phát hành trái phiếu bằng vàng với các điều kiện hợp lý, khuyến khích người dân, các tổ chức mua trái phiếu bằng vàng để xây dựng đất nước; *Bốn là*, về lâu dài, khi có đủ điều kiện, kiến nghị Chính phủ cho thành lập lại các sàn giao dịch vàng có sự quản lý của NHNN nhằm tạo điều kiện cho người dân và DN được giao dịch trên thị trường chính thức, hạn chế việc đầu cơ trục lợi. Tác giả nhấn mạnh, các biện pháp kinh tế nói trên là nhằm khơi thông dòng chảy tiền tệ bằng vàng hiện đang ứ đọng hoặc chệch hướng, hạn chế việc đầu cơ trục lợi giá vàng, góp phần ổn định tiền tệ, tỷ giá. Tuy nhiên để có thể thực hiện các biện pháp trên Nhà nước phải ưu tiên hàng đầu nhiệm vụ ổn định vĩ mô, kiềm chế lạm phát ở mức thấp, giữ cho giá trị đồng Việt Nam ổn định, tạo lòng tin cho người dân vào sự điều hành, quản lý kinh tế của Nhà nước [28].

Cũng nói về vấn đề này còn có bài viết “*Vấn đề huy động vàng trong dân và kinh doanh vàng của các tổ chức tín dụng*” của TS. Phạm Hoài Bắc - Giám đốc

Trường Đào tạo cán bộ Agribank. Theo tác giả Phạm Hoài Bắc trong năm 2010, hiện nay số vàng trong dân đang giữ rất lớn. Đa số người dân mua vàng trong khoảng thời gian ngắn rồi bán hoặc mua với mục đích dài hạn để đảm bảo giá trị đồng vốn. Người dân đi mua vàng do có tâm lý bất ổn khi thấy nền kinh tế yếu, quản lý còn kém, cộng thêm yếu tố đầu tư vàng vẫn còn dư tiềm năng. Vì vậy, NHNN nên hoàn thiện phương pháp luận xây dựng các chỉ tiêu thống kê tiền tệ, cân thanh toán quốc tế và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác phù hợp với phương pháp luận của IMF và thông lệ quốc tế. NHNN nên phối hợp với các tổ chức tài chính quốc tế về xây dựng hệ thống các chỉ số lành mạnh tài chính của hệ thống ngân hàng Việt Nam nhằm phục vụ hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo sớm về kinh tế vĩ mô và hoạt động tiền tệ, ngân hàng của NHNN. Việc thành lập trở lại Sàn vàng lớn - Sở giao dịch vàng nhằm tạo cho các nhà đầu tư cơ hội đầu tư vàng chính quy, đồng thời NHNN có thể kiểm soát thông qua đó điều tiết thị trường vàng. NHNN sẽ thành lập công ty theo dõi, điều hành các hoạt động của Sở giao dịch vàng và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cao để quản lý hoạt động này một cách chuyên nghiệp. Các ngân hàng chuyển hình thức huy động vàng bằng sổ tiết kiệm sang chứng chỉ tiền gửi bằng vàng, tuy nhiên lãi suất thì không thay đổi. Người dân sẽ mạnh dạn gửi tiết kiệm vàng vì vừa an toàn vừa được hưởng lãi [28].

Tuy nhiên, các bài viết trên chủ yếu đi theo hướng nghiên cứu đề ra các giải pháp để làm sao có thể huy động được lượng vàng dự trữ còn khá cao trong dân. Trong khi đó, đánh giá thực trạng chính sách quản lý nhà nước để đưa ra các định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn hiện nay mới là hướng nghiên cứu của luận án.

1.1.1.4. Những nghiên cứu về hoạt động kinh doanh vàng của các ngân hàng thương mại

Diễn hình cho các công trình viết về vấn đề này có đề tài khoa học Bộ GD&ĐT “*Hoạt động kinh doanh vàng của các ngân hàng thương mại Việt Nam*” của PGS,TS. Nguyễn Thị Phương Liên - Trường Đại học Thương Mại. Công trình này đã: (i) Hệ thống hóa có chọn lọc những lý luận cơ bản về thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng của NHTM; (ii) Khảo sát tình hình tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vàng của một số nước trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; (iii) Khảo sát thực trạng thị trường vàng Việt Nam trên một số khía cạnh: tình hình SX và XNK vàng, hệ thống các tổ chức và nghiệp vụ kinh doanh, diễn biến giá vàng trong giai đoạn 2005 - 2010; (iv) Phân tích, đánh giá tác động của thị trường vàng Việt Nam đến một số chỉ tiêu vĩ mô của Việt Nam; (v) Khảo

sát, đánh giá thực trạng kinh doanh vàng của một số NHTM Việt Nam trên một số khía cạnh: Những kết quả đã đạt được và những tồn tại, hạn chế cần khắc phục; (vi) Đề xuất định hướng tổ chức, quản lý thị trường vàng và giải pháp đối với hoạt động kinh doanh vàng của NHTM Việt Nam trong thời gian tới [18].

Bên cạnh đó, viết về vấn đề này còn có luận văn thạc sỹ “*Kinh doanh vàng tại các NHTM trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*”, 2007 của tác giả Huỳnh Phước Nguyên. Trên cơ sở phân tích thực trạng kinh doanh tại các NHTM trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tác giả Huỳnh Phước Nguyên đã đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vàng tại các NHTM trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: Về phía NHNN: Kinh doanh vàng tiền tệ gắn với SX vàng tiêu chuẩn quốc tế; Hình thành trung tâm lưu ký và giao dịch vàng để thực hiện kinh doanh vàng trên tài khoản; Về kinh doanh vàng liên ngân hàng: Dự trữ vàng của NHNN nhằm bình ổn giá vàng và đa dạng hóa dự trữ ngoại tệ; Kinh doanh vàng với NHNN; Cho phép thực hiện mua bán khống vàng; Nâng cao nhận thức của khách hàng về định chế tài chính và sản phẩm tài chính [29].

Ngoài ra, trong hội thảo khoa học “*Thị trường vàng Việt Nam: Những vấn đề đặt ra*” do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tổ chức cũng có bài viết “*Thị trường vàng Việt Nam năm 2010 - Những tác động đến chính sách tài chính và hoạt động của các NHTM*” của TS. Đỗ Thị Thủy - Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Trong bài viết của mình TS. Đỗ Thị Thủy đã phân tích những nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường trên thị trường vàng năm 2010; Phân tích tác động của giá vàng đến các yếu tố kinh tế vĩ mô và hoạt động của các NHTM; Đánh giá tác động của chính sách Chính phủ đến việc bình ổn kinh tế và hoạt động kinh doanh của NHTM. Trên cơ sở đó, tác giả có một số đề xuất sau: *Một là*, phải có biện pháp giảm lạm phát để người dân có lòng tin vào đồng nội tệ, bớt đổ xô vào gom giữ vàng, ngoại tệ; *Hai là*, không nên thực hiện các biện pháp có tính chất hành chính, cắt giảm đột ngột, ngăn cấm mua bán vàng... Thay vào đó, cần có bước trung gian để chu chuyển vàng (hút vàng vào ngân hàng); *Ba là*, cần có cơ chế để chu chuyển vàng thành VND, cần có giải pháp để huy động số vàng hiện có trong dân. NHNN nên cho các NHTM tái chiết khấu vàng để lấy VND; *Bốn là*, Nhà nước cần có chính sách quản lý thị trường vàng theo hướng tạo điều kiện cho các DN chủ động SX kinh doanh, trên tinh thần tôn trọng quy luật thị trường. Sau khi hoàn thiện các cơ chế, biện pháp phòng ngừa rủi ro thì nên tiếp tục cho kinh doanh vàng trên tài khoản nước ngoài để khơi thông dòng vốn kinh doanh trong và ngoài

nước và cân bằng được rủi ro của việc huy động vàng trong nước; *Năm là*, cần thành lập mô hình quản lý thị trường vàng tập trung do Nhà nước quản lý [28].

Tóm lại, có thể thấy có không ít những nghiên cứu của các nhà nghiên cứu trong nước về vấn đề chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; về thực trạng hoạt động kinh doanh vàng nói chung và của các NHTM nói riêng. Tuy nhiên, hầu hết các công trình nghiên cứu này mới chỉ là những nghiên cứu định tính, sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản như phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu... chứ không sử dụng phương pháp định lượng. Mặt khác, cũng chưa có một công trình nghiên cứu trong nước nào nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện về chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2014, từ đó đưa ra đề xuất và giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động này đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

1.1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước

Đối với các nghiên cứu ở nước ngoài, cũng đã có một số các nghiên cứu về hoạt động của thị trường vàng, về chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng. Có thể kể đến một số nghiên cứu sau:

1.1.2.1. Những nghiên cứu về thị trường vàng của một số nước trên thế giới

Tác giả Michelle Smith trong bài báo “*2011 Top 10 Gold Producing Countries*” trên tạp chí Goldinvesting News đã nêu rõ: Tính đến năm 2011 Trung Quốc đã vượt qua Nam Phi trở thành nước SX vàng lớn nhất thế giới. Trong hơn 120 năm qua, Nam Phi luôn đứng đầu thế giới về sản lượng khai thác vàng nhưng trong 10 năm qua tốc độ đã giảm nhiều, từ chỗ chiếm 70% sản lượng thế giới năm 1970 xuống còn 20% năm 1997 và 11,8% năm 2006. Trung Quốc đã trở thành một trong những nhà SX vàng lớn nhất thế giới với sản lượng lên tới 345 tấn. Không như nhiều quốc gia khác có chính sách cắt giảm sản lượng để hỗ trợ giá vàng đi lên để bắt kịp giá trị kinh tế, Trung Quốc lại có kế hoạch SX ngày càng nhiều vàng hơn nữa. Theo sau Trung Quốc là Australia với 270 tấn, Mỹ với 237 tấn, Nam Phi với 191 tấn... Các nước trên thế giới đã không ngừng tham gia vào công cuộc SX vàng và tỷ lệ sản lượng vàng đã không ngừng gia tăng [70].

Cùng với sự gia tăng về sản lượng vàng thì nhu cầu vàng trên toàn cầu cũng tăng mạnh. Hội đồng Vàng Thế giới (WGC) vừa đưa ra báo cáo cho biết, nhu cầu vàng trên toàn cầu trong quý 1 năm 2011 đạt đến 981,3 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhu cầu vàng thanh và vàng xu cao hơn các sản phẩm vàng khác.

Ngoài ra, việc NHTW của nhiều nước tăng dự trữ vàng cũng kích thích nhu cầu trên thị trường. Thị trường Trung Quốc được xem là nhân tố chính thúc đẩy sức tiêu thụ vàng trên thế giới; Ấn Độ hiện vẫn là nước tiêu thụ vàng lớn nhất thế giới. Năm 2010, nhu cầu vàng của nước này tăng 66% lên 963 tấn [71, 73].

Nghiên cứu về sự phát triển của vàng ở Ấn Độ có bài viết “*The development of gold in India’s market*” của tác giả A.Run Kumar, trường đại học Osmania, đăng trên tạp chí Quốc Tế về Quản Trị, số 2, Vol 5, tháng 9 năm 2012. Theo tác giả, sự yêu thích của người dân Ấn Độ dành cho vàng có thể coi như vô tận. Vàng có giá trị đặc biệt quan trọng đối với tất cả các lứa tuổi. Vai trò đặc biệt của vàng còn được nhắc đến trong câu thành ngữ của Ấn Độ “*Đừng thấy ánh sáng mà ngỡ là vàng*”. Ở Ấn Độ, người ta không chỉ mua vàng ở những dịp đặc biệt như cưới, lễ hội mà hầu như họ có thể mua mọi lúc mọi nơi khi có tiền dư thừa. Ở Ấn Độ, vàng được gắn với thần thành. Ở lịch Hindu vào những ngày đặc biệt như Dhanteras, Akshayatriya, Dusera họ đều mua vàng. Tuy nhiên liệu việc giá vàng tăng cao có làm thay đổi thói quen mua sắm vàng của người Ấn Độ hay không? Bài báo này tập trung phân tích vai trò của vàng đối với nền văn hóa của Ấn Độ, xu hướng thay đổi giá vàng trong thời gian vừa qua, những nhân tố ảnh hưởng đến sự dao động của giá vàng và tác động của nó đến nền kinh tế của Ấn Độ [65].

Acta Universitatis Danubius có bài viết “*International Gold Market, Stock Market and Business Cycles: the Central and Eastern European Countries*” trên tạp chí Economica, Vol 9, No 1 (2013). Bài viết khẳng định, trong giai đoạn suy thoái kinh tế, đầu tư vào thị trường vàng khá được chú ý vì so với kênh đầu tư khác, đây được coi là một kênh đầu tư an toàn và hấp dẫn. Vàng cũng tiếp tục giữ được vai trò của mình trong cuộc khủng hoảng tài chính và kinh tế đã xảy ra vào cuối năm 2007. Mặc dù tỷ lệ lạm phát là khá cao, nhưng tốc độ tăng của giá vàng còn nhanh hơn nữa, làm cho kênh đầu tư này càng trở nên hấp dẫn hơn. Sau khi bắt đầu cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính, giá vàng đã có biến động rất lớn. Mục đích của bài nghiên cứu này tập trung vào các phân tích so sánh chu kỳ giá vàng cũng như chu kỳ TTCK ở miền Trung và Đông Âu, cùng với đó là việc so sánh giữa lợi nhuận và rủi ro đầu tư trên thị trường vàng và TTCK của các quốc gia đó. Kết quả thu được xác nhận rằng lợi nhuận và rủi ro của TTCK theo phân tích bị ảnh hưởng bởi lợi nhuận đầu tư vàng [63].

Bài viết “*An overview of global gold market and gold price forecasting*”, 2010 của Shahriar Shafiee trong Tạp chí ELSEVIER, mục Resources policy khẳng định:

Thị trường vàng gần đây thu hút khá nhiều sự chú ý của các nhà đầu tư, giá vàng cũng khá cao so với xu hướng chủ đạo. Tuy nhiên đối với các công ty để giảm thiểu rủi ro liên quan đến sự dao động của giá vàng, sử dụng những công cụ nhằm hạn chế rủi ro và đưa ra các quyết định đúng đắn, phụ thuộc rất nhiều vào việc dự đoán xu hướng giá vàng trong tương lai. Phần đầu tiên của bài nghiên cứu này sẽ có một cái nhìn toàn cảnh về giá vàng thế giới, và xu hướng của giá vàng trong quá khứ từ năm 1968 đến năm 2008. Tiếp sau đó, một vài điều tra nghiên cứu sẽ được đưa để tìm ra mối quan hệ giữa giá vàng trên thế giới với những biến số chính như giá dầu mỏ hay chỉ số lạm phát trong suốt 40 năm qua. Phần thứ 2 sử dụng mô hình kinh tế lượng, trong đó có một chút điều chỉnh để dự đoán giá cả hàng hóa trong tương lai. Bằng mô hình này, công trình nghiên cứu đã dự đoán được sự thay đổi giá vàng trong 10 năm tới dựa vào số liệu báo cáo giá vàng danh nghĩa theo tháng trong 40 năm [68].

Các nghiên cứu trên chủ yếu mới chỉ dừng lại ở việc đề cập đến tình hình thị trường vàng của một số nước trên thế giới chứ chưa thấy đề cập đến các chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng. Tuy nhiên, phân tích thị trường vàng từ đó phân tích sự tác động của các chính sách quản lý đến hoạt động kinh doanh vàng rồi đưa ra định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách mới là hướng nghiên cứu của luận án.

1.1.2.2. Những nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở một số nước trên thế giới

Nghiên cứu “*Gold bullion market in Thailand: A case for liberalisation*”, được thực hiện năm 1997 bởi nhóm nghiên cứu Nipon Poapongsakorn, Deunden Nikomboiruk, Tongta Temboonkiat và James Milner. Nghiên cứu tập trung vào những đặc trưng và thực trạng của thị trường vàng Thái Lan vào thời gian đó. Vào thời điểm tiến hành nghiên cứu, quy mô của thị trường vàng trang sức Thái Lan ước tính vào khoảng 30-40 triệu Bạt một năm. Tuy vậy, phần lớn hoạt động của thị trường vàng thực hiện qua kênh không chính thức và trái phép. Các bằng chứng cho thấy lượng vàng buôn lậu chiếm khoảng 70-75% tổng lượng vàng NK vào nước này. Vì vàng được mua lại bằng cách trái phép nên việc chế tạo vàng đã không được kiểm soát. Ở cấp độ bán lẻ, rất ít dữ liệu đề cập tới số lượng bán, giá cả cũng như lợi nhuận thu được. Hầu hết các cửa hàng vàng bán lẻ đều được đăng ký như cửa hàng đồ cổ hoặc cửa hàng “*second hand*” nên vàng miếng nhập lậu có thể núp dưới dạng vàng được tái chế. Do đó, chỉ một phần nhỏ là qua quá trình SX. Hơn nữa, có khoảng 80% các cửa hàng vàng đăng ký là kiểu kinh doanh nhỏ nhằm mục đích

trốn thuế. Với mô hình nhỏ này, thuế GTGT và thuế thu nhập phải nộp chỉ cần áp dụng dựa trên phần “*ước tính*” thu nhập và doanh số bán hàng. Do không có một phương pháp ước tính rõ ràng nên quá trình tính thuế dễ trở thành cơ hội gian lận và tham nhũng, mất đi cơ hội hiện đại hóa công nghệ cũng như chiến thuật tiếp thị của ngành công nghệ vàng và làm mất đi của Chính phủ hàng triệu bạt từ thuế doanh thu hàng năm. Thực trạng này làm mất đi cơ hội hiện đại hóa công nghệ cũng như sự phát triển của ngành công nghệ vàng và làm thất thoát thuế của Nhà nước. Chính vì vậy, Chính phủ Thái Lan cần phải có những bước đi cần thiết để chấm dứt tình trạng buôn lậu, xử lý nghiêm hành vi trốn thuế và kiểm tra lại cơ chế đã có về thuế nhằm chuyển hướng các giao dịch vàng từ kênh bất hợp pháp trước đây. Sau khi nghiên cứu thực trạng, hệ thống văn bản luật và quy định điều chỉnh mua bán vàng miếng, các loại thuế, thuế NK, thuế GTGT và hoạt động mua bán vàng trang sức, vàng miếng, giá vàng tại Thái Lan, thị trường vàng chợ đen (buôn lậu và trốn thuế), nghiên cứu đưa ra cách thức loại bỏ các hoạt động phi pháp trên và đưa ra các giải pháp cần thiết phải thực hiện. Điều này đòi hỏi một sự hiểu biết về cấu trúc và cách thức tiến hành của thị trường thiếu minh bạch này cũng như hiểu biết về pháp luật và các quy định trong ngành [68].

Quản lý nhà nước đối với thị trường vàng của Ấn Độ được đề cập trong nghiên cứu có tên là “*An introduction to the Indian gold market*” của World Gold Council và Rand Refinery Limited, 2012. Ấn Độ là một quốc gia có truyền thống sử dụng vàng. Với mục đích kiểm soát thị trường này, vào năm 1962, Chính phủ Ấn Độ đã ban hành một đạo luật hạn chế dân chúng sử dụng vàng và tập trung vàng vào NHTW. Các qui định gồm: cấm các cơ sở SX đồ trang sức bằng vàng có hàm lượng trên 14 carat; các cơ sở SX và kinh doanh trang sức phải ghi đầy đủ các thông tin về mua, SX, và bán vàng; các cá nhân/hộ gia đình chỉ được giữ vàng trang sức; NHTW độc quyền trong việc XNK vàng... [71].

Trong những năm đầu, Chính phủ Ấn Độ đã kiểm soát khá thành công thị trường vàng. Tuy nhiên, chính sách này sau đó đã bộc lộ những khiếm khuyết, do đó, vào đầu thập niên 1990 của thế kỷ 20, Ấn Độ bãi bỏ đạo luật kiểm soát vàng trước đó. Vàng được NHTW Ấn Độ đối xử như là một loại ngoại tệ. Đạo luật về quản lý ngoại hối đã bao gồm cả vàng, bạc và đối xử với các loại hàng hóa này như là ngoại tệ.

Vào năm 1997, Ủy ban về tài khoản vốn của Chính phủ Ấn Độ xây dựng một chính sách toàn diện để “*giải phóng*” thị trường vàng. Các mục tiêu của chính sách

này bao gồm: dỡ bỏ các rào cản đối với việc XNK vàng nhằm chống các hoạt động buôn lậu và tích trữ vàng; phát triển các công cụ tài chính phái sinh gắn với vàng; phát triển các thị trường đối với vàng vật chất và vàng phái sinh; khuyến khích các NHTM và các tổ chức tài chính tham gia vào thị trường vàng. Chính sách này đã nhanh chóng được đưa vào thực tế. Nhờ những chính sách giải phóng thị trường vàng này, Ấn Độ không những đáp ứng được nhu cầu sử dụng vàng của dân chúng, ngăn cản được hoạt động buôn lậu mà còn giải phóng được một nguồn vốn khổng lồ dưới dạng vàng vào phát triển kinh tế. Tỷ giá USD/INR được duy trì ổn định ở mức trên dưới 45 suốt từ năm 2000 đến nay.

Bài báo *“China’s pre-eminence in the global gold market”* của tác giả Jeffrey M. Christian, 2011 trích trong cuốn *“The Chinese gold market in CPM Group’s Gold Yearbook”* đã viết, Trung Quốc vốn là thị trường tiêu thụ vàng vật chất lớn trên thế giới và đã từng trải qua thời gian dài kiểm soát rất chặt thị trường vàng trong quá khứ nhưng sau đó phải tiến hành cải cách thị trường vàng theo hướng tự do hóa và họ đã đạt được các thành công đáng kể. Trung Quốc đứng thứ hai trên thế giới sau Ấn Độ và chiếm khoảng 16% tổng cầu vàng trên thế giới. Mặc dù Trung Quốc là nhà SX vàng lớn nhất thế giới, đóng góp khoảng 13% tổng cung vàng trên thế giới nhưng nước này vẫn phải NK vàng. Trung Quốc đã từng trải qua giai đoạn kiểm soát chặt chẽ NK vàng, độc quyền SX vàng, độc quyền phân phối và kinh doanh vàng nhưng đã không đạt được thành công mong đợi. Sau cải cách, cơ quan nhà nước vẫn quản lý SX, bán buôn, bán lẻ vàng nhưng đều được thực hiện theo cơ chế minh bạch và hoàn toàn không có sự độc quyền dù là độc quyền nhà nước hay tư nhân.

Việc quản lý NK vàng được thực hiện một cách linh hoạt trên cơ sở xử lý hài hòa giữa trạng thái cán cân thanh toán và tình trạng nhập lậu. NHTW hoàn toàn không tham gia trực tiếp vào hoạt động NK, SX. Chính sách quản lý được thực hiện theo nguyên tắc thị trường, thông thoáng nhằm tạo được sự liên thông thị trường trong nước với thị trường nước ngoài khi đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện [64].

“How do the Chinese view the gold market?”, 2010 là bài viết của tác giả Jeff Clark đề cập trong báo cáo về nguồn lực và vàng của Casey. Có thể nói Chính phủ Trung Quốc đang đưa ra những ngoại lệ trong việc quản lý thị trường vàng, trong đó có những động thái chưa hề xuất hiện trên thế giới. Đầu tiên có thể kể đến việc Chính phủ động viên người dân giữ ít nhất 5% số tiền tiết kiệm của mình bằng những kim loại quý. Xét ở một góc độ nào đó, Trung Quốc hiện là một quốc gia SX

vàng rất lớn. Theo số liệu thống kê năm 2008, Trung Quốc SX 9.070.000 ounce vàng, vượt qua tất cả các quốc gia trên thế giới. Tuy vậy, tính bình quân đầu người sử dụng vàng ở Trung Quốc lại chưa thực sự cao. Tiếp theo đó, Trung Quốc đã sử dụng ngoại tệ để mua và dự trữ vàng, theo thống kê năm 2008, lượng vàng Trung Quốc dự trữ tăng gấp 30 lần lượng vàng mà quốc gia này có năm 1990. Tuy vậy, nếu so sánh với các quốc gia khác trên thế giới, Trung Quốc chỉ được xếp thứ 7 về lượng vàng dự trữ. Trong thời gian tới, dự kiến Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng lượng vàng dự trữ thêm [62].

Bài viết “*International major gold market*” trên tạp chí “*Gold price*” viết về thị trường vàng của một số nước trên thế giới như Anh, Thụy Sĩ, Mỹ, Hồng Kông.

Ở Anh, thị trường vàng thời London có các nhà giao dịch - thành viên chịu trách nhiệm tạo lập thị trường. Từ năm 1986 thị trường này được NHTW giám sát, có sự tham gia ý kiến của Hiệp hội thị trường vàng thời London (LBMA) được thành lập năm 1987 và có 52 thành viên thường xuyên (nhà môi giới và ngân hàng) ngoài các nhà tạo lập thị trường. Ủy ban vàng hữu hình của LBMA có một danh sách các xưởng đúc (xưởng tinh luyện) và phòng phân tích. Các thỏi vàng đủ tiêu chuẩn “*giao hàng tốt*” được đóng dấu trên thỏi vàng có hàm lượng 99,5% và trong lượng 400 Oz. Giá giao ngay được niêm yết đối với vàng đủ tiêu chuẩn giao hàng tốt tại London, nhưng vàng thường được giao và giữ tại kho của một ngân hàng Thụy Sĩ. Việc giao hàng và thanh toán được thực hiện trong vòng 2 ngày làm việc.

Ở Thụy Sĩ, mặc dù Thụy Sĩ không có nguồn cung vàng nội địa, nhưng nước này lại đóng vai trò dẫn đạo trong mua bán vàng hữu hình bằng cách cung cấp các dịch vụ vàng trong một môi trường bí mật và không bị kiểm soát. Thành viên của quỹ vàng Zurich thống trị thị trường vàng bằng các cung cấp mọi nguồn vàng mới và điều hành các xưởng tinh luyện, nâng cấp chất lượng, vận chuyển và môi giới giữa người SX và đầu tư hay tiêu dùng.

Thị trường Zurich không có cơ cấu tổ chức chính. Trừ các thành viên của Quỹ vàng, các nhà giao dịch yết giá mua bán độc lập với nhau. Giá vàng thường xuyên được yết bằng USD nhưng ngoài ra cũng yết bằng một số đồng tiền khác. Quỹ vàng tồn tại trên cơ sở thỏa thuận không chính thức giữa ba ngân hàng lớn (các thành viên ban đầu) và không chịu sự điều tiết của Chính phủ.

Ở Mỹ, thị trường vàng thời hữu hình tại New York phát triển sau khi các hạn chế của Mỹ về nắm vững vàng được bãi bỏ năm 1975. Các nhà đầu tư và đầu cơ chủ yếu quan tâm đến việc mua bán các đồng tiền vàng (đặc biệt là đồng Kirugerrand của

Nam Phi) và các công cụ tài chính về vàng. Thị trường vàng NewYork không có cơ cấu tổ chức riêng và không có hệ thống hô giá. Nó bao gồm các nhà tạo lập thị trường ngoài sở. Người ta có thể mua bán vàng với khối lượng bất kỳ, những hầu hết các giao dịch là bội số của 100 Oz, hàm lượng 99,9% (vàng theo tiêu chuẩn của Mỹ). Việc mua bán không bị hạn chế về giờ giao dịch. Ngoài ra, ở Mỹ còn có Sàn giao dịch hàng hóa NewYork (The NewYork Mercantile Exchange - NYMEX). Đây là sàn giao dịch hàng hóa tương lai lớn nhất thế giới, nơi diễn ra các giao dịch có giá trị hàng tỷ USD về năng lượng và kim loại. Giá cả niêm yết trên sàn là cơ sở để tính toán giá cả trên khắp thế giới. Thị trường này được điều hành bởi Ủy ban hàng hóa tương lai, một cơ quan độc lập của Chính phủ Hoa Kỳ.

Một thị trường tương lai khác là Sàn giao dịch hàng hóa Chicago (The Chicago Board of Trade - CBOT), được thành lập năm 1848. Đến nay thị trường có khoảng hơn 3.600 thành viên với hơn 50 sản phẩm tương lai và quyền chọn khác nhau. Trước đây, CBOT chỉ giao dịch các hàng hóa nông sản như ngũ cốc, lúa mì, yến mạch... Năm 1982, thị trường phát triển thêm các công cụ quyền chọn và tương lai vàng. Đến năm 2001, một loạt sản phẩm mới về hợp đồng tương lai về vàng và bạc bằng điện tử được khai trương.

Ở Hồng Kông, thị trường vàng Hồng Kông bắt đầu hoạt động không chính thức từ năm 1910 và mở rộng nhanh chóng từ tháng 1/1974, khi hạn chế của Chính phủ về NK vàng bị bãi bỏ. Hiện nay Hồng Kông là trung tâm chính về phân phối và thanh toán bù trừ đối với khu vực Viễn Đông. Có hai loại hợp đồng mua bán được thực hiện trên thị trường Hồng Kông là loco Hồng Kông và loco London [66].

1.1.3. Những giá trị khoa học và thực tiễn luận án được kế thừa và khoảng trống nghiên cứu

1.1.3.1. Những giá trị khoa học và thực tiễn luận án được kế thừa

a. Những công trình nghiên cứu trong nước

Qua phân tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước ở trên có thể thấy, nhìn chung, các công trình đã được công bố trong nước từ trước đến nay đã phân nào phân tích được thực trạng thị trường vàng, hoạt động kinh doanh vàng, cơ chế quản lý hoạt động kinh doanh vàng và thị trường vàng ở nước ta trong những năm qua, trên cơ sở đó đưa ra được các giải pháp nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với thị trường vàng; các giải pháp đối với hoạt động kinh doanh vàng và thị trường vàng; các giải pháp để tăng cường huy động vàng dự trữ trong dân; các giải pháp phát triển hoạt động kinh doanh vàng của các NHTM. Hầu hết các

công trình nghiên cứu được công bố đều sử dụng phương pháp định tính kết hợp với phương pháp luận duy vật biện chứng để giải quyết vấn đề, chỉ có duy nhất đề tài cấp ngành ngân hàng của TS. Nguyễn Đức Trung là sử dụng mô hình kinh tế lượng hiện đại để tiến hành các dự báo và làm tăng tính thuyết phục cho các nhận định. Trong các công trình nghiên cứu đó, nếu như các bài báo khoa học chủ yếu chỉ dừng lại việc phân tích thực trạng của vấn đề để đưa ra giải pháp hoàn thiện thì đối với các đề tài cấp ngành, cấp bộ và các luận văn thạc sỹ đều triển khai theo logic hệ thống cơ sở lý luận của vấn đề, phân tích thực trạng của vấn đề trong thời gian qua, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp khắc phục. Trong quá trình nghiên cứu, viết luận án, để đưa ra các định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn hiện nay NCS có thể tham khảo một phần lý luận và thực tiễn, đồng thời tham khảo phương pháp nghiên cứu của các công trình đó.

b. Những công trình nghiên cứu ngoài nước

Ở ngoài nước, đã có một số công trình nghiên cứu về thị trường vàng và kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng của một số nước trên thế giới như: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Anh, Thụy Sĩ, Mỹ, Hồng Kông... Trong quá trình nghiên cứu triển khai thực hiện luận án, NCS có tham khảo kinh nghiệm quản lý hoạt động kinh doanh vàng của Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ, Mỹ, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.

1.1.3.2. Những khoảng trống nghiên cứu và hướng nghiên cứu của luận án

Hầu hết các công trình nghiên cứu trong nước về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam mới chỉ dừng lại ở mức độ một bài báo khoa học chứ chưa có những nghiên cứu sâu về chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay. Các giải pháp đưa ra ở các công trình này chỉ mang tính định hướng chứ chưa có những phân tích kỹ lưỡng về cơ sở khoa học và thực tiễn để thực hiện các giải pháp đó. Xuất phát từ thực tế tổng quan nghiên cứu, luận án tập trung vào một số khoảng trống nghiên cứu sau:

- Các tác động thuận chiều và nghịch chiều của chính sách quản lý nhà nước đến hoạt động kinh doanh vàng;
- Nội dung và chu trình chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng;

- Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách và tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng;
- Thực trạng chính sách: Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay;
- Cơ sở khoa học và thực tiễn cho định hướng phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;
- Định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách để thị trường vàng phát triển an toàn và bền vững.

1.2. Câu hỏi nghiên cứu

Từ những tổng hợp và phân tích trên, hướng nghiên cứu của luận án sẽ tập trung vào thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay, tác động của chính sách đến hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam, đánh giá mức độ hoàn thiện của các chính sách trên cơ sở một số tiêu chí nhất định, từ đó đưa ra các định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Để giải quyết vấn đề, luận án tập trung trả lời các câu hỏi sau:

- *Thứ nhất*, chủ thể kinh doanh và các hình thức kinh doanh trên thị trường vàng Việt Nam?

- *Thứ hai*, để quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng cần phải có những chính sách nào? Căn cứ để xây dựng và ban hành chính sách? Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng từ thực tiễn của một số nước trên thế giới?

- *Thứ ba*, có những yếu tố chủ yếu nào tác động đến chính sách và tổ chức thực hiện chấp hành chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay? Để đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng cần phải sử dụng các tiêu chí nào? Thực trạng mức độ hoàn thiện của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay?

- *Thứ tư*, thực trạng chính sách quản lý nhà nước và tác động của chính sách quản lý nhà nước đến hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam ra sao? (Tác động tích cực của chính sách? Tác động tiêu cực của chính sách?). Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay?

- Thứ năm, để thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam phát triển bền vững, chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng cần hoàn thiện theo hướng nào? Các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu lực pháp lý của chính sách?

1.3. Phương pháp nghiên cứu

1.3.1. Phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu

Nhằm giải quyết một cách toàn diện các vấn đề của luận án, NCS đã tiến hành thu thập và sử dụng cả 2 loại dữ liệu sơ cấp và thứ cấp.

*** Thông tin sơ cấp**

Thông tin sơ cấp thu thập gồm: đánh giá chung về mức độ hoàn thiện đánh giá mức độ hoàn thiện của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, nguyên nhân của những bất cập về chính sách hiện hành, định hướng phát triển thị trường vàng và hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng (*Xem Mẫu phiếu khảo sát - Phụ lục 1*).

Thông tin sơ cấp được thu thập từ các chủ thể tham gia thị trường vàng gồm: NHNN và các bộ, ngành liên quan (Bộ Tài chính, Bộ Công thương); Các chủ thể kinh doanh vàng gồm DN kinh doanh vàng độc lập thuộc nhiều hình thức sở hữu và một số NHTM có tham gia hoạt động kinh doanh. Trong đó:

- NHNN vừa là cơ quan quản lý nhà nước đối với thị trường vàng, vừa là cơ quan hoạch định các chính sách quản lý đối với thị trường vàng trên cơ sở các văn bản pháp lý do Quốc hội và Chính phủ ban hành.

- Các bộ, ngành có liên quan đến quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng như Bộ Tài chính, Bộ Công thương là những cơ quan có liên quan trong việc phối hợp với NHNN biên soạn các luật hiện hành về thuế, về hoạt động mua bán kinh doanh hàng hóa trong đó có vàng...

- Các chủ thể kinh doanh vàng gồm các DN kinh doanh vàng độc lập thuộc nhiều hình thức sở hữu (Nhà nước và tư nhân) và các NHTM có tham gia hoạt động kinh doanh vàng. Đối với đối tượng điều tra này, NCS lựa chọn các DN và các NHTM lớn trên thị trường vàng, có liên quan sâu rộng đến hoạt động giao dịch vàng trong dân cư và đáp ứng được tương đối đầy đủ các tiêu chí sau:

+ Quy mô hoạt động: Những DN và NHTM tham gia điều tra phải đạt được quy mô hoạt động kinh doanh vàng tương đối lớn vì nếu các DN và các NHTM có quy mô lớn thì sẽ có khả năng hoạt động nổi bật hơn so với các DN khác trên thị trường vàng.

+ Hoạt động quá khứ có liên quan đến thị trường vàng: Các DN và các NHTM được lựa chọn điều tra là các chủ thể đã có thời gian tham gia hoạt động kinh doanh vàng ít nhất từ năm 2007 đến nay và đã đạt được những kết quả nhất định trong hoạt động thị trường vàng.

+ Hoạt động kinh doanh vàng hiện tại: Lựa chọn các DN và các NHTM tham gia sâu rộng hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường vàng.

Với các tiêu chí đó, NCS đã tiến hành điều tra ở 10 chủ thể kinh doanh vàng sau đây:

- ✚ Các công ty kinh doanh vàng của các các NHTM: Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB); Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietin bank); Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIBV); Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank).
- ✚ Các DN kinh doanh vàng: Tổng công ty Vàng Agribank Việt Nam - CTCP; Công ty TNHH Bảo Tín Minh Châu; Công ty cổ phần Tập đoàn Vàng Bạc Đá quý DOJ; Công ty cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận; Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý ngân hàng Sài Gòn Thương Tín; Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn - SJC.

Ngoài ra, NCS còn tiến hành phát phiếu điều tra một số hộ kinh doanh vàng tư nhân đã có một thời gian dài thực hiện mua, bán vàng tại phố Hàng Bạc - Hà Nội.

Nội dung khảo sát tập trung vào 4 nhóm vấn đề lớn: (1) Đánh giá tổng hợp của các chủ thể tham gia thị trường vàng về mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; (2) Đánh giá của các chủ thể tham gia thị trường vàng về mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng, hoạt động kinh doanh vàng ghi sổ và giao dịch vàng phái sinh, chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh vàng; (3) Nguyên nhân của những bất cập về chính sách hiện hành; (4) Định hướng phát triển thị trường và hoàn thiện chính sách đối với hoạt động kinh doanh vàng.

Tổng số phiếu điều tra được phát ra 320 phiếu, trong đó: NHNN 45 phiếu (Vụ Quản lý Ngoại hối 15 phiếu; Vụ Chính sách Tiền tệ 15 phiếu; Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính 15 phiếu); Bộ Tài chính 30 phiếu (Tổng cục thuế 15 phiếu; Tổng cục Hải quan 15 phiếu); Cục Quản lý thị trường (Bộ Công thương) 15 phiếu; Các DN kinh doanh vàng (đã liệt kê ở trên) mỗi nơi 20 phiếu tập trung tại Phòng Kinh doanh, Phòng Đầu tư, Phòng Tài chính là các phòng liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh vàng; riêng ở các DN tư nhân kinh doanh vàng phố Hàng Bạc là 30 phiếu.

** Thông tin thứ cấp:*

Ngoài các thông tin sơ cấp, NCS còn tiến hành thu thập thông tin thứ cấp về thực trạng thị trường vàng và hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng. Các thông tin thứ cấp gồm: Các DN được cấp phép kinh doanh vàng; Thông tin về giá vàng; Các hoạt động kinh doanh vàng và các Sở giao dịch vàng; Thuế suất các loại thuế áp dụng trong kinh doanh vàng; Thông tin về các chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng nói chung và từng lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh vàng nói riêng...

Các thông tin thứ cấp được NCS thu thập từ các trang website của Chính phủ, NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn, Tổng cục Thống kê...

1.3.2. Phương pháp tổng hợp và xử lý thông tin, dữ liệu

** Xử lý thông tin sơ cấp*

Đối với thông tin sơ cấp thu thập được bằng phương pháp điều tra xã hội học, NCS tiến hành xử lý bằng phần mềm SPSS để đánh giá thực trạng chính sách theo các tiêu chí, xác định phương hướng phát triển thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Với tổng số phiếu phát ra để thực hiện điều tra xã hội học là 320 phiếu, NCS thu về được số phiếu là 300 phiếu. Tuy nhiên, trong đó, số phiếu hợp lệ là 293 phiếu; Số phiếu không hợp lệ: 07 phiếu.

Kết quả điều tra xã hội học được luận án thống kê và xử lý bằng phần mềm SPSS. Trên cơ sở các mức điểm từ 1 đến 5 (trong đó 1 là mức rất kém; 2 là mức kém; 3 là mức trung bình; 4 là mức cao; 5 là mức rất cao) thông qua phần mềm SPSS để tính ra mức điểm trung bình của các câu hỏi, kiểm tra tính phân phối chuẩn của các kết quả điều tra. Dựa vào kết quả định lượng, kết hợp với các nghiên cứu định tính là cơ sở để NCS đánh giá thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam theo các tiêu chí nêu ở chương 2, chỉ ra nguyên nhân của những bất cập về chính sách hiện hành, đề xuất định hướng phát triển thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng; định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

** Xử lý thông tin thứ cấp*

Đối với các thông tin thứ cấp thu thập được, NCS sử dụng phương pháp nghiên cứu thống kê, tổng hợp, so sánh, phân tích; sử dụng biểu đồ, đồ thị để: khảo sát chính sách và biến động giá vàng trong nước so với giá vàng quốc tế để đánh

giá, so sánh, tham chiếu nhằm kết hợp với kết quả định lượng bằng phần mềm SPSS đưa ra các kết luận về thị trường vàng, diễn biến giá vàng, mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng.

Bảng thống kê phương pháp nghiên cứu và công cụ hỗ trợ nghiên cứu của luận án

STT	Phương pháp nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu tương ứng
1	Phương pháp luận: Phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	Toàn bộ luận án
2	Phương pháp nghiên cứu cụ thể: - Phương pháp thống kê, mô tả	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan tình hình nghiên cứu; - Phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu; - Phương pháp tổng hợp và xử lý thông tin, dữ liệu
	- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, đặc điểm, cấu trúc và các chủ thể tham gia thị trường vàng; - Khái niệm, các hình thức kinh doanh vàng; - Khái niệm, mục tiêu và vai trò của chính sách quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; - Nội dung và chu trình chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; - Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; - Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; - Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; - Tổng quan thị trường vàng và thực trạng kinh doanh vàng ở Việt Nam; - Nội dung các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay;

		<ul style="list-style-type: none"> - Tác động tích cực và bất lợi của các chính sách đến hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam; - Những ưu điểm, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những bất cập trong chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay; - Dự báo về tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; - Mục tiêu, quan điểm, định hướng phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; - Định hướng hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam; - Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu lực pháp lý của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.
	Công cụ hỗ trợ nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu
1	- Sử dụng biểu đồ, đồ thị	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn biến giá vàng trong nước trước và sau năm 2010 - Tỷ giá hối đoái từ 11/2012 đến 12/2014 - Trữ lượng vàng XNK của Việt Nam giai đoạn 2000 - 2013 - Biến động giá vàng trong nước trước và sau khi ban hành Thông tư 11/2011; Nghị định 24/2012 và Thông tư 16/2012; Thông tư 38/2012; Quyết định số 16/2013, Thông tư 06/2013 và Quyết định 563/2013; - Diễn biến giá vàng SJC từ năm 2012 đến hết năm 2014.
2	- Sử dụng phần mềm SPSS	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chung về mức độ hoàn thiện của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; - Đánh giá thực trạng chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng; chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng ghi sổ và giao dịch phái sinh; chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh vàng; - Định hướng phát triển thị trường vàng và hoàn thiện chính sách đối với hoạt động kinh doanh vàng

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Chương 1 luận án trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài trong và ngoài nước với các nội dung sau:

- Với các nghiên cứu ở trong nước, luận án tổng hợp được 4 nhóm vấn đề sau: (i) *Những nghiên cứu về giải pháp nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng;* (ii) *Những nghiên cứu về hoạt động kinh doanh vàng, thực trạng thị trường vàng và các giải pháp đối với hoạt động kinh doanh và thị trường;* (iii) *Những nghiên cứu về giải pháp để huy động vàng dự trữ trong dân;* (iv) *Những nghiên cứu về hoạt động kinh doanh vàng của các NHTM.*

- Với các nghiên cứu ngoài nước, luận án tổng hợp theo 2 nhóm vấn đề: (i) *Những nghiên cứu về thị trường vàng của một số nước trên thế giới;* (ii) *Những nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở một số nước trên thế giới.*

Từ các công trình nghiên cứu đã được tổng hợp trong chương 1, NCS đã tóm tắt những vấn đề đã được giải quyết từ các công trình đã công bố trong và ngoài nước, chỉ rõ những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu làm cơ sở để tìm ra hướng nghiên cứu của luận án. Để giải quyết vấn đề, luận án tập trung trả lời một số câu hỏi về thị trường vàng, hoạt động kinh doanh vàng, chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng...

Ngoài ra, chương 1 của luận án còn đề cập đến phương pháp thu thập và xử lý thông tin, dữ liệu của luận án. Nhằm giải quyết toàn diện các vấn đề luận án đặt ra, NCS đã kết hợp sử dụng cả thông tin, dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Để thu thập thông tin sơ cấp, NCS sử dụng phương pháp điều tra xã hội học, thông tin thứ cấp được NCS thu thập và tổng hợp từ các trang báo điện tử, các website của NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Công thương... Kết quả điều tra xã hội học được luận án xử lý bằng phần mềm SPSS. Các thông tin, dữ liệu thứ cấp được NCS sử dụng các phương pháp cứu thống kê, tổng hợp, so sánh, phân tích và các công cụ hỗ trợ như: sử dụng biểu đồ và đồ thị để xử lý.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

2.1. Những vấn đề lý luận chung về thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng

Với nhận thức hoạt động kinh doanh vàng được diễn ra trên thị trường vàng, nên trước khi đi vào nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng trong nền KTTT, luận án trình bày khái quát về thị trường vàng.

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm, cấu trúc và các chủ thể tham gia thị trường vàng

2.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của thị trường vàng

Thị trường vàng là nơi diễn ra các hoạt động kinh doanh các sản phẩm vàng. Cơ chế vận hành thị trường vàng vừa giống thị trường hàng hóa (thị trường dầu, cà phê, cacao...) vừa có nét tương đồng với TTTC. Việc mua bán hàng ngày trên thị trường vàng diễn ra tại mức giá được quyết định bởi điều kiện thị trường. Do tính đặc biệt của loại hàng hóa này, các giao dịch trên thị trường vàng được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của NHTW các nước [2; 63; 68].

Thị trường vàng có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, hàng hóa của thị trường vàng là hàng hóa đặc thù - các sản phẩm vàng. Vàng có những đặc điểm khác biệt so với các loại hàng hóa thông thường khác, đó là vàng vừa có tính chất hàng hóa đặc biệt, vừa có tính chất XH đặc biệt [1; 18].

Cũng giống như những loại hàng hóa thông thường, vàng mang trong mình 2 thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị. Nhưng giá trị và giá trị sử dụng của vàng mang tính đặc biệt hơn so với các loại hàng hóa thông thường.

- *Giá trị sử dụng*: Nhờ vẻ đẹp rực rỡ, tính bền vững hóa học cao và những tính chất vật lý độc đáo, nên ban đầu vàng được dùng làm đồ trang sức, mỹ nghệ và các vật dụng phục vụ nghi lễ tôn giáo thần bí. Sau đó, do có những đặc tính ưu việt, vàng đã được ứng dụng rộng rãi trong các ngành điêu khắc, trang trí, các ngành công nghệ cao như kỹ thuật công sự, công nghệ điện tử thông tin, bán dẫn, công nghệ hàng không vũ trụ... [2; 18; 35].

- *Giá trị*: Giá trị của vàng là giá trị lao động kết tinh trong nó, được đo bằng thời gian lao động XH cần thiết để khai thác, SX ra vàng. Trải qua hàng nghìn năm,

con người vẫn coi vàng như một tài sản rất có giá trị và cho tới tận hôm nay quan điểm đó về vàng vẫn hầu như không thay đổi. Nguyên nhân cơ bản của quan điểm này là do:

+ Vàng là một kim loại quý và tương đối hiếm

Trước hết vàng là một kim loại quý. Vàng có tính bền vững hóa học rất cao, có vẻ đẹp rực rỡ ngay cả khi nung nóng chảy. Vàng có độ dẻo cao, rất dễ dát mỏng và kéo sợi. Vàng luôn giữ được sắc màu trong mọi điều kiện và chỉ cần một ít vàng người ta đã có thể dễ dàng chế tạo ra những đồ vật đẹp trang điểm cho cuộc sống. Chính những đặc điểm đó làm cho vàng đã hấp dẫn con người ngay từ đầu.

Vàng không chỉ là kim loại quý mà nó còn là một thứ kim loại tương đối hiếm. Theo ước tính của Gold Field Mineral Services, tổng lượng vàng khai thác trên thế giới từ xưa đến nay là khoảng 172.000 tấn (đến năm 2000 là 140.000 tấn và từ đó đến nay mỗi năm tăng khoảng 2.600 tấn). Trữ lượng vàng đã được thăm dò còn khoảng 75 nghìn tấn. Vì vậy, nếu so sánh với các loại tài nguyên khoáng sản khác như sắt, dầu lửa có trữ lượng lớn và sản lượng khai thác đến hàng triệu tấn/năm thì vàng quả là một kim loại hiếm. Bên cạnh đó, việc khai thác vàng trong thực tế cũng không hề dễ dàng. Hiện nay, nguồn cung vàng chủ yếu không phải được khai thác từ các mỏ quặng mà từ việc sang lọc đất. Ở Nam Phi, để chiết xuất được sản lượng 500 tấn vàng/năm thì phải xay khoảng 70 triệu tấn đất [2; 18].

+ Vàng là công cụ tích trữ truyền thống của con người

Lịch sử phát triển nhân loại cho thấy việc lưu giữ tiền luôn ẩn chứa những bất trắc, rủi ro, chỉ có vàng là loại tài sản được xem là có giá trị bất biến với thời gian, thậm chí nó còn được sử dụng làm thước đo giá trị của những tài sản lớn khác.

+ Vàng là một loại tiền tệ đặc biệt bởi giá trị thực của nó

Vàng được coi là một loại tiền tệ đặc biệt bởi giá trị thực của nó. Khác với các loại tiền tệ quốc gia như USD, GBP, JPY... đang được sử dụng rộng rãi trong thanh toán quốc tế hiện nay thường bị kiểm soát bởi NHTW của nước phát hành ra đồng tiền đó, giá trị của những đồng tiền này chịu sự tác động trực tiếp bởi sự tăng trưởng hay suy thoái của nền kinh tế quốc gia, vàng là loại tiền tệ đặc biệt bởi chúng vừa là hàng hóa, vừa là công cụ trao đổi (tiền), song chúng không chịu sự kiểm soát hay ảnh hưởng bởi nền kinh tế cụ thể nào. Chính điều này làm cho giá trị của vàng được đảm bảo lâu dài hơn so với các đồng tiền khác.

Trong đời sống XH ngày nay, vàng không còn thực hiện đầy đủ các chức năng của tiền tệ. Mặc dù vậy, vai trò tiền tệ của vàng không hoàn toàn mất đi, đặc biệt là

chức năng cất trữ giá trị và tiền tệ quốc tế. Vàng là một phần quan trọng trong dự trữ quốc gia, nó được sử dụng để giải quyết các khó khăn về cán cân thanh toán quốc tế và đối phó với khủng hoảng hay các sự cố đặc biệt như thiên tai, chiến tranh...

Cần chú ý thêm, không phải bất cứ hình thức vàng nào cũng có thể thực hiện chức năng tiền tệ quốc tế. Theo hướng dẫn, trong cẩm nang thống kê tiền tệ của IMF, chỉ có vàng đủ tiêu chuẩn quốc tế do NHTW nắm giữ mới được coi là tiền tệ, thuộc DTNH của quốc gia, còn vàng được nắm giữ bởi các tổ chức kinh tế bao gồm cả TCTD, bởi cá nhân được coi là hàng hóa thông thường [18].

+ Vàng là một công cụ đầu tư có khả năng kiềm chế lạm phát và các bất ổn XH

Có được lợi thế này là do tính chất đặc thù của vàng như một loại hàng hóa đã đem lại cho nó một sức hấp dẫn trong vai trò là công cụ đầu tư kiềm chế lạm phát. Khi nền kinh tế càng phát triển, chỉ số lạm phát ngày càng tăng thì vàng sẽ là công cụ đầu tư giữ được giá trị tốt nhất.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh tình hình chính trị bất ổn, vàng cũng là loại tài sản tích trữ duy nhất bởi giá trị của các đồng tiền có thể thay đổi theo diễn biến chính trị, còn vàng thì luôn giữ được giá trị trong bất cứ hoàn cảnh nào. Điều đó khiến giá vàng luôn tăng cao khi chính trị - XH thế giới bất ổn, các NHTW của các quốc gia trên thế giới đã thực hiện việc tăng dự trữ bằng vàng, dần thay thế cho việc dự trữ bằng USD truyền thống như trước đây [18].

Thứ hai, giống như thị trường hàng hóa, dịch vụ thông thường khác, chủ thể tham gia thị trường vàng cũng bao gồm: người mua, người bán, người môi giới. Tuy nhiên, nếu trên thị trường hàng hóa, dịch vụ, người mua tham gia thị trường với mục đích tiêu dùng trực tiếp các hàng hóa dịch vụ mua được, thì trên thị trường vàng, các chủ thể thực hiện mua bán vàng chủ yếu hướng tới mục đích thu lợi nhuận hoặc tìm nơi trú ẩn an toàn khi nền kinh tế bất ổn.

Thứ ba, ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, bên cạnh các chủ thể tổ chức và quản lý thị trường giống như thị trường hàng hóa, dịch vụ thông thường thì các hoạt động của thị trường vàng đều do NHTW trực tiếp quản lý.

Thứ tư, hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng là hoạt động kinh doanh có điều kiện. Hoạt động kinh doanh vàng phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện về an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia và đạo đức XH. Do vậy, để được kinh doanh trên thị trường vàng bắt buộc các tổ chức hoặc cá nhân kinh doanh phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định về cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực tài chính; điều kiện về nhân lực và các điều kiện khác để được cấp phép kinh doanh.

Thứ năm, thị trường vàng bao gồm nhiều bộ phận thị trường khác nhau, như: Thị trường tập trung, thị trường bán tập trung (OTC) và thị trường tự do, trong đó, thị trường vàng tập trung là bộ phận trung tâm. Ở thị trường tập trung, tất cả mọi người đều được tham gia mua và bán theo nguyên tắc hoạt động của thị trường. Không có sự áp đặt giá cả trên thị trường vàng, giá cả ở đây được xác định dựa trên quan hệ cung cầu của thị trường và phản ánh các thông tin có liên quan đến vàng.

2.1.1.2. Cấu trúc thị trường vàng

Tùy theo tiêu thức phân loại khác nhau, thị trường vàng sẽ được cấu trúc thành nhiều bộ phận khác nhau.

* Căn cứ vào phạm vi hoạt động

Căn cứ vào phạm vi hoạt động thị trường vàng được chia thành thị trường vàng quốc tế và thị trường vàng trong nước:

- *Thị trường vàng quốc tế*: Là nơi thực hiện các hoạt động giao dịch mua bán vàng giữa các chủ thể của các quốc gia khác nhau. Như vậy, chủ thể giao dịch trên thị trường vàng quốc tế có quốc tịch khác nhau và chịu sự điều tiết của các hệ thống pháp luật của các quốc gia khác nhau.

- *Thị trường vàng trong nước*: Là nơi thực hiện các hoạt động giao dịch mua bán vàng giữa các chủ thể trong phạm vi một nước. Như vậy, các chủ thể giao dịch trên thị trường vàng trong nước có cùng quốc tịch và hoạt động dưới một hệ thống pháp luật duy nhất.

Tiêu thức phân loại này nhằm giúp cho Nhà nước có thể đưa ra các biện pháp quản lý, điều tiết phù hợp đối với từng chủ thể tham gia ứng với mỗi bộ phận thị trường.

* Căn cứ vào tính chất pháp lý

Căn cứ vào tính chất pháp lý thị trường vàng gồm: Thị trường có tổ chức (Thị trường tập trung/Sở giao dịch, Thị trường bán tập trung/Thị trường OTC) và thị trường tự do.

- *Thị trường có tổ chức*: Là loại thị trường mà tại đó các hoạt động của nó chịu sự quản lý, điều hành, kiểm soát về mặt pháp lý và điều tiết của Nhà nước nhằm đảm bảo tính hiệu quả của thị trường.

Thị trường có tổ chức được chia thành thị trường tập trung (Sở giao dịch) và thị trường bán tập trung (Thị trường OTC). Thị trường tập trung là thị trường có tổ chức và có địa điểm hoạt động xác định, chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan tổ chức thị trường theo quy định của pháp luật, hoạt động như tổ chức tự định chế.

Thị trường bán tập trung là loại thị trường có tổ chức nhưng không có địa điểm giao dịch thống nhất, địa điểm giao dịch là các sàn giao dịch vàng của các NHTM hoặc các DN kinh doanh vàng. Ban đầu, hoạt động mua bán, giao dịch giữa các chủ thể trên thị trường được diễn ra trực tiếp tại quầy của các cơ sở kinh doanh. Sau đó, khi công nghệ phát triển, các hoạt động giao dịch trên thị trường này được thực hiện qua hệ thống máy vi tính và điện thoại kết nối giữa các chủ thể tham gia thị trường. Các hoạt động giao dịch trên thị trường vẫn chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ của Nhà nước.

- *Thị trường tự do*: Đây là bộ phận thị trường có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời nhất, tại đây các hoạt động của nó mang tính phân tán, nhỏ lẻ không có địa điểm giao dịch cụ thể, thiếu sự kiểm soát của Nhà nước và có nhiều rủi ro cho các nhà đầu tư [18].

Tiêu thức phân loại này cho biết kết cấu của thị trường vàng theo tính chất pháp lý, từ đó Nhà nước có thể đưa ra các biện pháp quản lý, giám sát phù hợp với từng bộ phận thị trường, các nhà đầu tư có thể cân nhắc lựa chọn loại hình thị trường thích hợp để tham gia.

** Căn cứ vào phương tiện thanh toán và giao nhận*

Căn cứ vào phương thức thanh toán và giao nhận thị trường vàng bao gồm: Thị trường vàng hữu hình (vàng vật chất) và thị trường “vàng ghi sổ”. Trong đó trên thị trường vàng hữu hình vàng vật chất được mua bán, chuyển nhượng. Còn trên thị trường “vàng ghi sổ” diễn ra các hoạt động mua bán các quyền về vàng hữu hình chứ không phải bản thân vàng.

- Thị trường vàng hữu hình:

Thị trường vàng hữu hình thường mua bán vàng dưới dạng thỏi, ngoài ra các đồng tiền vàng chính thức hoặc được làm nhái theo mẫu, các huy chương và đồ trang sức... đặc biệt nếu có chất lượng chế tác thấp nhưng hàm lượng vàng cao cũng được mua bán rộng rãi trên thị trường. Tuy nhiên, ở đây luận án chỉ tập trung vào thị trường vàng thỏi vì đây chính là hình thái đầu tiên của vàng sau đó mới được chuyển thành các dạng trên. Thị trường vàng thỏi thường đóng vai trò trung gian giữa các nhà cung ứng vàng lớn (nhà SX, xưởng tinh luyện, NHTW) với các nhà đầu tư nhỏ và các xưởng chế tác [18; 35].

Thị trường vàng hữu hình chủ yếu là thị trường mua bán giao ngay, nhưng được hỗ trợ bằng việc sử dụng các giao dịch có kỳ hạn để phòng ngừa rủi ro với các

trạng thái vàng hữu hình. Việc mua bán được thực hiện với giá được yết bởi từng nhà giao dịch, trừ trường hợp định giá, khi các nhà giao dịch cùng thỏa thuận về mức giá.

- Thị trường “vàng ghi sổ”

Thị trường này sử dụng các công cụ chứng từ về vàng. Các bên tham gia giao dịch mua bán không chuyển giao vàng vật chất mà chỉ hạch toán trên tài khoản. Do vậy, khi tham gia các giao dịch này, nhà đầu tư bắt buộc phải mở tài khoản giao dịch vàng. Trường hợp mua bán qua Sở/Sàn giao dịch, nhà đầu tư phải đảm bảo các quy định về ký quỹ ban đầu, ký quỹ bổ sung; khối lượng/quy mô giao dịch, bước giá và đơn vị giao dịch; các loại lệnh và định chuẩn lệnh... Nhà đầu tư sẽ đặt lệnh mua/bán qua các thành viên giao dịch của Sở. Nếu lệnh được thực hiện, Phòng/Trung tâm thanh toán bù trừ sẽ thực hiện thanh toán cho các bên mua, bán [18; 35].

Công cụ chứng từ về vàng đại diện cho các trái quyền với một khối lượng và hàm lượng vàng nhất định. Các giao dịch với công cụ này thường nhằm mục đích đầu cơ và phòng ngừa rủi ro, và hiếm khi liên quan đến việc chuyển nhượng thực sự vàng hữu hình. Các công cụ của thị trường “vàng ghi sổ” gồm: Hợp đồng kỳ hạn (Gold Forward), hợp đồng quyền chọn (Gold Option), hợp đồng tương lai (Gold Future), giấy chứng nhận vàng (Gold Warrants), hợp đồng đòn bẩy vàng (Gold Leverage Contract) và các công cụ/chứng từ giao ngay về vàng. Việc giao dịch các công cụ này chủ yếu nhằm mục đích đầu cơ và phòng ngừa rủi ro, hiếm khi liên quan đến việc chuyển nhượng thực sự vàng vật chất. Theo thời gian, các giao dịch vàng ghi sổ có xu hướng ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị giao dịch của thị trường vàng, đặc biệt là giao dịch mang tính đầu cơ.

Thị trường vàng hữu hình và thị trường “vàng ghi sổ” có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ và bổ sung cho nhau. Thị trường vàng hữu hình chủ yếu thực hiện các nghiệp vụ mua bán giao ngay, tuy nhiên nó vẫn cần sử dụng các nghiệp vụ của thị trường “vàng ghi sổ” để phòng ngừa rủi ro với các trạng thái vàng hữu hình. Có hai điểm bất lợi trong hoạt động đầu tư và nắm giữ vàng là chi phí an toàn và lưu giữ lớn; Và khi nắm giữ vàng thì vàng sẽ không sinh lợi. Chính vì lí do này mà nhiều người nắm giữ một số lượng vàng không muốn bán vàng của mình đi mà muốn sử dụng các nghiệp vụ trên thị trường “vàng ghi sổ” để tạm thời từ bỏ vàng của họ. Tạm thời, những người đang nắm giữ vàng có thể sử dụng nguồn vốn có được từ vàng để mua các công cụ tài chính có khả năng sinh lời. Để thực hiện điều này, một trong những phương pháp mà họ có thể sử dụng là bán vàng vật chất trên

thị trường giao ngay và sẽ mua lại vào một thời điểm trong tương lai. Đây được đánh giá là một phương pháp tương đối mạo hiểm vì nó phụ thuộc vào giá vàng tại thời điểm trong tương lai. Vì vậy, người ta còn có thể sử dụng phương pháp thứ hai là bán vàng trên thị trường giao ngay và mua vàng kỳ hạn (giá đã được xác định vào thời điểm trong tương lai). Phương pháp này có ưu điểm là tránh được rủi ro về giá vàng, tuy nhiên lại có nhược điểm là nó không cho phép kiếm lợi trong trường hợp giá sụt giảm [2].

Thực tế mô hình tổ chức thị trường ở nhiều nước cho thấy, thị trường vàng là một bộ phận cấu thành của thị trường hàng hóa tập trung. Hầu hết các Sàn giao dịch hàng hóa trên thế giới hiện nay đều giao dịch nhiều loại hàng hóa khác nhau như dầu (dầu thô, xăng, dầu cặn), nông sản (đường, cà phê, cacao), các loại kim loại quý (vàng, bạc, bạch kim...) và các kim loại màu khác (nhôm, kẽm, thiếc, uranium...). Một số sàn giao dịch hàng hóa nổi tiếng hiện nay trên thế giới là: Sàn giao dịch hàng hóa Chicago, NewYork, Tokyo...

2.1.1.3. Chủ thể tham gia thị trường

Tham gia thị trường vàng gồm nhiều chủ thể khác nhau. Nếu căn cứ theo mục đích, chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể khi tham gia thị trường thì thị trường vàng bao gồm các chủ thể sau: Người mua, người bán, người môi giới, người tổ chức, quản lý thị trường.

- *Người mua*: Người mua trên thị trường vàng hữu hình là các nhà giao dịch vàng thỏi, vàng miếng hoạt động chấp nhận trạng thái mở. Họ có thể là cá nhân, cũng có thể là tổ chức (các NHTM và các DN kinh doanh vàng), trong đó, cá nhân là những người có tiền nhàn rỗi và muốn đầu tư số tiền của mình vào thị trường vàng. Mục tiêu của người mua cá nhân trên thị trường vàng cũng có thể là nhằm mục đích kinh doanh, họ thực hiện mua khi giá vàng rẻ rồi chờ đến lúc giá lên để hưởng chênh lệch giá, nhưng cũng có thể mua là để cất trữ khi cảm thấy nền kinh tế có nhiều bất ổn làm cho tiền mặt bị mất giá, các hình thức đầu tư gặp nhiều rủi ro. Còn đối với người mua là tổ chức (các NHTM và các DN kinh doanh vàng), họ tham gia vào thị trường nhằm mục đích duy nhất là kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận.

- *Người bán*: Cũng giống như chủ thể người mua trên thị trường vàng, chủ thể người bán trên bộ phận thị trường này có thể là cá nhân hoặc có thể là tổ chức (các NHTM và các DN kinh doanh vàng). Đối với người bán là cá nhân, mục tiêu của họ khi bán vàng có thể là để kiếm lời khi giá lên, nhưng cũng có thể họ bán khi không muốn nắm giữ vàng mà muốn chuyển đổi sang một hình thức đầu tư hoặc

một hình thức cất trữ khác. Còn đối với người bán là tổ chức, vì họ là chủ thể kinh doanh trên thị trường, nên sẽ tham gia thị trường vàng với tư cách vừa là người mua, vừa là người bán vàng để tìm kiếm lợi nhuận từ giá thặng dư.

- *Người môi giới*: Là người trung gian kết nối giữa người mua và người bán trên thị trường nhằm đảm bảo cho hoạt động của thị trường công bằng và hiệu quả. Người môi giới là những người trung gian thuần túy. Chức năng của họ là làm phù hợp nhu cầu của những người mua với những người bán trên thị trường. Người môi giới có thể là một cá thể độc lập hay một pháp nhân (NHTM hay DN kinh doanh vàng) được cấp phép hoạt động. Vai trò của người môi giới đặc biệt quan trọng khi thực hiện các hoạt động kinh doanh vàng mua bán qua sàn giao dịch. Khi đó, người môi giới sẽ nhận lệnh mua từ người mua và nhận lệnh bán từ người bán rồi chuyển đến sàn giao dịch để hưởng phí. Như vậy, có thể nói vai trò của người môi giới trên thị trường vàng là hết sức quan trọng để đảm bảo cho một thị trường phát triển ổn định và bền vững.

- *Người tổ chức, quản lý thị trường*: Ở mỗi nước, việc tổ chức và quản lý thị trường vàng được tổ chức theo nhiều cấp độ khác nhau. Nhìn chung, người tổ chức và quản lý thị trường vàng gồm hai nhóm: Các cơ quan quản lý của Chính phủ và các tổ chức tự quản.

+ Các cơ quan quản lý của Chính phủ: Đây là những cơ quan được Nhà nước thành lập như NHTW, các bộ, ngành liên quan... Những tổ chức này có nhiệm vụ ban hành các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường vàng, tổ chức quản lý và giám sát các hoạt động kinh doanh của các chủ thể trên thị trường nhằm đảm bảo cho thị trường hoạt động hiệu quả, đảm bảo giá trị đồng tiền và ổn định kinh tế.

+ Các tổ chức tự quản: Ngoài các cơ quan quản lý thị trường của Chính phủ còn có các tổ chức tự quản, đó là các Sàn giao dịch vàng và Hiệp hội kinh doanh vàng.

Sàn giao dịch vàng là nơi sử dụng các công cụ chứng từ về vàng. Các bên tham gia giao dịch mua bán không chuyển giao vàng vật chất mà chỉ hạch toán trên tài khoản. Nhiệm vụ của sàn giao dịch là tổ chức vận hành thị trường thông qua các bộ phận chức năng như: quản lý giao dịch, quản lý công bố thông tin, thanh tra giám sát... trên cơ sở các văn bản pháp luật của Nhà nước và các quy định của Sàn.

Hiệp hội kinh doanh vàng là tổ chức của các hội viên là các tổ chức kinh doanh vàng được thành lập với mục đích bảo vệ lợi ích cho các thành viên nói riêng và cho toàn thị trường vàng nói chung. Hiệp hội kinh doanh vàng thường là tổ chức

tự điều hành thực hiện quản lý và giám sát thị trường trên cơ sở tuân thủ các quy định của các tổ chức quản lý và giám sát thị trường của Chính phủ.

2.1.1.4. Cung cầu về vàng và tác động của sự biến động giá vàng

Trên thị trường, vàng cũng là một loại hàng hóa giống như ngoại tệ hay các loại hàng hóa thông thường khác, do đó, vàng tại một quốc gia cũng phụ thuộc trực tiếp vào quy luật cung cầu trên thị trường, nghĩa là khi cầu lớn hơn cung thì giá vàng có xu hướng tăng, ngược lại khi cầu nhỏ hơn cung thì giá vàng có xu hướng giảm.

a. Về cung vàng

Trong thực tế, các nhà phân tích cho rằng khoảng 80% lượng vàng được khai thác vẫn tồn tại mà không mất đi. Chính đặc tính này đã làm tăng sự hấp dẫn của vàng với tư cách là phương tiện cất trữ, nhưng điều này cũng có nghĩa là một số lượng lớn vàng đang trong trạng thái cất trữ có thể quay lại thị trường và bổ sung thêm vào lượng cung hàng năm khi thị trường có sự biến động về giá. Điều này đặc biệt đúng với lượng vàng được tích trữ với mục đích đầu tư.

Theo một số ước lượng về nguồn cung vàng trên thế giới, tính đến cuối năm 2006, có khoảng 158.000 tấn vàng được khai thác, trong đó có 66% được khai thác kể từ năm 1950 cho đến thời điểm tính toán [18]. Lượng vàng này chủ yếu được khai thác từ các mỏ lớn, nhỏ trên rất nhiều châu lục trừ Nam Cực, là nơi mà việc khai thác mỏ bị cấm. Theo các số liệu gần đây cho thấy, có khoảng trên 400 mỏ vàng trên toàn thế giới đã được phát hiện và khai thác. Trong vòng 8 năm trở lại đây, sản lượng khai thác vàng đã ổn định và ước tính lượng khai thác trung bình hàng năm khoảng 2.550 tấn. Các mỏ mới đang được phát triển nhằm thay thế các mỏ hiện tại. Tuy nhiên, cũng chưa có dấu hiệu nào cho thấy tổng lượng cung vàng trên toàn cầu sẽ tăng lên nhiều.

Thực tế cho thấy các nguồn cung chính thức của thị trường vàng là từ khai thác mỏ, tái chế vàng, bán vàng dự trữ chính thức. Về nguyên tắc, những người tổ chức thị trường vàng hữu hình không tiết lộ thông tin về doanh số, hay sản lượng mua bán qua thị trường để bảo vệ bí mật về các giao dịch của khách hàng. Tuy nhiên, có thể lợm lặt một số thông tin qua các số liệu về mua bán giữa các nước có liên quan.

Về lý thuyết, lượng cung vàng hàng năm cho các thị trường vàng và sản lượng khai thác phải cân bằng với cầu, nhưng trên thực tế không thể ước tính chính xác nguồn cung. Vì vậy, các nhà phân tích đã tự hạn chế mình trong việc ước tính các nguồn cung vàng mới, cộng với số ước tính về những thay đổi lớn trong cơ cấu dự trữ vàng hiện tại. Thêm vào đó là việc bán vàng vụn và bán các nguồn dự trữ của

Chính phủ. Do vậy, những con số này chỉ là kết quả của các ước tính sự thay đổi về cung vàng và thường gọi là cung ròng hàng năm của thị trường vàng [18].

b. Về cầu vàng

Cầu về vàng vật chất xoay quanh vàng trang sức, vàng phục vụ cho các ngành công nghiệp, dự trữ của NHTW các nước và vàng phục vụ cho mục đích đầu tư.

- Vàng vật chất làm trang sức: nhu cầu dùng vàng làm trang sức chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nhu cầu vàng vật chất của toàn thế giới (chiếm khoảng 70%).

- Nhu cầu dùng vàng vật chất phục vụ cho ngành công nghiệp: Nhu cầu này mỗi năm đã tiêu thụ khoảng 400 tấn vàng (12%). Do sở hữu tính năng dễ dàng chế tác, vàng dễ dàng được nấu nóng chảy và có độ tinh khiết cao cùng với việc sở hữu độ sáng bóng, không dễ bị bào mòn nên vàng là kim loại được sử dụng đầu tiên trong tiến trình phát triển của kỹ thuật.

- Nhu cầu vàng đối với Chính phủ, NHTW các nước: Đối với các quốc gia, vàng cùng với các ngoại tệ mạnh khác được dùng là một tài sản dự trữ quan trọng. Hiện nay, Mỹ là quốc gia dẫn đầu về dự trữ vàng thế giới với 8.133,5 tấn chiếm 71,7% DTNH quốc gia, tiếp theo đó là Đức (3.387,1 tấn, 68,7%), Ý (2.451,8 tấn, 67,2%)... [62].

- Nhu cầu vàng phục vụ cho mục đích đầu tư: Do tình hình kinh tế, chính trị không ổn định và lạm phát là căn bệnh của nhiều nước, dẫn đến một quan điểm đầu tư an toàn là trong danh mục đầu tư cần phải có những tài sản có giá trị thật, trong đó vàng cũng với các kim loại quý khác được xem là nơi trú ẩn an toàn của giá trị.

Nhu cầu vàng nói chung bị tác động bởi các yếu tố như: lạm phát, nền kinh tế rơi vào khủng hoảng, tâm lý sử dụng và tích lũy vàng... Khi nền kinh tế mất ổn định, lạm phát cao buộc các NHTW, các quỹ đầu tư và các nhà đầu tư phải tăng mức nắm giữ vàng nhiều hơn để đảm bảo giá trị tài sản, làm nhu cầu vàng tăng mạnh. Ngược lại, nếu nền kinh tế ổn định với lạm phát vừa phải sẽ hạn chế nhu cầu vàng.

So với cung vàng, cầu ròng vàng vật chất còn khó ước tính hơn. Sự phân tích cung cầu ròng hàng năm của thị trường vàng được các nhà phân tích sử dụng để dự đoán những biến động về giá cả và các yếu tố cơ bản của thị trường [18].

c. Tác động của sự biến động giá vàng đến thị trường vàng và các biến số vĩ mô

Sự biến động giá vàng tác động đến thị trường vàng của một quốc gia thông qua các kênh truyền dẫn: (i) Giá vàng trong quá khứ, biên độ dao động, xu hướng

tăng giảm của giá vàng; (ii) Mối quan hệ của giá vàng với các hàng hóa khác; (iii) Mối liên hệ của sự biến động giá vàng tới kinh tế vĩ mô.

Sự biến động của giá vàng có quan hệ chặt chẽ với kỳ vọng đầu tư, hoạt động đầu cơ vàng và bong bóng đầu cơ. Bên cạnh đó, sự biến động giá vàng cũng có tương quan hai chiều với sự biến động giá của các hàng hóa khác. Thông qua một số kinh nghiệm của các nước đã cho thấy rằng có sự tác động lẫn nhau giữa sự biến động giá vàng và kinh tế vĩ mô. Cụ thể cơ chế truyền dẫn của biến động giá vàng như sau:

Một là, tác động thông qua biến động giá vàng trong quá khứ và biên độ dao động giá. Sự biến động giá vàng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động đầu cơ vàng. Do giá vàng trong quá khứ là cơ sở để dự đoán giá vàng nên sự biến động của giá vàng, biên độ dao động của giá vàng, tính ổn định trong xu hướng tăng giảm của vàng sẽ có tác động mạnh đến thị trường vàng. Điều này cho thấy sự biến động giá vàng là yếu tố quan trọng tác động đến kỳ vọng đầu cơ từ đó tác động đến giá vàng và thị trường vàng. Biến động giá vàng càng lớn thì thị trường vàng sẽ càng bất ổn.

Hai là, giá vàng, giá các kim loại quý và giá của các hàng hóa khác có mối quan hệ hai chiều với nhau. Chính sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa chúng sẽ gián tiếp tác động lên thị trường vàng.

Ba là, tác động thông qua các biến số vĩ mô. Ở một số quốc gia, vàng đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc vĩ mô, do đó, thông qua việc tác động lên các biến số vĩ mô khác, biến động giá vàng có thể tác động ngược lại đến thị trường vàng. Tuy nhiên, biến động giá vàng có thể ảnh hưởng đến thị trường vàng thông qua các kênh truyền dẫn vĩ mô là không rõ ràng và ở mức độ nhỏ [35].

2.1.2. Hoạt động kinh doanh vàng

2.1.2.1. Khái niệm kinh doanh vàng

Theo khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014: *“Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ SX đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi”*.

Kinh doanh vàng là việc thực hiện hành vi mua và bán các sản phẩm vàng hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường vàng của các chủ thể kinh doanh thông qua các hình thức kinh doanh khác nhau nhằm mục đích sinh lợi [2; 29; 40].

Theo Điều 7, Luật Đầu tư 2014, kinh doanh có 2 loại: Kinh doanh có điều kiện và kinh doanh không có điều kiện. Trong đó, kinh doanh có điều kiện là hoạt động kinh doanh phải đáp ứng điều kiện nhằm đảm bảo tính mạng, sức khỏe của

con người; Quốc phòng, an ninh; Trật tự XH; Quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; An ninh tài chính, tiền tệ quốc gia; Bảo vệ môi trường.

Kinh doanh vàng là hoạt động kinh doanh có điều kiện, hoạt động kinh doanh vàng phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện về an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia và đạo đức XH.

** Chủ thể kinh doanh vàng*

Hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường do các chủ thể kinh doanh vàng thực hiện. Tùy theo tiêu thức phân loại, chủ thể kinh doanh trên thị trường vàng được chia thành các loại khác nhau.

Nếu căn cứ vào hình thức pháp lý, chủ thể kinh doanh vàng gồm các pháp nhân và thể nhân.

- Chủ thể kinh doanh vàng là pháp nhân: Là các chủ thể có tư cách pháp nhân thực hiện hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường (các NHTM và các DN kinh doanh vàng).

- Chủ thể kinh doanh vàng là thể nhân: Là các thể nhân không có tư cách pháp nhân thực hiện hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường (các hộ gia đình cá thể kinh doanh vàng).

Nếu căn cứ vào mô hình tổ chức hoạt động, chủ thể kinh doanh vàng trên thị trường bao gồm chủ thể chuyên doanh/chuyên biệt và chủ thể tổng hợp/đa năng.

- Chủ thể chuyên doanh/chuyên biệt: Là các chủ thể chỉ thực hiện một hoạt động duy nhất đó là kinh doanh vàng trên thị trường vàng (các DN kinh doanh vàng).

Mô hình kinh doanh này có ưu điểm: (i) Do chuyên sâu về kinh doanh vàng nên DN có điều kiện nắm chắc thông tin về thị trường vàng, từ đó có thể vươn tới độc quyền trong kinh doanh vàng; (ii) Chủ thể kinh doanh có điều kiện để đầu tư chiều sâu vào hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm tăng khả năng cạnh tranh; (iii) Có khả năng đào tạo cán bộ, chuyên gia quản lý chuyên ngành và nhân viên chuyên doanh giỏi. Nhưng cũng có một số hạn chế sau: (i) Loại hình kinh doanh này thường có mức độ rủi ro cao do chủ thể chỉ đầu tư vào một đối tượng duy nhất là vàng; (ii) Khả năng đáp ứng tính đồng bộ của nhu cầu không cao.

- Chủ thể tổng hợp/đa năng: Là các chủ thể vừa thực hiện hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường vàng, vừa kinh doanh các lĩnh vực khác trên các bộ phận thị trường khác. Đối với các chủ thể kinh doanh đa năng có thể chia làm 2 loại:

+ Đa năng một phần: DN kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau nhưng bao giờ cũng có nhóm mặt hàng kinh doanh chủ yếu có cùng công dụng, trạng thái hoặc tính chất. Ví dụ, các NHTM có thể vừa thực hiện các hoạt động ngân hàng vừa thực hiện hoạt động kinh doanh vàng, trong đó hoạt động ngân hàng vẫn là chủ yếu. Các NHTM muốn thực hiện hoạt động kinh doanh vàng phải thành lập công ty con.

+ Đa năng hoàn toàn: DN kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau và mặt hàng nào cũng có vai trò như nhau, không có mặt hàng kinh doanh chủ yếu.

Đối với mô hình kinh doanh tổng hợp, các chủ thể kinh doanh từng bước đa dạng hóa các nghiệp vụ kinh doanh nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Xu thế này đã làm cho phần lớn các chủ thể kinh doanh hiện nay tồn tại và hoạt động dưới dạng là các chủ thể kinh doanh hỗn hợp. Ví dụ như các NHTM vừa có thể thực hiện các hoạt động ngân hàng, vừa có thể thực hiện hoạt động dịch vụ liên quan đến vàng.

Ưu điểm của mô hình: (i) Có thể đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng do kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ khác nhau; (ii) Hạn chế được một số rủi ro kinh doanh do dễ chuyển hướng kinh doanh; (iii) Có thị trường rộng, luôn có thị trường mới, việc đối đầu với cạnh tranh đã kích thích tính năng động, sáng tạo và đòi hỏi sự hiểu biết nhiều của người kinh doanh, có điều kiện phát triển các dịch vụ bán hàng. Tuy nhiên, nhược điểm của loại hình kinh doanh này là: (i) Khó trở thành độc quyền trên thị trường và ít có điều kiện tham gia liên minh độc quyền; (ii) Do không chuyên môn hóa nên khó đào tạo, bồi dưỡng được các chuyên gia. Mô hình kinh doanh đa năng một phần là mô hình kinh doanh được nhiều DN hiện nay ứng dụng vì nó cho phép phát huy ưu điểm và hạn chế được nhược điểm của loại hình kinh doanh tổng hợp [1].

** Đối tượng kinh doanh*

Đối tượng kinh doanh (Hàng hóa) của thị trường vàng là một kim loại quý và tương đối hiếm, không chỉ được ưa chuộng mà còn có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế trong nhiều lĩnh vực. Các sản phẩm giao dịch chủ yếu trên thị trường bao gồm vàng vật chất (vàng miếng, vàng trang sức mỹ nghệ) và vàng tài khoản. Tuy nhiên, như đã giới hạn ở phần phạm vi nghiên cứu, luận án chỉ tập trung vào đối tượng kinh doanh là vàng miếng và vàng tài khoản.

- Vàng miếng là loại vàng có hàm lượng vàng cao, có tính thanh khoản cao, chi phí để chuyển đổi ra tiền là rất thấp, gần bằng không [18].

- Vàng tài khoản là vàng vô hình. Hoạt động kinh doanh vàng tài khoản được diễn ra trên tài khoản của các nhà đầu tư vàng [18].

** Điều kiện để được cấp phép kinh doanh vàng*

Kinh doanh vàng là hoạt động kinh doanh có điều kiện. Vì vậy, thông thường để được cấp phép kinh doanh vàng các tổ chức hoặc cá nhân kinh doanh phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định về cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực tài chính; điều kiện về nhân lực và các điều kiện khác.

- Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực tài chính: Để phục vụ cho các giao dịch kinh doanh vàng cần có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương thích và đủ năng lực về tài chính, đó là [18]:

+ Phải có hệ thống cung cấp thông tin hiệu quả, kịp thời.

+ Phải ứng dụng các phần mềm chuyên dùng cho việc định giá, tính phí quyền chọn; các phần mềm kỹ thuật hiện đại dùng cho việc phân tích, dự đoán xu hướng giá.

+ Phải có đủ vốn tự có theo quy định của pháp luật quốc gia.

- Điều kiện về nhân lực: Con người là yếu tố có tính quyết định đến sự tồn tại và phát triển của thị trường. Vì vậy, để thực hiện các giao dịch kinh doanh vàng phải có cán bộ kinh doanh vàng có phẩm chất tốt và kiến thức sâu về nhiều lĩnh vực và có kỹ năng sử dụng phần mềm. Phải nắm chắc kiến thức chuyên môn, kỹ năng giải quyết nhanh chóng, chính xác các công việc, các yêu cầu của khách hàng.

- Điều kiện, thủ tục và quy trình cung cấp dịch vụ: Hệ thống các điều kiện và thủ tục, quy trình cung cấp dịch vụ phải thông thoáng, cởi mở, phù hợp với thực tế phát triển hoạt động kinh doanh trong nước và quốc tế.

2.1.2.2. Các hình thức kinh doanh trên thị trường vàng

Hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường bao gồm nhiều loại khác nhau tùy theo tiêu thức phân chia. Nếu căn cứ vào nghiệp vụ kinh doanh, hoạt động kinh doanh vàng gồm: giao dịch vàng giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn và giao dịch hợp đồng tương lai. Nếu căn cứ vào hình thái vật chất của vàng khi thanh toán, hoạt động kinh doanh vàng gồm: Kinh doanh vàng vật chất và kinh doanh vàng qua tài khoản. Ngoài ra, với các TCTD, do đặc điểm kinh doanh riêng, các tổ chức này có thể thực hiện các dịch vụ liên quan đến vàng như huy động tiền gửi bằng vàng, cho vay vàng...

a. Kinh doanh vàng vật chất

Kinh doanh vàng vật chất là kinh doanh vàng hữu hình dưới hình thức mua và nắm giữ vàng thỏi, vàng hạt, vàng miếng nhằm bảo toàn giá trị hoặc bán ra khi

có biến động có lợi về giá. Tham hoạt động kinh doanh này các nhà giao dịch vàng thỏi, vàng miếng (chủ yếu là các NHTM và các DN kinh doanh vàng bạc đá quý) đóng vai trò quan trọng trong hoạt động XNK và mua bán vàng trong nước [1; 18; 35]. Tại thị trường nội địa, các nhà giao dịch mua vàng miếng từ khách hàng có nhu cầu bán để bán lại cho khách hàng có nhu cầu mua và kiếm lợi từ chênh lệch giữa giá bán ra và giá mua vào.

Với hình thức kinh doanh này, vàng được giao dịch như hàng hóa thông thường. Tức là, việc giao dịch vàng sẽ được thực hiện cùng với việc giao nhận vàng trên thực tế, đồng thời địa điểm giao dịch cũng khá đa dạng từ các cửa hàng mua bán vàng nhỏ lẻ cho đến các sàn giao dịch kim loại quý tại các nước phát triển.

Loại hình kinh doanh này có ưu điểm là giúp các nhà đầu tư có thể bảo toàn được lượng vàng vật chất nắm giữ và hạn chế rủi ro khi có biến động lớn về giá. Việc này có được là do khi tham gia mua bán vàng vật chất các nhà đầu tư sẽ sử dụng 100% vốn của mình để thực hiện hoạt động đầu tư mà không sử dụng đòn bẩy tài chính do các tổ chức kinh doanh vàng cung cấp. Tuy nhiên, điểm hạn chế của hình thức này là mất khá nhiều chi phí liên quan tới việc giao nhận, bảo quản. Bên cạnh đó, việc không sử dụng đòn bẩy tài chính cũng sẽ làm hạn chế quy mô giao dịch của các thành viên trên thị trường, giảm khả năng kiếm lời cho các nhà đầu tư [1; 18; 35].

b. Kinh doanh vàng qua tài khoản

Kinh doanh vàng qua tài khoản là hoạt động kinh doanh vàng vô hình, diễn ra trên tài khoản của nhà đầu tư kinh doanh vàng. Các nhà đầu tư mở tài khoản tại các ngân hàng hay DN kinh doanh vàng và tiến hành các giao dịch mua bán trên tài khoản để kinh doanh hưởng chênh lệch giá [1; 18; 35].

Trên thực tế, có thể có một số nhà đầu tư không muốn nhận vàng vật chất vì những rủi ro và chi phí liên quan đến vận chuyển, cất trữ, mà muốn lưu trữ vàng dưới dạng số dư trên tài khoản vàng (Gold account), do đó, thay vì giao dịch vàng vật chất và chuyển giao lượng vàng vật chất đang nắm giữ cho nhau, họ chuyển sang giao dịch dựa trên số dư trên tài khoản vàng, còn vàng vật chất vẫn giữ nguyên trong kho. Thị trường vàng vật chất và vàng tài khoản có mối liên hệ chặt chẽ thông qua nghiệp vụ arbitrage (đầu cơ chênh lệch giá) và người tham gia buộc phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu về vàng vật chất, đồng thời giá các chứng chỉ vàng chịu tác động lớn từ giá vàng vật chất.

Ưu điểm của hình thức kinh doanh này ngoài việc gia tăng tính thanh khoản còn làm giảm chi phí vận chuyển và rủi ro trong quá trình này. Thông thường các tổ

chức cung cấp dịch vụ kinh doanh vàng tài khoản sẽ cung cấp đòn bẩy tài chính cho các nhà đầu tư thông qua việc quy định tỷ lệ ký quỹ. Kinh doanh vàng tài khoản là kênh đầu tư tài chính hấp dẫn giúp nhà đầu tư có thể tối đa hóa mức lợi nhuận thu được bằng việc sử dụng đòn bẩy tài chính. Đồng thời không phát sinh các chi phí vận chuyển, bảo quản vàng vật chất. Tuy nhiên, khi tham gia kênh đầu tư này, nhà đầu tư phải có kiến thức và kinh nghiệm về kinh doanh, dự báo giá vàng vì kinh doanh vàng tài khoản đi kèm với sử dụng đòn bẩy tài chính cao tiềm ẩn nguy cơ thu lỗ lớn đối với các nhà đầu tư.

Kinh doanh vàng qua tài khoản được thực hiện qua các loại hợp đồng: Hợp đồng giao ngay; Hợp đồng kỳ hạn; Hợp đồng quyền chọn và hợp đồng tương lai.

- *Hợp đồng giao ngay vàng (Gold Spot)*

Là nghiệp vụ mua bán vàng trong đó việc giao nhận vàng được thực hiện ngay trong ngày giao dịch hoặc vào ngày thanh toán theo quy định của Sở giao dịch (T+1, hoặc T+2, hoặc T+3). Nghiệp vụ mua bán này được thực hiện theo giá giao ngay trên thị trường [1].

- *Hợp đồng kỳ hạn vàng (Gold Forward)*

Giao dịch vàng kỳ hạn là giao dịch mua hoặc bán vàng giữa hai bên mua - bán, theo đó hai bên cam kết mua bán với nhau một lượng vàng nhất định, theo một mức giá xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng nhưng việc chuyển giao và thanh toán được tiến hành tại một thời điểm xác định trong tương lai [1].

- *Hợp đồng hoán đổi vàng (Gold Swap)*

Hoán đổi vàng là cam kết mua bán vàng tại một mức giá được xác định trước, trong đó việc mua và bán được thực hiện tại các thời điểm khác nhau. Thực chất các giao dịch hoán đổi vàng là một nghiệp vụ kép của hai nghiệp vụ: giao ngay và kỳ hạn hoặc kỳ hạn và kỳ hạn với cùng một lượng vàng nhưng theo hai hướng ngược nhau [1].

- *Hợp đồng quyền chọn vàng (Gold Options)*: Là loại hợp đồng khác với hợp đồng kỳ hạn ở chỗ người mua có quyền thực hiện hợp đồng chứ không phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, người bán bắt buộc phải thực hiện theo yêu cầu của người mua hợp đồng. Nói cách khác, theo hợp đồng này, người mua quyền chọn có quyền nhưng không bắt buộc mua hoặc bán một số lượng vàng cụ thể trong một thời gian xác định với mức giá được ấn định ngay tại thời điểm ký kết hợp đồng, sau khi đã trả một khoản phí (premium) cho người bán quyền chọn vào lúc ký hợp đồng [1].

- *Hợp đồng tương lai vàng (Gold Futures)*

Hợp đồng tương lai vàng là hợp đồng mua, hoặc bán một khối lượng vàng nào đó tại một thời điểm xác định trong tương lai. Đây là loại hợp đồng đặc biệt được giao dịch theo tiêu chuẩn của Sở giao dịch [1].

c. Các dịch vụ liên quan đến vàng

** Huy động tiết kiệm bằng vàng*

Các NHTM mở tài khoản tiền gửi tiết kiệm bằng vàng cho khách hàng gửi vàng nhằm mục đích an toàn và sinh lợi. Đến kỳ hạn, nhà đầu tư có thể rút cả gốc và lãi bằng vàng. Dịch vụ tương tự như tiền gửi tiết kiệm, do vậy, thông qua dịch vụ này, NHTM có thêm một kênh huy động vốn bằng vàng lãi suất thấp hơn nhiều so với huy động bằng tiền mặt, các quy định cũng gắt gao hơn, như khách hàng muốn rút vàng trước hạn sẽ không được hưởng lãi; ngân hàng chỉ nhận loại vàng có đảm bảo về quy cách.

Hình thức gửi tiết kiệm vàng có khá nhiều ưu điểm so với hình thức kinh doanh vàng vật chất. Bên cạnh việc vẫn giúp các nhà đầu tư bảo toàn được trạng thái vàng vật chất mà họ muốn duy trì, hạn chế rủi ro do không sử dụng đòn bẩy tài chính; nhà đầu tư còn được hưởng lãi từ khoản vàng gửi tiết kiệm đồng thời hạn chế được vấn đề rủi ro và chi phí trong việc tự cất trữ, vận chuyển vàng; mặt khác tính thanh khoản của vàng vẫn được đảm bảo thông qua việc mua bán, chuyển nhượng hay cầm cố các chứng chỉ tiền gửi do ngân hàng huy động phát hành. Tuy nhiên, do tính an toàn tương đối cao nên mức lợi nhuận thu được từ việc gửi tiết kiệm vàng thường thấp hơn các hình thức kinh doanh khác [1; 18; 35].

** Cho vay vàng*

Cho vay vàng là việc người nắm giữ vàng cho người có nhu cầu sử dụng hoặc đầu tư vay trong kỳ hạn nhất định với mức lãi suất nhất định được quy định tại hợp đồng vay. Hợp đồng vay thường được ký kết giữa bên cho vay là NHTW và bên vay là các tổ chức tài chính trung gian (các NHTM và công ty tài chính), hoặc giữa bên cho vay là các tổ chức tài chính trung gian và bên đi vay là các chủ thể kinh doanh vàng.

Các tổ chức tài chính trung gian vay NHTW trong trường hợp thiếu hụt dự trữ về vàng. NHTW cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính trung gian chủ yếu dưới hình thức: Chiết khấu hay tái chiết khấu các chứng từ có giá; Cho vay thế chấp hay ứng trước.

Thông thường, các tổ chức tài chính trung gian cho chủ thể kinh doanh vay vàng trong một số trường hợp sau:

- Chủ thể kinh doanh có khoản phải thu bằng vàng trong tương lai dự đoán giá vàng giảm nên vay vàng của ngân hàng để bán ra theo nghiệp vụ giao ngay. Khi nhận được khoản phải thu bằng vàng sẽ trả lại ngân hàng.

- Ngân hàng cho chủ thể kinh doanh vay vàng để thực hiện nghiệp vụ bán không (số vàng chênh lệch giữa khối lượng bán và tỷ lệ ký quỹ theo yêu cầu).

Mặt khác, trong các hoạt động mua/bán vàng trên tài khoản của khách hàng (giao ngay hoặc kỳ hạn), ngân hàng chỉ yêu cầu khách hàng phải ký quỹ 1 tỷ lệ nhất định, số thiếu còn lại được ngân hàng cho vay. Số tiền/vàng cho vay này được đảm bảo bằng tài sản (tiền/vàng) trên tài khoản của khách hàng.

Lợi ích của việc cho vay vàng cũng tương tự như gửi tiết kiệm vàng. Đó là khả năng bảo toàn trạng thái vàng vật chất, thu lãi từ hợp đồng vay và hạn chế rủi ro, hạn chế chi phí bảo quản vàng vật chất.

Tuy nhiên, nhược điểm của hình thức này là tính thanh khoản của hợp đồng cho vay vàng thấp hơn so với gửi tiết kiệm vàng do các điều khoản ràng buộc phải thực hiện trong hợp đồng ký kết giữa các bên, mà thông thường sẽ quy định bên cho vay không thể lấy lại lượng vàng cho vay trước khi hợp đồng đến hạn, trong khi người gửi tiết kiệm có thể rút gốc trước kỳ đáo hạn. Điều này đòi hỏi người cho vay phải cân nhắc, tính toán giữa lợi tức và tính thanh khoản trước khi đưa ra quyết định cho vay [1; 18; 35].

** Dịch vụ khác*

Mua chứng chỉ quỹ đầu tư vàng (ETF_S): Quỹ đầu tư vàng (Gold Exchange - traded Fund, GETF) là quỹ đầu tư huy động vốn của nhà đầu tư để kinh doanh vàng vật chất. Các quỹ đầu tư phát hành chứng chỉ quỹ để huy động vốn và niêm yết chứng chỉ quỹ trên các sàn giao dịch chứng khoán lớn trên thế giới như một loại chứng khoán. Các nhà quản lý GETF là những chuyên gia kinh doanh vàng, họ theo dõi sát biến động giá và kiếm lời từ những biến động này [35].

2.2. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng

2.2.1. Khái niệm, mục tiêu và vai trò của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng

2.2.1.1. Khái niệm

Quản lý kinh tế là nội dung cốt lõi của quản lý XH nói chung và nó gắn chặt với các hoạt động quản lý khác của XH. Quản lý nhà nước về kinh tế được thể hiện thông qua các chức năng kinh tế và quản lý kinh tế của Nhà nước [31]. Để quản lý

nhà nước về kinh tế cần sử dụng một loạt các công cụ, như: Pháp luật, kế hoạch, chính sách, tài sản quốc gia. Trong đó, chính sách là một trong các công cụ chủ yếu mà Nhà nước sử dụng để quản lý nền kinh tế quốc dân.

Có nhiều quan điểm khác nhau về chính sách:

“Chính sách của Nhà nước trong quản lý kinh tế là những nguyên tắc và quy định của Nhà nước để điều chỉnh và thiết lập môi trường phát triển cho hoạt động kinh tế trong nền kinh tế nhằm hướng tới mục tiêu xác định” [31].

“Chính sách là định hướng hành động mà Nhà nước lựa chọn đối với các vấn đề nảy sinh trong đời sống KT-XH nhằm đạt được mục tiêu định trước” [7].

Như vậy, có thể hiểu: *“Chính sách của Nhà nước trong quản lý kinh tế là định hướng hành động của Nhà nước với các hiện tượng tồn tại trong quá trình vận động phát triển kinh tế nhằm đạt mục tiêu nhất định”*.

** Cấu trúc chính sách*

Một chính sách bất kỳ thường gồm 2 bộ phận: Các mục tiêu cần đạt được và các biện pháp cần áp dụng để thực hiện mục tiêu.

- *Mục tiêu của chính sách*: Là yếu tố chủ đạo quyết định sự tồn tại của chính sách. Mục tiêu có tính định tính thể hiện những giá trị mà chủ thể ban hành chính sách hướng tới, là những giá trị tương lai mà Nhà nước theo đuổi phù hợp với thái độ ứng xử của Nhà nước. Mục tiêu chính sách phải cụ thể, rõ ràng và hướng tới mục tiêu chung và phải phản ánh mong muốn của Nhà nước về những giá trị KT-XH cần đạt được trong XH.

- *Biện pháp của chính sách*: Là cách thức mà Nhà nước sử dụng cho phù hợp với mục tiêu của chính sách và thái độ ứng xử của Nhà nước. Biện pháp của chính sách thể hiện cách giải quyết vấn đề của chủ thể ban hành chính sách; Là các giải pháp để thực hiện mục tiêu. Các biện pháp này có tính chất như các cơ chế, quy phạm xử sự chung chứ không phải là các quyết định cá biệt, ngẫu nhiên. Có nhiều loại biện pháp, như: Biện pháp trực tiếp, biện pháp gián tiếp, biện pháp chính, biện pháp phụ (bổ trợ), biện pháp kinh tế, biện pháp giáo dục, biện pháp hành chính...

- *Mối quan hệ giữa mục tiêu và biện pháp*:

- + Quan hệ tập hợp: Một mục tiêu được thực hiện bằng nhiều biện pháp.
- + Quan hệ tương thích: Mục tiêu mang tính chất gì thì biện pháp có tính chất đó.
- + Quan hệ vận động: Mục tiêu không tăng giảm còn biện pháp tăng giảm theo giai đoạn.

** Phân loại chính sách*

Chính sách là một hệ thống phức tạp bao gồm nhiều nhóm, nhiều loại theo các tiêu thức phân loại khác nhau.

- Căn cứ theo lĩnh vực hoạt động

Căn cứ theo lĩnh vực hoạt động, có thể chia các chính sách thành 2 nhóm:

+ Các chính sách kinh tế, gồm: Chính sách cơ cấu kinh tế; Chính sách tài chính; Chính sách tiền tệ; Chính sách giá cả; Chính sách XNK.

+ Các chính sách XH (hoặc các chính sách phi kinh tế), gồm: Chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; Chính sách lao động và việc làm; Chính sách giáo dục; Chính sách văn hóa; Chính sách khoa học và công nghệ; Chính sách bảo hiểm; Chính sách bảo vệ sức khỏe toàn diện; Chính sách an ninh - quốc phòng; Chính sách xóa đói, giảm nghèo; Chính sách bảo vệ môi trường...

- Căn cứ theo thời gian thực hiện

Nếu căn cứ theo tiêu chí thời gian thực hiện, có thể chia chính sách thành 3 nhóm:

+ Các chính sách dài hạn: Là những chính sách có thời gian thực hiện trên 5 năm.

+ Các chính sách trung hạn: Là những chính sách có thời gian thực hiện từ 3 đến 5 năm.

+ Các chính sách ngắn hạn: Là những chính sách có thời gian thực hiện dưới 3 năm.

** Chủ thể của chính sách*

Chủ thể của chính sách là các cá nhân, tổ chức tham gia vào quá trình chính sách. Cụ thể, đó là:

- *Những người tham gia xây dựng và ban hành chính sách*, gồm: Các nhà phân tích chính sách; Các cá nhân, tổ chức tham gia góp ý chính sách (các nhà khoa học, người thụ hưởng chính sách); Các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền quyết định chính sách.

- *Những người thực hiện chính sách*: Các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình biến các thiết kế chính sách trở thành hiện thực.

- *Những người thụ hưởng chính sách*: Các tổ chức, cá nhân được sử dụng và hưởng thụ các mục tiêu và biện pháp của chính sách.

Thị trường vàng là một lĩnh vực trong hoạt động kinh tế của một quốc gia.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng được hiểu như sau: “*Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng của một quốc gia là sự quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với các hoạt động xây dựng, vận hành và phát triển của thị trường vàng thông qua hệ thống pháp luật, nguyên tắc, quy định và bằng các biện pháp cụ thể nhằm tạo lập trật tự chung cho hoạt động kinh doanh vàng các loại, ngăn ngừa, giải quyết tranh chấp phát sinh và tạo điều kiện phát triển cho các chủ thể có liên quan*” [21].

Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng nằm trong nhóm các chính sách về kinh tế. “*Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng là định hướng hành động của Nhà nước đối với các hiện tượng tồn tại trong hoạt động xây dựng, vận hành và phát triển của các hoạt động kinh doanh vàng thông qua những nguyên tắc, quy định nhằm tạo điều kiện phát triển cho các chủ thể có liên quan*”.

2.2.1.2 Mục tiêu của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng

Các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng là công cụ đặc thù và không thể thiếu được mà Nhà nước sử dụng để quản lý thị trường vàng nói chung và hoạt động kinh doanh vàng nói riêng. Chúng có chức năng chung là tạo những kích thích đủ lớn cần thiết để biến đường lối, chiến lược của Đảng về quản lý thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng thành hiện thực, góp phần thống nhất tư tưởng và hành động của mọi người trong XH, từ đó nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.

Một hệ thống chính sách quản lý thị trường vàng đúng đắn sẽ giúp khắc phục tình trạng giá vàng biến động khó kiểm soát; chống thất thoát ngoại tệ cho đất nước; tập trung được nguồn vốn của XH cho đầu tư phát triển SX; đảm bảo cho thị trường vàng phát triển một cách ổn định, bền vững.

Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng phải đạt được các mục tiêu cụ thể sau [17; 18; 35]:

- *Duy trì sự hoạt động ổn định của thị trường, tạo điều kiện cho thị trường phát triển, làm cho thị trường có thể cạnh tranh và thích ứng với mọi thay đổi trong XH*

Xuất phát từ vai trò vàng là hàng hóa như những hàng hóa khác, các chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng cần đảm bảo mục tiêu: (i) Duy trì sự hoạt động ổn định của thị trường; (ii) Tạo điều kiện cho thị trường phát triển, làm cho thị trường có thể cạnh tranh và thích ứng với mọi thay đổi trong XH.

Ổn định thị trường tức là phải tạo lập được một thị trường có kỷ luật, an toàn, trật tự, ít rủi ro, tránh đầu cơ, buôn lậu vàng, cần xác định rõ đối tượng nào được tham gia thị trường, tiêu chuẩn tham gia, từ đó đảm bảo thị trường hoạt động minh bạch.

- *Đảm bảo thực thi chính sách tiền tệ quốc gia, từ đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô*

Mục tiêu này được xuất phát từ vai trò tiền tệ của vàng. Chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng phải đảm bảo ổn định giá vàng, góp phần ổn định các biến số kinh tế vĩ mô như tỷ giá, lạm phát... Giá vàng trong nước chênh lệch lớn với giá vàng thế giới có thể gây ra tình trạng đầu cơ, nhập lậu vàng, làm ảnh hưởng đến cầu ngoại tệ và gây áp lực lên tỷ giá. Đặc biệt đối với những nước NK nguyên vật liệu lớn, tỷ giá tăng có thể làm cho chi phí kinh doanh của DN tăng lên và có thể gây ra lạm phát chi phí đẩy. Mặt khác, khi giá vàng biến động tăng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của người dân, kỳ vọng giá hàng hóa khác cũng tăng. Khi có nhiều mặt hàng đồng loạt tăng giá sẽ đẩy lạm phát lên mức cao. Do đó, chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng phải hướng đến mục tiêu tránh ảnh hưởng tiêu cực của giá vàng đến tỷ giá và lạm phát.

2.2.1.3. *Vai trò của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng*

Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng có các vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu của CSTT quốc gia, góp phần ổn định và thúc đẩy sự phát triển của nền KT-XH. Vai trò của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng được thể hiện trên các khía cạnh cụ thể sau đây:

- *Một là*, định hướng, khuyến khích hoặc kiềm chế các hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường.

Hoạt động kinh doanh vàng có ảnh hưởng không nhỏ đến sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô, do giá vàng có ảnh hưởng đến các biến số của nền kinh tế vĩ mô như tỷ giá hối đoái, lạm phát... Vì vậy, trong từng giai đoạn khác nhau, chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng sẽ định hướng, khuyến khích hoặc kiềm chế các hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường nhằm đảm bảo cho thị trường hoạt động một cách ổn định và hiệu quả, góp phần ổn định nền kinh tế nói chung.

- *Hai là*, tạo cơ sở pháp lý cho các chủ thể triển khai các hoạt động kinh doanh vàng.

Hoạt động kinh doanh vàng bao gồm rất nhiều loại khác nhau tùy theo tiêu

thức phân loại. Nếu căn cứ vào nghiệp vụ kinh doanh, hoạt động kinh doanh vàng gồm: giao dịch vàng giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn... Mỗi loại giao dịch này đều đòi hỏi phải có những quy định pháp lý riêng.

Mặt khác, hoạt động kinh doanh vàng là hoạt động kinh doanh có điều kiện đòi hỏi các chủ thể kinh doanh muốn được cơ quan quản lý nhà nước cấp phép kinh doanh phải đáp ứng được một số điều kiện theo quy định của pháp luật. Với chức năng của mình, trên cơ sở ban hành các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, các cơ quan quản lý nhà nước đã tạo cơ sở pháp lý cho các chủ thể triển khai các hoạt động kinh doanh vàng.

- *Ba là*, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các hoạt động thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật.

Vàng là một kim loại rất quý và hiếm, có thể thực hiện chức năng phương tiện cất trữ giá trị rất tốt, đồng thời nó lại đóng vai trò là một loại tiền tệ thế giới. Chính vì thế, hoạt động kinh doanh vàng thường hay xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật như buôn lậu vàng... Thực tế này đòi hỏi các cơ quan quản lý nhà nước phải thường xuyên tiến hành công tác thanh tra, giám sát để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, đồng thời phải có chế tài xử phạt thích đáng để ngăn chặn các hành vi đó. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng sẽ điều chỉnh các hoạt động này, do đó tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các hoạt động thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật.

- *Bốn là*, tạo cơ sở pháp lý nhằm tăng cường khả năng phối hợp các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước đối với thị trường vàng.

Để quản lý có hiệu quả hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, NHTW, Bộ Tài chính...) và các cơ quan tự quản (Sàn giao dịch vàng, Hiệp hội kinh doanh vàng). Những quy định về sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý hoạt động kinh doanh vàng cần được ban hành cụ thể trong chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng. Như vậy, chính sách quản lý của Nhà nước đã tạo cơ sở pháp lý nhằm tăng cường khả năng phối hợp các hoạt động của các cơ quan quản lý trên thị trường vàng.

Tuy nhiên, bên cạnh những khía cạnh tích cực nêu trên, nếu chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng không hoàn chỉnh, không ổn định, không phù hợp... có thể sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường, đến các

chủ thể tham gia thị trường (Nhà nước, DN và NHTM kinh doanh vàng, các nhà đầu tư cá nhân). Cụ thể, khi chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng không hợp lý sẽ làm thị trường vàng bất ổn, giá vàng lên xuống thất thường làm ảnh hưởng đến sự ổn định kinh tế vĩ mô, tình trạng nhập lậu vàng gia tăng, ảnh hưởng đến mục tiêu của CSTT quốc gia. Đối với các chủ thể kinh doanh vàng, chính sách quản lý của Nhà nước bất ổn sẽ dẫn đến những thiệt hại về tài chính, giảm sút lợi nhuận, thậm chí có thể dẫn đến thua lỗ do giá vàng trong nước chênh lệch so với giá vàng thế giới và biến động thất thường. Bên cạnh đó, các DN và các NHTM thực hiện hoạt động kinh doanh vàng có thể bị lãng phí tiền của vì đã đầu tư cơ sở vật chất hiện đại phục vụ cho hoạt động kinh doanh vàng, đặc biệt là các hình thức kinh doanh vàng hiện đại nhưng lại không được sử dụng hoặc chỉ được sử dụng trong một thời gian ngắn do Nhà nước thay đổi chính sách quản lý đối với hoạt động kinh doanh vàng...

2.2.2. Nội dung và chu trình chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng

2.2.2.1. Nội dung chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng

Tùy theo lĩnh vực quản lý mà chính sách của Nhà nước bao gồm các nội dung khác nhau. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng nói riêng thường bao gồm một số nội dung chính: Chính sách về chủ thể kinh doanh và điều kiện để được cấp phép kinh doanh; Chính sách về các mặt hàng và nghiệp vụ kinh doanh; Chính sách về các cơ chế quản lý giám sát hoạt động kinh doanh... Trong từng thời kỳ, tùy thuộc điều kiện phát triển KT-XH và cơ chế quản lý kinh tế của mỗi quốc gia mà Chính phủ và các cơ quan quản lý có thể ban hành những chính sách khác nhau. Thông thường, hệ thống chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng (vàng miếng và vàng tài khoản) thường bao gồm các chính sách cơ bản sau: Chính sách quản lý thị trường giao dịch; Chính sách quản lý hoạt động XNK vàng; Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng; Chính sách về thuế liên quan đến kinh doanh vàng; Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản; Chính sách phát triển hoạt động phái sinh về vàng; Chính sách phân cấp quản lý, thanh tra giám sát và xử lý vi phạm pháp luật.

a. Chính sách quản lý thị trường giao dịch

Kinh doanh vàng luôn là một hoạt động kinh doanh hết sức phức tạp do vàng vừa là hàng hóa đặc biệt nhưng đồng thời vừa có vai trò là tiền tệ. Việc xây dựng chính sách quản lý thị trường vàng sẽ giúp công tác quản lý nhà nước đối với hoạt

động kinh doanh vàng được thực hiện một cách hiệu quả. Chính sách quản lý thị trường giao dịch ở các quốc gia thường bao gồm các quy định chi tiết về: Mô hình tổ chức thị trường; Bộ máy quản lý điều hành thị trường; Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia thị trường đặc biệt là chủ thể kinh doanh vàng; Thành viên giao dịch trên thị trường...

b. Chính sách quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu vàng

Hoạt động XNK được Nhà nước quản lý chủ yếu thông qua việc ban hành các chính sách thuế, quy định hạn ngạch XNK... Việc áp dụng mức thuế nào, loại thuế nào hay khối lượng vàng được phép XK, NK phụ thuộc vào các chính sách điều hành của Nhà nước trong từng thời kỳ hoặc diễn biến giá vàng trong nước để đảm bảo ổn định thị trường vàng. Tuy nhiên, tùy từng quốc gia mà có những chính sách quản lý đối với hoạt động XNK vàng khác nhau. Ví dụ, một số quốc gia như Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ... trước kia có chính sách quản lý XNK theo hướng chặt chẽ, tuy nhiên sau đó khi nền kinh tế từng bước đảm bảo đủ các điều kiện của “*tự do hóa TTTC*” đã tiến hành tự do hóa XNK để đáp ứng nhu cầu trong nước. Trong khi đó ở một số quốc gia khác trong đó có Việt Nam thì hoạt động XNK vàng vẫn nằm trong sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước [62; 69; 71].

c. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng

Vàng miếng được giao dịch chủ yếu trên các sàn giao dịch tập trung hoặc thỏa thuận mua bán tại các thị trường phi tập trung. Việc quản lý thường phải dựa vào các chính sách do Chính phủ soạn thảo, cơ quan quản lý việc thực hiện các chính sách đó phải có liên hệ với thị trường tài chính, có khả năng tác động lên thị trường khi cần thiết, cụ thể ở đây là sự kết hợp giữa NHTW và Bộ Tài chính. Nội dung chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng sẽ bao gồm: Đối tượng chịu quản lý (các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động kinh doanh vàng miếng); Tiêu chuẩn định lượng và định tính để tham gia thị trường vàng miếng; các quy định chi tiết và phương thức giao dịch; Các quy định đối với các tổ chức hỗ trợ thị trường... Bên cạnh đó, việc giám sát và thực thi các chế tài đối với những vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng miếng của các chủ thể đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Bởi lẽ, với những khoản “*siêu lợi nhuận*” từ hoạt động kinh doanh vàng có thể làm cho một số đối tượng sẵn sàng thực hiện các hành vi trái pháp luật hoặc “*lách luật*” [35].

d. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản

Kinh doanh vàng qua tài khoản là một kênh đầu tư hấp dẫn nhằm giúp nhà đầu tư đa dạng hóa các danh mục đầu tư, nâng cao khả năng sinh lời. Tuy nhiên

mức độ rủi ro của hoạt động này lại khá cao nên nó thường chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Việc quản lý thường dựa vào các chính sách do Chính phủ và NHTW soạn thảo, cơ quan chức năng quản lý.

Nội dung chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản thường bao gồm: Quy chế hoạt động sàn vàng (bao gồm quy định về hạn mức rút vàng, quy định về thời điểm xử lý tài sản ký quỹ, số lượng tài sản ký quỹ, phương pháp xác định tỷ lệ ký quỹ, quy định ưu tiên khớp lệnh trước với các TCTD...); Điều kiện kinh doanh; Trách nhiệm của các TCTD và DN được kinh doanh vàng qua tài khoản; Giám sát và thực thi các chế tài đối với kinh doanh vàng qua tài khoản [35].

e. Chính sách phát triển hoạt động phái sinh về vàng

Phái sinh các loại hàng hóa trên thị trường là những giao dịch để hạn chế đến mức thấp nhất những rủi ro thua lỗ có thể xảy ra. Theo đó, các chủ thể sử dụng các công cụ phái sinh để thực hiện phòng chống rủi ro hoặc đầu cơ. Cũng như là hàng hóa, vàng cũng được giao dịch trên thị trường phái sinh. Trên thế giới, thị trường phái sinh vàng phát triển từ thế kỷ 19 đầu tiên tại Mỹ và ngày càng phát triển cùng với sự mở cửa giao thương và hội nhập kinh tế quốc tế. Do đó, trong quá trình hội nhập, bắt buộc các nước phải ban hành chính sách phát triển hoạt động phái sinh về vàng. Nội dung chính sách bao gồm các quy định hướng dẫn cụ thể về các giao dịch phái sinh vàng: Giao dịch hợp đồng kỳ hạn; Giao dịch hợp đồng quyền chọn; Giao dịch hợp đồng tương lai... [35; 66].

f. Chính sách về thuế liên quan đến kinh doanh vàng

Chính sách thuế của Nhà nước để quản lý đối với hoạt động kinh doanh vàng bao gồm chính sách thuế XK, thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB... Việc áp dụng mức thuế nào, loại thuế nào, thu như thế nào, thu từ ai cho phù hợp phụ thuộc vào các chính sách điều hành thị trường tài chính vĩ mô, chính sách khuyến khích đầu tư và tiêu dùng của Nhà nước ở từng thời kỳ, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề ở từng quốc gia... Thường thì việc kiểm soát và xác định thuế đối với vàng sẽ do Tổng cục Thuế (đơn vị chuyên ngành trực thuộc Bộ Tài chính) đảm nhiệm [35]. Tổng cục Hải quan (trực thuộc Bộ Tài chính) là cơ quan chịu trách nhiệm thu, nộp thuế ở khâu XNK vàng.

g. Chính sách phân cấp quản lý, thanh tra giám sát và xử lý vi phạm pháp luật

Phân cấp quản lý, thanh tra giám sát và xử lý vi phạm bao giờ cũng là một nội dung hết sức quan trọng trong quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh tế nói chung.

Chính sách phân cấp quản lý giữa các chủ thể quản lý thị trường làm rõ trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của các chủ thể để tránh hiện tượng chồng chéo, khó giám sát. Chính sách phân cấp quản lý thường bao gồm các quy định về: Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chính phủ; Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của NHTW; Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của các bộ, ngành liên quan.

Việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát là để nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong kinh doanh vàng, tăng cường chế tài xử phạt vi phạm đối với các hành vi vi phạm như nhập lậu vàng, cố tình chi phối giá giao dịch theo ý muốn chủ quan nhằm trục lợi...

2.2.2.2. Chu trình chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng

Quá trình hình thành chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng (Hay còn gọi là chu trình chính sách) được hiểu là quá trình từ khởi sự chính sách đến khi xác định được hiệu quả của chính sách trong quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng. Chu trình chính sách nói chung và chu trình chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng nói riêng thường gồm 3 giai đoạn: (1) Hoạch định chính sách; (2) Thực thi chính sách; (3) Đánh giá chính sách.

- Giai đoạn 1: Hoạch định chính sách

Các khâu công việc để hoạch định chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng gồm:

- + Phát hiện mâu thuẫn.
- + Xác định các vấn đề của chính sách, cụ thể: Xác định các vấn đề hạn chế, bất cập trong các hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường; thời cơ ban hành chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.

Các vấn đề hạn chế, bất cập của các hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường: Là những mâu thuẫn nảy sinh trong hoạt động kinh doanh vàng cần được giải quyết bằng chính sách để thoả mãn những nhu cầu của các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh vàng.

Thời cơ ban hành chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng là thời gian, điều kiện, hoàn cảnh chủ quan và khách quan thuận lợi để ban hành chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động này.

Trên cơ sở phát hiện mâu thuẫn và xác định được các vấn đề của chính sách, cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng (Chính phủ, NHTW và các bộ, ngành có liên quan...) sẽ tiến hành hoạch định chính sách.

- Giai đoạn 2: Thực thi chính sách

Giai đoạn thực thi đối với chính sách nói chung, chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng nói riêng thường bao gồm các nội dung sau: Xây dựng kế hoạch; Triển khai thực hiện chính sách; Phổ biến, tuyên truyền chính sách; Phân công, phối hợp thực hiện chính sách; Duy trì chính sách; Điều chỉnh chính sách; Theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách.

- Giai đoạn 3: Đánh giá chính sách

Đánh giá chính sách là những hoạt động đo lường kết quả và hiệu quả của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng trong và sau khi triển khai thực thi chính sách. Việc đánh giá chính sách nhằm khẳng định tính khả thi của chính sách, chỉ ra những hạn chế của chính sách, đo lường hiệu quả của chính sách. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để điều chỉnh, hoàn thiện chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế và hoạch định chính sách cho thời gian tiếp theo.

2.2.3. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng

Tiêu chí là những chuẩn mực, dấu hiệu làm căn cứ để nhận biết, xếp loại một sự vật, hiện tượng. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng là những dấu hiệu, chuẩn mực dựa vào đó để nhận biết, đánh giá được mức độ hoàn thiện của các chính sách này là tốt hay chưa tốt, đạt hay chưa đạt. Xác định tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về lý luận và thực tiễn để trên cơ sở đó hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng nhằm đảm bảo cho thị trường phát triển một cách ổn định và bền vững.

Để có cơ sở đánh giá, xác định mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng cần phải dựa vào những tiêu chí nhất định. Những tiêu chí đó - xét về mặt lý thuyết, là những yếu tố làm nên giá trị của hệ thống; xét về mặt thực tiễn, là những điều kiện đòi hỏi chính sách phải đáp ứng để bảo đảm và phát huy vai trò to lớn của chính sách đối với thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng, cụ thể bao gồm các tiêu chí sau:

- Hướng tới mục tiêu phát triển chung, tạo ra động lực mạnh trong phát triển thị trường vàng nói chung và hoạt động kinh doanh vàng nói riêng

Mục tiêu chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng phản ánh mong muốn của Nhà nước về quản lý thị trường vàng và hoạt động kinh

doanh vàng, góp phần thống nhất tư tưởng và hành động của mọi người trong XH, từ đó nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng. Một chính sách tốt phải đề cập tới mục tiêu cụ thể, đích thực vừa phù hợp với định hướng phát triển chung vừa phù hợp với nhu cầu của đời sống XH.

Sau khi ban hành, nếu chính sách đề cập được những vấn đề bức xúc của thị trường vàng mà XH đang quan tâm giải quyết, tác động trực tiếp đến nguyên nhân của vấn đề đó, có mục tiêu cụ thể, rõ ràng với những biện pháp khoa học chứa đựng cơ chế tác động thích hợp sẽ có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động của thị trường.

- Đảm bảo tính hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế môi trường trong nước và thông lệ quốc tế

Tính hợp lý của chính sách được hiểu là sự cân đối, hài hoà giữa mục tiêu chính sách với nguyện vọng của đối tượng thụ hưởng trong hiện tại và tương lai. Tính hợp lý còn có nghĩa là để chính sách phát huy được tác dụng đúng với tính năng riêng của nó không làm biến dạng chính sách. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng sẽ là hợp ý nếu đảm bảo được sự cân đối, hài hoà giữa mục tiêu của chính sách (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể) với các tổ chức và cá nhân kinh doanh vàng.

Một chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng được ban hành phải phù hợp với môi trường trong nước, xuất phát từ những vấn đề nảy sinh trong thực tế của thị trường vàng và lại trở về giải quyết chính những vấn đề đó, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng phải xuất phát từ những bất cập trong thực tế trên thị trường vàng để rồi từ đó giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh vàng. Nghĩa là cả mục tiêu và biện pháp của chính sách phải phù hợp với tình hình thị trường, vừa đáp ứng được yêu cầu giải quyết các vấn đề tồn tại của thị trường, vừa không làm phát sinh những vấn đề mâu thuẫn với mục tiêu quản lý của Nhà nước.

- Đảm bảo tính đồng bộ và toàn diện

Hệ thống chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng có nhiều bộ phận, chế định khác nhau, nhưng chúng luôn có liên quan và thống nhất với nhau. Do vậy, tính đồng bộ của hệ thống chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng đòi hỏi phải trên cơ sở sự đầy đủ của hệ thống pháp luật, bảo đảm sự ăn khớp, thống nhất và nhất quán giữa các văn bản quy phạm pháp luật, loại bỏ mọi mâu thuẫn, trùng lặp hay chòng chéo trong bản thân hệ thống. Nếu trong hệ thống chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng có những quy định không đồng bộ, giữa các bộ phận của nó chứa

đụng mâu thuẫn, chông chéo, thì hệ thống chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng không thể tạo ra sự điều chỉnh pháp luật có hiệu quả, thậm chí còn gây khó khăn cho hoạt động thực tiễn.

Sự đồng bộ của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng trước hết được xác định bởi sự đồng bộ giữa các luật có liên quan về lĩnh vực kinh tế tài chính... Để đạt được điều này cần phải chú ý, một mặt, xác định rõ ranh giới hệ thống chính sách về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng với các ngành luật khác, mặt khác, phải tạo ra được hệ thống chính sách căn bản thống nhất.

Tính toàn diện là tiêu chuẩn cơ bản thể hiện mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý. Tính toàn diện là tiêu chuẩn để “*định lượng*” chính sách quản lý về hoạt động kinh doanh vàng, có ý nghĩa quan trọng nhằm tiếp tục nghiên cứu để “*định tính*” chúng. Tính toàn diện đòi hỏi chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng phải có đầy đủ các chế định pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện của các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh vàng phù hợp với đặc trưng của từng loại hoạt động là: hoạt động SX, gia công và mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động mua, bán vàng miếng; hoạt động XNK vàng... và thể hiện thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương ứng, đồng thời trong từng chế định pháp luật đó phải có đầy đủ các quy phạm pháp luật cần thiết.

Nội dung chính sách phải đáp ứng được các tiêu chuẩn sau đây: (i) Phù hợp với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng; (ii) Phù hợp với chính sách quản lý ngoại hối của Nhà nước; (iii) Phù hợp với các điều kiện chính trị, KT-XH tồn tại một cách khách quan. Tính phù hợp của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng thể hiện sự tương quan giữa trình độ của chính sách với sự phát triển của nền kinh tế, chính trị, văn hoá, XH ở mỗi thời kỳ phát triển, cũng như hệ thống pháp luật nói chung; (iv) Phù hợp với những nguyên tắc, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đảm bảo cho thị trường vàng hoạt động công khai, minh bạch; (v) Phù hợp với các thông lệ quốc tế trong giai đoạn hội nhập.

- *Đảm bảo tính ổn định và minh bạch*

Để đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước nói chung và chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng nói riêng, ngoài các tiêu chí trên, tính ổn định cũng là một chỉ tiêu cần thiết. Tính ổn định của chính

sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi cho các chủ thể tham gia thị trường. Nếu chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng không ổn định sẽ gây nên rủi ro nhất là rủi ro tài chính cho các chủ thể kinh doanh trên thị trường, bao gồm các DN, các NHTM kinh doanh vàng; các nhà đầu tư và kể cả người dân.

Tính minh bạch của chính sách được thể hiện ở sự công khai, chính xác, mục đích rõ ràng của cơ quan ban hành chính sách và cơ quan tổ chức thực thi chính sách và quan trọng hơn đó là gắn với những bảo đảm để người dân có thể tiếp cận với các quy định của chính sách để tham gia tích cực vào các chính sách. Với chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, tính minh bạch phải bảo đảm cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm soát được hoạt động của thị trường vàng. Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay tính minh bạch phải được thể hiện trong quá trình xây dựng ban hành các chính sách và thực thi các chính sách nói chung và các chính sách quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vàng nói riêng.

- Có tính khả thi và hiệu quả

Tính khả thi của chính sách phụ thuộc vào sự ủng hộ của dân chúng, trình độ điều hành quản lý của Nhà nước và các điều kiện thuận lợi của môi trường. Đối với chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, tính khả thi phụ thuộc vào trình độ quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, NHTW, Bộ Tài chính, Bộ Công thương...) là các cơ quan ban hành chính sách, phụ thuộc vào sự ủng hộ của người thụ hưởng chính sách (các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh vàng) và các điều kiện thuận lợi của môi trường.

Hiệu quả của chính sách là cơ sở để duy trì sự tồn tại và phát triển của các quá trình KT-XH theo định hướng. Hiệu quả của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng chính là khả năng tác động vào các quan hệ kinh tế trên thị trường vàng. Hiệu quả của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng phải được đánh giá gắn liền với hiệu quả hoạt động của thị trường vàng và kết quả chính trị, KT-XH mà chính sách mang lại.

2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng

Những năm gần đây, thị trường vàng thế giới cũng như tại các quốc gia biến động rất mạnh và thu hút được sự quan tâm của nhiều người. Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh trên

thị trường vàng, tuy nhiên trong luận án này, NCS tập trung nghiên cứu hai nhóm yếu tố chính: Yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan.

2.2.4.1. Nhóm yếu tố khách quan

Các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng gồm: Mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế và thị trường vàng; Sự ổn định của giá trị đồng bản tệ và giá trị hối đoái của đồng bản tệ so với các loại ngoại tệ mạnh khác; Sự ổn định kinh tế; Tình hình chính trị; Tâm lý và thói quen của người dân đối với vàng.

- *Mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế và thị trường vàng.* Mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế và thị trường vàng là yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh vàng. Trong các thời kỳ khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện phát triển KT-XH, mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế và thị trường vàng của Nhà nước có thể thay đổi, tất yếu đòi hỏi các cơ quan quản lý nhà nước cũng phải thay đổi các chính sách quản lý của mình đối với hoạt động kinh doanh vàng cho phù hợp.

- *Sự ổn định của giá trị đồng bản tệ và giá trị hối đoái của đồng bản tệ so với các loại ngoại tệ mạnh khác.* Nếu nước nào có nền tài chính ổn định, lạm phát được kiểm soát chặt chẽ, sự biến động của giá vàng sẽ không ảnh hưởng đến giá trị đồng bản tệ thì chính sách quản lý thị trường vàng sẽ được tự do hóa, không có cản trở trong các giao dịch vàng. Ngược lại, nếu lạm phát gia tăng sẽ khiến các nhà đầu tư cũng như người dân trong nước và quốc tế đều hướng đến việc mua và tích trữ vàng, đẩy giá vàng lên cao, tác động trực tiếp đến sự biến động của tỷ giá. Giá vàng tăng làm cho nhu cầu mua ngoại tệ mạnh để NK vàng lớn dẫn đến tỷ giá của đồng nội tệ so với các đồng ngoại tệ mạnh tăng vọt. Khi đó, Nhà nước sẽ phải có chính sách quản lý chặt chẽ các hoạt động giao dịch, XK vàng, thị trường vàng sẽ không được tự do hóa [2].

- *Sự ổn định kinh tế.* Một nền kinh tế ổn định hay không được đánh giá dựa vào các chỉ tiêu như: biến động tỷ giá hối đoái, lạm phát, thâm hụt cán cân thương mại, khả năng huy động vốn trên TTTC... Nếu nền kinh tế không ổn định, các chỉ tiêu trên không được kiểm soát chặt chẽ, đồng nội tệ mất giá, lạm phát tăng cao thì vai trò của vàng sẽ tăng và chi phối mạnh đến việc ổn định nền kinh tế, ổn định tiền tệ và như vậy chính sách quản lý thị trường vàng sẽ phải quy định chặt chẽ hơn nhằm hỗ trợ cho CSTT [2; 18].

- *Tình hình chính trị.* Chiến tranh gây những tổn thất khôn lường. Khi xảy ra chiến tranh sẽ kéo theo giá cả của hàng loạt hàng hóa gia tăng, làm đẩy lên mỗi

quan ngại lạm phát bùng phát, đồng thời làm gia tăng tính hấp hấp dẫn của vàng với vai trò là công cụ chống lạm phát, dẫn đến giá vàng chắc chắn sẽ tăng lên. Bên cạnh đó, khủng bố cũng được xem là nguyên nhân gây ra biến động giá vàng. Khi giá vàng biến động đương nhiên ảnh hưởng đến chính sách điều hành của Nhà nước trong quản lý hoạt động kinh doanh vàng [2; 18].

- *Tâm lý và thói quen của người dân đối với vàng.* Ngày nay tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, người dân có nhu cầu sở hữu, nắm giữ vàng do tập quán, thói quen sử dụng vàng làm phương tiện cất trữ và nhu cầu sử dụng vàng làm đồ trang sức. Xu hướng tích trữ và đầu tư vàng trên thị trường vàng quá lớn sẽ tác động tiêu cực đến môi trường kinh tế vĩ mô trong nước. Do đó, chính sách quản lý thị trường vàng phải hướng tới việc kiểm soát được việc kinh doanh, đầu tư vàng của đối tượng đầu tư, tiêu dùng. Từ đó, Chính phủ không nhất thiết phải cấm người dân mua, bán và tích trữ vàng miếng mà vẫn quản lý được nguồn lực tài chính quốc gia và công cụ để đưa ra các biện pháp cần thiết, kịp thời nhằm ổn định và điều tiết thị trường khi cần. Hơn thế, tâm lý và thói quen của dân cư trong tích trữ vàng sẽ dẫn đến hiện tượng “vàng hóa”. Điều này lại gây ra nhiều khó khăn cho NHTW trong điều hành CSTT và cho Chính phủ trong huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế [1; 35].

2.2.4.2. Nhóm yếu tố chủ quan

Ngoài các nhân tố khách quan nêu trên, ảnh hưởng đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng còn có các nhân tố chủ quan, đó là: Sự thống nhất trong các quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động hoạt động kinh doanh vàng; Chất lượng nguồn nhân lực tham gia xây dựng và hoạch định chính sách; Khả năng thu thập và xử lý thông tin; Tổ chức thực hiện chu trình chính sách; Công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát đánh giá thực hiện chính sách.

- *Sự thống nhất trong các quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.* Nếu các qui định trong quản lý có sự thống nhất thì sẽ giúp nâng cao hiệu quả của các chính sách, tạo những tác động tích cực để phát triển thị trường theo đúng định hướng của Nhà nước. Tuy nhiên, nếu các quy định thiếu thống nhất thì chính sự phân tán trong quản lý nhà nước này sẽ tạo nhiều kẽ hở trong quản lý, gây nên những tác động bất lợi khi thị trường có biến động [35].

- *Chất lượng nguồn nhân lực tham gia xây dựng và hoạch định chính sách:* Trong bất cứ hoạt động nào, yếu tố con người cũng đóng vai trò quan trọng nhất. Con người là chủ thể của mọi hoạt động. Do đó, yếu tố cốt lõi tác động đến các chính sách quản lý nhà nước nói chung và đối với hoạt động kinh doanh vàng nói

riêng chính là chất lượng nguồn nhân lực. Nhân lực tham gia hoạch định chính sách thị trường vàng gồm: Quốc hội, Chính phủ, NHTW và sự kết hợp với các cơ quan, bộ ngành có liên quan. Để hoạch định một chính sách thị trường vàng hoàn thiện và có hiệu quả đòi hỏi nguồn nhân lực phải có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức của các nhà hoạch định chính sách, tránh ban hành chính sách chỉ hướng tới mục tiêu đảm bảo lợi ích nhóm.

- *Khả năng thu thập và xử lý thông tin*: Để hoạch định chính sách quản lý nhà nước đối với các hoạt động KT-XH nói chung và đối với hoạt động kinh doanh vàng nói riêng thì việc thu thập và xử lý thông tin là cơ sở quan trọng để đưa ra các chính sách phù hợp và hiệu quả đảm bảo cho thị trường phát triển ổn định và bền vững. Với những thông tin khách quan, chính xác, có độ tin cậy cao, kịp thời, có tính pháp lý và phương pháp xử lý thông tin phù hợp thì chất lượng của các chính sách sẽ được nâng cao.

- *Tổ chức thực hiện chu trình chính sách*: Chu trình chính sách bao gồm nhiều khâu/bước. Mỗi bước có mối quan hệ và tác động tương hỗ lẫn nhau. Muốn nâng cao chất lượng và hiệu quả của các chính sách quản lý nhà nước nói chung, quản lý hoạt động kinh doanh vàng nói riêng cần phải tổ chức thực hiện chu trình chính sách một cách hợp lý, đúng đắn và khoa học (từ phát hiện vấn đề, ban hành chính sách, thực thi chính sách, đến đánh giá chính sách sau khi triển khai...).

- *Công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát đánh giá thực hiện chính sách*: Công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát đánh giá tình hình thực hiện chính sách cũng là một nhân tố ảnh hưởng đến chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng. Chính sách có tốt đến đâu nhưng công tác thanh tra, giám sát thực thi chính sách không tốt thì cũng không thể phát huy được hết hiệu quả của chính sách.

Ngoài ra, công tác đánh giá chính sách là nhằm chỉ ra những mặt được, và những mặt còn chưa được của chính sách, qua đó giúp cơ quan quản lý nhà nước bổ sung, hoàn chỉnh chính sách để nâng cao hiệu quả và tính khả thi của chính sách. Có như vậy chính sách mới phát huy được hết hiệu quả của nó đối với nền KT-XH.

2.3. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Để có cơ sở đưa ra định hướng hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng (vàng miếng và vàng ghi sổ) ở Việt Nam, NCS đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về chính sách quản lý thị trường vàng, gồm: chính sách XNK vàng, kinh doanh vàng miếng, giao dịch phái sinh vàng và chính sách

thuế tại 4 quốc gia Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan và Mỹ. Trong đó, Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ là các quốc gia có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về các mặt KT-XH, về nhu cầu vàng, về địa lý, văn hóa... Còn Mỹ là một quốc gia có hệ thống pháp luật chặt chẽ và an toàn bậc nhất thế giới. Không những vậy, thập kỷ qua đã có rất nhiều thành tựu trong công tác điều hành và quản lý thị trường vàng của cơ quan chuyên trách Mỹ. Do đó, tìm hiểu quá trình quản lý hoạt động kinh doanh vàng tại các quốc gia này sẽ mang lại nhiều kinh nghiệm hữu ích dành cho các nhà quản lý thị trường vàng ở Việt Nam.

2.3.1. Chính sách của Trung Quốc đối với hoạt động kinh doanh vàng

2.3.1.1. Chính sách quản lý và kế hoạch tự do hóa thị trường vàng

Trung Quốc coi vàng là hàng hóa đặc biệt được Nhà nước thống nhất quản lý bởi đầu mối duy nhất là Ngân hàng nhân dân Trung Hoa (People's Bank of China, viết tắt là PBOC - NHTW của Trung Quốc). Trong giai đoạn từ năm 1949 đến năm 2001, Trung Quốc thực hiện kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh vàng, PBOC giữ vai trò độc quyền trên thị trường vàng trong nước từ khâu khai thác, tinh chế, gia công đến khâu mua bán, XNK vàng. Thời kỳ này kinh tế Trung Quốc đóng cửa, các giao dịch về vàng bị cấm hoàn toàn, vàng khai thác được sau khi tinh chế phải bán cho PBOC, PBOC sẽ bán lại cho các công ty kinh doanh vàng bạc để gia công thành vàng trang sức, các công ty này chỉ được bán vàng trang sức cho dân, song không được mua vàng trang sức của dân chúng. Người dân muốn bán vàng trang sức phải bán cho PBOC thông qua các chi nhánh của PBOC. Tuy nhiên, từ năm 2001 đến nay khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thị trường vốn, thị trường tiền tệ phát triển, thị trường vàng Trung Quốc đã có những thay đổi đáng kể. Cùng với việc tự do hóa thị trường tài chính¹, Trung Quốc đã có những bước tiến mạnh mẽ trong việc tự do hóa từng bước thị trường vàng. Về cơ bản, kế hoạch tự do hóa thị trường vàng của Trung Quốc cũng bao gồm 3 giai đoạn như nhiều nước khác, đó là:

- Giai đoạn 1: Xóa bỏ chế độ độc quyền kinh doanh vàng và cơ chế kiểm soát giá, đồng thời thành lập Sở giao dịch vàng Thượng Hải (SGE);
- Giai đoạn 2: Từng bước xóa bỏ cơ chế cấp phép đối với hoạt động SX, bán buôn và bán lẻ vàng, bước đầu là đối với hoạt động bán lẻ, sau đó cho phép cá nhân được tham gia giao dịch vàng miếng;

¹ Một quốc gia cần có 4 điều kiện để đảm bảo tự do hóa thị trường tài chính: (1) Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định; (2) Hành lang pháp lý đồng bộ, đầy đủ và ngày càng hoàn thiện; (3) Hệ thống tài chính nói chung và hệ thống NHTM nói riêng ổn định và hoạt động hiệu quả; (4) Thị trường tài chính nói chung đã hình thành và hoạt động ổn định, góp phần quan trọng trong việc tạo lập và cung ứng vốn cho nền kinh tế.

- Giai đoạn 3: Xóa bỏ từng bước chế độ quản lý XNK vàng.

Từ năm 2001, thực hiện kế hoạch tự do hóa, hàng loạt biện pháp nới lỏng kiểm soát và mở rộng khả năng tham gia của các DN và các nhà đầu tư đối với thị trường vàng đã được PBOC thực thi [62]:

- Về thị trường vàng tập trung: Thành lập Sàn giao dịch vàng Thượng Hải tập trung toàn bộ hoạt động giao dịch đầu tư vàng vật chất.

- Về thị trường phái sinh: Cấp phép mở hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản cho các ngân hàng tham gia SGE.

- Về hoạt động XNK vàng: Bãi bỏ chế độ kiểm soát chặt chẽ XNK, cấp phép các doanh nghiệp trong nước tham gia hoạt động XNK.

2.3.1.2. Chính sách quản lý Sàn giao dịch vàng Thượng Hải

Sàn giao dịch vàng Thượng Hải do NHTW Trung Quốc góp vốn 100%, được cấp phép thành lập vào tháng 11/2001 và chính thức đi vào hoạt động tháng 10/2002. Đây là sàn giao dịch vàng vật chất theo phương thức mua bán giao ngay. Sản phẩm được phép giao dịch là vàng miếng đạt tiêu chuẩn quốc tế có trọng lượng 100 gr, có chất lượng cao Au 99,99 và Au 99,95, sau đó mở rộng sang các kim loại quý khác như bạch kim (Pt 99,95) và bạc (Ag).

Hệ thống thành viên của SGE bao gồm các tổ chức kinh tế trong nước như các công ty kinh doanh vàng, các tổ chức tài chính và các thành viên chủ chốt (nhà tạo lập thị trường, đại lý nhận lệnh, hoạt động ngân hàng thanh toán, cung cấp dịch vụ lưu kho, giao nhận). Đến tháng 12/2006, các nhà đầu tư cá nhân và một số ngân hàng nước ngoài bắt đầu được cấp phép thành viên giao dịch trên sàn [62].

PBOC là cơ quan có thẩm quyền quản lý, giám sát, chi phối mọi hoạt động của SGE, thể hiện rõ nhất ở cơ cấu tổ chức và nhân sự điều hành:

- Giám sát việc lập Hội đồng thành viên: Đây là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Sàn, bao gồm đại diện hợp pháp của các thành viên SGE. Theo quy định, SGE có trách nhiệm gửi báo cáo thông tin về HĐTV tới PBOC trong vòng 10 ngày kể từ khi Hội đồng được thành lập.

- Tham gia HĐQT: Đây là cơ quan giám sát thực hiện các quyết định của HĐTV. Cơ cấu HĐQT bao gồm các ủy viên là thành viên của HĐTV, do HĐTV lựa chọn và các ủy viên không thuộc HĐTV - các ủy viên này đều do PBOC bổ nhiệm. Chủ tịch và Phó chủ tịch của HĐQT do HĐQT lựa chọn và đều phải được PBOC tiến cử. PBOC có quyền triệu tập họp HĐQT bất thường và tiếp nhận mọi báo cáo về các quyết định, tài liệu có liên quan trong vòng 10 ngày kể từ thời điểm họp HĐQT.

- Bổ nhiệm Tổng giám đốc và Phó tổng giám đốc: Đây là những người trực tiếp điều hành mọi công việc hàng ngày của Sàn. Họ phải được PBOC bổ nhiệm theo nhiệm kỳ 2 năm. Sau khi Tổng giám đốc nghỉ việc, phải có tổ chức độc lập đứng ra kiểm tra sau thôi việc và báo cáo kết quả kiểm tra lên PBOC trong vòng 10 ngày.

- Quản lý tư cách thành viên: PBOC nắm quyền xét duyệt hồ sơ đăng ký và quyết định kết nạp thành viên mới, cũng như chấm dứt, hủy bỏ tư cách thành viên hiện hữu.

- Quyết định dừng hoạt động Sàn: Sau khi kết thúc thời hạn hoạt động đã đăng ký (50 năm) mà HĐTV không quyết định tiếp tục hoạt động, hoặc có các đề án sáp nhập, chia tách... thì PBOC là cơ quan có trách nhiệm phê duyệt và quyết định việc đóng cửa SGE [35].

Như vậy, mặc dù có sự tham gia hoạt động của các thành viên, nhưng PBOC vẫn giữ vai trò quản lý chính về các hoạt động và quyết định, đảm bảo Sàn hoạt động minh bạch và hiệu quả dưới sự quản lý của NHTW.

PBOC điều hành khá linh hoạt đối với sàn vàng, các đơn vị kinh doanh được cho phép thực hiện XNK khi có chênh lệch giá, đồng thời NHTW vẫn trực tiếp tham gia mua bán nhằm bình ổn giá, chống tình trạng buôn lậu vàng. PBOC đã đưa thị trường vàng miếng của Trung Quốc sang phương thức giao dịch theo cơ chế khớp lệnh tập trung, giá cả được quyết định bởi cung cầu thị trường. Theo các số liệu thống kê cho thấy, mặc dù hoạt động XNK vàng vẫn được quản lý chặt chẽ, nhưng giá vàng giao dịch (đã bao gồm cả thuế và các chi phí NK) khá sát với giá vàng giao dịch trên thế giới.

2.3.1.3. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản

Tháng 12/2006, PBOC cho phép nhà đầu tư cá nhân được phép giao dịch vàng miếng trên sàn SGE, được mua bán vàng miếng với các ngân hàng được phép. Nhờ đó, vàng trở thành kênh đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư cá nhân cùng với các kênh đầu tư khác như chứng khoán, tiền tệ, bất động sản. Với sự tham gia của các nhà đầu tư cá nhân, tính thanh khoản của vàng trên Sàn cũng được nâng lên đáng kể.

Tháng 12/2006, PBOC cũng chính thức cho phép các NHTM được cung cấp dịch vụ kinh doanh vàng tài khoản cho khách hàng cá nhân. Kinh doanh vàng qua tài khoản là việc nhà đầu tư có thể thực hiện giao dịch mua bán vàng trên tài khoản của mình nhưng trên thực tế không diễn ra việc giao nhận vàng vật chất cũng như không thể rút vàng vật chất từ tài khoản của mình. Về bản chất, đây chính là một loại đầu tư tài chính, tìm kiếm lợi nhuận nhờ chênh lệch giá.

Quy định đối với hoạt động kinh doanh vàng tài khoản của Trung Quốc được xây dựng tương đối hoàn chỉnh:

- PBOC là cơ quan cấp phép đối với các tổ chức tài chính tham gia kinh doanh vàng tài khoản. Để được PBOC chấp thuận cung cấp dịch vụ các ngân hàng phải là thành viên của SGE.

- Các nhà đầu tư tham gia giao dịch vàng qua tài khoản phải là các nhà đầu tư cá nhân. Mỗi nhà đầu tư cá nhân phải mở 2 tài khoản (1 tài khoản tiền thanh toán và 1 tài khoản vàng) và không được phép giao dịch quá số dư trong cả 2 tài khoản. Ngân hàng không được phép cho các nhà đầu tư vay để đầu tư vượt quá số tiền hoặc vàng họ đang nắm giữ hay không sử dụng đòn bẩy tài chính (tỷ lệ ký quỹ là 100%). Quy định này sẽ hạn chế quy mô giao dịch vàng tài khoản nhưng giảm thiểu rủi ro cho các nhà đầu tư trong trường hợp đầu tư thua lỗ [35; 62; 72].

Như vậy, PBOC đã điều hành thị trường vàng tài khoản một cách rất thận trọng. Các quy định nói trên đã giúp cho NHTW có thể khống chế được quy mô thị trường, kiểm soát được khả năng tham gia của các ngân hàng, giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư trong quá trình kinh doanh.

2.3.2. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng của Ấn Độ

2.3.2.1. Chính sách quản lý đối với hoạt động kinh doanh vàng miếng

Với loại hình kinh doanh huy động vàng, năm 1998 - 1999, Ấn Độ từng bước đưa ra kế hoạch thúc đẩy hoạt động này khi mới bắt đầu mở cửa thị trường. Trong đó, các ngân hàng sẽ được phép huy động vàng từ dân chúng có trả lãi và phát hành các chứng chỉ vàng trên giá trị huy động, những chứng chỉ này có thể chuyển nhượng tự do và giao dịch trên thị trường thức cấp. Tuy nhiên, kế hoạch này đã hoàn toàn thất bại do người dân Ấn Độ có thói quen tích lũy và giao dịch vàng vật chất. Chỉ sau hơn 1 tháng thực hiện huy động, giá vàng tại Ấn Độ biến động mạnh và liên tục bị đẩy lên cao. Rất nhiều người dân rút vàng trước hạn để chốt lời khiến cơ cấu vốn của các ngân hàng mất cân đối nghiêm trọng, bên cạnh đó là rủi ro về thanh khoản vàng. Lúc trước, các ngân hàng nhận vốn huy động bằng vàng của người dân với giá trị quy đổi khá thấp, đến ngày đáo hạn, do thanh khoản vàng của đa số các ngân hàng gặp khó khăn, buộc phải mua vàng bổ sung ở mức giá rất cao để tất toán trạng thái. Đây chính là nguyên nhân gây ra thua lỗ trong hoạt động kinh doanh vàng tại các ngân hàng tại Ấn Độ. Trong khi đó, thực tế vốn huy động vàng của các ngân hàng cũng đóng góp rất hạn chế vào hoạt động phát triển kinh doanh

tại nước này. Xuất phát từ những bất cập đó, Chính phủ Ấn Độ chính thức ban hành lệnh cấm huy động vàng trong dân tại các ngân hàng vào tháng 03/1999.

Đối với hoạt động kinh doanh vàng vật chất, Ấn Độ chủ yếu thúc đẩy qua các Sở giao dịch hàng hóa. Năm 2003, Chính phủ Ấn Độ đã cấp phép hoạt động cho 2 sàn giao dịch (NCDEX và MCI), đồng thời cho phép các ngân hàng giao dịch hợp đồng vàng kỳ hạn trong nước hoặc quốc tế nhưng không được phép giao dịch với tổ chức phi ngân hàng. Đây là bước đi khá khôn ngoan, vừa tạo môi trường thông thoáng cho các ngân hàng tham gia thị trường đồng thời vẫn kiểm soát được rủi ro khi cho sử dụng công cụ phái sinh vàng [65; 73].

2.3.2.2. Chính sách quản lý đối với hoạt động xuất nhập khẩu vàng

Ở Ấn Độ, do không được thiên nhiên ưu đãi nguồn vàng khai thác nên vàng chủ yếu là từ nguồn NK. Do vậy, trong quản lý thị trường vàng của Ấn Độ, chính sách quản lý XNK vàng là một trong những chính sách quan trọng.

Trong suốt một thời gian dài (từ năm 1968 đến năm 1990), chính sách XNK vàng ở Ấn Độ buộc phải đi theo hướng siết chặt kiểm soát. Khi thị trường trong nước chưa phát triển, nguồn cung có hạn, trong khi cầu vàng tại Ấn Độ lại rất lớn bởi thói quen tích trữ vàng của dân chúng đã dẫn đến tình trạng buôn lậu vàng. Để có thể nhập lậu vàng cần có ngoại tệ để thanh toán đã khiến nhu cầu ngoại tệ gia tăng trong khi các biện pháp quản lý ngoại hối còn lỏng lẻo dẫn đến thị trường chợ đen phát triển. Do vậy, trong giai đoạn này, RBI được toàn quyền quản lý việc XNK vàng nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của việc nhập lậu vàng đến tỷ giá hối đoái [65; 73].

Từ năm 1990, khi thị trường tài chính Ấn Độ đã hội đủ các điều kiện tự do hóa, Chính phủ Ấn Độ nói chung và RBI nói riêng ngày càng mở rộng trong chính sách quản lý XNK tiến tới tự do hóa thị trường vàng vào năm 1997. Từ việc coi vàng như ngoại hối, Chính phủ Ấn Độ đánh thuế XNK vàng đã dần chuyển sang tự do hóa, giảm dần mức độ tham gia của RBI vào thị trường. Chính phủ đã chuyển sang cấp giấy phép XNK cho các ngân hàng và các tổ chức tài chính đáp ứng đủ một số tiêu chuẩn nhất định về vốn, kinh doanh... Việc XNK vàng của các DN đủ điều kiện không còn bị rào cản hạn chế từ RBI, đồng thời RBI cũng không còn tham gia trực tiếp vào việc XNK vàng mà chỉ thông qua các chính sách thuế XK, NK. Việc này vừa giúp nguồn cung vàng NK được khai thông, lượng vàng NK tăng liên tục, vừa tạo điều kiện để các ngân hàng và tổ chức tài chính tham gia mạnh mẽ hơn

vào thị trường vàng trong nước, thúc đẩy hoàn thiện thị trường vàng, hạn chế được tình trạng buôn lậu vàng [65; 71].

2.3.2.3. Chính sách phát triển sàn giao dịch

Ở Ấn Độ, năm 2003, Chính phủ Ấn Độ đã cấp phép hoạt động cho hai sàn giao dịch là sàn giao dịch NCDEX và sàn giao dịch MCI, đồng thời cho phép các ngân hàng giao dịch hợp đồng vàng kỳ hạn trong nước hoặc quốc tế nhưng không được phép giao dịch với tổ chức phi ngân hàng. Với hướng đi đúng đắn và phù hợp này, đến nay Ấn Độ đã có tổng cộng 4 sàn giao dịch vàng quốc gia thực hiện giao dịch vàng, trong đó MCI được coi là Sở giao dịch lớn nhất thế giới đối với 2 loại hàng hóa là vàng và bạc [71].

2.3.3. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng của Thái Lan

2.3.3.1. Chính sách quản lý nhập khẩu vàng

Quá trình điều hành nhập khẩu vàng ở Thái Lan có thể chia thành 3 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1: Cấm và hạn chế nhập khẩu.* Giai đoạn này bắt đầu từ năm 1945, khi nền kinh tế Thái Lan có nhiều dấu hiệu bất ổn. Trong bối cảnh lạm phát lên đến 2 con số, vàng trở thành tài sản đầu tư - công cụ tích trữ được ưa chuộng nhất. Người dân đổ xô đi mua vàng khiến gia tăng nguy cơ phá giá đồng nội tệ. Để ổn định tình hình, năm 1951, Chính phủ đã cấm NK vàng thông qua Sắc lệnh Hoàng gia về quản lý NK một số sản phẩm vào nội địa (phiên bản 4). Ngoài ra, Chính phủ cũng đặt ra mức thuế NK rất cao là 35%. Sau một thời gian thực hiện, giá trị đồng bạc Thái dần quay trở lại trạng thái ổn định, lượng cung vàng trên thị trường được kiểm soát hiệu quả, triệt tiêu phần nào những cú sốc về giá vàng. Như vậy, có thể thấy rằng, mỗi khi giá vàng bị đẩy lên cao thì chính sách thắt chặt NK vàng là một giải pháp rất hữu hiệu để phòng ngừa nguy cơ phá giá nội tệ.

- *Giai đoạn 2: Độc quyền nhập khẩu.* Lúc này, tình hình kinh tế vĩ mô của Thái Lan vẫn chưa có nhiều chuyển biến, hệ thống pháp luật chưa thực sự hoàn thiện, hệ thống tài chính cũng như hệ thống NHTM tuy đã hình thành, song phát triển chưa đồng bộ. Chính những bất cập đó đã chưa cho phép kinh tế Thái Lan quá độ sang cơ chế tự do hóa. Theo quan điểm của Chính phủ Thái Lan, một DN tư nhân độc quyền về việc XNK vàng miếng sẽ mang đến hiệu quả cao hơn trong việc quản lý hoạt động kinh doanh vàng vì vậy, ngày 9/3/1989, Bộ Tài chính, đại diện cho Chính phủ đã ký hợp đồng 1 năm với Mocactta & Goldsmit, một công ty tư nhân, để chịu trách nhiệm XNK vàng miếng. Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, áp dụng giải pháp này trong thời kỳ lúc đó là rất hợp lý, giúp Nhà nước Thái

Lan kiểm soát hiệu quả lượng cung trên thị trường, hạn chế vẫn nạn buôn lậu vàng, thiết lập cơ chế tỷ giá hối đoái ổn định, tạo tiền đề phát triển bền vững nền kinh tế.

- *Giai đoạn 3: Mở cửa thị trường.* Đến đầu những năm 90, kinh tế Thái Lan bắt đầu khởi sắc, nền kinh tế tăng trưởng, lạm phát được kiểm chế hiệu quả, NSNN dần trở lại trạng thái cân bằng, hệ thống tài chính trải qua nhiều biến cố cũng đã đạt được sự ổn định cần thiết, hệ thống phòng ngừa rủi ro tài chính từ xa của Thái Lan đã phát huy hiệu quả, hành lang pháp lý trở nên hoàn thiện, TTTC phát triển đa dạng, các điều kiện tự do hóa tài chính đã được thỏa mãn nên Chính phủ Thái Lan bắt đầu tiến hành đề án tự do hóa thị trường từ năm 1991.

Đầu thời kỳ, lượng vàng NK của Thái Lan gia tăng liên tục, trong đó phần lớn là vàng nhập lậu. Thị trường vàng không chính thức phát triển một cách công khai. Thực tế này cho thấy rằng, gốc rễ của nhập lậu không bắt nguồn từ sự hạn chế NK. Vì vậy, từ năm 1990, Chính phủ quyết định cắt giảm thuế NK vàng từ 35% xuống chỉ còn 5%. Đồng thời, Chính phủ đã cho phép 3 nhà NK vàng hợp nhất, bao gồm Công ty độc quyền NK vàng Quốc gia là đại diện của Chính phủ, nhà NK thứ hai được điều hành bởi “*Hiệp hội những nhà buôn kim cương và đá quý*” và nhà NK thứ ba là một tổ chức tư nhân, đại diện cho quyền lợi của những nhà bán lẻ quy mô nhỏ, không thuộc Hiệp hội. Một trong những đột phá quan trọng của chính sách trong giai đoạn này là sự phân định rõ ràng giữa vàng miếng và vàng trang sức đã được hình thành.

Song song với quyết định giảm thuế NK, Chính phủ Thái Lan quyết định tự do hóa hoạt động NK vàng. Ngày 7/5/1991, Văn phòng Chính phủ Thái Lan quy định điều kiện đối với các DN tư nhân NK vàng gồm: (i) Phải có đăng ký; (ii) Các nhà NK phải có kế hoạch về lượng vàng NK [35; 69].

Việc tự do NK vàng đã gặt hái được những thành công nhất định: Thị phần NK vàng miếng tăng từ 16% lên 20% trong năm; Thúc đẩy các nhà SX hoạt động trên thị trường hợp pháp. Tuy nhiên, nó chưa thể hạn chế được nạn buôn lậu vàng.

2.3.3.2. Chính sách xử lý nạn buôn lậu

Kể từ khi Thái Lan thực hiện chính sách siết chặt hoạt động NK vàng nạn buôn lậu đã trở thành một vấn đề nhức nhối. Để chấm dứt nạn buôn lậu, Hiệp hội kinh doanh vàng và Hiệp hội kỹ nghệ kim cương và đá quý đã đề xuất với Chính phủ về việc miễn thuế GTGT đầu ra đối với vàng miếng nhưng thuế GTGT khi NK vàng nguyên bằng 7% nên người tiêu dùng vẫn phải chịu thuế 7% đối với vàng miếng tính trên phần giá trị gia tăng do chế tác và nguyên liệu đầu vào. Do vậy, vẫn không xóa sổ được nạn buôn lậu. Sau đó Hiệp hội kinh doanh vàng và Hiệp hội kỹ

nghe kim cương và đá quý lại đề xuất đánh thuế GTGT với thuế suất 0% đối với kinh doanh vàng miếng. Với thuế suất 0%, nhà kinh doanh được hoàn lại toàn bộ thuế GTGT đầu vào và không phải đóng thuế GTGT đầu ra. Người tiêu dùng được mua hàng hóa không có thuế. Khi NK vàng miếng, thuế suất 0% sẽ cắt giảm một lượng thuế đáng kể. Số thuế này chắc chắn sẽ vượt qua toàn bộ số lợi tức từ hoạt động buôn lậu, và như vậy sẽ chặn đứng được tình trạng buôn lậu [69].

2.3.3.3. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng

Ở Thái Lan, thị trường vàng miếng chịu sự quản lý rất chặt chẽ của Nhà nước. Các giao dịch vàng miếng bị đánh thuế GTGT là 7% trong khi vàng trang sức cũng chịu thuế GTGT 7% nên chủ yếu người dân đầu tư vào vàng trang sức mà ít quan tâm đến thị trường vàng miếng; Nhà nước quy định mức tối thiểu cho mỗi lần đặt mua vàng miếng của các cửa hàng từ các nhà NK, do vậy chỉ có những cửa hàng lớn mới có thể mua bán trực tiếp với các nhà NK; Nhà nước cấm các khách hàng cá nhân giao dịch vàng miếng trên thị trường; giá vàng miếng tại Thái Lan, độ tinh khiết 96,5% được quyết định bởi một nhóm gồm 7 cửa hàng vàng lớn thuộc Hiệp hội kinh doanh vàng.

Ngoài ra, nguồn cung vàng miếng của Thái Lan khá hạn chế. Thái Lan không phải nước SX vàng nên lượng vàng miếng dự trữ ở nước này hoàn toàn là do NK qua con đường chính thức hoặc phi chính thức. Tuy nhiên, chỉ có một lượng nhỏ vàng miếng được đưa vào giao dịch trên thị trường, còn lại đều di chuyển vào lĩnh vực trang sức [69].

2.3.3.4. Chính sách phát triển thị trường vàng

Cùng với xu hướng mở cửa thị trường tài chính, Chính phủ Thái Lan có nhiều biện pháp phát triển thị trường vàng trong nước nhưng vẫn thận trọng kiểm soát hoạt động XNK vàng, cụ thể:

- Năm 2004, Sở giao dịch hàng hóa (TFEX) thành lập với nội dung hoạt động ban đầu là trao đổi hàng hóa có bảo hiểm rủi ro.

- Năm 2008, Chính phủ Thái Lan quyết định khởi động thị trường vàng, đưa vàng lên giao dịch trên TFEX.

- Năm 2011, điểm sáng là sự ra đời của phiên “giao dịch đêm”. Đây là năm đầu tiên với rất nhiều hoạt động mua bán hợp đồng vàng tương lai, và tổng số hợp đồng được trao đổi tăng tới 120% với số lượng giao dịch trung bình hàng ngày là 41,145.

- Xu hướng phát triển của thị trường Thái Lan: Thị trường phái sinh vàng đã phát triển rất nhanh chóng trên nền tảng một thị trường vàng miếng rất lớn và xu

hướng dùng vàng như một tài sản an toàn. Trong khi TTCK và thị trường vàng phái sinh còn khá tách biệt, xu hướng mới sẽ là chuyển các nhà đầu tư từ thị trường phi tập trung sang Sở giao dịch [35; 69].

2.3.4. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng của Mỹ

2.3.4.1. Chính sách nhập khẩu vàng

Trước đây, trong thời kỳ 1929-1933, Chính phủ Mỹ với chủ trương siết chặt quản lý thị trường vàng, ban hành một loạt lệnh cấm, trong đó có Đạo luật cấm XNK vàng. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, các hình thức vàng vật chất đã được cho phép NK vào Mỹ. Theo quy định của Văn phòng quản lý tài sản nước ngoài (OFAC), Mỹ cấm NK những tài sản vàng sau đây:

- Tài sản có nguồn gốc hoặc được cung ứng từ các nước Cuba, Iran và Sudan;
- Bản sao đồng tiền vàng không có ký hiệu đặc định của quốc gia phát hành;
- Đồng tiền vàng bị làm giả.

Việc NK đồng tiền vàng và vàng miếng tuy không phải chịu nghĩa vụ thuế, song vẫn phải khai báo với cơ quan hải quan Mỹ (CBP). Đối với việc tiếp nhận ngoại hối có giá trị từ 10.000 USD trở lên vào địa phận nước Mỹ, người NK phải khai báo đầy đủ thông tin theo mẫu FINCEN 105 [35; 66].

2.3.4.2. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng

Ở Mỹ, công pháp số 93-373 với nội dung xóa bỏ lệnh cấm giao dịch mua bán, nắm giữ vàng, chính thức có hiệu lực vào ngày 31/12/1974. Đối tượng áp dụng trong lệnh bao gồm các ngân hàng. Với quy định mới này, khối ngân hàng tư nhân hoàn toàn được phép kinh doanh vàng. Công pháp này quy định cụ thể ba loại hình thức vàng vật chất được nhà nước cho phép mua bán trên thị trường bao gồm:

- *Vàng thỏi*: Vàng ở trạng thái nguyên khối, thường được giao dịch trên thị trường hàng hóa. Vàng thỏi có thể được cắt khuôn thành vàng miếng, hoặc đúc thành đồng tiền vàng.

- *Vàng miếng*: Vàng được tạo ra từ nguồn nguyên liệu vàng tinh chế. Quy trình sản xuất, ký mã hiệu và lưu trữ vàng miếng được thực hiện bởi một nhà SX chuyên nghiệp đạt chuẩn do Chính phủ quy định.

- *Đồng tiền vàng*: Được cấu thành phần lớn hoặc hoàn toàn từ vàng. Đồng tiền vàng có thể đem ra giao dịch tương tự như đối với vàng thỏi hoặc được sử dụng làm vật kỷ niệm, sưu tầm hoặc làm huy chương.

Bên cạnh hình thức vàng vật chất, các loại hình giao dịch vàng phi vật chất phổ biến gồm: giao dịch chứng chỉ EIF vàng, hợp đồng quyền chọn và hợp đồng

tương lai vàng, chứng quyền vàng, chứng chỉ quỹ vàng, giao dịch vàng qua tài khoản phân bổ hoặc chưa phân bổ, chứng chỉ vàng gửi và sản phẩm vàng cơ cấu được pháp luật Mỹ công nhận.

Với động thái nói lỏng chính sách, Cục dự trữ Liên bang Mỹ FED tin rằng các ngân hàng tư nhân sẽ có những tính toán cẩn trọng và hợp lý khi quyết định tham gia thị trường. Trước mỗi đợt chào bán các ngân hàng cần quan sát kỹ, đánh giá kỹ lưỡng phản ứng của khách hàng khi giá vàng “hạ nhiệt”, đồng thời đưa ra cảnh báo khi khách hàng quyết định bỏ vốn đầu tư vào vàng vì đây là một lĩnh vực vô cùng rủi ro. Mặt khác, các ngân hàng cần chú ý kiểm tra và cải tiến hệ thống an ninh lưu trữ vàng của mình, đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Công pháp số 93-373 [35; 66].

2.3.4.3. Chính sách quản lý giao dịch phái sinh

Năm 1975 đánh dấu sự ra đời của sàn giao dịch vàng tự do. Năm 1994, COMEX sát nhập với Sở giao dịch hàng hóa tập trung New York (NYMEX) và hiện nay thuộc CME Group. COMEX là sàn giao dịch vàng theo hợp đồng tương lai với quy chế quản lý chặt chẽ. Theo dõi diễn biến giao dịch vàng trên COMEX có thể đánh giá hiệu quả quản lý thị trường vàng của Chính phủ Mỹ [35; 66].

Hiện tại, ở Mỹ có 16 sàn giao dịch công cụ phái sinh với hơn 300 loại hợp đồng được giao dịch, trong đó có 4 sàn giao dịch hợp đồng tương lai lớn nhất nước Mỹ gồm: Ủy ban giao dịch quyền chọn Chicago (CBOE), Sở giao dịch hàng hóa Chicago (CME), Sở giao dịch hàng hóa New York (NYMEX) và Ủy ban giao dịch New York (NYBOT).

Chính phủ Mỹ đã thực hiện nhiều nỗ lực nhằm quản lý quá trình giao dịch và kiểm soát các hành vi gian lận, thiếu trung thực khi giao dịch hợp đồng tương lai trở nên phổ biến tại nước này. Tuy nhiên, những nỗ lực này vấp phải không ít những kháng cự mạnh mẽ trong thời gian dài vì thị trường hợp đồng tương lai mang bản chất kinh tế tư bản. Chính phủ luôn phải cân bằng giữa việc bảo vệ các nhà đầu tư mạo hiểm khỏi những thủ thuật gian lận trên thị trường và việc thiết lập những giới hạn phù hợp trong nền kinh tế thị trường tự do hoàn toàn.

Giao dịch hợp đồng tương lai chịu sự quản lý của sàn giao dịch theo những nguyên tắc nhất định. Mọi giao dịch dù bằng hệ thống điện tử hay đấu thầu trực tiếp đều phải thực hiện trên sàn giao dịch do Chính phủ quản lý:

- *Hợp đồng tương lai giao dịch theo phương pháp đấu giá khớp lệnh*, theo đó sàn giao dịch đứng ra làm trung gian kết nối nhu cầu mua bán của người giao dịch. Do đó, khi tham gia giao dịch, các bên chỉ biết họ đang giao dịch với sàn mà không

cần quan tâm xem đối tác của mình là ai, các rủi ro liên quan đến đối tác được triệt tiêu hoàn toàn.

- *Cơ chế thanh toán bù trừ* là cơ chế vận hành chính của thị trường tương lai, dưới sự điều hành của Trung tâm thanh toán bù trừ của mỗi sàn giao dịch. Khi tham gia giao dịch, Trung tâm thanh toán bù trừ sẽ cân đối, bù trừ vào tài khoản nhà đầu tư. Trong trường hợp các bên muốn thực hiện nghĩa vụ giao/nhận hàng thực thì Trung tâm này sẽ là cầu nối, yêu cầu bên bán và bên mua thực hiện giao nhận hàng tại kho do Trung tâm chỉ định.

Để quản lý các loại hàng hóa, các quyền, các dịch vụ trong giao dịch hợp đồng tương lai, năm 1974, Quốc hội Mỹ đã thành lập Ủy ban giao dịch hợp đồng hàng hóa tương lai (CFTC). Mục tiêu của CFTC nhằm thúc đẩy cạnh tranh và bảo vệ các thành viên tham gia thị trường hàng hóa tương lai khỏi những hành vi gian lận, lạm dụng hay lừa dối.

CFTC đưa ra quy định và trách nhiệm cho một số loại thành viên riêng biệt trong kinh doanh hợp đồng tương lai, gồm nhân viên môi giới giới thiệu (IB), nhà tư vấn giao dịch hàng hóa (CTA), nhà điều hành quỹ hàng hóa chung (CPO), nhân viên hợp tác (CTA).

Bên cạnh CFTC, Hiệp hội quốc gia kinh doanh hợp đồng hàng hóa tương lai (NFA) cũng được thành lập vào năm 1992, có nhiệm vụ là kiểm tra, giám sát khả năng chi trả tài chính, chi tiết các hoạt động giao dịch của các thành viên trong Hiệp hội. Bất kỳ cá nhân, tổ chức nào muốn kinh doanh hợp đồng hàng hóa tương lai đều phải là thành viên của NFA và phải đăng ký với CFTC [66].

2.3.4.4. Chính sách thuế liên quan đến hoạt động kinh doanh vàng

Ở Mỹ, mọi thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng đều được áp dụng mức thuế suất 28%. Quy định này áp dụng đối với các trạng thái vàng, bao gồm:

- Tất cả các mệnh giá đồng tiền vàng và kim tiền;
- Vàng miếng được định lượng theo Oz hoặc các đơn vị đo lường lớn hơn được cất trữ trong các hộ gia đình hoặc tại các Tổ chức lưu trữ vàng an toàn như Gold Money và Bullion Vault; vàng lá.

- Chứng chỉ quỹ tín thác vàng (ETF_s)², ví dụ: GLD, PHAU...

² ETF_s: Đầu tư vàng vào các quỹ tín thác. Theo WGC, khi có hình thức đầu tư vàng vào các quỹ tín thác, trong vòng 7 năm từ 2005, nhu cầu vàng trang sức giảm còn 1/3, trong khi nhu cầu vàng đầu tư tăng gấp 5 lần. Quỹ đầu tư tín thác lớn nhất thế giới hiện nay là SPDR Gold Trust niêm yết trên TTCK NewYork (NYSE). Kể từ khi ra đời các quỹ tín thác, nhu cầu đầu tư vàng vào các quỹ này tăng mạnh mẽ. Trong vòng 7 năm từ năm 2005, nhu cầu vàng trang sức giảm còn 1/3, trong khi nhu cầu đầu tư tăng gấp 5 lần.

- Chứng chỉ vàng, ví dụ: chứng chỉ Perth Mint, tài khoản Ever bank;
- Các hình thức khác như vàng hợp chất, vàng vòng...

Về quy định báo cáo: Các cửa hàng kinh doanh vàng tại Mỹ không nhất thiết phải báo cáo IRS đối với những giao dịch nhỏ. Trong khi đó, về phía khách hàng, họ vẫn phải báo cáo cho IRS khi giao dịch vàng có lãi và có nghĩa vụ nộp thuế 28% đối với khoản tiền lãi nhận được. Tuy nhiên, Đạo luật Patriot quy định rằng các đại lý kinh doanh vàng có trách nhiệm báo cáo cho IRS “*bất kỳ một hành động đáng ngờ*” nào từ phía khách hàng. Mọi hành vi thông đồng, móc ngoặc, gian lận nhằm trốn nghĩa vụ nộp thuế trong quá trình giao dịch vàng giữa đại lý kinh doanh và khách hàng đều nhận sự nghiêm trị của pháp luật, hình phạt nặng nhất là ngồi tù.

Quyết định đầu tư vào vàng không hoàn toàn phụ thuộc vào biểu tính thuế đối với từng trạng thái. Tuy nhiên, đa số nhà đầu tư Mỹ sẽ lựa chọn đầu tư vào vàng và cổ phiếu vàng. Bên cạnh lợi ích từ đa dạng hóa, việc nắm giữ vàng giúp bảo toàn giá trị tài sản cho nhà đầu tư, trong khi việc nắm giữ cổ phiếu vàng sẽ mang lại cho họ mức sinh lời tiềm năng [35; 70].

2.3.5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm quản lý thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng của các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan Và Mỹ có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm về quản lý hoạt động kinh doanh vàng đối với Việt Nam như sau:

Thứ nhất, về chính sách quản lý hoạt động XNK vàng

Nghiên cứu quá trình tự do hóa của Chính phủ Trung Quốc và Ấn Độ cho thấy để tạo ra sự ổn định kinh tế vĩ mô, việc kiểm soát chặt chẽ thị trường vàng khi nền kinh tế chưa đủ điều kiện tự do hóa tài chính đi kèm với tâm lý “*ưa thích đầu cơ vàng*” của dân cư là hết sức cần thiết. Việc giao cho NHTW được độc quyền quản lý XNK vàng sẽ góp phần ổn định thị trường ngoại hối và tránh được sự liên thông giữa giá vàng và tỷ giá hối đoái thông qua việc nhập lậu vàng.

Mặt khác, theo kinh nghiệm của Thái Lan, để tránh hiện tượng người dân tìm vàng là nơi “*trú ẩn*” dẫn đến gây sức ép phá giá nội tệ thì việc giao cho NHTW độc quyền quản lý XNK vàng là tất yếu. Hơn nữa, việc thống nhất một thương hiệu vàng quốc gia để quản lý chặt chẽ lượng vàng cung ra thị trường cũng sẽ hạn chế tối đa nạn nhập lậu vàng (do các đối tượng buôn lậu không còn đầu ra) [35].

Thứ hai, về chính sách quản lý đối với các hình thức kinh doanh vàng hiện đại

Đây là hình thức đầu tư cho phép các nhà đầu tư tiếp cận dễ dàng, nhanh chóng với chi phí thấp. Tuy nhiên, mặt trái của nó là mức rủi ro rất cao đòi hỏi các nhà quản

lý phải đưa ra được cơ chế quản lý chặt chẽ. Theo kinh nghiệm của Trung Quốc, đối với hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản, trong giai đoạn đầu chỉ cho phép nhà đầu tư cá nhân tham gia với tỷ lệ ký quỹ 100%, chủ yếu để tạo cơ hội tiếp cận, tích lũy kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh vàng tài khoản cho các nhà đầu tư [35].

Thứ ba, về chính sách quản lý hoạt động của sàn giao dịch

Hiện nay, ở hầu hết các nước, sàn giao dịch vàng là một bộ phận của sở giao dịch hàng hóa, tức là xem vàng là một loại hàng hóa. Để đưa thị trường vàng trong nước gắn kết với thị trường vàng quốc tế việc thành lập Sàn giao dịch vàng theo mô hình như Sàn giao dịch vàng và hàng hóa Dubai hay Sàn giao dịch vàng chuyên biệt như Sàn giao dịch vàng Thượng Hải là rất cần thiết. Tuy nhiên, theo kinh nghiệm của Trung Quốc và Thái Lan cho thấy, việc phát triển các sàn giao dịch chỉ nên thực hiện khi đã hội đủ các điều kiện về “tự do hóa TTTC”. Ngoài ra, cần thiết phải duy trì quản lý nhà nước đối với hoạt động của các sàn giao dịch này nhằm đảm bảo thị trường hoạt động minh bạch, hiệu quả, ổn định TTTC và nền kinh tế [35].

Thứ tư, về chính sách thuế

- *Về chính sách thuế thu nhập:* Theo kinh nghiệm của Mỹ, thuế vụ Liên bang (IRS) coi vàng là mặt hàng chịu thuế, do đó mọi thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng đều bị đánh thuế thu nhập (28%). Mọi hành vi thông đồng, móc ngoặc, gian lận nhằm trốn thuế đều bị pháp luật nghiêm trị, hình phạt nặng nhất là ngồi tù. Đặc biệt, nếu đầu tư và cổ phiếu do các DN khai thác vàng phát hành thì vẫn tuân theo biểu thuế thu nhập từ đầu tư thông thường (15%). Do đó, đã khuyến khích các nhà đầu tư lựa chọn đầu tư vào vàng và cổ phiếu vàng.

- *Về chính sách thuế TTĐB:* Trung Quốc và Ấn Độ là 2 quốc gia tiêu thụ vàng nhiều nhất thế giới song lại không đánh thuế TTĐB đối với vàng do tập quán nắm giữ vàng tồn tại từ rất lâu đời.

Thứ năm, về chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng khi nền kinh tế vĩ mô bất ổn

Qua kinh nghiệm của Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ và Thái Lan, có thể thấy rằng chính sách thắt chặt hoạt động kinh doanh, XNK vàng dựa trên việc áp đặt mệnh lệnh hành chính đã thể hiện được sự tối ưu trong bối cảnh nền kinh tế khủng hoảng, bất ổn. Ngay cả trong giai đoạn kinh tế suy thoái, Chính phủ các nước vẫn siết chặt quản lý và thậm chí ban hành lệnh cấm người dân dự trữ vàng. Khi nền kinh tế phục hồi, việc siết chặt quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng có tác

dụng ngăn ngừa khủng hoảng. Chỉ khi nào quốc gia đạt đủ mọi điều kiện về tự do hóa tài chính, Chính phủ mới tiến hành nới lỏng các biện pháp quản lý [35].

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Trong chương 2 luận án đã trình bày những luận cứ khoa học cơ bản về thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng. Luận án đã hệ thống hóa đầy đủ khái niệm, đặc điểm, cấu trúc, các chủ thể tham gia thị trường vàng; Khái niệm kinh doanh vàng và các hình thức kinh doanh vàng trên thị trường. Ngoài ra, luận án còn làm rõ khái niệm, mục tiêu và vai trò của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, nội dung và chu trình chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.

Để có cơ sở đánh giá thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở chương 3, trong chương này, luận án đã đưa ra các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, bao gồm: Hướng tới mục tiêu phát triển chung và tạo động lực mạnh trong phát triển thị trường vàng nói chung và hoạt động kinh doanh vàng nói riêng; Đảm bảo tính hợp lý và phù hợp với tình hình thực tế đối với môi trường trong nước và thông lệ quốc tế; Đảm bảo tính đồng bộ và toàn diện; Đảm bảo tính ổn định và minh bạch; Đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

Bên cạnh đó, luận án cũng chỉ ra các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng làm cơ sở chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong chính sách quản lý hiện hành của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng. Cụ thể, các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng gồm: Mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế và thị trường vàng; Sự ổn định của giá trị đồng bản tệ và giá trị hối đoái của đồng bản tệ so với các loại ngoại tệ mạnh khác; Sự ổn định kinh tế; Tình hình chính trị; Tâm lý và thói quen của người dân đối với vàng. Các yếu tố chủ quan tác động đến chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng gồm: Sự thống nhất trong các quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; Chất lượng nguồn nhân lực tham gia xây dựng và hoạch định chính sách; Khả năng thu thập và xử lý thông tin; Tổ chức thực hiện chu trình chính sách; Công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát đánh giá thực hiện chính sách.

Đặc biệt, trong chương này, luận án đã hệ thống hóa và phân tích khá toàn diện kinh nghiệm quốc tế về chính sách quản lý thị trường vàng theo từng lĩnh vực chuyên biệt bao gồm: Chính sách XNK vàng, kinh doanh vàng miếng, giao dịch vàng phái sinh, chính sách thuế của 4 quốc gia Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Mỹ.

Thông qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, luận án đã chỉ rõ bài học kinh nghiệm giá trị trong quản lý hoạt động kinh doanh vàng tại Việt Nam làm cơ sở đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam trong chương 4.



Chương 3

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG Ở VIỆT NAM

3.1. Tổng quan về thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

3.1.1. Tổng quan về thị trường vàng ở Việt Nam

3.1.1.1. *Thực trạng mô hình tổ chức thị trường và các chủ thể tham gia thị trường vàng ở Việt Nam*

a. *Thực trạng mô hình tổ chức thị trường vàng ở Việt Nam*

Trải qua một quá trình phát triển lâu dài, thị trường vàng ở Việt Nam hiện nay đã có những bước tiến vượt bậc so với cách đây vài chục năm. Xu hướng mở thể hiện rõ nét qua tính đa dạng về chủ thể tham gia giao dịch trên thị trường. Bên cạnh các DN kinh doanh vàng bạc, đá quý chiếm tỷ trọng lớn, có khả năng chi phối giá trên thị trường như Công ty TNHH Một thành viên Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn SJC, Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận PNJ, Tổng Công ty Vàng Agribank Việt Nam... là sự góp mặt của nhiều NHTM, hàng nghìn tiệm vàng lớn nhỏ trên cả nước cùng mạng lưới các nhà đầu tư cá nhân ở khắp mọi miền đất nước. Các chủ thể tiếp cận thị trường này với nhiều mục đích khác nhau, để kinh doanh, để tích trữ, để SX, để thanh toán hay chỉ đơn giản là nhu cầu trang sức làm đẹp... Tuy nhiên, so với thị trường vàng thế giới, thị trường vàng Việt Nam vẫn còn có một khoảng cách về sự phát triển. Trong khi thị trường vàng thế giới phát triển nhanh chóng ở hai bộ phận thị trường: Thị trường tập trung, thị trường OTC, với các hình thức đầu tư hiện đại, cho phép nhà đầu tư tiếp cận dễ dàng, nhanh chóng với chi phí thấp hơn nhiều so với đầu tư vàng vật chất thì thị trường vàng Việt Nam lại giới hạn chủ yếu ở các giao dịch vàng vật chất diễn ra trên thị trường tự do và một số hình thức huy động, cho vay nhất định [18]. Hiện nay, mô hình tổ chức thị trường vàng ở Việt Nam chủ yếu chỉ bao gồm 2 bộ phận thị trường là thị trường bán tập trung (OTC) và thị trường tự do.

- Hoạt động của thị trường vàng bán tập trung (OTC) ở Việt Nam chủ yếu được diễn ra tại các NHTM và các DN kinh doanh vàng. Các hoạt động giao dịch của bộ phận thị trường này được diễn ra giữa các nhà đầu tư (tổ chức hoặc cá nhân) với các NHTM và các DN kinh doanh vàng được Nhà nước cấp phép hoạt động với đối tượng giao dịch là vàng vật chất.

- Hoạt động của thị trường tự do chủ yếu diễn ra ở các tiệm vàng tư nhân nằm rải rác ở khắp mọi nơi trên đất nước. Các hoạt động giao dịch của thị trường tự do được diễn ra giữa các nhà đầu tư (chủ yếu là nhà đầu tư cá nhân) với các tiệm vàng. Điểm nổi bật của thị trường này là các giao dịch diễn ra rất đơn lẻ, thiếu sự kiểm soát của các cơ quan quản lý chuyên ngành nên tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Tuy nhiên, thực tế quá trình phát triển thị trường vàng Việt Nam lại cho thấy, thị trường tự do là nơi diễn ra nhiều giao dịch nhất và có khả năng ảnh hưởng, chi phối lên toàn thị trường vàng trong nước.

Việt Nam cũng đã bước đầu triển khai các hình thức đầu tư hiện đại trên thị trường như kinh doanh vàng tiền tệ (vàng hữu hình và “vàng ghi sổ”), đặc biệt là hoạt động kinh doanh vàng trên sàn vàng được thực hiện bởi một số NHTM và DN kinh doanh vàng được cấp phép nhưng chỉ sau một thời gian ngắn đã phải tạm dừng hoạt động do sự mất ổn định, khó kiểm soát và những tác động tiêu cực có thể gây ra cho nền kinh tế [35].

b. Thực trạng các chủ thể tham gia thị trường vàng

- Người mua, người bán trên thị trường

Hiện nay, hoạt động mua, bán trên thị trường vàng Việt Nam chủ yếu do các DN kinh doanh vàng bạc đá quý, các NHTM, các cơ sở kinh doanh vàng tư nhân thực hiện. Các DN kinh doanh vàng có quy mô lớn nhỏ khác nhau thuộc mọi thành phần kinh tế (Nhà nước và tư nhân) cùng hoạt động trong lĩnh vực SX, kinh doanh và XNK vàng bạc, đá quý và hàng trang sức, trong đó có khoảng 10 DN có vốn đầu tư nước ngoài. DN thuộc sở hữu nhà nước hoạt động kinh doanh vàng chỉ chiếm một số lượng nhỏ trong tổng số những đơn vị, cơ sở được Nhà nước cấp phép hoạt động như: Công ty TNHH một thành viên Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn SJC, Công ty cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận PNJ, Tổng Công ty cổ phần Vàng Agribank Việt Nam - AJC...

Gần đây, theo xu hướng đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh, ngoài các DN kinh doanh vàng độc lập, một số NHTM bao gồm cả NHTM thuộc sở hữu nhà nước và NHTM cổ phần cũng tham gia vào hoạt động kinh doanh vàng. Các NHTM và các DN được cấp phép hoạt động kinh doanh vàng là chủ thể kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán vàng trên thị trường.

Ngoài ra, tham gia vào hoạt động kinh doanh mua bán vàng ở thị trường vàng Việt Nam còn có các cơ sở kinh doanh vàng tư nhân (thường gọi là các tiệm vàng tư nhân) và rất nhiều nhà đầu tư cá nhân. Các cơ sở kinh doanh vàng tư nhân

tham gia vào thị trường vàng chủ yếu là để hưởng chênh lệch giá giữa giá mua và giá bán, bên cạnh đó họ còn thực hiện các hoạt động gia công, chế tác, mua bán vàng trang sức để thu lợi nhuận. Tuy nhiên, đối với các nhà đầu tư cá nhân ngoài mục đích mua bán vàng để hưởng chênh lệch giá giống các tiệm vàng tư nhân thì cũng có rất nhiều người dân mua vàng để cất trữ nhằm đảm bảo giá trị đồng vốn hoặc cũng có một số không ít người mua theo tâm lý đám đông.

- Người môi giới

Ở Việt Nam, vai trò của người môi giới (người trung gian) trên thị trường vàng còn khá mờ nhạt. Từ năm 2007 đến đầu năm 2010, khi xuất hiện hoạt động của sàn giao dịch vàng đã xuất hiện hoạt động của người môi giới trên thị trường, chính là các chủ sàn vàng. Sàn giao dịch vàng đầu tiên ra đời ở Việt Nam là sàn giao dịch vàng của NHTM cổ phần Á Châu được thành lập vào ngày 25/7/2007 tại thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến tháng 03/2010 ở Việt Nam có khoảng 20 sàn giao dịch vàng được thành lập và hoạt động chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội (*Xem phụ lục 3*). Mặc dù hiện nay, Nhà nước đã cấm các sàn vàng hoạt động song trên thực tế vẫn tồn tại khá nhiều sàn vàng chui, trong đó đình đám nhất phải kể đến 2 sàn IMMS và BBG với hàng loạt chi nhánh trên khắp cả nước, thu hút rất đông người tham gia [58].

Hoạt động môi giới của các chủ sàn vàng là thực hiện nhận lệnh mua, lệnh bán cho khách hàng. Như vậy, các chủ sàn vàng tham gia vào thị trường vừa là người kinh doanh, đồng thời vừa là người môi giới nối người mua và người bán của thị trường và hưởng phí môi giới. Chính vì vậy, vai trò của người môi giới trên thị trường vàng Việt Nam chưa thật sự đảm bảo cho thị trường hoạt động một cách công bằng và hiệu quả nhằm giúp cho thị trường phát triển một cách ổn định và bền vững. Đến tháng 03/2010, khi các sàn vàng bị Chính phủ ra thông báo chính thức đóng cửa, hoạt động mua bán giữa người mua và người bán trên thị trường chủ yếu được thực hiện trực tiếp giữa các tổ chức và cá nhân với nhau chứ không thông qua trung gian nữa.

- Chủ thể tổ chức, quản lý thị trường

Ở Việt Nam, chủ thể tổ chức và quản lý thị trường vàng bao gồm: Chính phủ, NHNN Việt Nam; các Bộ (Bộ Tài chính, Bộ Công thương...); Tổng cục Hải quan...

Chủ thể quản lý trực tiếp các hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng Việt Nam là NHNN Việt Nam. Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ thông qua các Nghị định, NHNN ban hành các văn bản pháp luật để điều tiết, giám sát các hoạt động kinh

doanh, điều chỉnh hành vi của các chủ thể trên thị trường, ra quyết định cấp phép hoặc thu hồi giấy phép hoạt động cho các chủ thể kinh doanh, đồng thời quản lý, thanh tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong kinh doanh vàng trên thị trường. Bên cạnh đó, NHNN còn tham gia vào hoạt động mua bán trên thị trường vàng. Tuy nhiên, NHNN tham gia vào thị trường vàng không phải là kinh doanh, mà là một biện pháp, một nghiệp vụ để quản lý thị trường. Hoạt động này không vì mục đích lợi nhuận. Việc mua bán của NHNN sẽ được thực hiện thông qua đấu thầu với mục đích tạo ảnh hưởng đến giá trên thị trường về vùng hợp lý, để bình ổn, khác với các loại đấu thầu - kinh doanh khác là nhằm tìm mức giá sinh lãi nhất. Mặt khác, NHNN chỉ triển khai nghiệp vụ này khi thị trường có biến động bất thường, gây xáo trộn lớn. Cơ chế thực hiện ở đây cũng giống như việc tham gia mua bán, điều tiết cung - cầu ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng, nhằm thực hiện vai trò điều hành chính sách tỷ giá và quản lý thị trường ngoại hối. Nếu thị trường ổn định, đi đúng quỹ đạo và không méo mó, cơ quan này chỉ thực hiện vai trò giám sát.

Ngoài ra, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan (Bộ Công thương, Tổng cục Hải quan, Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam) cũng tham gia quản lý trên thị trường vàng Việt Nam. Cụ thể:

- Bộ Tài chính ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện: Thuế XK, thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB để điều tiết hoạt động mua bán, XNK vàng.
- Cục quản lý thị trường (Bộ Công thương) hỗ trợ NHNN trong việc thanh tra, giám sát thị trường, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về kinh doanh vàng.
- Bộ phận Hải quan, quản lý cửa khẩu kết hợp với NHNN và Bộ Công thương để kiểm soát, ngăn chặn tình trạng nhập lậu vàng.
- Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam: Phối hợp các hoạt động của hội viên nhằm nâng cao hiệu quả SX - kinh doanh, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các Hội viên, đồng thời đảm bảo lợi ích quốc gia.

3.1.1.2. Diễn biến giá thị trường vàng Việt Nam

Trong những năm gần đây, cùng với sự ảm đạm của TTCK, sự đóng băng của thị trường bất động sản, thì thị trường vàng là một trong những thị trường được giới đầu tư rất quan tâm. Với bản chất và đặc tính của mình, vàng được coi là phương tiện cất trữ an toàn của các nhà đầu tư trên thế giới mỗi khi có biến động. Song trong thời gian gần đây, giá vàng luôn rơi vào trạng thái lên xuống rất thất thường.

** Diễn biến giá thị trường vàng giai đoạn trước năm 2010*

Giai đoạn từ năm 2007 trở về trước, thị trường vàng Việt Nam vẫn được các chuyên gia đánh giá là một trong những thị trường tương đối ổn định. Tuy nhiên, sau năm 2007, những bất ổn kinh tế vĩ mô trong nước đã làm cho các kênh đầu tư như bất động sản, chứng khoán dần trở nên kém hấp dẫn. Tác động của lạm phát cao cũng làm cho lãi suất thực của tiết kiệm rất thấp. Từ đó đến nay, thị trường vàng thường xuyên diễn ra tình trạng nóng sốt, giá vàng trong giai đoạn này biến động bất thường và trở nên rất khó kiểm soát.

Ngày 25/7/2007, sàn giao dịch vàng đầu tiên do NHTM cổ phần Á Châu (ACB) thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó là hàng loạt các sàn vàng khác ra đời khiến giao dịch vàng bắt đầu sôi động hẳn lên. Bước sang năm 2008, lượng vàng NK cũng tăng lên đáng kể, lúc này giá vàng trong nước rất ít chênh so với giá vàng thế giới.

Năm 2009 được ghi nhận là một năm đầy biến động với xu hướng giá tăng cả ở thị trường trong nước và quốc tế. Tại thị trường trong nước, do chịu ảnh hưởng của giá vàng quốc tế, giá vàng SJC cũng có xu hướng tăng mạnh. Giá vàng trong nước bán ra trung bình cả năm 2009 ở mức 21,63 triệu đồng/lượng, tăng 21,6% so với năm 2008.

** Diễn biến giá thị trường vàng giai đoạn 2010 - 2014*

Trong năm 2010, những mức giá kỷ lục liên tục được thiết lập trên thị trường trong nước. Từ cuối năm 2009 đến 21/12/2010 giá vàng quốc tế tăng 26%, giá vàng trong nước tăng 46%.

Năm 2011, đánh dấu nhiều mốc tăng giảm ngoạn mục của giá vàng trong nước. Tính từ đầu năm đến hết tháng 09/2011 giá vàng đã tăng gần 11 triệu đồng/lượng. Tuy nhiên, trong 3 tháng cuối năm 2011, cùng với giá vàng thế giới, giá vàng trong nước giảm mạnh và đạt mức 41,83 triệu đồng/lượng vào ngày 31/12/2011.

Trong năm 2012, diễn biến thị trường vàng trong nước tiếp tục chịu tác động từ sự tăng giảm của giá vàng thế giới, tuy nhiên luôn chênh lệch cao hơn so với giá thế giới, có những thời điểm chênh lệch này khoảng 3-3,5 triệu đồng/lượng. Tính chung cả năm 2012, giá vàng tăng gần 3,7 triệu đồng/lượng.

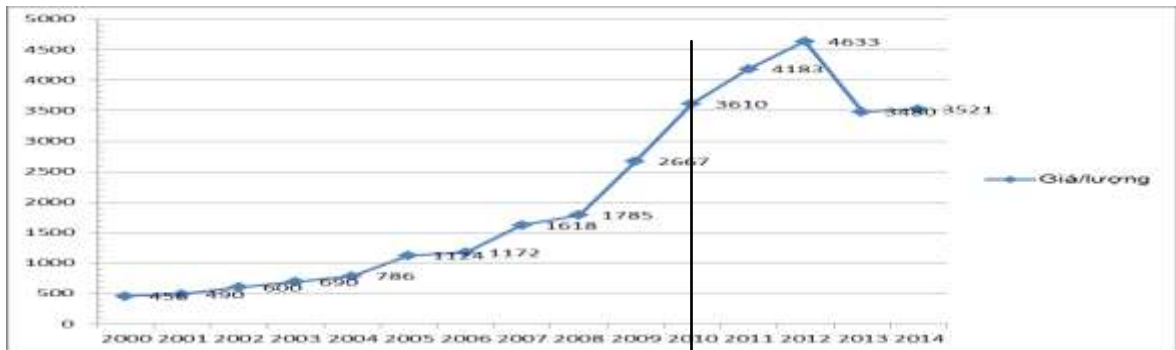
Năm 2013 có thể được xem là một năm thất bại lớn đối với chủ thể kinh doanh vàng trên nhiều phương diện. Không những giá vàng giảm mạnh nhất trong

hơn 3 thập kỷ, kim loại quý này còn không được các nhà đầu tư xem trọng như những năm trước. Đón cửa phiên giao dịch ngày 24/12/2013, giá vàng giao ngay tại New York chỉ còn 1.205,3 USD/Oz, giảm 28% so với đầu năm. Đối với thị trường vàng Việt Nam, giá vàng trong nước cuối năm chỉ còn 34,6 - 34,8 triệu đồng/lượng, giảm 11 triệu đồng hay 24% so với cuối năm 2012.

Năm 2014 vẫn được đánh giá là một năm kém thành công của các nhà đầu tư vàng không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thế giới. Giá vàng thế giới đã có những phiên tăng, giảm khá mạnh, trong khi giá vàng trong nước cũng tăng, giảm theo nhưng với biên độ rất hạn hẹp, xu hướng ổn định đang thể hiện rất rõ. Những ngày cuối năm 2014, giá vàng trong nước và thế giới có xu hướng tăng mạnh do có tin đồn đoán Trung Quốc có thể sắp nới lỏng thêm tiền tệ. Ngày 30/12, giá vàng trong nước cao hơn thế giới khoảng 4,4 triệu đồng/lượng.

Mặc dù có nhiều dự báo khác nhau nhưng giá vàng biến động hết sức thất thường và không ai có thể tiên đoán một cách chính xác mức lên xuống của nó. Biến động giá vàng trong thời gian qua không liên tục theo một chiều tăng hay giảm, mà dao động theo hình dích dắc.

Đơn vị tính: 1000 đồng



Năm 2010

(Nguồn: NCS tổng hợp từ website sjc.com.vn)

Biểu đồ 3.1. Diễn biến giá vàng trong nước trước và sau năm 2010

Sự biến động của giá vàng đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế vĩ mô đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng. Khi giá vàng tăng, giảm thất thường có thể dẫn đến rất nhiều những hệ lụy như: gây ra rủi ro cho các cá nhân/tổ chức mua, bán vàng với mục đích đầu cơ; tác động đến tỷ giá ngoại tệ.... Bài toán vàng, lạm phát lại một lần nữa thách thức các nhà điều hành CSTT. Giải thích cho sự biến động

thất thường của giá vàng trong nước thời gian qua có thể chỉ ra một số nguyên nhân chính sau đây:

- Giá vàng Việt Nam chịu sự tác động của giá vàng thế giới

Giá vàng thế giới năm 2010, 2011, đặc biệt là năm 2012 đã có những bước nhảy vọt chưa từng có trong vòng 10 năm trở lại đây. Nguyên nhân đẩy giá vàng thế giới lên xuống thất thường gồm các nguyên nhân chính sau: (i) Khủng hoảng tài chính toàn cầu khiến nhà đầu tư tìm đến vàng như một chỗ trú ẩn an toàn; (ii) Tính khan hiếm của vàng đã hạn chế nguồn cung ra thị trường; (iii) Cầu bùng nổ do nhu cầu vàng trang sức và vàng công nghiệp ngày càng tăng, cùng tâm lý ưa chuộng vàng của một số quốc gia (điển hình là Trung Quốc và Ấn Độ); (iv) Các Quỹ đầu tư lớn trên thế giới như Quỹ đầu tư tín thác vàng SPDR... liên tục tiến hành các giao dịch mua, bán với khối lượng lớn [18].

- Người dân Việt Nam có tâm lý giữ vàng

Vàng là công cụ đầu tư, cất trữ truyền thống của người Việt Nam. Mặt khác, cùng với khủng hoảng kinh tế, lạm phát, năm 2010, 2011 việc đầu tư vào chứng khoán và bất động sản đều hạn chế, thậm chí thua lỗ đã khiến các nhà đầu tư Việt Nam tập trung vào vàng. Cho đến thời điểm hiện nay, khi nền kinh tế chưa có gì khởi sắc, đầu tư vào vàng vẫn là một trong những sự lựa chọn của nhiều nhà đầu tư [18].

- Cung vàng trong nước được kiểm soát chặt chẽ

Hiện nay việc NK vàng miếng do NHNN độc quyền đã không đủ đáp ứng nhu cầu trong nước, đây là một trong những nguyên nhân khiến giá vàng vật chất trong nước biến động không theo giá thế giới (cao hơn nhiều so với giá vàng thế giới).

- Tỷ giá hối đoái tăng cao

Giá vàng thế giới hiện chủ yếu được yết bằng USD, do vậy khi USD bị đẩy lên cao, đến lượt nó lại ảnh hưởng trực tiếp đến giá vàng. Theo đó, khi giá USD tăng, giá vàng sẽ tăng tương ứng [18].

Ngoài các nguyên nhân kể trên, có một nguyên nhân nữa cũng hết sức quan trọng đó là sự suy yếu của đồng USD trong bối cảnh bất ổn của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Mỹ nói riêng. Thực tế này đã châm ngòi cho trào lưu đa dạng hóa dự trữ ngoại hối của NHTW nhiều quốc gia trên thế giới (Ấn Độ, Nga, Srilanca, Trung Quốc...) trong đó USD dần được thay thế bởi các đồng tiền khác, các kim loại quý, trong đó có vàng [18].

3.1.2. Thực trạng kinh doanh vàng ở Việt Nam

3.1.2.1. Thực trạng các chủ thể kinh doanh vàng ở Việt Nam

Chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam bao gồm hai loại: Chủ thể kinh doanh là pháp nhân (các NHTM, các DN kinh doanh vàng) và chủ thể kinh doanh là thể nhân (các tiệm vàng).

Các NHTM và các DN được Nhà nước cấp phép kinh doanh vàng là các chủ thể kinh doanh vàng có tư cách pháp nhân trên thị trường. Trong số các chủ thể đó, các DN kinh doanh vàng thuộc sở hữu Nhà nước (gồm Tổng Công ty kinh doanh Vàng Bạc Đá quý Việt Nam, Công ty TNHH Một thành viên Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn SJC, Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận PNJ...) chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số các DN kinh doanh vàng trên thị trường nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt, can thiệp thị trường vàng. Đa phần các DN này đều được thành lập vào những năm 80 của thế kỷ XX khi nền kinh tế đang trong thời kỳ khủng hoảng, lạm phát cao. Mục đích thành lập các DN này là để kinh doanh trên thị trường vàng và tham gia can thiệp bình ổn giá vàng, ổn định giá cả giữ vững giá trị đồng tiền, góp phần chống lạm phát. Các DN này có thuận lợi về nguồn nguyên liệu được NHNN cho phép NK hoặc bán trực tiếp cho các DN. Nhờ vậy, DN nhà nước đã chiếm phần lớn thị trường vàng miếng, một lĩnh vực cần sự chi phối của Nhà nước. Sau khi Tổng công ty kinh doanh Vàng Bạc Đá quý Việt Nam bị giải thể, các đơn vị kinh doanh trực thuộc Tổng công ty này ở nhiều tỉnh được bàn giao cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, trở thành Tổng công ty Vàng Agribank - Công ty cổ phần thuộc sở hữu nhà nước với mạng lưới ở hầu khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước [18].

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, trên cả nước đã từng có khoảng 7.000 DN kinh doanh vàng và chế tác vàng tư trang [35]. Việc ngày càng có nhiều DN ra đời là yếu tố tích cực trong phát triển kinh tế, góp phần tạo thêm nhiều việc làm cho XH, tăng thu nhập cho các tầng lớp dân cư, đồng thời tạo sự cạnh tranh và động lực phát triển cho thị trường. Chính sự cạnh tranh đó đã làm cho giá cả mua bán vàng không có chênh lệch nhiều, mẫu mã, chất lượng được chú trọng hơn. Tuy nhiên, việc cho phép các DN tư nhân kinh doanh vàng bên cạnh các DN thuộc sở hữu nhà nước đã gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng của các bộ, ngành ở các địa phương.

Bên cạnh đó, chủ thể kinh doanh vàng ở Việt Nam còn các hộ gia công chế tác vàng nằm rải rác ở khắp mọi miền đất nước. Các tiệm vàng này được cấp phép

gia công, chế tác vàng, không được mua bán vàng. Các hộ gia công không cần điều kiện về vốn, không cần kế toán, cửa hàng, cửa hiệu như điều kiện để thành lập DN. Do đó, các tiệm vàng tư nhân thường lợi dụng điều này để kinh doanh, mua bán vàng trốn thuế thậm chí còn mua bán ngoại tệ trái phép. Những cá nhân gia công không phải đăng ký mã hiệu nên chất lượng sản phẩm hầu như không quản lý được.

Ngoài ra, thời gian gần đây, theo xu hướng đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh, một số NHTM bao gồm cả NHTM thuộc sở hữu nhà nước và NHTM cổ phần cũng tham gia hoạt động kinh doanh vàng thông qua các công ty con trực thuộc, hoặc thành lập phòng kinh doanh vàng, và/hoặc mở sàn giao dịch vàng, như Ngân hàng TMCP Phương Nam, Ngân hàng TMCP Đông Á, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín... Điều này làm cho quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng đã khó khăn lại càng trở nên khó khăn hơn.

Để đảm bảo lợi ích hợp pháp của người dân khi mua bán vàng miếng, trước khi thực hiện cấp phép và tổ chức hệ thống kinh doanh vàng miếng theo Nghị định 24, NHNN đã thực hiện khảo sát và đánh giá lại tình hình mạng lưới kinh doanh vàng trên cả nước. Kết quả khảo sát cho thấy, nếu trước đây có khoảng 12.000 điểm kinh doanh vàng miếng, thì cho đến thời điểm này mạng lưới thu hẹp lại còn khoảng 8.000 điểm kinh doanh vàng, thuộc các thành phần khác nhau. Sau Nghị định 24/NĐ-CP, số điểm kinh doanh rút xuống chỉ còn gần 2.500 điểm. Các điểm giao dịch mua bán vàng miếng trải rộng khắp ở tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, và các địa điểm kinh doanh mua bán vàng miếng phải niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng [39].

3.1.2.2. Thực trạng các hình thức kinh doanh vàng ở Việt Nam

Trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến nay, trên thị trường vàng Việt Nam có các hình thức kinh doanh sau: Kinh doanh vàng vật chất; Kinh doanh vàng trên tài khoản; Huy động tiết kiệm vàng và Cho vay vàng của các TCTD.

a. Thực trạng kinh doanh vàng vật chất

Nhìn chung, ở Việt Nam hoạt động kinh doanh vàng vật chất còn rất manh mún và không có khả năng tiếp cận thị trường nước ngoài. Tổ chức kinh doanh vàng không thống nhất, không được quản lý chỉ đạo tập trung vào một cấp chủ quản nên thiếu sự phối hợp và hành động không nhất quán ngay từ khâu SX, NK vàng, định giá vàng, phương thức bán, đối tượng bán, số lượng bán ra từng thời điểm...

Vào đầu những năm 1990, Việt Nam bắt đầu cho phép các DN kinh doanh vàng NK vàng. Đến năm 1997, do khan hiếm ngoại tệ, Chính phủ đã ra lệnh cấm

NK vàng. Cho đến tận năm 2001, Nhà nước mới lại cho phép NK vàng trở lại. Tuy nhiên, Chính phủ chỉ cho phép NK vàng theo hạn ngạch do NHNN quy định cho từng đầu mỗi NK và theo từng năm. Năm 2008, NHNN cấp phép cho các DN kinh doanh vàng nhập 73,5 tấn vàng. Nhưng thời gian qua, khi TTCK đi xuống, giá các loại ngoại tệ mạnh như USD, bảng Anh... thất thường, bất động sản đóng băng, vàng đã trở thành phương tiện hiệu quả trong việc bảo lưu vốn và là kênh đầu tư hấp dẫn của các nhà đầu tư. Vì vậy, thực tế năm 2008 lượng vàng NK vào Việt Nam đã tăng vọt, đạt 90,552 tấn. Ngoài ra, mức NK vàng khối, loại vàng dùng cho đầu tư, tăng hơn 110% so với năm 2007, đã khiến Việt Nam trở thành nước NK vàng khối nhiều nhất thế giới, vượt cả Ấn Độ và Trung Quốc [34]. Để giảm nhập siêu vàng, nửa cuối năm 2008, NHNN đã tạm thời ngừng không cấp thêm quota NK vàng, đồng thời Chính phủ cũng tăng mức thuế NK vàng lên 1% (có hiệu lực từ 20/05/2008) thay cho mức 0,5% trước đây.

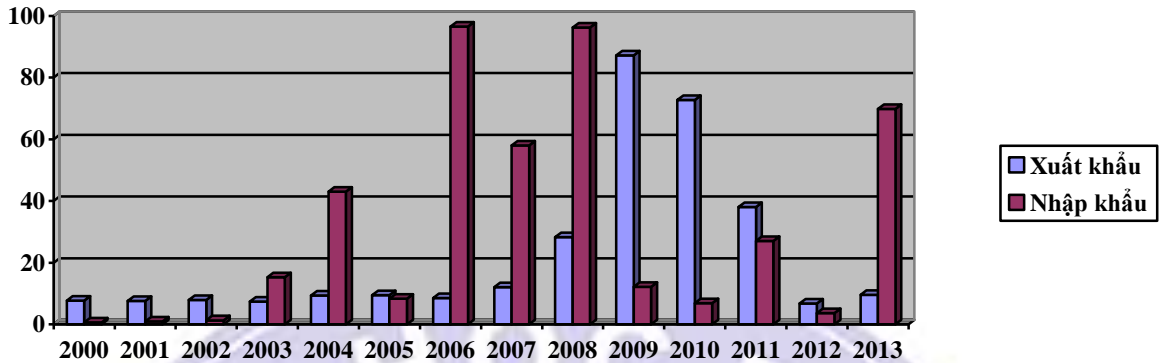
Việc thắt chặt hoạt động XNK vàng của NHNN (bỏ việc cấp phép tự động) trong những năm 2009-2010 đã phát huy hiệu quả tốt, chấm dứt tình trạng “chảy máu” vàng trong nước, từng bước ổn định lại cán cân XNK vàng và theo đúng các điều kiện của Việt Nam (là nước có sản lượng khai thác ít và dựa và nguồn cung NK là chủ yếu). Năm 2009, lượng xuất vàng ồ ạt bị chặn đứng và đến các năm 2010 và 2011, lượng NK đã tăng ổn định trở lại.

Năm 2012, Nghị định 24/2012/NĐ-CP ra đời quy định NHNN tổ chức XK vàng nguyên liệu, NK vàng nguyên liệu để SX vàng miếng đã nâng cao vai trò quản lý, kiểm soát lượng vàng nguyên liệu cũng như điều tiết cung cầu trên thị trường, hạn chế tình trạng xuất lậu vàng nguyên liệu, nhập lậu vàng nguyên liệu để SX vàng miếng và tránh tình trạng đầu cơ, lũng đoạn thị trường.

Sang năm 2013, tình hình XNK vàng ở Việt Nam có nhiều biến động theo hướng tăng lên. Trong năm 2013, NHNN cũng đã NK gần 70 tấn vàng để bán ra phục vụ cho các TCTD dùng để tất toán trạng thái, phần còn lại được đưa ra thị trường phục vụ nhu cầu của người dân. Tuy nhiên, theo nguồn tin từ Hội đồng vàng thế giới, ngoài 70 tấn vàng do NHNN nhập khẩu chính thức, số vàng vào Việt Nam bằng con đường không chính thức ước khoảng 40 tấn. Như vậy, Việt Nam đã tiêu thụ tổng cộng khoảng 110 tấn vàng trong năm 2013, cao hơn các năm trước [33].

So với năm 2012, XK vàng năm 2013 ở Việt Nam cũng tăng đáng kể, đặc biệt XK vàng sang Nam Phi tăng 41,7%.

Đơn vị: Tấn



(Nguồn: Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan)

Biểu đồ 3.2. Trữ lượng vàng XNK của Việt Nam giai đoạn 2000 - 2013

So với các thị trường vàng của các nước trên thế giới, thị trường vàng Việt Nam có những điểm đặc trưng riêng khác biệt, đó là:

- Trong ngành kim hoàn ở Việt Nam, đơn vị đo lường khối lượng của vàng là cây (lượng hoặc lạng) hoặc chỉ. Một cây vàng nặng 37,50 gram. Một chỉ bằng 1/10 cây vàng. Trong khi đó, trên thị trường thế giới, vàng thường được tính theo đơn vị là ounce hay troy ounce. 1 ounce tương đương 31,103476 gram. Như vậy, có thể quy đổi hai đơn vị đo lường này như sau:

$$1 \text{ ounce} = 1 \text{ troy ounce} = 0,83 \text{ lượng}$$

$$1 \text{ lượng} = 1,20556 \text{ ounce}$$

- Về đơn vị yết giá, Việt Nam sử dụng đơn vị yết giá là đồng nội tệ: VND/lượng; còn trên thị trường thế giới, giá vàng phổ biến được niêm yết bằng đô la Mỹ: USD/ounce. Hiện nay, công thức chuyển đổi giá vàng thế giới sang giá vàng trong nước được tính như sau: Giá vàng trong nước = (Giá vàng thế giới + Phí vận chuyển + Bảo hiểm) * 1.20556 * (1 + Thuế NK) * Tỷ giá USD/VND + Phí gia công + Phí hải quan + Lợi nhuận [45].

Trong đó: Phí vận chuyển là 0,75 USD/1 ounce; Phí bảo hiểm là 0,25 USD/1 ounce; Thuế NK: 0% từ ngày 12/11/2010; Phí gia công là 30.000VND/1 lượng; Phí hải quan là 2.500 VND/1 lượng; Lợi nhuận là 30.000 VND/lượng.

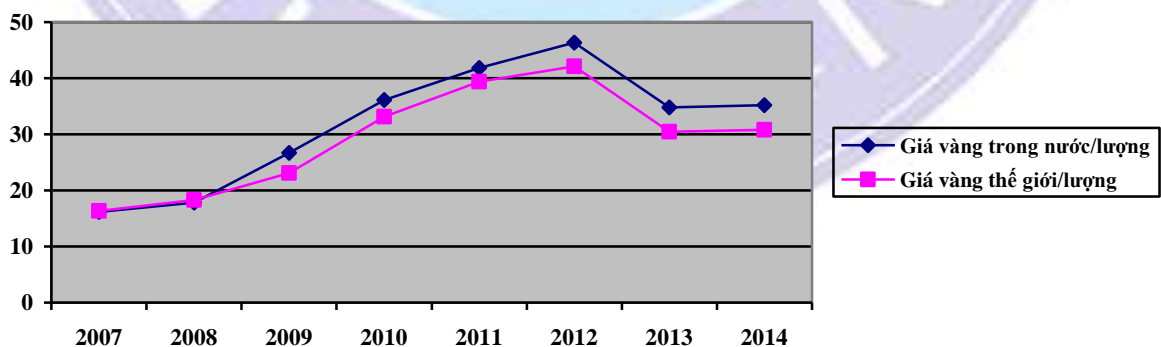
Tuy nhiên, công thức này chỉ mang tính chất tham chiếu, làm cơ sở định giá vàng trên thị trường nội địa. Thực tế cho thấy, giá vàng thực trên thị trường luôn có một độ chênh nhất định so với giá vàng tính toán theo lý thuyết. Bên cạnh cơ sở là giá vàng thế giới, các yếu tố khác chi phối giá vàng trên thị trường vàng Việt Nam hiện

nay chính là cung cầu của các nhà đầu tư và thị trường trang sức; chính sách về vàng của NHTW, của các NHTM và của các DN kinh doanh vàng bạc đá quý lớn.

Theo quan sát thực tế cho thấy, do chịu sự chi phối của những yếu tố đặc thù nên diễn biến giá vàng trên thị trường vàng ở Việt Nam thường có sự thoát ly ra khỏi giá vàng thế giới. Mức tăng giá vàng trong nước thường lớn hơn khá nhiều so với mức tăng giá trên thị trường thế giới. Giá vàng đỉnh điểm trong nước năm 2010 tăng 44% so với giá vàng đóng cửa năm 2009, trong khi đó con số đó của giá vàng London PM Fix là 29%. Nếu cộng cả sự mất giá của VND so với USD trong cùng kỳ thì mức tăng giá vàng trong nước cao hơn nhiều so với giá vàng thế giới [18].

Là một thị trường nhỏ, NK vàng, tức là ở vị trí chấp nhận giá (thay vì làm giá) nhưng giá vàng ở thị trường Việt Nam bao giờ cũng cao hơn so với giá vàng thế giới. Nguyên nhân của thực tế này một phần do thiếu sự liên thông giữa thị trường vàng Việt Nam và thị trường vàng thế giới. Tháng 05/2008, NHNN ngừng cấp phép NK vàng, kênh NK chính thức bị cắt với nỗ lực kiềm chế thâm hụt thương mại, làm dấy áp lực lạm phát và bình ổn nền kinh tế. Lệnh cấm NK vàng cho phép NHNN hạn chế lượng ngoại hối dùng để nhập vàng, tuy nhiên lại tạo ra khan hiếm vàng hay ít nhất là ý niệm khan hiếm vàng. Nguồn cung bị chặn đứng trong khi nhu cầu không ngừng tăng đã đẩy giá vàng đi xa. Từ đó cho đến nay, NHNN đã vài lần nói lỏng hạn ngạch NK vàng, cho phép DN nhập khẩu vàng khi giá trong nước tăng nhằm giảm nhiệt thị trường. Bên cạnh đó, yếu tố tâm lý có thể khẳng định đang là một trong những nguyên nhân then chốt làm cho giá vàng bị biến động bất thường và trở nên khó kiểm soát.

Đơn vị tính: Triệu đồng/lượng



(Nguồn: NCS tổng hợp từ website sjc.com.vn)

Biểu đồ 3.3. Diễn biến giá vàng trong nước và giá vàng thế giới giai đoạn từ 2007 đến 2014

b. Thực trạng kinh doanh vàng trên tài khoản ở thị trường Việt Nam

Ngoài kinh doanh vàng vật chất, từ năm 2007 đến 2010, kinh doanh vàng trên tài khoản cũng bắt đầu được phát triển ở thị trường vàng Việt Nam. Sau quyết định số 03/2006/QĐ-NHNN ngày 18/1/2006 về việc kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài tại Việt Nam và quyết định bổ sung số 11/2007/QĐ-NHNN ngày 15/3/2007, việc kinh doanh vàng trên tài khoản bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam với đặc điểm là một kênh đầu tư mới, hấp dẫn và có thể mang lại lợi nhuận lớn cho các nhà đầu tư.

Ngày 25/7/2007, sàn giao dịch vàng đầu tiên do Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2008 là năm đánh dấu sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của các sàn giao dịch vàng ở Việt Nam. Sự kiện này ban đầu được đánh giá là bước phát triển quan trọng của thị trường vàng, góp phần xây dựng một thị trường vàng hoàn chỉnh, hiện đại, làm gia tăng các kênh đầu tư và kinh doanh cho các nhà đầu tư và kinh doanh tài chính. Năm 2009, hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản đã thu hút nhiều tổ chức và cá nhân tham gia thị trường với tư cách là người cung cấp dịch vụ hoặc nhà đầu tư. Tính đến 03/2010, trên cả nước có khoảng 20 sàn giao dịch vàng hoạt động chủ yếu tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, như Sàn giao dịch vàng của Ngân hàng TMCP Phương Nam, Sàn giao dịch vàng NHTMCP Việt Á, Sàn giao dịch vàng NHTMCP xuất nhập khẩu Việt Nam, Sàn giao dịch vàng Việt Nam (VGB)... (Xem Phụ lục 3). Các sàn này được tổ chức theo hình thức góp vốn và liên kết giữa các tổ chức, cá nhân, trong đó đa số có sự tham gia của các NHTM và các công ty chứng khoán. Căn cứ theo tiêu chí kinh doanh vàng vật chất hay tài khoản thì hình thức hoạt động của các sàn giao dịch vàng gồm 3 loại: (i) Sàn giao dịch vàng vật chất; (ii) Sàn giao dịch vàng tài khoản; (iii) Sàn giao dịch vàng kết hợp cả tài khoản và vật chất [1]. Tuy nhiên, hoạt động chủ yếu tại 20 sàn giao dịch vàng ở Việt Nam thời kỳ này chủ yếu dưới hình thức giao dịch vàng tài khoản.

Bên cạnh những kết quả tích cực, hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản ở thị trường Việt Nam vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro cho cả người đầu tư, người cung cấp dịch vụ và nền kinh tế thể hiện trên các mặt sau:

- Hoạt động kinh doanh trên sàn vàng còn nhiều bất cập, một số sàn vàng đã xảy ra hiện tượng có sự cố về hệ thống, bị treo lệnh, “sập mạng”. Sàn giao dịch vàng Ngân hàng Phương Nam hai lần “sập mạng” khiến chủ sàn phải giao dịch bằng tay, sàn vàng của ACB sau vài tháng hoạt động cũng đã hai lần “sập mạng”... [1; 18].

- Quy trình giao dịch trên sàn vàng không thống nhất, mỗi sàn vàng có “luật chơi” khác nhau. Chẳng hạn, tỷ lệ ký quỹ của sàn vàng ACB là 7%, của sàn vàng Sacombank là 5%, của sàn vàng 24K là 1%; Tỷ giá để quy đổi giá vàng cũng không thống nhất: sàn vàng Eximbank - SJC, Sacombank quy định biên độ giá từ 2% - 5% so với giá vàng quy đổi, trong khi đó sàn vàng ACB, VGB lại không áp dụng biên độ. Tại sàn vàng Thế giới (VTG), nhà đầu tư chỉ cần 1 đồng vốn có thể vay thêm 19 đồng, ở Eximbank, Việt Á và ACB nhà đầu tư được tài trợ gấp 14 lần vốn tự có, số tiền ACB cho vay tối đa là 100 tỷ đồng, VP bank là 10 tỷ đồng [18].

- Tính minh bạch của thị trường còn hạn chế. Ở phần lớn các sàn vàng tại Việt Nam thời gian hoạt động vừa qua, chủ sàn vàng vừa là nhà tổ chức thực hiện dịch vụ, vừa mua bán trực tiếp với nhà đầu tư (trừ sàn vàng Sacombank). Do đó, nhà đầu tư không thể đánh giá chính xác lượng đặt mua, đặt bán thực sự của thị trường, không ai có thể biết được trong số lượng đặt mua và bán có bao nhiêu lệnh của chính người điều hành và những thanh viên chủ chốt. Vì vậy, cũng không ai biết được hay quản lý được trong thời gian qua, khi giá vàng thế giới và trong nước biến động, liệu người điều hành sàn có động tác “*chỉnh*” lệch cán cân cung cầu để chi phối giá giao dịch theo ý muốn chủ quan hay không, hoặc có hay không tình trạng trục lợi của một số sàn vàng trong các sự cố “*sập sàn*” với lý do nghẽn mạch, mất điện... [18].

Thực tế hoạt động kinh doanh sàn vàng thời gian qua ở Việt Nam cho thấy: hoạt động này không tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế mà còn ảnh hưởng đến nguồn vốn cho SX kinh doanh và tiềm ẩn một số yếu tố có thể gây bất ổn KT-XH đồng thời chưa có cơ quan quản lý sàn vàng, chưa có các quy định, chế tài cụ thể và thiếu cơ sở pháp lý, cơ sở kinh tế, kỹ thuật, vì thế ngày 30/12/2009, Chính phủ đã ra thông báo 369/TB-VPCP yêu cầu bãi bỏ kinh doanh vàng trên tài khoản ở trong nước dưới mọi hình thức [14]. Đồng thời, NHNN cũng hủy bỏ quy định về việc kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài của các NHTM và các DN kinh doanh vàng vì mức rủi ro của hoạt động này rất cao khi giá vàng thế giới có những biến động mạnh, lên xuống thất thường với biên độ lớn.

c. Thực trạng gửi tiết kiệm và cho vay vàng ở Việt Nam

Từ năm 2000, thực hiện chủ trương khai thác mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong dân để đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển, NHNN đã ban hành quyết định 432/2000/QĐ-NHNN cho phép các TCTD được huy động, cho vay vốn bằng vàng và chuyển đổi 30% nguồn vốn huy động bằng vàng sang VND. Theo quyết định 432/QĐ-NHNN, các TCTD có giấy phép hoạt động ngoại hối được huy động vốn

có kỳ hạn bằng vàng, bằng VND bảo đảm giá trị theo giá vàng của dân cư. Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ huy động và cho vay bằng vàng, bằng VND bảo đảm giá trị theo giá vàng, TCTD có trách nhiệm đảm bảo tỷ lệ chuyển đổi nguồn vốn huy động bằng vàng thành nguồn vốn bằng tiền không vượt quá 30%. Chính sách này đã phát huy tác dụng trong giai đoạn giá vàng thế giới và trong nước ổn định.

Tuy nhiên, kể từ năm 2008 đến nay khi thị trường vàng thế giới và trong nước biến động mạnh, việc cho phép các TCTD huy động và cho vay vốn bằng vàng đã bộc lộ nhiều bất cập và không còn phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Việc cho phép huy động, cho vay vàng và chuyển đổi vàng thành tiền đã gián tiếp dẫn tới tình trạng “*vàng hóa*” trong nền kinh tế, làm gia tăng tình trạng đầu cơ vàng, nắm giữ vàng trong nền kinh tế và rủi ro lớn cho các TCTD, gây bất ổn, mất an toàn hệ thống và rủi ro cho người vay vàng.

Do đó, cùng với việc nhanh chóng triển khai các quy định của Nghị định 24/2012/NĐ-CP, NHNN đã kiên quyết thực hiện lộ trình nhằm chấm dứt hoạt động huy động, cho vay vốn bằng vàng, qua đó giảm mạnh tâm lý nắm giữ, đầu cơ vàng, ngăn ngừa rủi ro cho các TCTD [35]. Với các biện pháp giám sát chặt chẽ của NHNN thời gian qua, đến nay, các TCTD đã hoàn thành việc tất toán số dư huy động vốn bằng vàng đến hạn phải chi trả theo quy định với chi phí thấp hơn nhiều so với khối lượng vàng có thể phải NK, giảm dần số dư cho vay vốn bằng vàng. Như vậy, dư nợ cho vay bằng vàng của các TCTD không còn nguy cơ ảnh hưởng đến tình hình thanh khoản và an toàn của toàn hệ thống. Các quy định của NHNN đã trực tiếp ngăn chặn hoạt động đầu cơ trên thị trường vàng thông qua việc chấm dứt hoạt động cho vay VND để kinh doanh mua vàng miếng; TCTD phải niêm yết công khai phí dịch vụ quản lý, bảo quản, giữ hộ vàng; phải đảm bảo đủ điều kiện, cơ sở vật chất khi thực hiện nghiệp vụ quản lý, bảo quản, giữ hộ vàng; không trả lãi, lợi tức, phí và các hình thức khác cho khách hàng; hạch toán đúng tính chất tài khoản giữ hộ vàng theo quy định của NHNN và không sử dụng vàng huy động, vàng giữ hộ để cầm cố, thế chấp, ký quỹ... Đến nay, về cơ bản quan hệ huy động, cho vay vốn bằng vàng đã được chuyển hóa thành quan hệ mua, bán vàng. Kết quả cho thấy tình trạng “*vàng hóa*” chính thức thông qua việc huy động vàng trong hệ thống TCTD đã chấm dứt; tính hấp dẫn của vàng miếng suy giảm.

Tóm lại, so với thị trường vàng thế giới thì thị trường vàng Việt Nam vẫn còn có một khoảng cách về sự phát triển. Trong khi thị trường vàng thế giới phát triển nhanh chóng với các hình thức đầu tư hiện đại chủ yếu trên bộ phận thị trường

có tổ chức, cho phép nhà đầu tư tiếp cận dễ dàng, nhanh chóng với chi phí thấp hơn nhiều so với đầu tư vàng vật chất thì thị trường vàng Việt Nam hiện nay lại giới hạn chủ yếu ở các giao dịch vàng vật chất diễn ra trên thị trường tự do, với đặc điểm nổi bật là các giao dịch diễn ra rất đơn lẻ, nhiều rủi ro. Việt Nam cũng đã bước đầu triển khai các hình thức đầu tư hiện đại trên thị trường vàng, đặc biệt là hoạt động kinh doanh vàng trên sàn vàng, nhưng chỉ sau khoảng hơn 3 năm đã phải tạm dừng hoạt động do các sàn vàng hoạt động lộn xộn, tiềm ẩn rủi ro cao và đã gây nên những bất ổn nhất định cho nền kinh tế.

3.2. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

Vấn đề quản lý hoạt động kinh doanh của thị trường vàng Việt Nam luôn được các nhà điều hành quan tâm do tầm ảnh hưởng của thị trường này tới các biến số khác của nền kinh tế như tỷ giá, lạm phát... Do vậy, các chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng đã lần lượt ra đời, được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình kinh tế thực tế cũng như mục tiêu điều hành của Nhà nước trong từng giai đoạn.

3.2.1. Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng giai đoạn trước năm 2010

Trước năm 1991, hệ thống Ngân hàng ở Việt Nam là hệ thống 1 cấp, do đó, trong thời kỳ này, Chính phủ chưa ban hành các quy định về quản lý vàng nhằm bình ổn giá vàng và đa dạng hóa hình thức đầu tư. Tuy nhiên, với quan điểm coi vàng là ngoại hối phục vụ mục tiêu thanh toán quốc tế nên Chính phủ đã thực hiện quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh vàng theo hai Quyết định số 38/QĐ-CP và Quyết định số 39/QĐ-CP ngày 09/02/1979 của Hội đồng Chính phủ.

Năm 1993, trong bối cảnh giá cả thị trường còn nhiều biến động và lạm phát tăng cao, Chính phủ đã ban hành Nghị định 63/CP ngày 24/09/1993 về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức, cá nhân phát triển hoạt động SX, kinh doanh vàng, đồng thời tăng cường vai trò của NHNN trong việc điều tiết cung cầu vàng, ổn định giá cả. Nghị định 63/1993/NĐ-CP ra đời đã xác nhận vai trò quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng của NHNN, đồng thời thừa nhận quyền sở hữu hợp pháp về vàng của mọi tổ chức, cá nhân. Nghị định 63/NĐ-CP có một số thay đổi về điều kiện cần thiết để được kinh doanh vàng, đó là các tổ chức, cá nhân muốn kinh doanh vàng phải thành lập DN, hoặc đăng ký kinh doanh với vốn pháp định theo quy định của NHNN nhưng

không quy định phải ký quỹ. Các DN kinh doanh vàng được phép mua, bán vàng các loại, được chế tác, gia công, cầm đồ vàng, việc XNK vàng được thực hiện theo Quyết định của NHNN.

Từ năm 1994, Vụ Quản lý Ngoại hối (NHNN) đã ủy thác cho công ty Vàng Bạc Đá quý Việt Nam (VJC) NK trực tiếp cho các DN và Vụ Quản lý Ngoại hối bán vàng ra cho các DN. Tuy nhiên, từ năm 1996, NHNN đã tạm dừng cấp phép NK vàng do ngoại tệ trở nên khan hiếm vì sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á.

Sau một thời gian thực hiện, Nghị định 63/1993/NĐ-CP đã bộc lộ một số hạn chế, thêm vào đó yêu cầu phải có văn bản quản lý thị trường vàng khác phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Luật Ngân hàng mới được ban hành, nên tháng 12/1999, Chính phủ đã ban hành Nghị định 174/1999/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thay thế Nghị định 63/CP. Theo Nghị định 174/NĐ-CP, NHNN chỉ quản lý một số hoạt động về vàng có liên quan đến điều hành CSTT như XNK vàng miếng; các hoạt động kinh doanh vàng khác như mua bán vàng trang sức mỹ nghệ, vàng miếng được coi là hoạt động kinh doanh bình thường. Cùng với Nghị định 63/1998/NĐ-CP về quản lý ngoại hối ban hành ngày 17/08/1998, cơ chế quản lý vàng tại Việt Nam đã được tách bạch rõ ràng giữa quản lý vàng tiền tệ và quản lý vàng phi tiền tệ với sự nói lỏng đáng kể trong việc quản lý ngoại hối đối với vàng phi tiền tệ. Nhờ động thái nói lỏng này, đã có 8 đơn vị tham gia SX, gia công vàng miếng theo dây chuyền công nghệ hiện đại cùng với 12.000 cửa hàng kinh doanh vàng trên khắp cả nước [35].

Ngày 30/8/1999 đánh dấu sự ra đời của Nghị định 86/1999/NĐ-CP về quản lý DTNHNN. Đây là Nghị định đầu tiên của Chính phủ quy định về quản lý DTNHNN. Nghị định 86/1999 cùng với Quyết định 653/QĐ-NHNN hướng dẫn thi hành Nghị định 86 đã xác lập những nguyên tắc cơ bản quản lý DTNHNN nói chung và quản lý vàng thuộc DTNH nói riêng. Theo đó, DTNHNN được thành lập thành 2 quỹ, bao gồm: Quỹ DTNH và Quỹ bình ổn tỷ giá và giá vàng. Sau khi ban hành Nghị định 86/1999, vàng tiêu chuẩn quốc tế trở thành cấu phần quan trọng trong DTNHNN.

Thị trường vàng Việt Nam giai đoạn 2000-2010 nhìn chung được cải cách theo hướng tự do hóa, đúng tinh thần của Nghị định 174/1999/NĐ-CP. Vấn đề quản lý đối với vàng tiền tệ và vàng phi tiền tệ đã được phân tách. Trong giai đoạn này

Nhà nước nói lỏng quản lý đối với vàng phi tiền tệ và quản lý chặt chẽ vàng tiền tệ theo quyết định về quản lý ngoại hối (*Xem Phụ lục 4*), cụ thể như sau:

Năm 2000, với mục tiêu tiếp tục tự do hóa thị trường vàng, NHNN đã ban hành Quyết định 432/2000/QĐ-NHNN cho phép các TCTD hoạt động ngoại hối, thực hiện thêm nghiệp vụ huy động vốn và sử dụng vốn bằng vàng, bằng đồng tiền Việt Nam đảm bảo giá trị theo giá vàng, trong đó các TCTD phải đảm bảo chuyển đổi nguồn vốn huy động bằng vàng thành nguồn vốn bằng tiền không vượt quá 70% và phải báo cáo cho NHNN hàng tháng [35].

Năm 2001, nhằm siết chặt quản lý XNK vàng hợp pháp, NHNN đã ban hành Quyết định 1165/2001/QĐ-NHNN quy định về việc mang theo vàng của cá nhân khi xuất nhập cảnh. Cá nhân nhập cảnh mang theo vàng tiêu chuẩn quốc tế từ 1 kg trở lên phải khai báo hải quan; Cá nhân xuất cảnh mang theo vào trên 300 gr trở lên phải khai báo hải quan [35].

Năm 2002, Thống đốc NHNN cho phép điều chuyển một phần vàng từ Quỹ bình ổn tỷ giá và giá vàng sang Quỹ DTNH (theo Quyết định 23/QĐ-NHNN ngày 31/07/2002) để đầu tư trên thị trường quốc tế nhằm sinh lời.

Năm 2003, do trong giai đoạn này thị trường vàng hoạt động ổn định, tác động của vàng đến nền kinh tế không quá lớn nên Chính phủ đã nói lỏng quản lý đối với vàng phi tiền tệ, hướng tới tự do hóa thị trường vàng bằng Nghị định 64/2003/NĐ-CP, bãi bỏ quy định về vốn pháp định đối với một số hoạt động SX vàng miếng. NHNN chỉ cấp giấy phép với hoạt động XNK vàng miếng, các hoạt động XNK khác hoạt động theo Luật Thương mại [9].

Năm 2006, Quyết định 03/2006/QĐ-NHNN của NHNN đã chính thức công nhận hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản trong bối cảnh Việt Nam chuẩn bị gia nhập WTO, giúp cho các DN kinh doanh vàng có thể lựa chọn mức giá khi quyết định XNK vàng, đưa giá vàng Việt Nam sát với giá vàng thế giới [35].

Năm 2010, do hoạt động sản vàng gây nhiều rủi ro cho các nhà đầu tư và chủ sản vàng khi giá vàng biến động bất thường, có biểu hiện của đầu cơ, tích trữ, lũng đoạn thị trường, Chính phủ đã siết chặt hoạt động kinh doanh vàng bằng Thông báo 369/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ, Thông tư 01/2010/TT-NHNN về việc chấm dứt kinh doanh vàng trên tài khoản, chấm dứt hoạt động của sản vàng [14; 24].

3.2.2 Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng giai đoạn 2010-2014

Sau khi hoạt động của các sàn giao dịch vàng và hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản chính thức bị cấm, hàng loạt các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng được ban hành đều theo hướng thắt chặt, nhằm thực hiện một cách nhất quán mục tiêu bình ổn thị trường và chống vàng hóa nền kinh tế. Có thể xem tóm tắt nội dung và mục tiêu của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn 2010-2014 ở *Phụ lục 5*.

3.2.2.1. Chính sách quản lý xuất, nhập khẩu vàng

Xuất phát từ đặc thù Việt Nam không phải là nước SX vàng hay có dự trữ vàng lớn nên một trong những biện pháp được NHNN thường xuyên sử dụng để can thiệp vào thị trường là chính sách XNK vàng. Các văn bản về XNK vàng được ban hành một cách cụ thể phù hợp với tình hình thị trường, diễn biến giá vàng trong từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu của Nhà nước (*Xem Phụ lục 6*).

So với các văn bản được ban hành trước đó thì kể từ khi ban hành Nghị định 174/1999/NĐ-CP và Nghị định 64/2003/NĐ-CP, nhìn chung thị trường vàng đã bước đầu đi đúng hướng và mục tiêu đề ra, thúc đẩy hoạt động XNK phát triển. Tuy nhiên, nạn buôn lậu vàng qua biên giới vẫn diễn ra tương đối phổ biến. Tình trạng XK vàng nguyên liệu trá hình dưới dạng vàng trang sức khá phổ biến. Trước thực trạng đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định 95/2011/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 202/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Cụ thể, Nghị định 95/2011 đã tăng mức phạt tiền về hoạt động XNK ngoại tệ, vàng mà không có giấy phép của NHNN từ mức 45-70 triệu đồng lên mức từ 300-500 triệu đồng, kèm theo tịch thu tang vật [11].

Tuy nhiên, trước thực trạng XNK vàng lậu vẫn khó kiểm soát, Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ ra đời ngày 03/4/2012 với các nội dung thay thế Nghị định 174/1999/NĐ-CP và Nghị định 64/2003/NĐ-CP. Ngay sau đó, ngày 25/5/2012, NHNN đã cho ra đời Thông tư 16/2012/TT-NHNN hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/NĐ-CP. So với các Nghị định đã ban hành trước đó, Nghị định 24/NĐ-CP là một bước tiến lớn của Chính phủ trong việc quy định về hoạt động XNK vàng [12]. Bước tiến này được thể hiện ở các quy định về:

- Việc XNK vàng nguyên liệu cho SX vàng miếng là hoạt động độc quyền Nhà nước và giao cho NHNN tổ chức thực hiện.

- Căn cứ vào mục tiêu CSTT, quan hệ cung cầu vàng trong từng thời kỳ, NHNN cấp: (i) Giấy phép NK vàng nguyên liệu để SX vàng trang sức mỹ nghệ cho DN sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ; (ii) Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm cho DN có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài; (iii) Giấy phép NK vàng nguyên liệu cho DN có vốn đầu tư nước ngoài SX vàng trang sức, mỹ nghệ; (iv) Giấy phép NK vàng nguyên liệu cho DN đầu tư ra nước ngoài NK vàng của DN khai thác ở nước ngoài; (v) Giấy phép XK vàng nguyên liệu cho DN khai thác vàng.

- Giao cho NHNN quy định việc mang theo vàng khi xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế của cá nhân.

Như vậy, cùng với sự ra đời của Nghị định 24/2012/NĐ-CP và một số các văn bản khác, việc XNK vàng nguyên liệu phục vụ SX vàng miếng đã được quy về một mối. NHNN là đơn vị quản lý, kiểm soát lượng vàng nguyên liệu XK, NK cũng như điều tiết cung cầu trên thị trường, hạn chế tình trạng xuất nhập lậu vàng, đầu cơ, lũng đoạn thị trường.

3.2.2.2. Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng

Hoạt động kinh doanh vàng miếng là một trong những nội dung quản lý khá phức tạp trên thị trường vàng. Trước đây, hoạt động này chưa có quy định cụ thể. Chính vì vậy, trong một thời gian dài, hoạt động kinh doanh vàng miếng không chịu sự quản lý chặt chẽ từ phía cơ quan chức năng, cho đến khi Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ ra đời (*Xem Phụ lục 7*).

Từ năm 1999 đến năm 2012, hoạt động kinh doanh vàng được thực hiện theo Nghị định 174/1999/NĐ-CP. Nghị định này đã góp phần tạo lập cơ sở pháp lý cho hoạt động kinh doanh vàng của các DN cũng như hoạt động quản lý của các bộ, ngành liên quan. Tuy nhiên, giá vàng thế giới tăng mạnh, cùng với những bất ổn kinh tế vĩ mô đã làm gia tăng hoạt động đầu tư vào vàng, nhất là vàng miếng. Trong khi đó, Nghị định 174/NĐ-CP lại không có các quy định quản lý, kiểm soát hoạt động kinh doanh mua bán vàng miếng. Chính vì vậy, việc ban hành quy định cụ thể về hoạt động SX, kinh doanh vàng miếng là rất cần thiết.

Nhằm khắc phục những lỗ hổng pháp lý của giai đoạn trước, Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ đã được ban hành vào ngày 03/4/2012 và Thông tư 16/2012/TT-NHNN của NHNN đã được ban hành vào ngày 25/5/2012. So với Nghị định 174/1999/NĐ-CP, Nghị định 24/2012/NĐ-CP siết chặt hơn hoạt động kinh doanh vàng miếng [35; 12].

Theo Nghị định 24/NĐ-CP, Nhà nước độc quyền SX vàng miếng và NK vàng nguyên liệu để SX vàng miếng. Hoạt động mua bán vàng miếng của các tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện tại các TCTD và các DN được NHNN cấp giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng. Những đơn vị chưa được cấp phép kinh doanh, mua bán vàng miếng sẽ chỉ được mua bán vàng trang sức hoặc chuyển đổi sang loại hình kinh doanh khác [25].

Theo đó, NHNN đã tiến hành cấp phép kinh doanh vàng cho 38 đơn vị gồm 22 NHTM và 16 DN kinh doanh vàng theo 2 đợt (*Xem Phụ lục 2*), trong đó có 31 đơn vị được NHNN cấp phép đợt 1 (ngày 28/12/2012) và 07 đơn vị được cấp phép đợt 02 (ngày 08/01/2013).

Riêng đối với các ngân hàng được phép kinh doanh vàng miếng, NHNN đã ban hành Thông tư 38 ngày 28/12/2012 quy định về trạng thái vàng, tức giá trị số dư vàng miếng phát sinh do mua bán vàng, cuối ngày các TCTD không được vượt quá 2% so với vốn tự có và không được duy trì trạng thái vàng âm. Các TCTD phải báo cáo hàng ngày trạng thái vàng của mình cho NHNN [26]. Đây là quy định để nhằm đảm bảo an toàn cho toàn hệ thống ngân hàng khi cho phép các NHTM được kinh doanh vàng miếng.

Ngày 04/03/2013, Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 16/2013/QĐ-TTg của Chính phủ về việc mua, bán vàng miếng trên thị trường trong nước của NHNN Việt Nam. Theo đó, đơn vị thực hiện mua, bán vàng miếng với NHNN là TCTD hoặc DN. Việc mua bán thực hiện theo hình thức đấu thầu hoặc mua bán trực tiếp. Giá bán vàng miếng thực hiện theo quy định của NHNN phù hợp với hình thức mua bán. Quyết định 16/2013 cũng quy định Thống đốc NHNN quyết định phương án can thiệp thị trường vàng bao gồm: thời điểm mua, bán; khối lượng vàng miếng mua, bán; hình thức mua, bán; đối tượng thực hiện mua, bán; các mức giá mua, bán cụ thể phù hợp với từng hình thức thực hiện mua, bán; các nội dung khác có liên quan. Khi thực hiện mua, bán vàng miếng trên thị trường trong nước, NHNN mở tài khoản, mua, bán vàng trên tài khoản ở nước ngoài hoặc mua vàng ở nước ngoài để NK vàng bổ sung DTNH Nhà nước hoặc bán vàng ra nước ngoài [15].

Thông tư 06/2013/TT-NHNN được ban hành nhằm hướng dẫn các quy định về hoạt động mua, bán vàng miếng theo quy định tại Quyết định số 16/2013/QĐ-TTg. Theo đó, NHNN đưa ra các quy định cụ thể về các hoạt động liên quan đến kinh doanh vàng như thiết lập quan hệ giao dịch mua, bán vàng miếng với NHNN, các TCTD, DN; người đại diện giao dịch; giao dịch mua, bán vàng miếng giữa TCTD, DN với NHNN; loại vàng miếng giao dịch mua, bán với NHNN; hình thức mua, bán; thời hạn thanh toán và giao hàng [27].

Ngoài ra, thực tế cho thấy của việc cho phép các TCTD huy động và cho vay vốn bằng vàng và chuyển đổi vàng thành tiền theo Quyết định số 432/2000/QĐ-NHNN đã dẫn đến tình trạng “vàng hóa” trong nền kinh tế, vàng miếng dần dần trở thành phương tiện thanh toán, gây khó khăn cho công tác quản lý của các nhà điều hành [35]. Để khắc phục tình trạng bất cập nói trên, NHNN đã chủ trương chuyển quan hệ “huy động, cho vay vốn bằng vàng” sang quan hệ “mua, bán vàng” (coi vàng là hàng hóa). NHNN kiên quyết chỉ đạo trong năm 2011 và 2012 phải chấm dứt hoạt động này. Đồng thời, NHNN đã triển khai các giải pháp đồng bộ như: xây dựng lộ trình chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của các TCTD; giám sát chặt chẽ, xử lý các vấn đề phát sinh nhằm đẩy nhanh quá trình chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng. Toàn bộ hoạt động cho vay vốn bằng vàng đã chấm dứt vào 01/5/2011 và hoạt động huy động vốn bằng vàng đã chấm dứt vào ngày 25/11/2012. Các TCTD tắt toán trạng thái vàng trước ngày 30/6/2013.

Ngay từ cuối năm 2012, nhu cầu vàng miếng tăng lên do một số TCTD phải mua vàng miếng để trả cho dân cư, đồng thời các DN và người dân cũng có nhu cầu mua vàng để trả ngân hàng. Do đó, NHNN đã tiến hành mua bán vàng miếng thông qua các đợt đấu thầu vàng nhằm bình ổn thị trường.

3.2.2.3. Chính sách quản lý kinh doanh vàng qua tài khoản

* Chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản trong nước

Nghiệp vụ kinh doanh vàng qua tài khoản trong nước (hoạt động của sản giao dịch vàng) được NHNN và Vụ Quản lý ngoại hối cho phép triển khai năm 2006. Tuy nhiên, sau một thời gian đi vào hoạt động, các sản giao dịch vàng trong nước đã bộc lộ nhiều khuyết điểm, điển hình nhất đó là chưa có một cơ chế quản lý đồng bộ từ phía Nhà nước, dẫn tới việc mỗi sản vàng lại đặt ra quy định giao dịch của riêng mình, gây không ít bất lợi cho các nhà đầu tư.

Quản lý hoạt động này có Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/04/2012 quy định về quản lý kinh doanh vàng [12]. Ngoài ra, vì vàng cũng là hàng hóa nên điều chỉnh hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản trong nước còn có Luật Thương mại 2005 và Nghị định 158/2006/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành ngày 28/12/2006 có hiệu lực từ năm 2007 cho đến nay quy định chi tiết Luật Thương mại 2005 về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa.

- Nghị định 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

Nghị định nêu rõ: “Nghị định này quy định về hoạt động kinh doanh vàng, bao gồm: hoạt động SX, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng;

hoạt động XNK vàng và các hoạt động kinh doanh khác, bao gồm cả hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản và hoạt động phái sinh về vàng” (Điều 1: Phạm vi điều chỉnh).

Theo Điều 3 Nghị định 24/NĐ-CP: “*Kinh doanh vàng trên tài khoản là hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản, dưới hình thức giao dịch ký quỹ và giá trị vàng được định giá lại liên tục theo biến động của giá vàng”.*

- Luật Thương mại 2005 và Nghị định 158/2006/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại

Do vàng là một loại động sản (Theo Luật Dân sự) nên về nguyên tắc việc thành lập và hoạt động của Sàn giao dịch vàng phải tuân theo các quy định về Sở giao dịch hàng hóa của Luật Thương mại 2005 và Nghị định 158/2006/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại. Cụ thể:

+ Luật Thương mại 2005: Quy định về “*Mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch*” tại Khoản 1, Điều 63 và quy định về loại “*Hợp đồng mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa*” tại Khoản 4, Điều 64.

+ Nghị định 158/2006/NĐ-CP: Quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với việc thành lập và hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa tại Khoản 2, Điều 2; Quy định về địa vị pháp lý của Sở giao dịch hàng hóa tại Điều 6; Quy định về thẩm quyền cấp phép tại Điều 7; Quy định về phương thức thực hiện hợp đồng đối với hợp đồng mua bán kỳ hạn tại Khoản 1, Điều 41.

Theo các quy định trên, cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Sở giao dịch hàng hóa là Bộ Công thương. Việc thành lập sàn giao dịch vàng phải được tổ chức dưới hình thức Sở giao dịch hàng hóa và phải tuân thủ các quy định của Nghị định 158/2006/NĐ-CP. Tuy nhiên cho tới nay, việc thành lập sàn giao dịch vàng tập trung là chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý do Bộ Công thương vẫn chưa ban hành Danh mục hàng hóa được giao dịch trên Sở giao dịch hàng hóa. Theo nhận định của NHNN, hoạt động kinh doanh trên sàn vàng là hình thức kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro và cũng không giúp tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế. Vì thế, ngày 31/12/2009, Thủ tướng Chính phủ đã có thông báo chính thức tạm thời chấm dứt hoạt động sàn giao dịch vàng.

** Chính sách quản lý về hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản nước ngoài*

Trước đây, chính sách quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản nước ngoài được quy định rõ ràng trong Quyết định số 03/2006/QĐ-NHNN kèm Quyết định sửa đổi bổ sung số 11/2007/QĐ-NHNN.

Việc kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài giúp các đơn vị kinh doanh vàng có thể lựa chọn mức giá khi quyết định XNK vàng. Tuy nhiên, hoạt động này cũng bộc lộ nhiều hạn chế như các đơn vị được phép kinh doanh vàng trên tài khoản nước ngoài cũng như kinh doanh trên các sàn giao dịch quốc tế. Đây là hoạt động có rủi ro rất cao khi giá vàng thế giới biến động thất thường, biên độ dao động lớn. Đồng thời, các đơn vị này cũng đã thành lập sàn vàng trong nước. Các sàn giao dịch này giao dịch với các nhà đầu tư theo các phương thức: (i) Chủ sàn trực tiếp mua bán vàng với nhà đầu tư và phòng ngừa rủi ro bằng việc chuyển trạng thái ra nước ngoài thông qua hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài của chủ sàn; (ii) Chủ sàn nhận lệnh của nhà đầu tư và chuyển lệnh ra nước ngoài thông qua hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài của chủ sàn; (iii) Các nhà đầu tư trực tiếp mua bán vàng trên tài khoản với nhau thông qua hình thức khớp lệnh tập trung.

Đối với hình thức (i) và (ii) chính là hình thức đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư trong nước. Khi nhà đầu tư trong nước tính toán sai và thua lỗ, sẽ dẫn đến hiện tượng “*chảy máu ngoại tệ*”, làm tăng sức ép lên tỷ giá hối đoái giữa đồng ngoại tệ và đồng Việt Nam.

Nhìn nhận được thực trạng này, ngày 06/01/2010, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư 01/2010/TT-NHNN bãi bỏ Quyết định 03/2006/QĐ-NHNN và Quyết định sửa đổi bổ sung số 11/2007/QĐ-NHNN [24].

Thông tư 01/2010/TT-NHNN quy định các TCTD và DN đang kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài phải chấm dứt mọi hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài kể từ ngày 06/1/2010, trừ các giao dịch để tất toán, đóng tài khoản kinh doanh vàng nói trên. Các DN và các TCTD đang kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài có trách nhiệm tất toán, đóng các tài khoản kinh doanh vàng ở nước ngoài trước ngày 30/3/2010 [24].

3.2.2.4. Chính sách phát triển hoạt động phái sinh vàng

Đối với thế giới, thị trường phái sinh vàng đã xuất hiện từ thế kỷ 19 tại Mỹ và ngày càng phát triển, còn đối với Việt Nam, tận đầu năm 2009, thị trường phái sinh vàng mới chính thức xuất hiện với sản phẩm hợp đồng tương lai được thực hiện trên các sàn giao dịch vàng ACB, Sacombank và Eximbank.

Kinh doanh phái sinh vàng ở Việt Nam được điều chỉnh bởi Nghị định 24/2012/NĐ-CP. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định được nêu rõ tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định này [12].

Tuy nhiên, có một điểm lưu ý, đó là trong Nghị định này, Chính phủ đã đưa “*hoạt động phát sinh về vàng*” vào khu vực “*hoạt động kinh doanh vàng khác*” quy định tại Khoản 9, Điều 4. Ngoài ra, khoản 8, Điều 4 của Nghị định nêu rõ: “*Hoạt động phát sinh về vàng của các NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo Điều 105 Luật các tổ chức tín dụng*” [12].

Tuy nhiên, ngoài Nghị định 24/NĐ-CP của Chính phủ điều chỉnh hoạt động kinh doanh phát sinh về vàng, hiện nay NHNN vẫn chưa ban hành các quy chế cụ thể về hoạt động phát sinh vàng cũng như chưa ban hành cơ sở pháp lý cho hoạt động của sàn giao dịch vàng tập trung khiến hoạt động phát sinh vàng ở Việt Nam chưa phát triển, trong khi ở các nước có thị trường vàng phát triển trên thế giới hoạt động phát sinh diễn ra rất sôi động.

3.2.2.5. Chính sách thuế điều tiết hoạt động kinh doanh vàng

Trong số các công cụ hỗ trợ Nhà nước trong việc can thiệp điều tiết lượng cung cầu vàng, góp phần ổn định thị trường vàng, thuế là công cụ khác hữu hiệu. Một trong những loại thuế góp phần quan trọng giúp Nhà nước quản lý hoạt động kinh doanh của thị trường vàng là thuế XK, NK. Tùy theo từng thời kỳ, phụ thuộc vào chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, chính sách thuế đối với hoạt động NK vàng sẽ thay đổi theo cho phù hợp (*Xem Phụ lục 8*).

* Chính sách thuế xuất khẩu, nhập khẩu vàng

- Chính sách thuế xuất khẩu vàng

Từ ngày 01/01/2011, theo Thông tư 184/2010/TT-BTC, các loại vàng nguyên liệu sẽ chịu thuế XK 10% thay cho mức cũ là 0% [5].

Hiện nay, theo quy định của Nghị định 87/2010/NĐ-CP hướng dẫn Luật thuế XK, thuế NK: Vàng NK để gia công cho phía nước ngoài khi tái SX sản phẩm trở lại phía nước ngoài được miễn thuế XK. Vàng NK để SX hàng XK không phải nộp thuế XK - áp dụng với vàng XK được xác định chế biến từ toàn bộ nguyên liệu NK [14].

Các trường hợp vàng XK không theo các loại hình nêu trên phải chịu thuế XK theo quy định tại Thông tư 193/2012/TT-BTC [6].

- Chính sách thuế nhập khẩu vàng

Năm 2006, Quyết định 25/QĐ-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thuế NK vàng miếng là 1% và thuế NK vàng nguyên liệu (vàng hạt) là 0,5%.

Ngày 12/11/2010, Thông tư số 182/2010/TT-BTC được ban hành sửa đổi mức thuế suất NK ưu đãi mặt hàng vàng trong Biểu thuế NK ưu đãi. Theo đó, mức thuế NK các mặt hàng chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc ở dạng bột đồng loạt áp dụng mức thuế suất 0% thay cho mức 1% trước đó [16].

Hiện nay, vàng NK để gia công cho nước ngoài được miễn thuế NK. Vàng NK để SX nếu đã nộp đủ thuế NK thì được hoàn thuế tương ứng với tỷ lệ sản phẩm thực tế XK.

Các trường hợp vàng NK không theo các loại hình nêu trên phải chịu thuế NK quy định tại Thông tư 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính [6].

Theo Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ, hoạt động XNK vàng nguyên liệu để SX vàng miếng trong nước do NHNN độc quyền thực hiện [12]. Nếu Nhà nước đánh thuế đối với vàng nguyên liệu XNK có nghĩa là Nhà nước đang tự lấy ngân sách của mình để đóng thuế, dẫn đến mất chi phí cho công tác thu thuế hoặc phát sinh gian lận khi NHNN ủy thác XNK cho một đơn vị nào đó để được khấu trừ thuế đầu vào. Do vậy, ngày 22/01/2014, Chính phủ đã ban hành Quyết định 08/2014/QĐ-TTg quy định về việc miễn thuế XK, thuế NK đối với vàng nguyên liệu XNK của NHNN Việt Nam [16].

** Chính sách thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh vàng*

Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định:

- Vàng NK dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

- Hoạt động mua, bán vàng (là đồ trang sức, kỹ nghệ, thỏi, miếng và các sản phẩm khác bằng vàng) thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo mức thuế suất 10% tính trên GTGT.

Ngày 23/01/2013, Tổng cục Thuế có công văn số 323/TCT-CS hướng dẫn trường hợp cơ sở kinh doanh vừa có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, vừa có hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì áp dụng tính thuế GTGT đối với các hoạt động này theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT. Việc áp dụng tính thuế GTGT trực tiếp đối với các loại vàng trang sức nhằm mục đích ổn định thị trường vàng trong nước, đồng thời giảm lượng vàng tích trữ trong dân, nói cách khác là nhằm giảm sự lãng phí khi để tiền “chết” dưới dạng tài sản không sinh lời [32].

** Chính sách thuế TTĐB đối với vàng*

Theo quy định của Luật thuế TTĐB, vàng không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

** Chính sách thuế TNDN*

Luật thuế TNDN quy định: DN sản xuất, gia công, kinh doanh mặt hàng vàng thực hiện nộp thuế TNDN như đối với các DN sản xuất, kinh doanh thông thường.

Như vậy, chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh vàng đã được quy định rõ ràng tại các Luật thuế XK, thuế NK; thuế GTGT; thuế TTĐB; thuế TNDN và

các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Riêng mặt hàng vàng nguyên liệu do NHNN xuất khẩu phải áp dụng mức thuế XK 10% nếu có hàm lượng vàng dưới 99,99%, nếu có hàm lượng vàng từ 99,99% trở lên thì được áp dụng mức thuế XK 0% nhưng phải có giám định chất lượng vàng; khi NK áp dụng mức thuế suất NK 0% và không chịu thuế GTGT khi NK, thuế TTĐB.

3.2.2.6. Chính sách phân cấp quản lý, thanh tra giám sát và xử lý vi phạm pháp luật

Phân cấp quản lý giữa các bộ, ngành liên quan là một trong những nội dung rất quan trọng trong quản lý hoạt động kinh doanh vàng nhằm tránh sự chồng chéo, khó giám sát. So với Nghị định 174/1999/NĐ-CP, quy định về phân cấp quản lý của các chủ thể quản lý trong Nghị định 24/2012/NĐ-CP rõ ràng và cụ thể hơn [12]. Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ nêu rõ: “*NHNN là cơ quan thay mặt Chính phủ thống nhất quản lý các hoạt động kinh doanh vàng theo quy định tại Nghị định này*” (Điều 4 Nghị định 24).

Trách nhiệm của NHNN và trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ (Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an) và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định cụ thể tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định 24/NĐ-CP [12]

Trải qua một thời gian rất dài, Việt Nam chưa có một văn bản nào quy định cụ thể về công tác thanh tra giám sát hoạt động kinh doanh vàng. Gần đây, nhằm cụ thể hóa các quy định trong Nghị định 24/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư 22/2013/TT-BKHCN về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng chính thức có hiệu lực từ ngày 1/6/2014 [3]. Theo đó, việc thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh vàng sẽ được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản hơn.

Thực tế kinh doanh vàng ở Việt Nam thời gian qua cho thấy, một trong những nguyên nhân gây lũng đoạn thị trường chính là do xuất hiện và tồn tại các hành vi kinh doanh vàng không có giấy phép, XNK vàng không đúng quy định của Nhà nước... Để hạn chế tình trạng này, Nhà nước đã ban hành các văn bản pháp luật quy định chế tài xử phạt các hành vi vi phạm trong kinh doanh vàng ở Việt Nam. Các chế tài này được quy định cụ thể trong các văn bản sau: Nghị định số 202/2004/NĐ-CP; Nghị định 95/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 202/2004/NĐ-CP và gần đây nhất là Nghị định 96/2014/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 12/12/2012 thay thế Nghị định 202/2004/NĐ-CP và Nghị định

95/2011/NĐ-CP. Theo đó, các mức phạt vi phạm trong kinh doanh vàng đã được Chính phủ chi tiết và tăng dần lên theo các văn bản (*Xem Phụ lục 9*).

3.3. Thực trạng tác động của chính sách đến hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

3.3.1. Những tác động tích cực của chính sách

Giai đoạn 2011- 2014 có thể được coi là mốc quan trọng trong quá trình hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng. Các chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đã có những phản ứng tích cực đối với thị trường vàng ở Việt Nam. Đặc biệt, cùng với sự ra đời của Nghị định 24/2012/NĐ-CP, tình trạng đầu cơ, thao túng và làm giá... phần nào được ngăn chặn do đó đã phần nào ổn định được kinh tế vĩ mô trong mọi trường hợp có biến động của giá vàng, dù theo chiều tăng giá hay theo chiều giảm giá. Cụ thể như sau:

** Về xuất, nhập khẩu vàng*

Suốt từ năm 1993 cho đến năm 2008, với sự ra đời lần lượt của các văn bản Nghị định 63/1993/NĐ-CP; Nghị định 174/1999/NĐ-CP và Nghị định 64/2003/NĐ-CP đã giúp các DN tự chủ động được nhiều hơn đối với nguồn cung vàng nguyên liệu cho hoạt động SX, kinh doanh vàng trang sức, đồng thời hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động SX vàng miếng. Mặt khác, DN đã hoàn toàn tự do trong việc XNK để kinh doanh vàng trang sức trên thị trường quốc tế.

Việc thắt chặt hoạt động XNK vàng của NHNN (bỏ việc cấp phép tự động) trong những năm 2009-2010 đã phát huy hiệu quả tốt, chấm dứt tình trạng “*chảy máu*” vàng trong nước, từng bước ổn định lại cán cân XNK vàng và theo đúng các điều kiện của Việt Nam (là nước có sản lượng khai thác ít và dựa vào nguồn cung NK là chủ yếu). Năm 2009, lượng xuất vàng ồ ạt bị chặn đứng và đến các năm 2010 và 2011, lượng NK đã tăng ổn định trở lại.

Nhằm nâng cao vai trò quản lý, kiểm soát lượng vàng nguyên liệu cũng như điều tiết cung cầu trên thị trường, hạn chế tình trạng xuất lậu vàng nguyên liệu, nhập lậu vàng nguyên liệu để SX vàng miếng và tránh tình trạng đầu cơ, lũng đoạn thị trường, Nghị định 24/2012/NĐ-CP đã ra đời với các quy định: Việc XNK vàng nguyên liệu cho SX vàng miếng là hoạt động độc quyền của Nhà nước và giao cho NHNN là cơ quan tổ chức thực hiện; Căn cứ vào mục tiêu của CSTT, quan hệ cung cầu vàng trong từng thời kỳ, NHNN tổ chức thực hiện việc XK vàng nguyên liệu và NK vàng nguyên liệu để SX vàng miếng, cấp giấy phép XNK vàng nguyên liệu cho DN theo quy định; NHNN quy định về việc mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế của từng cá nhân. Sau đó, Thông tư 16/2012/TT-NHNN ra đời quy định điều kiện cấp giấy phép XNK vàng nguyên liệu; Hồ sơ xin cấp giấy

phép XNK và thủ tục cấp giấy phép XNK. Với Nghị định 24/2012/NĐ-CP và Thông tư 16/2012/TT-NHNN, Nhà nước đã tạo hành lang pháp lý để điều tiết hoạt động XNK vàng theo hướng phục vụ việc ổn định thị trường trong nước. Việc Nhà nước độc quyền XNK vàng nguyên liệu cho việc SX vàng miếng có thể coi là bước đi đầu tiên giúp ổn định thị trường vàng miếng trong nước dưới sự kiểm soát thống nhất của NHNN.

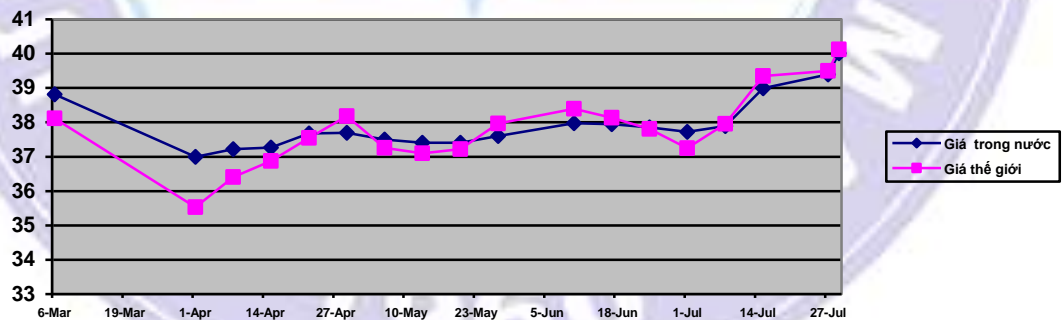
** Về hoạt động kinh doanh vàng miếng*

Với những chính sách hợp lý được ban hành trong 3 năm trở lại đây, có thể thấy rõ những kết quả tích cực sau:

- Từng bước bình ổn thị trường vàng, đưa giá vàng trong nước sát với giá vàng thế giới, hiện tượng liên thông mang tính tiêu cực giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới đã gần như được loại trừ

Ngày 29/04/2011, Thông tư 11/2011/TT-NHNN ra đời chấm dứt việc huy động và cho vay vốn bằng vàng của các TCTD. Thông tư 11/2011/TT-NHNN đã góp phần giúp thị trường vàng trong nước từng bước ổn định thông qua việc chuyển dịch huy động và cho vay bằng vàng thành giao dịch mua bán. Đây là bước đi quan trọng trong việc hạn chế hoạt động đầu cơ và làm giá, từ đó dần hạn chế những cơn sốt giá ảo làm người dân đổ xô đi mua vàng. Biểu đồ 3.4 cho thấy, sau ngày Thông tư 11/2011/TT-NHNN ban hành, chênh lệch giá vàng trong nước và giá vàng thế giới từ ngày 29/4 đến 29/7 là không lớn.

Đơn vị tính: Triệu đồng



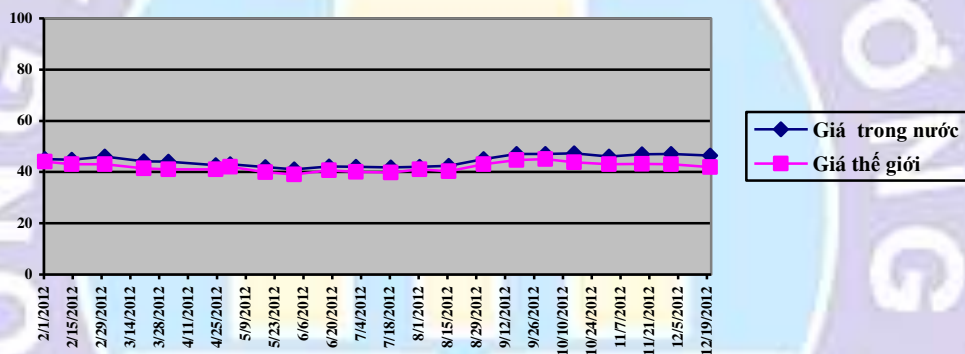
(Nguồn: NCS tính toán từ số liệu thu thập trên website của Bộ Công thương)

Biểu đồ 3.4. Biến động giá vàng trong nước trước và sau khi ban hành Thông tư 11/2011/TT-NHNN (Từ 6/3/2011 đến 27/7/2011)

Cuối năm 2011, khoảng cách giữa giá vàng trong nước và thế giới lại cách xa. Nghị định số 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được ban hành trong bối cảnh giá vàng thế giới và trong nước đều có xu hướng giảm và chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới là tương đối cao (tại thời điểm ngày

03/04/2012 giá vàng trong nước chênh so với giá vàng thế giới là 2,3 triệu đồng/lượng). Sau khi Nghị định 24/2012 chính thức được ban hành, giá vàng trong nước đã có điều chỉnh giảm đáng kể (giảm khoảng 0,8% trong tuần đầu tiên sau khi Nghị định 24 ra đời) bất kể giá vàng thế giới tăng liên tục, tính đến ngày 13/04/2012, mức chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới ở mức 1,44 triệu đồng/lượng (giảm 37,4% so với thời điểm ra đời Nghị định 24). Đến giữa tháng 04, giá vàng trong nước biến động cùng chiều so với giá vàng thế giới, chênh lệch giá giữa 2 thị trường đã được thu hẹp còn 1,3 triệu đồng/lượng. Giá vàng trong nước tiếp tục duy trì được sự ổn định, theo hướng đi ngang với biên độ giao động không lớn sau khi Thông tư số 16/2012/TT-NHNN được ban hành vào tháng 5/2012 và Quyết định số 1623/2012/QĐ-NHNN ban hành vào tháng 08/2012.

Đơn vị tính: Triệu đồng



(Nguồn: NCS tính toán từ số liệu thu thập trên website của Bộ Công thương)

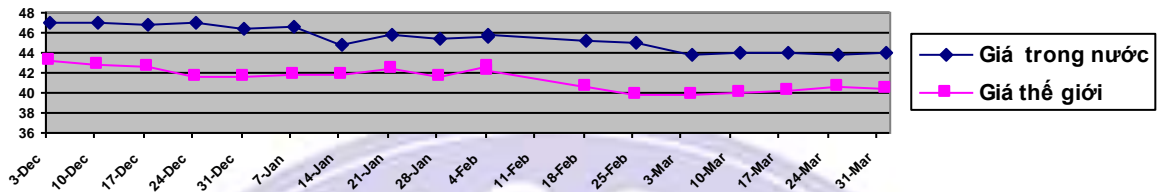
Biểu đồ 3.5. Biến động giá vàng trong nước trước và sau thời điểm Nghị định 24/2012/NĐ-CP và Thông tư 16/2012/TT-NHNN được ban hành (Từ 1/2/2012 đến 1/12/2012)

Đến cuối năm 2012, trước thực tế chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới lại được nới rộng, ngày 28/12/2012, NHNN đã quyết định ban hành Thông tư số 38/2012/TT-NHNN (về việc quy định trạng thái vàng của các TCTD) nhằm hạn chế tình trạng đầu cơ tích trữ, bán khống gây rủi ro cho các TCTD và cho toàn hệ thống.

Biểu đồ 3.6 cho thấy thị trường trong nước đón nhận những tín hiệu tích cực ngay sau khi Thông tư 38/2012/TT-NHNN được ban hành. Tuần từ 31/12/2012-3/1/2013, giá vàng trong nước có xu hướng đi ngang với biên độ dao động thấp và sau đó xuất hiện xu hướng giảm sâu (tính đến 16/1/2013, giá vàng thị trường trong nước đã giảm được hơn 3 triệu đồng/lượng so với ngày Thông tư 38 ra đời). Giá

vàng thị trường trong nước giai đoạn này ngẫu nhiên cũng được kéo sát hơn với giá vàng thế giới, mức độ chênh lệch giá chỉ còn ở mức 1 triệu đồng/lượng.

Đơn vị tính: Triệu đồng



(Nguồn: NCS tính toán từ số liệu thu thập trên website của Bộ Công thương)

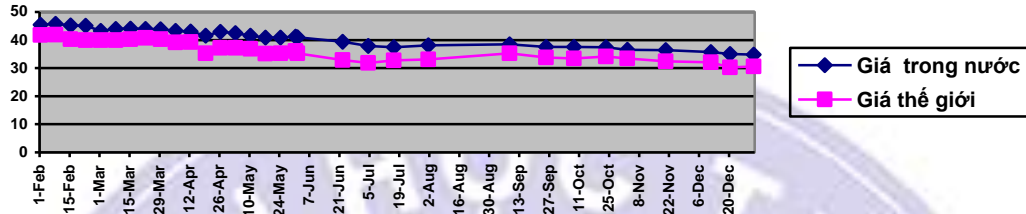
Biểu đồ 3.6. Biến động giá vàng trong nước trước và sau khi ban hành Thông tư 38/2012/TT-NHNN (Từ 3/12/2012 đến 31/3/2013)

Tuy nhiên, với việc thời hạn tất toán trạng thái vàng của các TCTD đang rất gần, dẫn đến cầu vàng trong nước gia tăng, gây áp lực mạnh đến thị trường vàng trong nước, giá vàng trong nước sau 16/1 quay đầu tăng mạnh. Vì vậy, trong tháng 3/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 16/2013/QĐ-TTg, NHNN đã ban hành Thông tư 06/2013/TT-NHNN và Quyết định 563/2013/QĐ-NHNN nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý trong việc mua bán vàng miếng, là tiền đề cho các giải pháp bình ổn thị trường vàng trong nước thông qua việc bình ổn cung cầu. Trong năm 2013, NHNN đã tổ chức bán đấu thầu vàng miếng. Tổng cộng có 76 phiên đấu thầu được tổ chức với lượng vàng chào bán 1.932.000 lượng và bán thành công 1.819.900 lượng, tương đương 69,9 tấn [43]. Trong các phiên đấu thầu, vàng chủ yếu được bán cho các TCTD, chỉ lượng nhỏ được bán cho các DN. Việc xác định mức giá sàn bán vàng miếng của NHNN bảo đảm yếu tố thị trường và tuân thủ quy định pháp luật về quản lý DTNHNN. Mức giá sàn bán vàng miếng công bố trong các phiên đấu thầu là phù hợp và sát với giá vàng giao dịch thực tế trên thị trường trong nước. Các tổ chức trúng thầu bao gồm các TCTD và DN được thiết lập quan hệ mua, bán vàng miếng với NHNN. Một phần vàng miếng đã mua từ đấu thầu được bán lẻ trên thị trường trong nước và một phần được sử dụng để giảm trạng thái vàng huy động đã sử dụng.

Kết quả của các phiên đấu thầu vàng của NHNN thời gian qua đã tăng cung cho thị trường. Mục tiêu can thiệp bình ổn thị trường vàng của NHNN đang từng bước được thực hiện. Mặc dù vẫn còn chênh lệch khá cao giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới nhưng mức chênh lệch này không ảnh hưởng tới tỷ giá, thị

trường ngoại tệ, nhất là không gây bất ổn kinh tế vĩ mô, đặc biệt mỗi khi giá vàng thế giới chao đảo thì giá vàng trong nước cũng không còn biến động mạnh như trước đây nữa.

Đơn vị tính: Triệu đồng



(Nguồn: NCS tính toán từ số liệu thu thập trên website của Bộ Công thương)

Biểu đồ 3.7. Biến động giá vàng trong nước trước và sau thời điểm ban hành Quyết định số 16/2013/QĐ-TTg, Thông tư 06/2013/TT-NHNN, Quyết định 563/2013/QĐ-NHNN (Từ 1/2/2013 đến 1/12/2013)

- Hoạt động SX vàng miếng được quản lý chặt chẽ, hạn chế tình trạng làm giá, đầu cơ trên thị trường

Đối với hoạt động SX vàng miếng, trước đây có tám DN và TCTD kinh doanh vàng được NHNN cấp phép SX vàng miếng. Hoạt động SX vàng miếng của các DN và TCTD đã tạo ra lượng vàng miếng cần thiết đáp ứng nhu cầu mua bán của thị trường. Tuy nhiên, trên thực tế đã xảy ra tình trạng khi nhu cầu mua, bán vàng miếng của thị trường tăng cao, có hiện tượng liên kết để làm giá, đầu cơ trên thị trường. Từ khi Nghị định 24/2012/NĐ-CP và Thông tư 16/2012/TT-NHNN được ban hành, chỉ có NHNN được phép SX vàng miếng và không có tổ chức, cá nhân nào được quyền SX mặt hàng này. NHNN đã chọn vàng SJC làm thương hiệu vàng quốc gia, như vậy có 8 thương hiệu vàng miếng đã “biến mất”. Do đó, hoạt động SX vàng miếng được quản lý chặt chẽ, ngăn chặn việc nhập lậu vàng.

Bảng 3.1. Tám thương hiệu vàng miếng “biến mất” sau Nghị định 24/2012/NĐ-CP

TT	Thương hiệu	Đơn vị sản xuất	Thời gian ra đời
1	Vàng Ngọc Thẩm - HBS	Công ty TNHH Vàng bạc đá quý Ngọc Thẩm	2003
2	Vàng AJC hay AAA	TCT Vàng Agribank Việt Nam	12/11/2004
3	Vàng Rồng Thăng Long (tiền thân bảo tín 1)	Công ty TNHH Vàng bạc đá quý Bảo tín Minh Châu	2007
4	Vàng DOJI	CTCP tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI	2007
5	Vàng Thần tài Phương Nam NJC	CTCP thương mại vàng bạc đá quý NH Phương Nam	2007
6	Vàng Phượng Hoàng PNJ-DAB	CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) và Ngân hàng Đông Á (DAB)	23/04/2008
7	Vàng ACB	Ngân hàng Á Châu	12/08/2008
8	Vàng Thần tài Sacombank	Công ty Vàng bạc đá quý NH Sài Gòn Thương tín – SBJ	28/11/2008

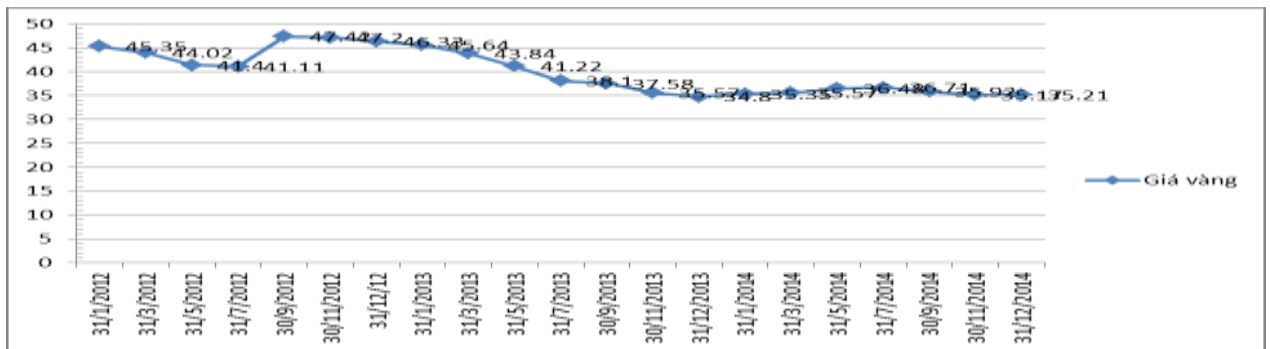
(Nguồn: Vietfin.net)

- Tổ chức lại việc mua, bán vàng miếng trên thị trường trong nước

Đối với hoạt động mua, bán vàng miếng, trước đây có khoảng 12 nghìn DN và cửa hàng kinh doanh vàng kinh doanh mua, bán vàng miếng dẫn đến vàng miếng dần trở thành phương tiện thanh toán, khó quản lý. Từ khi Nghị định 24/2012/NĐ-CP và Quyết định 1623/2012/QĐ-NHNN được ban hành, các tổ chức và cá nhân chỉ được mua bán vàng miếng tại các TCTD và DN đủ điều kiện được NHNN cấp phép kinh doanh mua bán vàng miếng. Do đó uy tín của các địa điểm, cửa hàng kinh doanh vàng, chất lượng vàng miếng và quyền lợi của người dân được bảo đảm tốt hơn. Mặt khác, kể từ sau khi ban hành các chính sách đó, giá vàng trong nước khá ổn định và hạn chế được sự mua bán vàng ồ ạt mỗi khi giá vàng có sự biến động vẫn thường thấy trong dân cư ở những thời kỳ trước, giá vàng trong nước thể hiện chủ yếu qua vàng SJC đã giảm xuống và ổn định trong thời gian đầu sau khi mới ban hành Nghị định.

Điều này được thể hiện qua biểu đồ diễn biến giá vàng SJC từ năm 2012 đến hết năm 2014.

Đơn vị tính: Triệu đồng



(Nguồn: Website SJC.com.vn)

**Biểu đồ 3.8. Diễn biến giá vàng SJC từ năm 2012 đến hết năm 2014
(Từ 31/1/2012 đến 31/12/2014)**

Như vậy với những can thiệp của NHNN đối với thị trường vàng, trong đó có điều kiện về kinh doanh vàng miếng đối với các đơn vị kinh doanh vàng miếng, thị trường vàng Việt Nam đã dần đi vào ổn định, người dân bớt nhạy cảm hơn với vàng, thậm chí trái ngược hẳn với diễn biến giá vàng thế giới sôi sục trong tháng 07 năm 2014, giá vàng trong nước chỉ nhích nhẹ.

- Quyền lợi của người dân được đảm bảo

Thời gian qua, NHNN đã nỗ lực ban hành hệ thống các chính sách, áp dụng các biện pháp đồng bộ, phù hợp thực tiễn để triển khai Nghị định 24/2012/NĐ-CP. Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân được mua, bán vàng miếng trên thị trường có tổ chức, NHNN đã cấp phép cho các TCTD, DN có đủ điều kiện để tổ chức mạng lưới kinh doanh mua bán vàng miếng. Qua hơn ba tháng thực hiện mua bán vàng miếng qua mạng lưới mới do NHNN cấp phép, hoạt động mua bán vàng miếng dần dần được ổn định, quyền lợi hợp pháp của người dân được bảo đảm tốt hơn.

Theo Nghị định 24/2012/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật, không có quy định nào bắt buộc phải chuyển đổi các loại vàng miếng khác sang vàng miếng SJC. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi vàng miếng khác SJC sang vàng miếng SJC của người dân, TCTD và DN; NHNN đã ban hành quy định chặt chẽ để thực hiện việc chuyển đổi vàng miếng thương hiệu khác sang vàng miếng SJC.

Để đẩy nhanh tiến độ kiểm định, chuyển đổi vàng, NHNN thực hiện việc tạm xuất vàng miếng phi SJC và tái nhập vàng nguyên liệu tiêu chuẩn quốc tế với khối lượng XK bằng khối lượng NK theo đúng quy định của pháp luật. Toàn bộ khối lượng vàng phi SJC tạm xuất là vàng miếng đang được lưu thông hợp pháp trên thị

trường và chủ yếu thuộc sở hữu hợp pháp của người dân đang gửi tại TCTD. Quy trình tạm xuất, tái nhập được NHNN tổ chức thực hiện, giám sát chặt chẽ, có kiểm tra tồn quỹ trước khi XK. Việc tạm xuất, tái nhập đã hoàn thành vào ngày 31/3/2013.

- Bước đầu chống được hiện tượng “vàng hóa”

Một trong những điểm nhấn quan trọng tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP đó là tại khoản 6 điều 19 quy định rõ 7 hành vi vi phạm, trong đó có sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán. Dù trước đó nhiều ý kiến e ngại sẽ khó thực hiện quy định cấm thanh toán bằng vàng vì tập quán này tồn tại từ lâu đời. Thế nhưng, thực tế sau hơn một năm Nghị định 24/2012/NĐ-CP có hiệu lực, cùng với thanh tra kiểm tra gắt gao của NHNN, việc thanh toán bằng vàng nhất là trong lĩnh vực bất động sản đã giảm rất nhiều, những niêm yết công khai hoàn toàn chấm dứt. Đây có thể coi là bước đột phá trong đề án chống vàng hóa mà NHNN triển khai.

- Các quan hệ đi vay và cho vay bằng vàng trên thị trường giảm đáng kể và chuyển sang quan hệ mua bán

Lượng vàng vốn “nằm im” trong dân nay có thể phần nào được đưa vào nền kinh tế phục vụ cho quá trình SX kinh doanh. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, nguồn vốn dồi dào sẽ làm giảm chi phí sử dụng vốn từ đó giúp cho nền kinh tế nói chung và các DN nói riêng từng bước phục hồi và tăng trưởng trở lại.

** Về kinh doanh vàng qua tài khoản*

Phải thừa nhận những tác động tích cực của hoạt động kinh doanh sàn giao dịch vàng tới thị trường vàng và kinh doanh vàng phi vật chất qua tài khoản tại các sàn giao dịch vàng là hình thức kinh doanh phù hợp với xu hướng quốc tế, làm giảm nhu cầu kinh doanh vàng vật chất và tạo một kênh lưu thông hiệu quả giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế, góp phần thu hẹp chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới, giúp thị trường vận động theo sát quy luật cung cầu, từ đó tạo cơ sở hội nhập đối với việc kinh doanh vàng qua tài khoản và các giao dịch phái sinh vàng trên thị trường tài chính quốc tế. Hơn nữa, trong bối cảnh DTNH ở Việt Nam chưa lớn, khi chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới được thu hẹp thì hoạt động sàn vàng có thể giúp giảm áp lực lên tỷ giá.

3.3.2. Những tác động bất lợi của chính sách

Mặc dù vậy, bất kỳ một chính sách nào cũng đều có tính 2 mặt, vì vậy bên cạnh những kết quả tích cực nói trên trên thì dường như các chính sách hiện hành

vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu mong đợi. Hiện nay, hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng Việt Nam vẫn tồn tại một số bất cập sau:

- Thứ nhất, về xuất, nhập khẩu vàng

Giá vàng thế giới biến động mạnh và thất thường trong thời gian ngắn, trong khi giá vàng trong nước lại chịu ảnh hưởng khá lớn của giá vàng thế giới, mặt khác giá vàng trong nước lại có xu hướng tăng nhanh hơn so với giá vàng thế giới khi giá vàng thế giới tăng và ngược lại khi giá vàng thế giới giảm thì giá vàng trong nước lại có xu hướng giảm chậm hơn. Thực tế này đã gây ra hiện tượng chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới, dẫn đến vấn đề nhập lậu vàng có điều kiện nảy sinh.

Hiện tại cung và cầu vàng trong nước đang tồn tại một sự chênh lệch lớn. Tính đến hết năm 2013, NHNN đã NK khoảng 69,9 tấn để thực hiện 76 phiên đấu thầu vàng miếng song vẫn không đáp ứng đủ lực cầu của thị trường. Mặt khác, do quan điểm của NHNN chỉ coi đấu thầu vàng miếng là phương án dự phòng nên trong năm 2014, NHNN sẽ chỉ cung ứng vàng ra thị trường khi nhu cầu mua vàng tăng khiến giá vàng trên thị trường vàng trong nước tăng quá cao [52]. Thực tế này đã tạo ra một sự chênh lệch lớn giữa cung - cầu vàng trong nước, do đó đó đã làm gia tăng tình trạng nhập lậu vàng của một bộ phận để đáp ứng nhu cầu trong nước, hưởng chênh lệch giá. Theo nguồn tin từ Hội đồng Vàng thế giới, trong năm qua, ngoài 70 tấn vàng NK chính thức, số vàng vào Việt Nam bằng con đường không chính thức ước khoảng 40 tấn. Như vậy, Việt Nam đã tiêu thụ tổng cộng khoảng 110 tấn vàng trong năm 2013 [50].

- Thứ hai, kinh doanh vàng miếng trên thị trường vẫn còn tồn tại một số bất cập

Mặc dù trong thời gian vừa qua, hoạt động kinh doanh vàng miếng trên thị trường đã được quản lý khá hiệu quả, song trên thực tế vẫn tồn tại một số hạn chế:

Một là, tình trạng độc quyền NK và hạn chế kinh doanh vàng miếng dẫn đến nguy cơ nhập lậu vàng.

Thị trường vàng trong nước đột ngột bị thu hẹp, từ chỗ có nhiều đầu mối có quyền NK vàng theo “*quota*” do NHNN cấp, thì nay do NHNN độc quyền theo tinh thần Nghị định 24/2012/NĐ-CP. Hơn nữa, do Việt Nam dựa chủ yếu vào nguồn vàng NK, nên nguồn vàng bổ sung cho thị trường vàng miếng trong nước từ nay dường như chỉ còn biết trông cậy cả vào “*một cửa*” duy nhất là NHNN. Thêm vào đó các NHTM còn bị buộc phải tắt toán trạng thái kinh doanh vàng của mình trước 30/6/2013 theo nghiêm lệnh của NHNN đã làm gia tăng nguy cơ nhập lậu vàng.

Nhập lậu vàng là một vấn đề đã và đang tồn tại trong nhiều năm qua bởi những lý do khác nhau do lượng cầu trên thị trường Việt Nam là rất lớn và không ngừng gia tăng trong khi nguồn cung hạn chế do đây là mặt hàng không được Nhà nước khuyến khích tiêu dùng. Theo thống kê của GFMS, Việt Nam là nước tiêu thụ vàng nhiều thứ tư châu Á, sau Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan và cũng là một trong những quốc gia có tỷ lệ giữ vàng cao nhất châu Á, dù xu hướng tiêu thụ vàng trong năm 2012 có giảm [35]. Điều này phản ánh một lượng cầu không nhỏ đối với loại mặt hàng đặc biệt này. Tương tự với nhận định trên, thống kê của IMF cho thấy dù không được cấp phép NK vàng nhưng mức tiêu thụ vàng năm 2012 của Việt Nam khoảng 77 tấn. Năm 2013 là 110 tấn (trong đó gần 70 tấn do NHNN nhập khẩu, số còn lại được NK không chính thức vào Việt Nam).

Bắt đầu từ tháng 03/2013 đến hết năm 2013, NHNN đã thực hiện 76 phiên đấu thầu, cung ứng ra thị trường gần 70 tấn vàng, song lực cầu thị trường vẫn rất mạnh. Do đó, có thể khẳng định cung - cầu vàng trong nước đang tồn tại một sự chênh lệch lớn. Lợi dụng thực trạng đó, một bộ phận đã nhập lậu vàng để đáp ứng một phần nhu cầu trong nước, hưởng chênh lệch giá.

Thực tế cho thấy, trong khi vàng miếng bị NHNN kiểm soát chặt thì việc mua bán, SX vàng trang sức, vàng nhẫn lại đang khá tự do, nên vàng lậu vẫn có thị trường để tiêu thụ. Thêm vào đó, trình độ quản lý hoạt động kinh doanh và nhập vàng nguyên liệu tại các DN, cửa hàng kinh doanh nhỏ lẻ còn khá đơn giản, đa phần họ không quá quan tâm đến nguồn gốc vàng mà chỉ quan tâm đến tuổi vàng sau khi phân kim. Vàng lậu được nhập về, bán cho DN dưới dạng vàng nguyên liệu, sau đó dễ dàng được DN đóng dấu, dát thành vàng miếng mỏng, hoặc vàng nhẫn, nữ trang để bán ra thị trường dưới thương hiệu của DN đó. Đây là một cách “*lách luật*” để DN thu lợi nhuận khi không được phép bán vàng miếng SJC. Và dù giá loại vàng này thấp hơn so với vàng miếng SJC nhưng với mức chênh lệch hiện tại, kinh doanh vàng lậu vẫn đảm bảo mức sinh lời cao. Với tình trạng này, không có gì khó hiểu khi hiện tượng nhập lậu vàng đang có xu hướng quay trở lại.

Hai là, sự phân biệt đối xử vàng miếng theo thương hiệu, chứ không theo hàm lượng vàng và chất lượng dịch vụ thực tế đã gây xáo trộn thị trường và gây khó khăn trong việc kiểm soát nguồn cung điều tiết thị trường của NHNN.

Thực tế, xưa nay người dân mua vàng miếng theo tuổi vàng hay mua vàng trang sức theo kiểu dáng và giá trị gia tăng nhờ chế tác tinh xảo, mua theo thương hiệu cũng có nhưng không phải là chính. Nhưng từ khi vàng miếng SJC bất ngờ

trở thành Thương hiệu vàng Quốc gia, danh giá SJC cũng lập tức nổi như cồn và làm đẩy lên làn sóng săn lùng mua mới SJC chính hiệu (và có nơi, có lúc bị mua phải SJC “*không chính hiệu*”), cũng như làn sóng đổi vàng cũ phi SJC thành SJC cho an tâm.

Ngay cùng là SJC, nhưng nếu ai đó lỡ làm rách bao bì nilon bọc ngoài thôi, thì cũng “*cẩn rãng*” chịu thêm phí tổn cố để đổi lấy SJC “*xịn hơn*” cho chắc theo giải thích của nhân viên bán vàng SJC; dù nào đã mấy ai ngoài các nhân viên nhà hàng SJC có đủ cơ sở pháp lý và trình độ để nhận diện thế nào là Thương hiệu vàng miếng Quốc gia.

Thực tế này đã dẫn đến hiện tượng phân biệt đối xử giữa vàng SJC và vàng phi SJC, gây ra những xáo trộn trên thị trường, dẫn tới hiện tượng giá vàng SJC được đẩy lên cao hơn so với vàng phi SJC, thường ở mức chênh lệch 1 triệu đồng/1 lượng, thậm chí có lúc nói rộng ra tới 3 triệu đồng/1 lượng. Hơn nữa, điều này cũng đã làm xuất hiện vàng nhái SJC gây khó khăn trong kiểm soát nguồn cung điều tiết thị trường vàng của NHNN [35].

Ba là, quá trình đấu thầu vàng miếng của NHNN quá nhiều thủ tục rườm rà làm các đơn vị tham gia e ngại.

Trong thời gian qua, hoạt động đấu thầu vàng miếng của NHNN rõ ràng đã đem lại những dấu hiệu tích cực cho thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy rằng, có quá nhiều thủ tục trong quy trình đấu thầu vàng miếng (nộp hồ sơ, đăng ký giao dịch; xác nhận thiết lập quan hệ giao dịch mua, bán; đăng ý người đại diện giao dịch hợp pháp...) đã khiến nhiều đơn vị tham gia e ngại vì họ sẽ phải đối mặt với rủi ro về giá. Ngoài ra, có những phiên giao dịch, thay vì nhận hàng khớp lệnh tại 2 địa điểm Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, gây phát sinh chi phí vận chuyển, bảo quản. Vì vậy, những thủ tục này cần điều chỉnh sớm để tránh gây ra những bất tiện cho các đơn vị muốn tham gia đấu thầu [35].

Bốn là, chênh lệch giữa giá vàng trong nước với giá vàng thế giới vẫn khá cao.

Trong thời gian qua, giá vàng thế giới biến động mạnh và thất thường, trong khi giá vàng trong nước vẫn chịu ảnh hưởng khá lớn của giá vàng thế giới, mặt khác giá vàng trong nước vẫn có xu hướng tăng nhanh hơn so với giá vàng thế giới khi giá vàng tăng và ngược lại khi giá vàng thế giới giảm lại có xu hướng giảm chậm hơn. Thực tế này đã gây ra hiện tượng chênh lệch giá giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới.

Năm là, sự thay đổi một số chính sách quản lý nhà nước đã dẫn đến thiệt hại cho các DN, nhà đầu tư và người dân.

Trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến nay, Nhà nước đã ban hành rất nhiều chính sách để thay thế một sửa đổi, bổ sung các chính sách cũ trong quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam, bên cạnh những tác động tích cực của chính sách đến thị trường thì sự thay đổi này cũng đã gây nên những thiệt hại về mặt tài chính cho các chủ thể kinh doanh trên thị trường như DN kinh doanh vàng, các nhà đầu tư và kể cả người dân. Cụ thể như sau:

+ Việc NHNN chọn và sử dụng vàng miếng SJC là thương hiệu vàng quốc gia, chỉ mua và bán vàng miếng SJC trên thị trường cũng đã gây thiệt hại không nhỏ cho không ít các nhà đầu tư và người dân. Sự phân biệt đối xử giữa vàng SJC và vàng phi SJC đã dẫn tới hiện tượng chênh lệch giá, khoảng cách này thường là 1 triệu đồng/1 lượng, có lúc hơn 3 triệu đồng/lượng gây thiệt hại cho các nhà đầu tư và người dân đang nắm giữ vàng phi SJC. Thậm chí có những người đang nắm giữ vàng miếng SJC nhưng lỡ làm rách bao bì nilon bọc ngoài cũng phải “*cẩn rắng*” chịu thêm phí tổn để đổi lấy SJC “*xịn hơn*” cho chắc chắn.

+ Việc đưa ra quy định các tổ chức và cá nhân chỉ được mua bán vàng miếng tại các TCTD và DN có đủ điều kiện được NHNN cấp giấy phép kinh doanh vàng miếng (Nghị định 24/2012/NĐ-CP và Thông tư 16/2012/TT-NHNN) đã khiến lúc đầu có 12.000 đơn vị kinh doanh vàng nay giảm xuống chỉ còn 8.000 đơn vị, làm cho 4.000 đơn vị gặp thiệt hại do đã đầu tư cơ sở vật chất (đầu tư máy đập vàng...) để kinh doanh vàng nhưng nay lại không được kinh doanh nữa.

+ Ngày 03/10/2010, NHNN ban hành Quyết định số 432/2000/QĐ-NHNN cho phép các TCTD được huy động vốn, cho vay vốn bằng vàng và chuyển đổi 30% nguồn vốn huy động bằng vàng sang Việt Nam đồng. Tuy nhiên, đến năm 2008, chính sách này đã bộc lộ nhiều bất cập và không còn phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Do vậy, cùng với việc nhanh chóng triển khai các quy định của Nghị định 24, NHNN đã kiên quyết thực hiện lộ trình chấm dứt hoạt động huy động vốn, cho vay vốn bằng vàng của các TCTD qua 3 Thông tư: Thông tư số 22/2010/TT-NHNN; Thông tư số 11/2011/TT-NHNN; Thông tư số 12/2012/TT-NHNN. Việc thay đổi trong quản lý của Nhà nước đối với hoạt động huy động và cho vay vốn bằng vàng đã làm các TCTD bị thua lỗ một khoản tiền không nhỏ, ví dụ như Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2012 đã bị mất gần 1.700 tỷ đồng từ việc huy động và cho vay vốn bằng vàng [57].

- Thứ ba, về hoạt động kinh doanh vàng ghi sổ (mua bán qua tài khoản) và giao dịch vàng phái sinh

+ Từ năm 2006 đến năm 2010, ở Việt Nam, hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản trên các sàn giao dịch đã phần nào phát huy hiệu quả, tạo ra một kênh cho các nhà đầu tư và mở rộng dịch vụ vàng, đem lại lợi nhuận cao cho các DN và các TCTD. Tuy nhiên, sự phát triển tự phát của các sàn vàng cũng đã gây ra nhiều bất ổn cho thị trường. Thực tế giao dịch vàng qua các sàn giao dịch cho thấy, tính năng phần mềm giao dịch của các sàn giao dịch còn yếu kém. Do không theo kịp tốc độ phát triển của thị trường, hệ thống công nghệ lạc hậu, không đồng bộ nên một số sàn vàng xảy ra sự cố bị treo lệnh, hoặc sự cố về hệ thống. Đứng trước tất cả những bất ổn và khó khăn như vậy, kể từ năm 2010, Chính phủ đã phải ra quyết định chấm dứt hoạt động của các sàn giao dịch vàng cùng với các hình thức kinh doanh vàng qua tài khoản ở Việt Nam. Việc cấm sàn giao dịch vàng và kinh doanh vàng qua tài khoản khiến cho thông tin đầu tư bị hạn chế, tạo điều kiện cho đầu cơ làm giá trên thị trường vàng vật chất, ảnh hưởng xấu đến giá vàng trong nước và quản lý thị trường vàng ngày càng trở nên khó khăn hơn.

+ Ở Việt Nam hiện nay, kinh doanh phái sinh nói chung và kinh doanh phái sinh hàng hóa (trong đó có vàng) nói riêng vẫn chỉ ở giai đoạn hết sức sơ khai. Quản lý của Nhà nước đối với các sàn vàng còn bị buông lỏng, quy chế giao dịch trên sàn vàng không được quy định thống nhất nên mỗi sàn vàng lại có luật chơi riêng, làm cho hoạt động kinh doanh trên các sàn vàng trở nên lộn xộn. Tình trạng tranh chấp, khiếu kiện giữa các nhà đầu tư và chủ sàn vàng không phải là chuyện hiếm. Trong khi đó, với sự phát triển của thị trường vàng Việt Nam hiện nay và còn triển vọng lớn hơn nữa trong tương lai, sự ra đời và phát triển của các hoạt động phái sinh vàng sẽ là một điều tất yếu. Các công cụ phái sinh về vàng ra đời sẽ tạo điều kiện để các nhà đầu tư vàng trên thị trường được tham gia một cách có hiệu quả hơn, đảm bảo khả năng lợi nhuận trong khi vẫn có thể phòng tránh rủi ro. Công cụ phái sinh về vàng có thể coi là một con đường đưa thị trường vàng Việt Nam hoàn thiện và tiến gần tới thị trường quốc tế hơn trên nhiều phương diện.

+ Theo Quyết định số 03/2006/QĐ-NHNN ngày 18/1/2006 và Quyết định bổ sung số 11/2007/QĐ-NHNN ngày 15/3/2007, Nhà nước bắt đầu cho phép mở cửa sàn vàng vào năm 2007. Tuy nhiên, ngày 30/3/2010, Chính phủ đã chính thức chấm dứt hoạt động của các sàn giao dịch vàng và kinh doanh vàng trên tài khoản sau gần

3 năm hoạt động. Việc này đã khiến 20 đơn vị bị thiệt hại về tài chính khi đã đầu tư để mở cửa sàn vàng thực hiện các hoạt động giao dịch trên sàn vàng.

3.4. Đánh giá thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

Qua nghiên cứu, khảo sát thực trạng chính sách của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam thời gian qua, trên cơ sở kết hợp phương pháp định tính và định lượng (xử lý kết quả điều tra xã hội học bằng phần mềm SPSS) NCS rút ra một số kết luận về ưu điểm và hạn chế, bất cập trong thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam như sau:

3.4.1. Những ưu điểm

Với thang điểm đánh giá từ 1 đến 5 (trong đó: 1 là mức kém nhất; 2 là mức kém; 3 là mức bình thường; 4 là mức tốt và 5 là mức tốt nhất), hầu hết đối tượng được điều tra (trên 80%) đánh giá khá cao tính hướng tới mục tiêu chung của chính sách; tính phù hợp của chính sách với tình hình thực tế và khả năng tạo ra động lực mạnh của chính sách. Kết quả điều tra đều đã được kiểm định và đảm bảo tính phân phối chuẩn. Mức điểm trung bình của các đánh giá này đều đạt ở mức gần 4 hoặc trên 4 điểm (là mức điểm đánh giá tốt) (*Xem Phụ lục 13*).

- Thứ nhất, chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay đều cùng hướng tới mục tiêu phát triển chung

Các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở thị trường vàng Việt Nam hiện nay (Nghị định 24/2010/NĐ-CP, Thông tư 16/2012/TT-NHNN, Thông tư 06/2013/TT-NHNN... và hàng loạt Chỉ thị và Quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng) đều cùng hướng tới mục tiêu phát triển chung, đó là đảm bảo cho thị trường vàng phát triển một cách ổn định và bền vững, khắc phục tình trạng giá vàng biến động khó kiểm soát, đảm bảo thực thi các mục tiêu của CSTT quốc gia, từ đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Những chính sách của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam trong thời gian qua đang từng bước đưa thị trường vào phát triển ổn định, kéo giá vàng trong nước gần hơn với giá vàng thế giới, giảm tình trạng đầu cơ, buôn lậu vàng, tạo điều kiện cho thị trường vàng trong nước phát triển, góp phần ổn định các biến số kinh tế vĩ mô như tỷ giá, lạm phát...

- Thứ hai, chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng hiện nay đã tạo ra một động lực mạnh trong phát triển thị trường vàng Việt Nam.

Các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng đặc biệt là chính sách quản lý trong thời gian gần đây đã tạo ra một động lực mạnh tác động

đến hoạt động kinh doanh vàng và các chủ thể kinh doanh vàng. Tháng 12/1999, tiếp tục tiến trình cải cách thị trường vàng Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị định 174/1999/NĐ-CP ngày 9/12/1999 quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thay thế Nghị định 63/1993/NĐ-CP. Nghị định này đã góp phần tạo lập cơ sở pháp lý cho hoạt động kinh doanh vàng của các DN cũng như hoạt động quản lý của các bộ, ngành liên quan. Tuy nhiên, kể từ năm 2008 đến năm 2011, giá vàng thế giới tăng mạnh, tới 300% cùng với những bất ổn kinh tế vĩ mô đã làm gia tăng hoạt động đầu tư vào vàng, nhất là vàng miếng. Trong khi đó, Nghị định 174/NĐ-CP không có các quy định quản lý, kiểm soát đối với hoạt động SX và kinh doanh vàng miếng, dẫn đến “quả bóng” vàng bị các nhà vàng mặc sức tung hứng dẫn đến nhiều sóng gió cho thị trường này. Nghị định 24/2010/NĐ-CP và Thông tư 16/2012/TT-NHNN ra đời trong bối cảnh thị trường vàng có nhiều vấn đề bức xúc cần quan tâm giải quyết. Sau khi ban hành, Nghị định 24/NĐ-CP và Thông tư 16/TT-NHNN đã siết chặt hơn hoạt động kinh doanh vàng miếng, khắc phục những lỗ hổng pháp lý của giai đoạn trước và đã có một số ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của thị trường vàng. Sau Nghị định 24/NĐ-CP và Thông tư 16/TT-NHNN, các Thông tư, Quyết định, Chỉ thị được ban hành cũng đáp ứng được tiêu chí này.

- Thứ ba, chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng hiện nay đảm bảo tính phù hợp với tình hình thực tế thị trường vàng Việt Nam

Các chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng trong giai đoạn từ năm 2012 trở lại đây nhìn chung đảm bảo tính phù hợp với tình hình thực tế của thị trường vàng Việt Nam. Từ năm 1999 đến đầu năm 2012, cùng với sự bất ổn kinh tế vĩ mô đã làm gia tăng hoạt động đầu tư vào vàng, nhất là vàng miếng, trong khi đó Nghị định 174/1999/NĐ-CP của Chính phủ lại không có các quy định pháp lý quản lý và kiểm soát hoạt động kinh doanh vàng, thực trạng XNK vàng lậu rất khó kiểm soát. Sự ra đời của hàng loạt các văn bản kể từ cuối năm 2012, đặc biệt là Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ để quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng, quản lý hoạt động XNK là rất phù hợp với tình hình thực tế của thị trường nhằm đạt được mục tiêu của Nhà nước về quản lý thị trường vàng trong từng thời kỳ.

3.4.2. Những hạn chế, bất cập

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, hệ thống chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay chưa toàn diện, đồng bộ và thống nhất. Nhận định này được khẳng định bằng kết quả mà NCS đã tiến hành điều tra xã hội học, phần lớn đối tượng điều tra đều đánh giá tính toàn diện, tính đồng bộ,

thống nhất và tính ổn định của chính sách quản lý đối với hoạt động kinh doanh vàng hiện hành ở mức kém hoặc rất kém (*Xem Phụ lục 13*).

- *Về tính đồng bộ, thống nhất của chính sách quản lý nhà nước:* Theo kết quả điều tra 30,7 % đối tượng được điều tra đánh giá tính đồng bộ, thống nhất của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở mức rất kém, 27,6% đánh giá ở mức kém và 34,8% đánh giá ở mức bình thường, mức điểm trung bình của tiêu chí này là 2,18 điểm (dưới mức bình thường). Như vậy, có thể cho thấy tính đồng bộ, thống nhất của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng hiện nay rất thấp. Qua nghiên cứu các văn bản chính sách liên quan cho thấy:

Một là, việc quy định mức vốn điều lệ đối với các TCTD và các doanh nghiệp để được cấp phép kinh doanh vàng trong Nghị định 24/2012/NĐ-CP không đồng nhất với Quyết định 154/2010/QĐ-TTg về việc cơ cấu lại các TCTD giai đoạn 2011 - 2015. Theo quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP, mức vốn điều lệ tối thiểu đối với các TCTD để được cấp phép kinh doanh vàng miếng là 3.000 tỷ đồng. Trong khi đó, theo Quyết định số 154/2010/QĐ-TTg, sau năm 2015, Việt Nam sẽ chỉ có 12-15 NHTM với mức vốn điều lệ tối thiểu 9.000 tỷ đồng chứ không còn tồn tại các NHTM có vốn điều lệ dưới mức này.

Hai là, hiện ở nước ta chưa có cơ chế quản lý thống nhất đối với sàn giao dịch và kinh doanh vàng qua tài khoản. Thực tế thời gian vừa qua, khi cho phép mở cửa các sàn vàng nhưng do thiếu cơ chế quản lý thống nhất đối với Sàn giao dịch, cơ chế hoạt động của các sàn vàng không minh bạch, thiếu sự kiểm soát chặt chẽ sự liên thông giữa kinh doanh vàng trên tài khoản trong nước với kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài đã dẫn đến thua lỗ lớn cho các cá nhân, tổ chức trong nước gây nên những tổn thất lớn về ngoại tệ khi phải thanh toán cho nước ngoài.

- *Về tính ổn định của chính sách:* Kết quả điều tra xã hội học cho thấy mức điểm trung bình của tiêu chí này chỉ đạt 2,27 điểm, trong đó 27% đối tượng được điều tra đánh giá ở mức rất kém; 31,4% đánh giá ở mức kém; 27% đánh giá ở mức bình thường. Sở dĩ tiêu chí này được đánh giá với mức điểm như vậy là do, trong giai đoạn từ năm 2007 đến nay, Nhà nước đã có nhiều thay đổi trong chính sách quản lý của mình, một số chính sách được ban hành chỉ mang tính thời điểm, cụ thể như sau:

Một là, sự thay đổi trong quản lý hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản. Năm 2007, với sự ra đời của Quyết định số 03/2006/QĐ-NHNN và Quyết định bổ

sung số 11/2007/QĐ-NHNN, việc kinh doanh vàng trên tài khoản bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam với đặc điểm là một kênh đầu tư mới, hấp dẫn và có thể mang lại lợi nhuận lớn cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, chỉ sau gần 3 năm đi vào hoạt động, Chính phủ đã ra thông báo chấm dứt hoạt động của các sàn giao dịch vàng và kinh doanh vàng trên tài khoản trong nước, và ngày 06/01/2010, Thống đốc NHNN Việt Nam đã ban hành Thông tư 01/2010/TT-NHNN chấm dứt hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài.

Hai là, sự thay đổi trong quản lý hoạt động huy động vốn và cho vay vốn bằng vàng. NHNN bắt đầu cho các TCTD huy động, cho vay vốn bằng vàng và chuyển đổi 30% nguồn vốn huy động bằng vàng sang VND từ năm 2000 theo Quyết định số 432/2000/QĐ-NHNN. Đến năm 2008, nhận thấy được những bất cập của chính sách, NHNN đã liên tục ban hành các Thông tư để chấm dứt hoạt động này, cụ thể: (i) Ngày 29/10/2010, NHNN ban hành Thông tư số 22/2010/TT-NHNN quy định TCTD chỉ được vay vốn bằng vàng để SX, chế tác và kinh doanh vàng trang sức (không được cho vay để SX, kinh doanh vàng miếng); TCTD không được chuyển đổi vốn huy động bằng vàng thành VND; đối với số vốn bằng vàng đã chuyển đổi thành tiền phải giảm dần và tất toán chậm nhất ngày 30/6/2011; (ii) Ngày 29/4/2011, NHNN ban hành thông tư số 11/2011/TT-NHNN quy định các TCTD không được tiếp tục thực hiện cho vay vốn bằng vàng và gửi vàng tại các TCTD khác; chỉ được phát hành các chứng chỉ ngắn hạn bằng vàng để chi trả vàng khi vàng tồn quỹ và thu nợ không đủ để chi trả; việc phát hành chứng chỉ phải chấm dứt ngày 01/5/2012; (iii) Thông tư số 12/2012/TT/NHNN ngày 27/4/2012 cho phép các TCTD gia hạn thời hạn phát hành mới chứng chỉ ngắn hạn bằng vàng đến ngày 25/11/2012, kỳ hạn trên mỗi chứng chỉ không vượt quá ngày 30/6/2013. Qua đây, có thể cho thấy, chính sách quản lý nhà nước đối với việc chấm dứt huy động, cho vay vốn bằng vàng mang tính tình thế, thời điểm. Việc này đã có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các NHTM, gây ra thua lỗ không nhỏ về mặt tài chính cho các NHTM, đơn cử như NHTM CP Á Châu sau vụ việc này đã bị thua lỗ tới gần 1.700 tỷ đồng [57].

- *Về tính toàn diện của chính sách*: Phần lớn đối tượng được điều tra đều đánh giá tính toàn diện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở mức từ 3 điểm (mức bình thường) trở xuống, trong đó: 30,7% đánh giá ở mức rất kém; 31,7 % đánh giá ở mức kém; 31,4% đánh giá ở mức bình thường. Mức điểm trung bình của tiêu chí này là 2,13 điểm. Qua nghiên cứu của mình, NCS nhận thấy, một số chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng thiếu tính toàn diện, đơn cử như chính sách quy định về điều kiện để

được cấp phép kinh doanh vàng miếng đối với các TCTD và các DN kinh doanh vàng và chính sách quản lý thị trường giao dịch.

Thứ nhất, đối với chính sách quy định về điều kiện để được cấp phép kinh doanh vàng miếng đối với các TCTD và các DN kinh doanh vàng. Hiện nay, theo Nghị định 24/2012/NĐ-CP, điều kiện để các TCTD và các DN kinh doanh vàng được cấp phép kinh doanh vàng miếng mới chỉ căn cứ vào vốn điều lệ, kinh nghiệm hoạt động, số thuế đã nộp trong 2 năm liên tiếp gần nhất và mạng lưới chi nhánh, địa điểm bán hàng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, kinh doanh vàng là hoạt động kinh doanh có điều kiện nên điều kiện để được cấp phép kinh doanh vàng miếng ngoài điều kiện về năng lực tài chính và các điều kiện như đã quy định trong Nghị định 24, còn cần có các quy định về cơ sở vật chất kỹ thuật, quy định về nhân lực và điều kiện, thủ tục, quy trình cung cấp dịch vụ. Theo NCS, đây là những quy định pháp lý không thể thiếu để đảm bảo chuẩn chất lượng của các sản phẩm vàng.

Thứ hai, có một lỗ hổng trong hệ thống các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, cụ thể:

+ *Đối với hoạt động kinh doanh vàng miếng*: Hiện nay, Nhà nước chưa có bất kỳ một quy định nào về quản lý thị trường giao dịch như quy định về: Mô hình tổ chức thị trường; Bộ máy quản lý điều hành thị trường; Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể quản lý; Thành viên giao dịch trên thị trường đã làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng. Trong khi đó, để đảm bảo cho thị trường vàng hoạt động một cách ổn định và hiệu quả thì việc ban hành chính sách quản lý thị trường giao dịch là hết sức cần thiết.

+ *Đối với hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản*: Thực tế hiện nay cho thấy có nhiều hành vi “lách luật” để kinh doanh vàng, đặc biệt là kinh doanh vàng qua tài khoản tại các sàn vàng “chui”. Tuy nhiên, Nhà nước vẫn chưa đưa ra được bất kỳ một quy định cụ thể nào để quản lý và ngăn chặn hành vi này. Mặc dù biết trên thị trường vàng hiện còn khoảng 30 sàn vàng chui đang tồn tại, nhưng phía Bộ Công an cho rằng rất khó triệt phá. Phía Bộ Công an cho biết, mặc dù các sàn vàng này đã hoạt động một thời gian và có diễn biến phức tạp, song do quy định pháp luật còn chung chung, nên việc dựa vào các quy định hiện hành để bắt giữ ngay các đối tượng gặp rất nhiều khó khăn. Một số vụ công an tiến hành triệt phá sàn vàng gần đây thường gắn với yếu tố lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của nhà đầu tư hoặc có sự vi phạm pháp luật khác. Lý giải cho thực tế này, Luật sư Trương Thanh Đức - Chủ tịch Công ty Luật BASICO, Trọng tài viên Trung tâm

Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) cho biết, trước hết, theo quy định của pháp luật thì sản vàng không phải là hoạt động bị cấm kinh doanh, mà chỉ là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản phải được Thủ tướng và NHNN cho phép. Nhưng từ đó đến nay vẫn chưa có quy định nào về hoạt động của các sản vàng. Bên cạnh đó, các quy định về kinh doanh vàng trên tài khoản còn rất chung chung, thiếu rõ ràng. Vì vậy, các DN thường “lách luật”, cho rằng họ không kinh doanh vàng trên tài khoản, mà chỉ kinh doanh hàng hóa trên tài khoản theo quy định về sản giao dịch hàng hóa, sản giao dịch thương mại điện tử, trong đó có vàng và ngoại hối [61]. Để khắc phục tình trạng này, vấn đề là cần phải có quy định rõ ràng về điều kiện để tiến hành hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản, hay sản vàng trong nước và ngoài nước.

- *Tính khả thi, tính hiệu quả, tính hợp lý của chính sách quản lý đối với từng hoạt động kinh doanh vàng (kinh doanh vàng miếng, kinh doanh vàng qua tài khoản) và chính sách thuế quản lý hoạt động kinh doanh vàng cũng không được đánh giá cao, cụ thể như sau:*

+ *Đối với chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng*

Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, tất cả chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng miếng ở Việt Nam hiện nay đều chỉ đạt mức điểm trung bình trên 2 điểm là mức đánh giá kém (*Xem Phụ lục 10*). Các kết quả điều tra đều đã được kiểm chứng và đều đảm bảo tính phân phối chuẩn. Ở hầu hết các câu hỏi đánh giá về tính khả thi, tính hiệu quả, tính hợp lý của chính sách, hơn 50% số người được hỏi đều đánh giá ở mức kém và rất kém, còn lại đa số ở mức bình thường, chỉ có rất ít số người được hỏi chọn mức điểm 4 và điểm 5. Điều đó cho thấy thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng miếng này còn nhiều bất cập:

Một là, việc quy định điều kiện tham gia kinh doanh vàng miếng đối với các TCTD tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP với mức vốn điều lệ tối thiểu 3.000 tỷ đồng chưa thật sự hợp lý. Nghị định 24/NĐ-CP quy định, đối với các TCTD tham gia kinh doanh vàng miếng cần có vốn điều lệ tối thiểu là 3.000 tỷ đồng. Trên thực tế, tính đến ngày 08/01/2013, trong số 38 đơn vị được NHNN cấp phép kinh doanh vàng miếng có 22 đơn vị là các NHTM. Tuy nhiên, quy định này sẽ nhanh chóng trở thành không cần thiết và “lỗi thời”, vì theo Đề án cơ cấu lại các TCTD giai đoạn 2011-2015, Việt Nam sẽ có 12-15 NHTM sau năm 2015. Tính đến 30/5/2013, thị trường tài chính Việt Nam có 8 NHTM cổ phần và 4 NHTM có vốn Nhà nước

chi phối có vốn tự có 9.000 tỷ đồng (*công bố tại website của NHNN Việt Nam*). Như vậy, sau năm 2015, các NHTM nhỏ còn lại sẽ phải sáp nhập với các NHTM có vốn trên 9.000 tỷ hoặc sáp nhập với nhau. Trên TTTC Việt Nam sẽ không còn NHTM có vốn điều lệ dưới 9.000 tỷ đồng. Đến khi đó, quy định về mức vốn tối thiểu để được cấp phép kinh doanh vàng miếng đối với các TCTD tại Nghị định 24/2012 như hiện nay sẽ trở nên không hợp lý nữa.

Hai là, tính công khai, minh bạch của quy định về quy trình đấu thầu vàng miếng, thông báo kết quả đấu thầu, thông báo khối lượng vàng miếng mua, bán của NHNN còn thấp. Theo kinh nghiệm của các nước phát triển về nguyên tắc quản lý thị trường, đảm bảo tính công khai, tính minh bạch thông tin sẽ tạo điều kiện để thị trường vàng vận hành hiệu quả, đồng thời phòng ngừa các sai phạm, nạn tham nhũng trong hoạt động giao dịch mua bán vàng của NHTW. Tuy nhiên, trong các quy định về quy trình đấu thầu vàng miếng của NHNN hiện nay lại chưa có quy định về công khai kết quả đấu thầu mua bán vàng miếng, trong khi đó lại có quá nhiều quy định về thủ tục trong quy trình đấu thầu vàng miếng đã khiến nhiều đơn vị tham gia e ngại. Chính những bất cập này đã làm giảm tính hiệu quả của chính sách trong quản lý kinh doanh vàng miếng.

Ba là, sau một thời gian triển khai thực hiện chính sách, NHNN chọn và sử dụng vàng miếng SJC là thương hiệu vàng quốc gia, chỉ mua bán vàng SJC trên thị trường đã cho thấy sự bất hợp lý của chính sách. Việc phân biệt vàng miếng theo thương hiệu, chứ không theo hàm lượng vàng và chất lượng vàng đã gây xáo trộn thị trường, dẫn tới hiện tượng giá vàng SJC được đẩy lên cao hơn so với vàng phi SJC. Bên cạnh đó, còn xuất hiện vàng nhái SJC, gây thiệt hại cho người đầu tư vàng và gây khó khăn trong việc kiểm soát nguồn cung vàng của NHNN.

Bốn là, việc ban hành các chính sách quản lý XNK vàng theo hướng mềm dẻo và mở rộng dần dần như hiện nay đã có những tác động tích cực góp phần bình ổn thị trường ngoại tệ. Tuy nhiên, do sự lên xuống bất thường của thị trường vàng thế giới và Việt Nam nhưng ở các mức khác nhau nên vẫn còn không ít đối tượng đã nhập lậu vàng để hưởng chênh lệch giá. Thực tế này cho thấy vẫn cần phải có những giải pháp để hoàn thiện chính sách quản lý XNK vàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả của chính sách.

Năm là, theo quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ, NHNN độc quyền NK vàng miếng. Tính khả thi và hiệu quả của chính sách này được đánh giá là không cao, do ở Việt Nam nguồn cầu vàng trong nước hiện khá cao, Việt Nam lại dựa chủ yếu vào nguồn NK vàng, nên nguồn vàng bổ sung cho thị trường

vàng miếng chủ yếu chỉ biết dựa vào một chủ thể duy nhất là NHNN. Chính điều này đã làm gia tăng nguy cơ nhập lậu vàng.

Sáu là, việc ban hành chính sách huy động và sử dụng vàng dự trữ trong dân đã không đạt được hiệu quả như mong đợi. Ngày 03/10/2000, NHNN đã ban hành Quyết định số 432/QĐ-NHNN cho phép các TCTD được huy động, cho vay vốn bằng vàng và chuyển đổi vàng thành tiền với mục đích huy động được triệt để các nguồn vốn nhàn rỗi trong XH phục vụ nhu cầu vốn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện chính sách này, hiện tượng “vàng hóa” trong nền kinh tế ngày càng gia tăng, vàng miếng trở thành phương tiện thanh toán, gây khó khăn cho công tác quản lý và điều hành. Để khắc phục tình trạng bất cập nói trên, NHNN đã kiên quyết chỉ đạo phải chấm dứt hoạt động này vào ngày 25/11/2012. Các TCTD phải tắt toán trạng thái vàng trước ngày 30/06/2013. Cho đến nay, cơ quan quản lý Nhà nước đối với thị trường vàng vẫn chưa tìm được một giải pháp nào thật sự tối ưu để huy động lượng vàng tích trữ trong dân cư. Một khi lượng vàng trong dân được huy động thành công thì NHNN có thể thực thi CSTT một cách thuận lợi cũng như kiểm soát diễn biến thị trường vàng trong nước hiệu quả hơn. Hiện nay, theo số liệu thống kê từ Hội đồng Vàng thế giới cung cấp, Việt Nam xếp vị trí khoảng thứ 5 về lượng vàng dự trữ trong dân. Từ năm 2000 đến giữa năm 2013, số lượng vàng trong dân ước tính khoảng 1.072 tấn. Đây là con số cộng dồn từ các hóa đơn mua bán vàng của Việt Nam ở nước ngoài trong khoảng thời gian này [39].

Bảy là, chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến kinh doanh vàng vẫn còn lỏng lẻo và chưa đủ sức răn đe. Mặt khác, mặt trận chống buôn lậu vàng còn thiếu sự phối hợp, liên kết giữa các bộ, ngành dẫn đến khó khăn trong xử lý vi phạm, không hạn chế được triệt để tình trạng buôn lậu vàng. Hiện nay, mức phạt tiền đối với hành vi XNK mà không có giấy phép của NHNN là từ 450 triệu đồng đến 500 triệu đồng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mức xử phạt như vậy vẫn còn thấp nên vẫn không ngăn chặn được tình trạng nhập lậu vàng trong nền kinh tế.

+ *Đối với chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản và giao dịch vàng phái sinh*

Qua tổng hợp kết quả điều tra (*Xem Phụ lục 11*) kết hợp với các nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan, NCS nhận thấy, hệ thống chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản và giao dịch vàng phái sinh hiện hành ở Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc Nhà nước đưa ra các quy định tạm thời đóng cửa các sàn giao dịch vàng không phù hợp với tình hình nhu cầu thực tế của thị trường.

Qua khảo sát thực tế thị trường vàng Việt Nam cho thấy, hiện nay nhu cầu giao dịch của các nhà đầu tư trên sàn vàng là rất lớn, có nhà đầu tư chia sẻ “*Nếu những sàn vàng chui bị đánh sập, nhà cái và người chơi sẽ lui vào hoạt động ngầm bởi sức hấp dẫn của sàn vàng chui rất khó cưỡng*” [56]. Mặc dù thời gian qua, các lực lượng chức năng đã triệt phá 4 sàn vàng chui (sàn vàng VGX, Khai Thái và 24 Gold Duệ Bắc và HGI) nhưng trên thị trường vẫn còn khoảng 30 sàn vàng chui đang tồn tại [55]. Theo phân tích của giới chuyên gia tài chính, “*chơi*” vàng tài khoản cũng gây nghiện như đánh bạc. Do đó, rất khó để khuyên nhà đầu tư rút khỏi sàn vàng chui, trừ khi Nhà nước có một sàn vàng chính thức.

Thứ hai, tính khả thi của chính sách quản lý nhà nước hiện hành để triển khai hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản và thành lập các sàn giao dịch vàng còn thấp.

Vấn đề cơ bản nhất đối với các hoạt động kinh doanh vàng tài khoản (vàng ghi sổ) và giao dịch vàng phái sinh hiện nay ở nước ta là chúng ta vẫn chưa có cơ chế, quy định pháp lý mang tính khai mở, tạo hành lang hoạt động cho thị trường giao dịch phái sinh. Đối với các nước có thị trường vàng phát triển, hoạt động phái sinh vàng diễn ra rất sôi động tại các sàn giao dịch vàng tập trung. Với sự phát triển của thị trường vàng Việt Nam hiện nay và còn triển vọng lớn hơn nữa trong tương lai, chắc chắn thị trường vàng Việt Nam sẽ phải phát triển các hoạt động phái sinh về vàng. Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam mới chỉ có Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ điều chỉnh hoạt động kinh doanh phái sinh về vàng, trong khi đó NHNN vẫn chưa ban hành các quy chế hướng dẫn cụ thể về hoạt động phái sinh vàng khiến hoạt động phái sinh vàng ở Việt Nam chưa phát triển.

Theo quy định hiện hành, cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Sở giao dịch hàng hóa ở Việt Nam là Bộ Công thương. Việc thành lập Sàn giao dịch vàng phải được tổ chức dưới hình thức Sở giao dịch hàng hóa và phải tuân thủ các quy định của Nghị định 158/2006/NĐ-CP. Tuy nhiên, cho tới nay, Bộ Công thương vẫn chưa ban hành Danh mục hàng hóa được giao dịch trên Sở giao dịch hàng hóa do vậy vẫn chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thành lập sàn giao dịch vàng tập trung.

Thứ ba, các quy định về kinh doanh vàng qua tài khoản còn thiếu hợp lý, chồng chéo và chưa cụ thể, rõ ràng giữa các bộ, ngành liên quan. Nhiều rủi ro trong hoạt động kinh doanh này đã không được khống chế như có nhiều DN tham gia thị trường kể cả các DN nhỏ, yếu nhưng sử dụng đòn bẩy tài chính tỷ lệ cao... có thể

gây ra nhiều rủi ro cho các nhà đầu tư cũng như các đơn vị kinh doanh vàng, tiềm ẩn một số yếu tố có thể gây bất ổn KT-XH.

+ *Đối với chính sách thuế quản lý hoạt động kinh doanh vàng*

Kết quả điều tra về thực trạng chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh vàng (*Xem Phụ lục 12*) cho thấy:

Một là, mức độ hợp lý của chính sách thuế NK vàng ở Việt Nam so với các nước khác trong khu vực vẫn còn thấp.

Mặc dù thời gian qua, Nhà nước đã ban hành một số văn bản quy định và sửa đổi về mức thuế suất thuế XK và NK vàng, cụ thể là Nghị định 87/2010/NĐ-CP, Thông tư số 182/2010/TT-BTC ngày 12/11/2010, Thông tư số 184/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 và gần đây là Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, thuế suất thuế xuất và nhập vàng đã có sự điều chỉnh qua các thời kỳ theo xu hướng giảm. Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực và thế giới mức thuế suất thuế NK hiện tại vẫn được đánh giá là khá cao, do đó khó tránh khỏi những bất ổn và những giao dịch không chính thống trên thị trường vàng.

**Bảng 3.2. Biểu thuế NK và thuế GTGT đối với vàng
tại một số nước năm 2010**

Quốc gia	Thuế NK vàng miếng	Thuế GTGT	
		Vàng miếng	Vàng trang sức
Việt Nam	0,5%	10%	10%
Nhật Bản	0%	3%	3%
Trung Quốc	0%	17%	22%
Đài Loan	0%	0%	5%
Thái Lan	0%	7%	7%
Hồng Kông	0%	0%	0%
Singapore	0%	3%	3%
Hàn Quốc	3%	10%	10%
Lào	1%	10%	10%
Malaysia	0%	0%	0%
Indonesia	0%	0%	10%

(*Nguồn: Tổng cục thuế*)

Hai là, tính khả thi và hiệu quả của việc tính thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT với cùng một mức thuế suất được áp dụng đối với cơ sở

kinh doanh vừa có hoạt động kinh doanh vàng vừa có hoạt động chế tác sản phẩm vàng chưa cao.

Theo quy định tại Công văn số 323/TCT-CS ngày 23/01/2013 của Tổng cục Thuế: Trường hợp cơ sở kinh doanh vừa có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, vừa có hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT. Mức thuế suất GTGT quy định là 10%. Việc áp dụng cùng một mức thuế GTGT đối với cả hoạt động SX, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ và hoạt động kinh doanh vàng đã dẫn đến việc đánh thuế GTGT vào vàng miếng và vàng trang sức như nhau. Điều này là không hợp lý, bởi với các loại vàng khác nhau, mục đích sử dụng khác nhau thì thuế suất cũng phải khác nhau.

Ba là, thực tế sử dụng công cụ thuế TTĐB ở các nước cho thấy, thuế TTĐB là công cụ, là giải pháp có tác dụng định hướng SX, kinh doanh và tiêu dùng trong nền kinh tế. Theo quy định hiện hành ở Việt Nam, vàng không phải là đối tượng chịu thuế TTĐB. Việc chỉ đánh thuế GTGT với mức thuế suất thấp cho thấy không thể thay đổi tập quán nắm giữ vàng của người dân Việt Nam đã tồn tại từ rất lâu đời. Điều này đòi hỏi cơ quan thuế phải nghiên cứu điều chỉnh chính sách nhằm thu hút lượng vàng tích trữ trong dân, từng bước thay đổi tâm lý tích trữ vàng trong dân để sử dụng vào các mục đích phát triển KT-XH.

3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

Kết quả điều tra xã hội học từ các chủ thể có liên quan đến thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng (NHNN, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, một số doanh nghiệp kinh doanh vàng, NHTM...) (Xem Phụ lục 14) kết hợp với thực tế nghiên cứu của NCS, cho thấy có 2 nhóm nguyên nhân (khách quan và chủ quan) sau dẫn đến những hạn chế bất cập trong chính sách quản lý nhà nước hiện hành đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.

3.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, môi trường kinh tế vĩ mô (là một trong những nhân tố có ảnh hưởng nhiều nhất đến việc hoạch định các chính sách quản lý thị trường vàng, theo kết quả điều tra) bất ổn với tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm đi kèm với lạm phát cao đã khiến cho niềm tin vào đồng tiền bị suy giảm. Mặt khác, trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, đồng USD suy yếu, cùng với giá vàng thế giới liên tục có xu hướng tăng cao và biến động mạnh đã khiến người dân coi vàng là nơi trú ẩn an toàn, làm gia tăng nhu cầu đầu tư vàng. Trong khi đó, DTNH của Việt Nam còn

mỏng và với mục tiêu duy trì tỷ giá ổn định. Vì vậy, việc ban hành các chính sách và thực thi các chính sách để quản lý các hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng gặp nhiều khó khăn hơn.

Thứ hai, truyền thống của người Việt Nam là có thói quen tích trữ tài sản bằng vàng đã dẫn đến tình trạng “vàng hóa” trong nền kinh tế. Mặt khác, lại không thể ước lượng chính xác được lượng vàng dự trữ trong dân đã tác động tiêu cực đến khả năng điều tiết của NHNN, gây khó khăn cho Nhà nước trong việc kiểm soát, khai thác lượng vàng trong dân phục vụ DTNH và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn trong nền kinh tế.

Thứ ba, yếu tố tâm lý của các nhà đầu tư vàng đã khuếch đại ảnh hưởng tiêu cực của những yếu tố khác đến thị trường vàng, càng gây khó khăn cho công tác ban hành chính sách điều tiết thị trường của NHNN. Bên cạnh đó, tình trạng đầu cơ lướt sóng để hưởng chênh lệch giá vẫn còn tồn tại đã tạo nên những cú sốc cho thị trường, gây tổn thương cho nền kinh tế.

Thứ tư, sự thiếu ổn định của đồng Việt Nam so với các loại ngoại tệ mạnh (đặc biệt là USD) cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của giá vàng trong nước. Mặc dù thời gian gần đây, tỷ giá VND/USD tương đối ổn định tuy nhiên, giá USD vẫn khá cao so với VND³, trong khi giá vàng hiện được yết chủ yếu bằng USD, do vậy khi giá USD ở mức cao sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến giá vàng. Giá vàng tăng trong khi cầu vàng trong nước vượt quá cung đã khiến nhu cầu mua USD để NK vàng tăng, lúc này giá vàng lại tác động ngược trở lại giá USD, tạo vòng xoáy giữa USD và vàng.

3.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, chất lượng nguồn nhân lực tham gia xây dựng và hoạch định chính sách, tính toán DTNHNN chưa cao.

Thực tế cho thấy, hiện nay trình độ hoạch định chính sách, tính toán DTNHNN của các cán bộ tham gia xây dựng và hoạch định chính sách còn hạn chế, thiếu các nghiên cứu về đầu tư vàng dự trữ; ý thức, nhận thức của các chủ thể tham gia vào quá trình xây dựng, góp ý chính sách, nhất là của các chủ thể thụ hưởng chính sách còn có nhiều bất cập. Từ năm 2010 đến nay, sau các quy định về quản lý vàng thuộc DTNHNN như: Nghị định 86/1999/NĐ-CP, Quyết định 653/1999/QĐ-NHNN, Quyết định 23/2002/QĐ-NHNN, cho đến nay Nhà nước chưa ban hành

³ Điều hành tỷ giá năm 2014 của NHNN được đánh giá là khá thành công, tình hình tỷ giá tương đối ổn định nhưng vẫn duy trì ở mức khá cao, thường xuyên ở mức trên 21.000VND/1USD.

thêm bất kỳ chính sách nào liên quan đến hoạt động này. Sau Nghị định 86/1999, khoảng hơn 10 tấn vàng được đưa vào Quỹ bình ổn tỷ giá với mục đích can thiệp thị trường khi có bất ổn (chiếm 1,5-3,5% trong DTNH quốc gia). Tuy nhiên, đây là một tỷ lệ ở mức tương đối thấp so với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á⁴, chưa tương xứng với quy mô phát triển của thị trường vàng nên đã phần nào hạn chế tính chủ động và hiệu quả của NHNN trong việc bình ổn thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng. Mặt khác, công tác hạch toán kế toán chưa tách bạch được giữa hiệu quả đầu tư và hiệu quả can thiệp từ DTNHNN, khiến việc DTNH bằng vàng đôi khi chưa thực sự được coi trọng. Chính những hạn chế nêu trên đã dẫn đến những bất cập trong hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường vàng Việt Nam thời gian qua.

Thứ hai, trình độ quản lý của các nhà quản lý thị trường vẫn còn thấp dẫn đến những hạn chế trong vấn đề ngăn chặn buôn lậu vàng.

Để phát hiện vàng lậu, các cơ quan chức năng chủ yếu dựa trên hóa đơn xuất hàng hoặc phiếu xuất kho kiêm hóa đơn vận chuyển nội bộ. Điều này chỉ có thể quản lý được những đơn vị nhỏ, quy mô hoạt động cũng như giao dịch mua bán trên thị trường ít. Đối với các DN lớn, việc hóa đơn “*quay vòng*” để vận chuyển hàng chục, hàng trăm kilogam vàng lậu hoàn toàn có thể xảy ra, chỉ cần đủ trọng lượng là được. Hơn nữa, ở nước ta khâu kiểm soát ở các cửa khẩu, bến cảng còn nhiều bất cập.

Thứ ba, công tác thanh tra, giám sát chưa nghiêm ngặt.

Hiện nay, mặc dù các văn bản quản lý kinh doanh vàng trong nước đã được Nhà nước ban hành khá đầy đủ và đang được phát triển theo hướng hoàn thiện hơn, nhưng vẫn có không ít trường hợp các DN, cá nhân, tổ chức cố tình lách luật, làm trái các quy định về hoạt động kinh doanh mua bán vàng trong nước (kinh doanh vàng qua tài khoản tại các sàn vàng “*chui*”, chuyển đổi mục đích sử dụng vàng nguyên liệu...). Các hoạt động giao dịch thương mại sử dụng vàng làm công cụ thanh toán vẫn còn tồn tại. Tình trạng vàng giả, vàng nhái vẫn còn xảy ra. Những vấn đề này làm cho thị trường vàng miếng trở nên bất ổn và về lâu dài có thể làm tổn hại đến chính sách quản lý vĩ mô đã được NHNN đưa ra. Nguyên nhân của tình trạng đó là do sự phối hợp của các bộ, ngành như Cục Quản lý thị trường (Bộ Công thương), Tổng cục Hải quan, Bộ Công an với NHNN trong quản lý các hoạt động

⁴ Quy mô vàng dự trữ của một số quốc gia Đông Nam Á tại thời điểm cuối năm 2012: Philippines (192,68 tấn), Thái Lan (152,4 tấn), Indonesia (75,89 tấn), Campuchia (12,44 tấn) -Theo WGC, 2013.

kinh doanh trên thị trường vàng chưa thật sự hiệu quả. Việc thanh tra, giám sát thị trường chưa chặt chẽ, chưa xử lý nhanh chóng, nghiêm minh các trường hợp vi phạm quy định về kinh doanh mua bán vàng. Thêm vào đó, công tác thanh tra, giám sát hoạt động XNK vàng cũng chưa được thực hiện nghiêm ngặt theo các quy định của pháp luật dẫn đến vẫn còn tồn tại các hành vi buôn lậu, gian lận trong XNK vàng, lợi dụng chính sách XNK để thực hiện hành vi “tẩy rửa vàng”, hợp thức hóa các nguồn vàng không rõ ràng.

Thứ tư, quy trình ban hành chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng còn bộc lộ nhiều bất cập.

Hiện nay, các kiến nghị hoạch định chính sách nói chung và chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng nói riêng chủ yếu xuất phát từ các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước (NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Công thương...). Việc dự thảo chính sách thường là do các cơ quan của Chính phủ như NHNN và các bộ, ngành liên quan thực hiện. Sự tham gia đề xuất ý tưởng hoạch định chính sách, hoặc đóng góp vào xây dựng các kịch bản, biện pháp chính sách của các đối tượng thụ hưởng chính sách là rất hạn chế. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho một số chính sách có tính khả thi thấp.

Mặt khác, công tác đánh giá chính sách sau khi triển khai thực thi chính sách ở Việt Nam hiện nay chưa được triển khai kịp thời đã làm ảnh hưởng đến công tác điều chỉnh, hoàn thiện chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế.

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Trong chương này, luận án đã nghiên cứu và đánh giá một cách toàn diện thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam; Nội dung chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay; Tác động của chính sách đến hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam; Thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.

Thứ nhất, luận án nghiên cứu thực trạng mô hình tổ chức thị trường và các chủ thể tham gia thị trường vàng (người mua, người bán, người môi giới, chủ thể tổ chức và quản lý thị trường) ở Việt Nam thời gian qua; Phân tích diễn biến giá vàng trên thị trường theo 2 giai đoạn: giai đoạn trước năm 2010 và giai đoạn từ năm 2010 đến hết năm 2014, chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến sự biến động giá vàng ở Việt Nam trong thời gian qua.

Thứ hai, luận án đã đánh giá thực trạng các chủ thể kinh doanh vàng và thực trạng các hình thức kinh doanh vàng ở Việt Nam, gồm: kinh doanh vàng vật chất; kinh doanh vàng qua tài khoản; gửi tiết kiệm và cho vay vàng.

Thứ ba, luận án nghiên cứu một cách chi tiết các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn trước năm 2010 và giai đoạn từ năm 2010 đến nay.

Thứ tư, luận án đã đánh giá thực trạng tác động tích cực và tác động tiêu cực của chính sách đến hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam thời gian qua theo 3 nội dung quản lý nhà nước quan trọng đối với hoạt động kinh doanh vàng bao gồm: Quản lý XNK vàng; Quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng; Quản lý kinh doanh vàng qua tài khoản.

Thứ năm, dựa trên các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng đã được đề cập ở chương 2, kết hợp giữa nghiên cứu định tính và kết quả điều tra xã hội học được xử lý bằng phần mềm SPSS, NCS đã phân tích, đánh giá thực trạng chính sách trên cả 2 mặt: những ưu điểm; những hạn chế, bất cập của chính sách. Đồng thời, luận án cũng chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam thời gian qua.

Tóm lại, qua những đánh giá định tính kết hợp với kết quả điều tra xã hội học về thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng và tác động của chính sách đến hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam thời gian qua cho thấy chính sách hiện hành ở Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập cần hoàn thiện. Vấn đề này sẽ được NCS giải quyết trong chương 4 của luận án.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀNG Ở VIỆT NAM

4.1. Dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

4.1.1. Tình hình kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới từ năm 2014 đến nay có triển vọng phục hồi khá, với sự phục hồi của phần lớn các nền kinh tế dẫn dắt đà tăng trưởng của kinh tế thế giới như Mỹ, Nhật Bản và phần lớn các nền kinh tế đang nổi và sự phục hồi của các lĩnh vực chủ yếu của kinh tế thế giới như thương mại, đầu tư. Đây là bước tạo đà cho nền kinh tế thế giới lấy lại đà tăng trưởng cho giai đoạn 2015-2020 với sự phục hồi tăng trưởng của hầu hết các nền kinh tế dẫn dắt đà tăng trưởng của kinh tế thế giới (bao gồm Mỹ, EU, Nhật Bản...) và của các lĩnh vực chủ yếu kinh tế thế giới như thương mại, đầu tư. IMF (1/2014) dự báo kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng ở mức 3,9% vào năm 2015. Sang giai đoạn 2015-2020, nền kinh tế thế giới đều có mức tăng trưởng trên 4%. *Kinh tế Mỹ*, trong năm 2013 đã khởi sắc, thị trường việc làm cũng có nhiều dấu hiệu khả quan, do đó FED quyết định cắt giảm dần gói QE3. Với đà nền kinh tế tiếp tục đi đúng hướng, dự báo nền kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng ở mức 2,7% vào năm 2015 và đạt mức 3,1% cho giai đoạn 2016-2020. Đặc biệt, với dự định tăng lãi suất cơ bản của FED vào tháng 6/2015 sẽ làm cho giá trị đồng USD tăng mạnh, không những sẽ tác động mạnh đến nền kinh tế Mỹ mà còn ảnh hưởng đến đà phục hồi của nền kinh tế toàn cầu [60]. *Khu vực châu Âu* đến năm 2015 sẽ phục hồi ổn định với mức tăng trưởng GDP của khu vực Eurozone đến năm 2015 sẽ tăng 1,4% dựa trên sự tăng trưởng mạnh của các lĩnh vực như đầu tư và xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, các vấn đề đáng quan ngại như lạm phát, thất nghiệp của khu vực sẽ dần được giải quyết. Dự báo, từ năm 2015 đến 2020 sẽ là thời kỳ tăng trưởng kinh tế được tăng tốc hơn tại khu vực này. *Kinh tế Nhật Bản* đã đạt được một số kết quả nhất định năm trong năm 2013 nhờ chính sách nới lỏng tài khóa và tiền tệ của thủ tướng Abe. Trung tâm dự báo nền kinh tế Nhật Bản sẽ tăng trưởng ở mức 1,2% vào năm 2015 và 0,9% cho giai đoạn 2016-2020. Đối với nền *kinh tế Trung Quốc*, IMF dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2015, nền kinh tế lớn thứ nhì thế giới chỉ tăng 7,3% nếu quốc gia này không giải quyết được các vấn đề như cầu nội địa và đưa ra những chính sách kinh tế phù hợp. Trong dài hạn, kinh tế Trung Quốc sẽ tiếp tục hạ nhiệt và duy trì ở mức 7%/năm từ năm 2015-2020.

Do các điều kiện kinh tế vĩ mô của các nước được cải thiện và các nhà đầu tư lấy lại niềm tin trong trung hạn, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới được dự báo sẽ đạt mức 1,8 nghìn tỷ USD vào năm 2015. Song, những rủi ro vẫn còn lớn như sự yếu kém của cấu trúc hệ thống tài chính toàn cầu, mức độ không chắc chắn về chính sách của các khu vực chủ yếu của nền kinh tế thế giới còn lớn, môi trường kinh tế vĩ mô có khả năng xấu đi... khiến các nhà đầu tư mất niềm tin, kết hợp sự tăng trưởng kinh tế tại các nền kinh tế mới nổi, thu nhập của người dân tăng lên, do nhu cầu sử dụng vàng của một số quốc gia rất lớn (Trung Quốc, Ấn Độ) sẽ tiếp tục đẩy nhu cầu vàng tăng lên [40]. Ngoài ra, dự định tăng lãi suất cơ bản của FED vào tháng 6/2015 sau khi kinh tế Mỹ phục hồi chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động của thị trường vàng quốc tế nói chung và của các nước nói riêng.

Tuy nhiên, cùng với các nỗ lực tái cơ cấu tài chính, kinh tế sau khủng hoảng, sự phục hồi của các nền kinh tế và các kênh đầu tư khác, thì xu hướng tăng giá vàng sẽ yếu dần, không ngoại trừ trường hợp giá vàng quay đầu giảm mạnh khi nhu cầu dự trữ, dự phòng và đầu cơ tụt dốc nhiều hơn so với mức tăng nhu cầu vàng cho sản xuất, tiêu dùng.

4.1.2. Tình hình kinh tế của Việt Nam

Từ năm 2013 đến nay, NHNN đã và đang thực hiện điều hành linh hoạt tỷ giá, đảm bảo tính ổn định và có dự báo trước đối với thị trường ngoại hối. Cùng với việc thắt chặt tín dụng ngoại tệ, hoạt động đấu thầu và điều hành thị trường vàng đã có kết quả tích cực trong việc ổn định giá vàng, giảm đáng kể tình trạng “vàng hóa”, “đô la hóa” nền kinh tế; Tạo điều kiện thuận lợi cho NHNN điều hành CSTT theo mục tiêu duy trì ổn định giá trị tiền đồng và lạm phát [37].

Với việc Chính phủ Việt Nam đã kiềm chế được những dấu hiệu nguy cơ khủng hoảng, trong thời gian tới, dự báo tình hình kinh tế vĩ mô của quốc gia sẽ ngày càng ổn định hơn. Mục tiêu phát triển KT-XH đến năm 2020 là phát triển nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững và tăng cường tiềm lực phát triển của đất nước. Nâng cao chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tạo chuyển đổi mạnh mẽ trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Cụ thể trong giai đoạn 2015 - 2020, dự báo một số chỉ tiêu KT-XH của Việt Nam như sau [49]:

- Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 đạt 7%/năm, bình quân từ năm 2016-2020 đạt 7% - 8%/năm. GDP bình quân đầu người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000 USD. Thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các vùng và nhóm dân cư. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn hiện nay) mỗi năm từ 1,5 - 2%/năm.

- Ổn định và duy trì lạm phát ở mức thấp. Lạm phát giai đoạn 2016 -2020 thấp hơn giai đoạn 2010 - 2015.

- Tốc độ tăng tổng kim ngạch XK bình quân đạt 19 - 20%/năm.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 3%; tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn dưới 3,5% năm 2020.

- Duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập trung học cơ sở, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông trước năm 2020; Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, đào tạo nghề chiếm 55% tổng lao động xã hội.

Trên cơ sở các chỉ tiêu dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô của quốc gia ngày càng ổn định hơn, thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 chắc chắn cũng sẽ có những thay đổi theo hướng ổn định và phát triển, thu hẹp khoảng cách giữa thị trường vàng quốc tế và thị trường vàng trong nước.

Hơn nữa, với khả năng tăng lãi suất cơ bản của FED sau khi nền kinh tế phục hồi như đã trình bày ở nền kinh tế Mỹ, thị trường vàng Việt Nam chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng vì như đã phân tích ở phần 3.1.1.2 giá vàng bị tác động bởi chính giá USD, mà giá USD lại bị tác động bởi chính sự điều chỉnh lãi suất của FED. Theo đó, đòi hỏi Nhà nước phải có những chính sách quản lý phù hợp để đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường được diễn ra an toàn và hiệu quả.

4.2. Mục tiêu, quan điểm, định hướng phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

4.2.1. Mục tiêu phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

Qua nghiên cứu thực trạng thị trường vàng, hoạt động kinh doanh vàng và chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam trong thời gian qua cùng những nhận định về triển vọng phát triển kinh tế của thế giới và Việt Nam đến năm 2020, xu thế phát triển thị trường vàng thế giới, để phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế của Việt Nam, phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, NCS cho rằng việc phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng trong giai đoạn 2015 - 2020 cần hướng tới các mục tiêu cơ bản sau:

4.2.1.1. Xây dựng thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng minh bạch, ổn định và ngày càng hoàn thiện

Xây dựng thị trường vàng phát triển minh bạch, ổn định và ngày càng hoàn thiện là mục tiêu của mọi quốc gia, trong đó Việt Nam không phải là ngoại lệ. Để đạt

được mục tiêu này, bên cạnh thị trường OTC Chính phủ nên cho phép thành lập thị trường vàng tập trung. Mục tiêu kiểm soát thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng được thể hiện rõ trong Nghị định 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể như việc, các đơn vị muốn kinh doanh vàng miếng phải tuân thủ các điều kiện và quy định của NHNN, điều này bước đầu giúp tăng cường khả năng giám sát thị trường vàng và các các hoạt động kinh doanh vàng của các cơ quan chức năng, tăng tính minh bạch cho thị trường; Hoặc việc NHNN tổ chức các phiên đấu thầu vàng miếng thay vì bán trực tiếp cho các NHTM và các DN kinh doanh vàng đảm bảo việc mua bán diễn ra công khai, minh bạch, lành mạnh theo tín hiệu thị trường.

Bên cạnh đó, NHNN với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước đối với vàng cần phát triển các nghiệp vụ kinh doanh vàng để đảm bảo ổn định thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng, từ đó đảm bảo lợi ích cho người dân mua vàng với mục đích cất trữ giá trị. Mặt khác, Chính phủ nên căn cứ vào vào điều kiện kinh tế vĩ mô và các điều kiện về tự do hóa TTTC nhằm định hướng cho NHNN phát triển đầy đủ hệ thống thị trường vàng bao gồm thị trường phái sinh, các sản phẩm giao dịch vàng... theo kinh nghiệm của các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Mỹ. Khi hệ thống thị trường được phát triển đầy đủ và toàn diện, song hành cùng sự hoàn thiện của hệ thống các chính sách, quá trình tự do hóa tất yếu sẽ diễn ra, nhờ vậy các nguồn lực trong nền kinh tế mới được vận hành thực sự có hiệu quả.

4.2.1.2. Đảm bảo thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam phát triển ổn định, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến các chỉ số kinh tế vĩ mô

Đối với nhiều quốc gia trên thế giới, vàng không chỉ là một loại tài sản có giá trị, có truyền thống cất trữ trong dân cư mà còn giữ vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường ngoại hối, kiềm chế lạm phát, đảm bảo nguồn DTNH của Nhà nước. Vì vậy, thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng ổn định sẽ tác động tích cực đến hoạt động quản lý kinh tế của Nhà nước, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến các chỉ số kinh tế vĩ mô.

Ở Việt Nam, vàng đã và đang thực hiện được nhiều chức năng quan trọng: chức năng tiền tệ, phương tiện thanh toán, định giá, cất trữ, do đó, mỗi biến động giá vàng đều kéo theo biến động tỷ giá và đặc biệt là tâm lý thị trường. So với các nước trên thế giới, Việt Nam được xem là quốc gia có “tỷ lệ vàng hóa” cao, vấn đề “vàng hóa” đã và đang trở thành một bài toán khó dành cho các nhà hoạch định chính sách, ảnh hưởng tiêu cực đến CSTT quốc gia. Do vậy, chủ trương chống “vàng hóa” đã và đang trở thành ưu tiên hàng đầu của NHNN nhằm hướng tới ổn

định toàn bộ nền kinh tế nói chung và ổn định thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng nói riêng. Chống “vàng hóa” có tác dụng (i) ngăn ngừa biến động giá vàng ảnh hưởng tới tỷ giá, từ đó chống lạm phát và bất ổn kinh tế vĩ mô; (ii) Huy động được nguồn vàng trong dân để phát triển KT-XH.

4.2.1.3. Huy động, sử dụng hiệu quả vốn tiết kiệm dưới dạng vàng để phát triển kinh tế

Ngoài việc kiểm soát, mục tiêu của quản lý thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng phải đạt được yêu cầu khơi thông dòng chảy vàng cung ứng cho thị trường, bổ sung nguồn vốn kích thích phát triển kinh tế. Hiện nay, lượng vàng dự trữ trong dân vẫn còn rất lớn, nếu huy động được một phần số vàng trong dân đưa vào nền kinh tế, sẽ làm giảm áp lực vay nợ từ các tổ chức tài chính quốc tế. Việc huy động vàng cũng góp phần làm tăng tỷ trọng vàng trong tổng DTNH, giúp NHNN có nguồn lực để chủ động điều tiết thị trường trước những cơn sốt vàng.

Muốn vậy, phải đảm bảo ổn định các yếu tố kinh tế vĩ mô và nhất quán các điều kiện thực thi trên cơ sở cân đối lợi ích của Nhà nước, của các tổ chức đầu tư kinh doanh vàng và của người gửi vàng. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giúp người dân nhận thức đầy đủ và cảm thấy an toàn khi gửi vàng cho ngân hàng quản lý. NHNN là cơ quan quản lý và ủy quyền cho các NHTM thực hiện huy động vàng dưới vai trò đại lý phát hành chứng chỉ. Việc tận dụng hiệu quả nguồn lực này sẽ góp phần: (i) Đáp ứng nhu cầu vàng vật chất cho các nhà SX với chi phí thấp; (ii) Tiết kiệm được một lượng lớn ngoại tệ do sử dụng nguồn vàng tại chỗ, không phải NK từ nước ngoài.

4.2.2. Quan điểm, định hướng phát triển thị trường vàng ở Việt Nam

Căn cứ vào nhu cầu đầu tư trên thị trường vàng thực tế trong những năm qua, đặc biệt là từ năm 2009 cho thấy nhu cầu giao dịch vàng của các nhà đầu tư Việt Nam là có thực và rất lớn. Theo dự báo, từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ thoát khỏi giai đoạn suy thoái, tiến tới giai đoạn phục hồi và tăng trưởng. Vì vậy, nhu cầu đầu tư kinh doanh vàng trong những năm tới sẽ rất lớn và còn có thể tiếp tục gia tăng theo thời gian. Để đáp ứng nhu cầu đầu tư kinh doanh vàng, việc xây dựng và tổ chức thị trường giao dịch vàng, trong đó có giao dịch vàng trên tài khoản là hết sức cần thiết, phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên, để đảm bảo thị trường phát triển ổn định và bền vững, việc xây dựng và tổ chức thị trường vàng nói chung, hoạt động kinh doanh vàng của các đơn vị nói riêng cần thực hiện theo một số quan điểm và định hướng sau đây:

4.2.2.1. Quan điểm quản lý thị trường vàng ở Việt Nam

Trước những thực trạng về hoạt động kinh doanh vàng của thị trường vàng trong nước đã được phân tích ở trên, căn cứ vào định hướng chỉ đạo của Đảng và Chính phủ về quản lý thị trường vàng, trong thời gian tới, khung pháp lý về quản lý thị trường vàng phải dựa trên quan điểm sau đây:

Một là, tôn trọng tập quán, quyền lợi của người dân khi sử dụng vàng làm phương tiện cất trữ giá trị, nhưng không khuyến khích người dân đầu tư vàng, đặc biệt cần chống việc DN và dân cư đầu cơ vàng bằng nguồn vốn huy động ngoài XH.

Từ xa xưa, người dân Việt Nam luôn tôn sùng vàng, say mê tìm kiếm và cất giữ vàng, coi vàng là công cụ tích trữ truyền thống của con người. Tư tưởng này đã ăn sâu vào tiềm thức của đa số người dân Việt Nam cho đến tận bây giờ và trở thành tập quán của người dân Việt Nam. Vì vậy, trong quản lý nhà nước đối với thị trường vàng cần tôn trọng tập quán, quyền lợi của người dân khi sử dụng vàng làm phương tiện cất trữ. Tuy nhiên, tôn trọng tập quán nhưng không có nghĩa là khuyến khích, Chính phủ không khuyến khích người dân đầu tư vàng vì nếu người dân nắm giữ vàng quá nhiều sẽ gây khó khăn cho Nhà nước trong quản lý thị trường. Kiên quyết phòng chống hành động các doanh nghiệp và dân cư dùng nguồn vốn huy động ngoài XH để đầu cơ vàng nhằm hạn chế tới mức thấp nhất các tác động bất lợi cho thị trường và nền kinh tế.

Hai là, tổ chức, sắp xếp lại một cách căn bản thị trường vàng, đặc biệt là thị trường vàng miếng.

Hiện nay, so với thị trường vàng của các nước trên thế giới thì thị trường vàng Việt Nam vẫn còn có một khoảng cách khá xa về sự phát triển. Hầu hết các giao dịch giữa các chủ thể trên thị trường vàng Việt Nam diễn ra rất đơn lẻ, thiếu sự kiểm soát của Nhà nước và tiềm ẩn rất nhiều rủi ro, với đối tượng giao dịch chủ yếu là vàng vật chất. Trong khi đó, ở các nước phát triển, chủ yếu các chủ thể thực hiện các hình thức đầu tư hiện đại, vừa dễ tiếp cận, lại nhanh chóng, với chi phí thấp hơn nhiều so với đầu tư vàng vật chất. Do đó, muốn thị trường vàng Việt Nam phát triển ổn định và hiệu quả phải quản lý dựa trên quan điểm tổ chức, sắp xếp lại một cách căn bản thị trường vàng, đặc biệt là thị trường kinh doanh vàng miếng - là loại vàng có tính chất tiền tệ.

Ba là, ngăn chặn ảnh hưởng của biến động giá đến tỷ giá, lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng “vàng hóa” trong nền kinh tế; nghiêm

cấm việc sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán; có giải pháp để từng bước huy động nguồn vàng trong dân phục vụ nhu cầu phát triển KT-XH của đất nước.

Giá vàng biến động có thể gây nên sự biến động của các yếu tố tỷ giá hối đoái, lạm phát và sự ổn định kinh tế vĩ mô. Cụ thể, khi giá vàng tăng sẽ làm cho tỷ giá hối đoái và lạm phát gia tăng, kéo theo nền kinh tế vĩ mô bất ổn. Đồng thời, khi đó các yếu tố này lại có tác động ngược trở lại đến giá vàng làm cho giá vàng trong nước diễn biến thêm phức tạp. Vì thế, trong quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước đối với thị trường vàng nói riêng cần ngăn chặn ảnh hưởng của biến động giá vàng đến tỷ giá, lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

Mặt khác, theo thống kê của Hội đồng vàng thế giới (WGC) cho thấy, hiện nay Việt Nam là một quốc gia đang bị “vàng hóa”. Hiện tượng này sẽ dẫn đến thiếu hụt ngoại tệ do cứ có cơn sốt vàng là nền kinh tế lại đòi hỏi NK thêm vàng để can thiệp, bình ổn giá vàng. Do vậy, cần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng “vàng hóa” trong nền kinh tế; nghiêm cấm việc sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán; có giải pháp để từng bước huy động nguồn vàng trong dân cư nhằm chống hiện tượng “vàng hóa” đồng thời sử dụng nguồn vốn huy động được để phục vụ nhu cầu phát triển KT-XH của đất nước.

Bốn là, nâng cao vai trò quản lý và điều tiết thị trường vàng của Nhà nước.

Là một loại hàng hóa và là công cụ tiền tệ trong nền kinh tế, nên việc tồn tại thị trường vàng là vấn đề khách quan. Đây cũng là thực tế trên thế giới. Không chỉ tồn tại, các thị trường vàng trên thế giới đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian gần đây. Đối với nước ta, hoạt động mua bán vàng còn là tập quán, có tính lịch sử, văn hóa lâu đời. Vấn đề là làm thế nào để phát triển lành mạnh thị trường vàng, đảm bảo sự thông suốt trong phạm vi nền kinh tế và liên thông với thị trường quốc tế, hạn chế các tác động tiêu cực và tăng cường đóng góp của thị trường vàng vào sự phát triển của đất nước. Kinh nghiệm cho thấy, để phát triển một thị trường vàng lành mạnh phải nâng cao vai trò quản lý và điều tiết thị trường vàng của Nhà nước.

Năm là, gia tăng DTNH bằng vàng phù hợp với quy mô DTNH tổng thể.

Việc gia tăng DTNH bằng vàng phù hợp với quy mô DTNH tổng thể sẽ giúp làm tăng tính chủ động của NHNN trong việc điều tiết thị trường vàng. Tuy nhiên, NHNN cũng cần kết hợp các biện pháp nhằm tăng tính hiệu quả trong việc bảo quản và sử dụng lượng vàng dự trữ, tránh lãng phí tài nguyên.

4.2.2.2. Định hướng phát triển thị trường vàng ở Việt Nam

Căn cứ vào dự báo bối cảnh KT-XH thế giới và Việt Nam, xu hướng phát triển thị trường vàng trên thế giới những năm tới kết hợp với điều tra xã hội học xu

hướng phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020, xuất phát từ những quan điểm quản lý thị trường vàng như đã nêu ở mục 4.2.2.1, theo NCS để đảm bảo thị trường phát triển ổn định và bền vững, việc xây dựng và tổ chức thị trường vàng Việt Nam đến năm 2020 và những năm tiếp theo cần thực hiện theo một số định hướng sau:

- Tiếp tục phát triển thị trường vàng phi tập trung trên cơ sở nâng cao vai trò kiểm soát, quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh nhằm giảm thiểu rủi ro cho các chủ thể tham gia thị trường và tăng hiệu quả hoạt động của thị trường.

Lịch sử hình thành và phát triển thị trường vàng cho thấy thị trường vàng phi tập trung (thị trường OTC) là thị trường xuất hiện sớm nhất. Trong giai đoạn đầu hình thành, phát triển của thị trường này, việc mua bán vàng chủ yếu được thực hiện qua các doanh nghiệp kinh doanh vàng và các NHTM. Khi thị trường phát triển, hoạt động của thị trường được thực hiện bởi một mạng lưới các nhà môi giới ở các địa điểm giao dịch khác nhau mà không có trung tâm giao dịch. Với sự phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin, thị trường vàng phi tập trung ở nhiều nước phát triển rất nhanh chóng trở thành một loại hình thị trường hiện đại. Ngày nay, nói đến thị trường vàng phi tập trung là nói đến một thị trường được tổ chức chặt chẽ bởi các tổ chức tự quản và sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Do vậy, đối với thị trường vàng Việt Nam cần tiếp tục phát triển thị trường vàng phi tập trung. Tuy nhiên, để giảm đến mức thấp nhất rủi ro cho các chủ thể tham gia thị trường, đảm bảo thị trường hoạt động ổn định và hiệu quả cần có sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức tự quản và cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường.

- Xây dựng thị trường vàng tập trung đối với hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản, trong đó NHNN giữ vai trò là tổ chức đầu mối quản lý hoạt động của thị trường vàng, các NHTM và các DN kinh doanh vàng giữ vai trò là thành viên thị trường vàng tập trung.

Thực tế kinh doanh vàng thời gian qua cho thấy, mô hình phi tập trung thiếu sự quản lý, giám sát của Nhà nước đã dẫn đến thị trường hoạt động rất lộn xộn, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó, qua quan sát các mô hình TTCK trong đó có mô hình TTCK phi tập trung ở Việt Nam - thị trường Upcom chính thức khai trương từ ngày 24/06/2009 cũng cho thấy nhiều bất ổn, UBCKNN đang có chủ trương đề nghị Chính phủ chuyển sàn Upcom sang giao dịch theo phương thức khớp lệnh. Vì vậy, để thị trường vàng nói chung, hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản nói riêng ổn định, đảm bảo tính bền vững, không gây những rủi ro tiềm ẩn cao cho nền kinh

tế, việc xây dựng mô hình thị trường tập trung có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, trong đó NHNN là tổ chức đầu mối, các NHTM và các DN kinh doanh vàng giữ vai trò là thành viên thị trường vàng tập trung, theo nghiên cứu là một hướng đi đúng trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam.

- Thành lập sàn giao dịch vàng nhằm xây dựng một thị trường hoạt động tập trung, minh bạch, vận động theo cung cầu, và cần có một cơ quan chuyên trách quản lý sàn giao dịch vàng. Hiện nay, việc quản lý sàn giao dịch vàng thuộc chức năng của cơ quan nào vẫn chưa có quy định cụ thể. Có ý kiến cho rằng thuộc về NHNN, có ý kiến lại cho rằng thuộc về Bộ Công Thương... Ở Việt Nam, vàng được coi là một phương tiện tiền tệ và là công cụ DTNH của quốc gia, nên theo NCS, việc quản lý và cấp phép sàn vàng nên được tập trung vào đầu mối là NHNN. Trên cơ sở đó, NHNN cần ban hành luật chơi chung, trong đó có các quy định cụ thể về điều kiện để được cấp phép thành lập sàn vàng như: vốn điều lệ (theo từng nghiệp vụ kinh doanh như môi giới, tự doanh...), cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực... Để đảm bảo an toàn cho nhà đầu tư cũng như môi trường KT-XH, chủ sàn vàng phải có năng lực tài chính đủ mạnh và thực hiện cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp theo các quy định quản lý tài chính DN hiện hành. Cùng với các quy định về điều kiện thành lập, cần có các văn bản cụ thể quy định về tổ chức bộ máy của sàn, tách bạch hoạt động của bộ phận môi giới và bộ phận tự doanh...

4.2.3. Định hướng phát triển hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

Liên quan đến định hướng phát triển hoạt động kinh doanh vàng, ngày 24/02/2011, Chính phủ đã có chỉ đạo: “*Kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh vàng; trong quý II năm 2011 trình Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng theo hướng tập trung đầu mối NK vàng, tiến tới xóa bỏ việc kinh doanh vàng miếng trên thị trường tự do; ngăn chặn hiệu quả các hoạt động buôn lậu vàng qua biên giới*”. Theo chỉ đạo đó, đồng thời căn cứ vào kết quả điều tra, trong đó hầu hết các đối tượng được điều tra (trên 80%) đều đồng ý hoặc đồng ý ở mức cao đối với các định hướng phát triển hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020 và những năm tiếp theo đã được đề cập đến trong Phiếu điều tra (Xem Phụ lục 15), theo NCS hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 cần phát triển theo định hướng sau:

- *Một là, chuyển hướng kinh doanh vàng từ vàng không theo tiêu chuẩn quốc tế sang kinh doanh vàng theo tiêu chuẩn quốc tế.*

Hiện nay, khi thuế suất thuế NK hai loại vàng (vàng tiêu chuẩn quốc tế và vàng nguyên liệu) đã giống nhau, việc bán vàng tiền tệ ra thị trường nước ngoài

được cho phép, đồng thời kho ngoại quan vàng đã được mở tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, các NHTM và các DN kinh doanh vàng cần đẩy mạnh việc kinh doanh vàng tiêu chuẩn quốc tế hơn là kinh doanh vàng miếng của Việt Nam. Chuyển hướng sang kinh doanh vàng theo tiêu chuẩn quốc tế sẽ góp phần gia tăng khả năng kết nối giữa thị trường vàng trong nước và quốc tế, giảm bớt sự chênh lệch giữa giá vàng thế giới và Việt Nam.

- *Hai là*, phát triển hoạt động kinh doanh vàng trạng thái, các công cụ vàng phái sinh, trong đó các NHTM và các DN kinh doanh vàng không chỉ là trung gian môi giới cho các tổ chức kinh doanh nước ngoài mà còn là tổ chức trực tiếp cung cấp sản phẩm cho chính mình.

Hoạt động kinh doanh vàng hiện nay tại các NHTM và các DN kinh doanh vàng chủ yếu là hoạt động môi giới, tức là làm trung gian cho khách hàng để hưởng phí môi giới. Việc kinh doanh vàng trạng thái (trường hoặc đoản) - đầu tư hay tự doanh là rất ít. Để tận dụng lợi thế, đồng thời cũng là để đa dạng hóa nghiệp vụ, giảm thiểu rủi ro, tăng lợi nhuận, các NHTM và các DN kinh doanh vàng cần đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vàng trạng thái.

Ngoài ra, khi cung cấp các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro hoặc công cụ đầu cơ cho khách hàng, bản thân các NHTM và các DN kinh doanh vàng cũng có thể lâm vào tình trạng rủi ro nếu các giao dịch đối ứng của khách hàng không phù hợp về quy mô và thời gian. Vì vậy, để hạn chế rủi ro, các NHTM và các DN kinh doanh vàng cần lựa chọn các công cụ phòng chống rủi ro như swap, forward, option, future... thích hợp trên thị trường quốc tế.

- *Ba là*, tiếp tục cho phép các NHTM và các DN kinh doanh vàng mở sàn giao dịch vàng trên cơ sở môi trường pháp lý hoàn thiện, đầy đủ và đồng bộ.

Thực tế cho thấy, trong điều kiện phát triển kinh tế theo định hướng thị trường có sự quản lý của Nhà nước, mọi biện pháp quản lý mang tính hành chính đơn thuần (yêu cầu đóng cửa sàn vàng) trong khi nhu cầu thị trường ngày càng gia tăng đều có thể dẫn đến những hoạt động kinh doanh chui, kinh doanh bất hợp pháp. Vì vậy, một hướng đi đúng trong tương lai là không nên cấm mà nên cho phép mở lại sàn giao dịch vàng nhưng cần phải được quản lý bởi một hệ thống văn bản pháp lý đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với điều kiện quốc gia và thông lệ quốc tế.

- *Bốn là*, NHNN nên tập trung đầu mỗi XNK vàng.

Hoạt động XNK vàng có liên quan đến cung cầu ngoại tệ nên cần thực hiện kiểm soát hoạt động XNK vàng để kiểm soát ngoại hối, quản lý tỷ giá. Do đó, NHNN nên tập trung đầu mỗi XNK vàng. Tuy nhiên, thay vì NHNN độc quyền NK

vàng thì nên cho phép một số DN kinh doanh vàng lớn có uy tín được NK vàng dưới sự giám sát của NHNN. Giải pháp này vừa mang tính thị trường đồng thời tạo bình thông nhau về giá trong nước và thế giới.

Việc tập trung đầu mỗi NK vàng sẽ giúp không làm phân tán hạn ngạch NK. NHNN sẽ dễ dàng kiểm soát nguyên liệu đầu vào và thành phẩm đầu ra của các đơn vị, loại trừ được nguyên liệu trôi nổi không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

Để tránh sự mất cân đối cung cầu vàng dẫn đến sự chênh lệch giá vô lý giữa giá vàng thế giới và giá vàng trong nước, cần xây dựng cơ chế cấp “*quota*” XNK vàng linh hoạt, tạo các luồng lưu thông XNK vàng thật nhịp nhàng theo quy luật thị trường.

- *Năm là*, tiến tới xóa bỏ việc kinh doanh vàng miếng trên thị trường tự do.

Hoạt động kinh doanh vàng miếng trên thị trường tự do luôn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro và khó kiểm soát nên trong thời gian tới việc kinh doanh mua bán vàng miếng nên được tập trung hóa tại một số DN kinh doanh vàng và NHTM có đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước, nơi có khả năng tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh tốt hơn. Khi tập trung kinh doanh vàng miếng tại một số DN kinh doanh vàng và NHTM, NHNN sẽ kiểm soát được doanh thu kinh doanh vàng miếng, từ đó sẽ không bị mất thuế GTGT từ hoạt động này. Mặt khác, doanh số giao dịch vàng miếng tại hệ thống DN và ngân hàng này sẽ phản ánh trung thực nhu cầu mua bán vàng miếng phát sinh, giúp NHNN đo lường chính xác quy mô thị trường vàng và có giải pháp định hướng phù hợp để phát triển thị trường này. Ngoài ra, giao dịch vàng miếng tập trung tại một số DN kinh doanh vàng và NHTM nhất định sẽ giúp quyền lợi của người tiêu dùng được bảo vệ tốt hơn.

4.3. Định hướng hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

Để đề xuất các định hướng hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, NCS dựa vào các căn cứ sau:

- Thực trạng chính sách và tổ chức quản lý chấp hành chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó.

- Quan điểm, định hướng phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng của Chính phủ;

- Kết quả điều tra xã hội học từ các chủ thể tham gia thị trường về xu hướng phát triển thị trường và hoàn thiện chính sách đối với hoạt động kinh doanh vàng đến năm 2020 và những năm tiếp theo (*Xem Phụ lục 16*);

- Bài học kinh nghiệm rút ra qua nghiên cứu chính sách quản lý thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng của một số nước: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Mỹ.

- Dự báo về tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và xu hướng phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng.

- Đề án tái cấu trúc các NHTM giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 154/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4.3.1. Định hướng chung về chính sách phát triển thị trường vàng ở Việt Nam

Để thị trường vàng phát triển theo định hướng nêu trên, theo NCS chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động của thị trường vàng cần hoàn thiện theo các định hướng sau:

4.3.1.1. Đối với thị trường vàng vật chất

Cách thức tổ chức thị trường vàng vật chất của Việt Nam hiện nay còn khá đơn giản, hoạt động giao dịch chủ yếu là tự phát và chưa xuất hiện các hình thức giao dịch hiện đại. Trong khi hiện nay thị trường vàng thế giới đã phát triển nhanh chóng ở 2 bộ phận thị trường: thị trường tập trung và thị trường OTC với các hình thức đầu tư hiện đại, cho phép các nhà đầu tư tiếp cận thị trường dễ dàng, nhanh chóng với chi phí thấp hơn nhiều. Để đáp ứng mục tiêu xây dựng thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng ổn định và ngày càng hoàn thiện, học tập kinh nghiệm của một số nước đã có kinh nghiệm trong phát triển thị trường vàng vật chất, NCS có một số đề xuất sau:

Thứ nhất, nghiên cứu ban hành chính sách quản lý sàn giao dịch vàng vật chất.

Trong thời gian tới, để phát triển thị trường vàng Việt Nam ngày càng hoàn thiện với nhiều hình thức giao dịch hiện đại cần nghiên cứu ban hành chính sách quản lý sàn giao dịch vàng vật chất. Từ kinh nghiệm của Trung Quốc, NCS đề xuất mô hình sàn giao dịch vàng vật chất cho Việt Nam như sau:

- *Về quản lý*: NHNN giữ vai trò chi phối. NHNN là cơ quan quản lý, giám sát, chi phối hoạt động của sàn.

- *Về hình thức pháp lý*: Sàn giao dịch vàng vật chất thuộc sở hữu Nhà nước, có thể được tổ chức theo một trong 2 hình thức: Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên hoặc công ty cổ phần với tỷ lệ vốn của Nhà nước > 50%.

- *Về hàng hóa*: Đối tượng giao dịch tại sàn là vàng tiêu chuẩn SJC và vàng đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- *Về thành viên:* Thành viên của sàn giao dịch vàng vật chất gồm: các DN sản xuất, kinh doanh vàng miếng, các công ty chứng khoán và các NHTM.

- *Về hình thức mua bán:* Thời gian đầu trước khi có phương án phát triển đa dạng hơn, để đánh giá phản ứng thị trường, NHNN chỉ nên cho phép mua bán giao ngay, trước mắt là T+2 (giống như tại các Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội), sau đó khi thị trường phát triển đến một trình độ nhất định và hội tụ đủ các điều kiện về cơ sở hạ tầng, con người... sẽ tiến tới thời gian giao dịch là T+1.

Thứ hai, có chính sách phát triển hình thức quỹ đầu tư vàng - ETFs.

Đây là kinh nghiệm của Mỹ và Việt Nam hoàn toàn có thể học tập để phát triển quỹ đầu tư vàng. Nếu phát triển thành công quỹ đầu tư vàng sẽ đem lại lợi ích lớn không chỉ cho nền kinh tế mà còn cho cả chính các nhà đầu tư tham gia thị trường vàng. Cụ thể, đối với nền kinh tế, đây là biện pháp khả thi trong việc huy động vàng trong dân, thu hẹp chênh lệch giá với giá vàng thế giới. Đối với nhà đầu tư, việc đầu tư vào chứng chỉ quỹ ETF sẽ góp phần giảm thiểu rủi ro liên quan đến vận chuyển, bảo quản vàng, ngoài ra vẫn có thể thu được mức lợi tức hấp dẫn. Do đó, đây thực sự là một giải pháp cần ưu tiên. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu thực hiện, hoạt động của các quỹ ETFs phải được đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của NHNN, tránh lặp lại tình trạng sụp đổ nhanh chóng như từng xảy ra đối với mô hình sàn giao dịch vàng.

Cấu trúc vận hành quỹ ETF sẽ bao gồm: Công ty quản lý quỹ, Sáng lập viên của quỹ, Thành viên lập quỹ và Ngân hàng giám sát. Trong đó: (1) Công ty quản lý quỹ đăng ký xin phép thành lập cho quỹ ETF theo quy định của Luật Chứng khoán: thực hiện hoạt động xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, phát hành chứng chỉ quỹ trên cơ sở lượng vàng huy động được, hoặc thu hồi chứng chỉ quỹ trên cơ sở lượng vàng hoàn trả cho nhà đầu tư; (2) Sáng lập viên của quỹ là tổ chức có Giấy phép kinh doanh vàng do NHNN cấp. Tổ chức này phải là tổ chức được NHNN ủy quyền thay mặt Nhà nước thực hiện các hoạt động XNK vàng. Vai trò sáng lập viên được thông qua cơ chế XNK vàng, bảo đảm giá vàng trong nước (thể hiện qua giá chứng chỉ ETF) và giá vàng quốc tế (thể hiện qua giá trị tài sản ròng của quỹ ETF) không chênh lệch quá nhiều. Sáng lập viên cũng có vai trò thẩm định chất lượng vàng huy động từ các nhà đầu tư, bảo đảm đáp ứng tiêu chí của quỹ trước khi chuyển vàng vào quỹ; (3) Thành viên lập quỹ là các công ty chứng khoán. Các công ty này cung cấp dịch vụ môi giới trong giao dịch hoán đổi vàng từ các nhà đầu tư lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại. Các công ty này được thực hiện nghiệp vụ tự doanh (trực tiếp

mua bán vàng miếng để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF hoặc ngược lại); (4) Ngân hàng giám sát thực hiện chức năng lưu kho vàng huy động từ các nhà đầu tư. Đồng thời, ngân hàng giám sát cũng thực hiện các chức năng quản lý quỹ, phát hành và thu hồi chứng chỉ quỹ theo chỉ thị của công ty quản lý quỹ.

Về mô hình tổ chức quản lý quỹ:

- NHNN là ngân hàng giám sát;
- Trong giai đoạn đầu thực hiện NHNN vẫn đóng vai trò là người XNK vàng nhằm tránh tình trạng NK hoặc XK ồ ạt do nhu cầu đầu tư gây ra;
- Trong quá trình vận hành quỹ, cần sử dụng các biện pháp kỹ thuật để hạn chế tối đa rủi ro với các yêu cầu về vốn điều lệ, tỷ lệ đầu tư tối đa trên tổng vốn tự có.

4.3.1.2. Đối với thị trường vàng qua tài khoản

Theo Thông báo của Thủ tướng Chính phủ số 369/2009/TB-VPCP và Thông tư 01/2010/TT-NHNN của NHNN, hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản (trong nước và nước ngoài) đã bị bãi bỏ dưới mọi hình thức. Tuy nhiên, thực tế nghiên cứu cho thấy, nhu cầu đầu tư vàng trong nước hiện nay vẫn còn rất lớn nên xét về dài hạn, việc cấm các hình thức kinh doanh vàng qua tài khoản sẽ tạo điều kiện phát triển các hình thức kinh doanh bất hợp pháp. Mặt khác, việc cho phép kinh doanh vàng qua tài khoản một cách chính thức đem lại rất nhiều lợi ích như: NHNN có thể thống kê, kiểm soát việc tích trữ vàng của người dân... Do đó, cần xây dựng kế hoạch cụ thể để phát triển loại hình này hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển thị trường vàng ngày vàng hoàn thiện. Dựa trên kinh nghiệm của Trung Quốc và Mỹ, NCS đề xuất việc xây dựng mô hình Sàn giao dịch vàng quốc gia như sau:

- Về hình thức pháp lý và các quy định chuẩn cho hoạt động của sàn giao dịch vàng: Phải hoàn thiện cơ chế quản lý, xây dựng quy chế về hoạt động Sàn vàng, quy định về nguyên tắc hoạt động của Sàn, hình thức pháp lý, phương thức giao dịch, nguyên tắc khớp lệnh, công bố thông tin giao dịch của Sàn, ký quỹ giao dịch...

+ Về hoạt động của Sàn vàng: Hoạt động của Sàn vàng cần được điều tiết bằng các giải pháp kỹ thuật như đối tượng tham gia, tỷ lệ ký quỹ, quy mô trạng thái mở qua đêm được phép duy trì, dư nợ tín dụng tại Sàn vàng, xử lý vi phạm... Để hạn chế rủi ro cho các nhà đầu tư trong trường hợp thua lỗ, tỷ lệ ký quỹ trong thời gian đầu nên là 100%. Bên cạnh đó, cũng cần phát triển đồng bộ và đa dạng các loại hình giao dịch (giao ngay, kỳ hạn, quyền chọn, hoán đổi) để thu hút các đối tượng tham gia giao dịch.

+ Về thời hạn giao dịch: Trong thời gian đầu chỉ nên mở cửa các sàn vàng vào buổi sáng từ 9 giờ đến 11 giờ, sau đó tăng dần vào buổi chiều từ 13 giờ đến 15 giờ hoặc mở liên tục từ 9 giờ đến 14 giờ trong các ngày làm việc. Khi thị trường hoạt động ổn định và đạt được các điều kiện về hạ tầng và cơ chế quản lý rủi ro, có thể triển khai Sàn giao dịch theo giờ quốc tế (theo thị trường London) để gia tăng sự kết nối, liên thông với thị trường vàng thế giới.

+ Về đơn vị giao dịch: Thời gian đầu khi mới mở cửa sàn vàng nên chọn giao dịch đơn vị là lượng và mức tối thiểu là 1 lượng. Khi thị trường phát triển đầy đủ, có thể chuyển sang đơn vị Oz và kg theo thông lệ quốc tế.

+ Về giá và đơn vị yết giá: Giá tham chiếu đầu phiên giao dịch là giá cùng thời điểm với giá thế giới tại Singapore hoặc giá giao dịch công bố tại London Gold Market Fixing Ltd tùy theo thời điểm bắt đầu phiên sau khi đã cộng thêm chi phí vận chuyển, phí bảo hiểm vào Việt Nam. Đơn vị yết giá là 1.000 VND và bước giá là 1.000 VND. Việc quy đổi vàng theo USD sang VND được thực hiện theo tỷ giá bình quân theo niêm yết của Vietcombank.

+ Biên độ giá và ngưỡng tạm ngừng giao dịch: Biên độ giá cơ bản hàng ngày là $\pm 2\%$. Trong trường hợp giá khớp lệnh vượt quá biên độ $\pm 2\%$, giới hạn sẽ được hệ thống tự động nâng lên mức $\pm 4\%$. Nếu giới hạn $\pm 4\%$ bị phá vỡ thì hệ thống sẽ tự động ngừng giao dịch trong vòng 15 phút, sau khi giao dịch trở lại biên độ cũng không quá $\pm 4\%$, trừ trường hợp giá thế giới biến động vượt quá mức $\pm 4\%$ thì sẽ điều chỉnh lại giá tham chiếu theo giá mới tại thời điểm ghi nhận sự biến động giá thế giới quá $\pm 4\%$.

+ Về thời hạn thanh toán, thời hạn giao hàng và điểm giao hàng: Hệ thống giao dịch, lưu ký, thanh toán bù trừ phải đảm bảo thực hiện tự động để thời hạn thanh toán là T+1. Đối với các giao dịch rút vàng vật chất áp dụng thời gian giao hàng là T+2 và địa điểm giao hàng là Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Có thể giao hàng tại các địa điểm có kho vàng của NHNN nhưng sẽ thu phụ phí vận chuyển (phí vận chuyển do NHNN quy định).

- Về cơ quan quản lý nhà nước đối với Sàn vàng: NHNN là đầu mối. NHNN sẽ là cơ quan quản lý, giám sát, chi phối toàn bộ hoạt động của sàn giao dịch thông qua quản lý việc tham gia của các thành viên và tham gia bộ máy nhân sự chủ chốt điều hành Sàn.

Sàn giao dịch vàng quốc gia có thể được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên với 2 Sàn giao dịch là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về thành viên của Sàn giao dịch vàng quốc gia:* Bao gồm các ngân hàng và các DN hoạt động kinh doanh vàng đủ điều kiện về năng lực tài chính, quy mô vốn, quy mô kinh doanh và uy tín trên thị trường... Hoạt động của Sàn giao dịch độc lập, không phụ thuộc hoặc hoạt động vì lợi ích của riêng một DN mà chủ yếu là làm dịch vụ, không có sự cạnh tranh kinh doanh giữa các hội viên, các DN. Những tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch sẽ thực hiện đặt lệnh mua, bán thông qua các thành viên giao dịch của Sàn.

- *Về hệ thống giao dịch:* Sàn giao dịch vàng cần được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại, cho phép khớp lệnh tự động và trực tuyến. Nhà đầu tư sẽ đặt lệnh thông qua thành viên của Sàn, còn các công ty SX vàng miếng được quyền đặt lệnh trực tiếp đến Sở giao dịch.

- *Về việc giám sát:* Cần thành lập bộ phận giám sát thị trường kinh doanh vàng trên sàn. NHNN chịu trách nhiệm giám sát cơ quan này, đồng thời, thành lập Trung tâm lưu ký vàng nhằm tập trung quản lý.

Về lộ trình phát triển thị trường vàng qua tài khoản NCS đề xuất như sau:

- *Từ năm 2015-2017:* Chuẩn bị cho việc thành lập Sàn giao dịch vàng quốc gia, hoàn thiện khung pháp lý và các văn bản liên quan.

- *Từ năm 2017- 2020:* Thành lập Sàn giao dịch vàng quốc gia và bước đầu đi vào hoạt động. Trong thời gian này, tỷ lệ ký quỹ là 100% và chỉ có các nhà đầu tư tổ chức mới được tham gia giao dịch trên Sàn.

- *Từ năm 2020 đến năm 2025:* Sàn giao dịch vàng đi vào hoạt động ổn định. Cho phép cả các nhà đầu tư cá nhân tham gia giao dịch trên Sàn. Tỷ lệ ký quỹ có thể giảm xuống để tận dụng đòn bẩy tài chính, thu hút các nhà đầu tư.

4.3.1.3. Đối với hoạt động phái sinh về vàng

Sự ra đời các công cụ phái sinh về vàng sẽ tạo cơ hội để các nhà đầu tư trên thị trường vàng tham gia một cách có hiệu quả hơn, đảm bảo khả năng lợi nhuận nhưng đồng thời vẫn có thể phòng tránh rủi ro. Tuy nhiên, ở Việt Nam trong thời gian qua, hoạt động phái sinh hàng hóa nói chung và phái sinh về vàng nói riêng vẫn chỉ ở giai đoạn hết sức sơ khai. Vì vậy, trong thời gian tới, để phát triển thị trường vàng ngày càng ổn định và hoàn thiện không thể bỏ qua chính sách thúc đẩy phát triển hoạt động phái sinh về vàng trong hệ thống chính sách quản lý nhà nước

đối với hoạt động kinh doanh vàng. Kế thừa những thành công và khắc phục những hạn chế trong quản lý nhà nước đối với hoạt động phái sinh trên TTCK ở Việt Nam thời gian qua, đồng thời học tập kinh nghiệm phát triển hoạt động phái sinh vàng của một số nước trên thế giới, NCS đề xuất định hướng phát triển hoạt động phái sinh về vàng như sau:

Thứ nhất, xây dựng hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy tạo hành lang cho hoạt động phái sinh vàng phát triển. Các văn bản pháp quy về phái sinh vàng cần có sự liên kết và kế thừa từ các văn bản pháp quy về thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng hiện hành, cũng như tiếp thu các kinh nghiệm của các nước trên thế giới có hoạt động kinh doanh phái sinh vàng phát triển mạnh mẽ.

Thứ hai, NHNN cần đưa vào quy định khái niệm chính thức và các loại hình phái sinh vàng được phép kinh doanh cụ thể ở Việt Nam dựa trên khái niệm về công cụ phái sinh vàng và các loại sản phẩm phái sinh vàng cụ thể đã được thế giới công nhận, kết hợp với các quy định hiện hành về hợp đồng kinh doanh (do công cụ phái sinh chính là một loại hợp đồng) trong Bộ Luật Dân sự, Luật Thương mại... tạo cơ sở pháp lý rõ ràng và vững chắc đối với các nhà đầu tư và DN kinh doanh phái sinh vàng.

Thứ ba, dựa vào kinh nghiệm của Trung Quốc và Thái Lan, NHNN cần đưa ra các tiêu chuẩn đăng ký tham gia loại hình kinh doanh dịch vụ phái sinh vàng theo hướng tương đối cao và chặt chẽ, tương tự như các quy định về đăng ký kinh doanh vàng miếng, chỉ lựa chọn các DN có tiềm lực đủ mạnh, an toàn, có sự am hiểu sâu sắc và giàu kinh nghiệm tham gia vào thị trường.

Thứ tư, NHNN cần cụ thể hóa các quy định về trách nhiệm liên đới giữa Sàn giao dịch vàng do NHNN thành lập với hoạt động phái sinh vàng của các chủ thể tham gia kinh doanh do hoạt động phái sinh vàng có tính chất gắn kết rõ rệt với sàn giao dịch vàng. NHNN có thể đặt ra những quy định riêng về phái sinh vàng trong Quy chế Sàn giao dịch.

Thứ năm, NHNN cần đưa ra các quy định về quy trình giao dịch cho từng nghiệp vụ kinh doanh vàng phái sinh theo lộ trình phát triển của thị trường vàng và điều kiện của Việt Nam, đặc biệt là giao dịch quyền chọn. Đây là một trong số những công cụ cơ bản của kinh doanh phái sinh vàng nhưng chưa thực sự phổ biến ở Việt Nam. NHNN nên ban hành một quy trình giao dịch quyền chọn chuẩn hóa, nhằm thúc đẩy sự phát triển giao dịch quyền chọn vàng đồng thời tạo điều kiện cho việc quản lý, giám sát được dễ dàng, khách quan, minh bạch. Cụ thể:

- *Đối với giao dịch quyền chọn vàng do NHTM cung cấp:* Đây là những giao dịch diễn ra giữa 2 bên: bên mua là khách hàng còn bên bán là ngân hàng.

+ Trong giai đoạn đầu, chỉ nên quy định ngân hàng cung ứng việc bán quyền chọn cho khách hàng, chứ chưa nên mua quyền chọn từ khách hàng.

+ Đối tượng tham gia giao dịch là các cá nhân và tổ chức có nhu cầu bảo hiểm rủi ro biến động giá vàng theo quy định của NHNN.

+ Điều kiện ký kết là các cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự hoặc DN đang hoạt động tại Việt Nam. Khách hàng thanh toán phí cho bên cung cấp sản phẩm ngay từ lúc ký hợp đồng. Khoản phí này được tính toán trong từng hợp đồng cụ thể.

+ Loại tiền giao dịch: VND/lượng

+ Khối lượng giao dịch tối thiểu: 50 lượng

+ Kỳ hạn giao dịch tối thiểu: 2 tuần

+ Hợp đồng quyền chọn được thực hiện theo kiểu Châu Âu: vào ngày đáo hạn hợp đồng, khách hàng có quyền thực hiện hoặc không thực hiện quyền chọn vàng.

+ Hình thức giao dịch: giao nhận vàng thực tế (hai bên thanh toán tiền và vàng theo hợp đồng) hoặc chỉ giao dịch trên tài khoản.

+ Quy trình giao dịch:

Tại chi nhánh, khách hàng sẽ liên hệ với chuyên viên quan hệ khách hàng để tìm hiểu về sản phẩm quyền chọn vàng của ngân hàng. Sau khi đã tìm hiểu rõ về sản phẩm, khách hàng sẽ gửi cho chuyên viên quan hệ khách hàng yêu cầu của mình (khối lượng giao dịch, thời hạn hợp đồng, mức giá thực hiện...).

Tại Hội sở chính, các yêu cầu này sẽ được chuyển tới Phòng Kinh doanh ngoại hối để có thể đưa ra mức giá cho khách hàng dựa trên các thông số thị trường và cả phí phòng ngừa rủi ro. Ngân hàng sẽ tùy thuộc vị thế của mình để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro. Sau đó, mức phí sẽ được thông báo cho khách hàng, nếu khách hàng đồng ý chuyên viên quan hệ khách hàng sẽ ký kết hợp đồng với khách hàng, trong đó nêu rõ số lượng, giá thực hiện, thời gian đáo hạn, phương thức thanh toán... Căn cứ vào hợp đồng, khoản phí quyền chọn phải được thu về ngay khi ký hợp đồng (có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt).

Hai ngày trước thời điểm đáo hạn, chuyên viên ngân hàng sẽ liên hệ với khách hàng để biết khách hàng có thực hiện quyền hay không. Nếu khách hàng thực hiện quyền thì gửi thông báo yêu cầu thực hiện có giao nhận thực tế hay chỉ chuyển giao phần chênh lệch trên tài khoản.

- *Đối với giao dịch quyền chọn vàng chính thức trên Sàn:* Đối tượng tham gia, điều kiện ký kết hợp đồng, các quy định về đồng tiền giao dịch, khối lượng và

kỳ hạn tối thiểu, thực hiện hợp đồng tương tự giao dịch quyền chọn phi chính thức. Giao dịch chính thức chỉ khác giao dịch phi chính thức về cơ chế vận hành và quy trình thực hiện giao dịch quyền chọn trên sàn.

+ Về cơ chế vận hành: Các hợp đồng quyền chọn phải tuân theo các nguyên tắc đấu giá thị trường, trong đó yếu tố giá và thời gian đặt lệnh được xét theo thứ tự ưu tiên. Giá giao dịch sẽ được xác định theo giá đóng cửa/mở cửa, hoặc theo nguyên tắc ưu tiên về giá và thời gian đặt lệnh. Hợp đồng quyền chọn được thực hiện thông qua các thành viên môi giới và tất cả các lệnh, tiến trình giao dịch đều được thực hiện trên hệ thống tự động.

+ Về quy trình giao dịch quyền chọn trên Sàn: Để thực hiện giao dịch trước hết nhà đầu tư phải mở một tài khoản ký quỹ tại Trung tâm thanh toán, đảm bảo cho việc thực thi hợp đồng và thanh toán các khoản phí sẽ được ủy quyền cho các thành viên của Trung tâm xử lý thực hiện thông qua tài khoản.

Sau khi tham khảo các thông tin trên thị trường, nhà đầu tư liên hệ với nhà môi giới để biết được quy trình, phương thức và nhận thông tin về các mức phí quyền chọn. Sau đó, nhà đầu tư đặt lệnh qua cổng giao dịch thành viên nối mạng với Trung tâm xử lý thông qua nhà môi giới. Trung tâm này sẽ đóng vai trò trung gian khi tìm các khách hàng sẵn sàng ở trạng thái đối ngược với trạng thái của nhà đầu tư, hoặc có các nhà tạo lập thị trường nếu không có khách hàng nào đáp ứng được. Việc khớp lệnh sẽ được báo cho nhà môi giới và thông báo lại cho nhà đầu tư.

Trong khi xử lý các giao dịch, Trung tâm xử lý sẽ cung cấp thông tin quan bảng điện tử trên Sàn, đồng thời gửi thông tin giao dịch đến Trung tâm thông tin. Đến cuối ngày, Trung tâm thông tin sẽ gửi các thông tin này về Trung tâm giám sát, đồng thời đưa ra công chúng thông qua các phương tiện truyền thông.

Đến ngày đáo hạn, nếu thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư có nhiệm vụ thông báo cho Trung tâm xử lý quyền chọn qua nhà môi giới. Trung tâm xử lý sẽ thực hiện chuyển giao thông qua Trung tâm thanh toán vào ngày hôm sau hoặc một ngày nhất định tùy theo phương thức thanh toán bằng tiền hay vàng.

4.3.1.4. Đối với quản lý thị trường giao dịch

Trong hoạt động kinh doanh trên thế giới thì quản lý thị trường giao dịch có một vị trí quan trọng. Đặc biệt đối với kinh doanh vàng là kinh doanh một loại hàng hóa đặc biệt vừa có tính chất hàng hóa, vừa có vai trò là tiền tệ thì việc ban hành chính sách quản lý thị trường giao dịch là rất cần thiết để đảm bảo cho thị trường hoạt động một cách ổn định và hiệu quả. Tuy nhiên, vướng mắc hiện nay ở Việt Nam là chưa có cơ chế điều chỉnh thống nhất thị trường giao dịch; Các văn bản luật

còn chưa rõ ràng, điều này khiến cho hoạt động của thị trường vàng ở Việt Nam chưa có cơ sở pháp lý vững vàng để đi vào hoạt động hiệu quả. Bởi vậy, cần nghiên cứu xây dựng các chính sách có nội dung cụ thể, thống nhất với nhau về:

- Mô hình tổ chức thị trường vàng: Giống như bất kỳ một thị trường hàng hóa thông thường nào, một thị trường vàng hoàn thiện và phát triển phải có đủ 2 bộ phận thị trường là thị trường có tổ chức (Thị trường tập trung và thị trường OTC) và thị trường tự do. Việc tổ chức thị trường vàng theo nhiều mô hình tổ chức sẽ giúp đa dạng hóa môi trường kinh doanh, cơ hội kinh doanh... cho các chủ thể tham gia thị trường. Tuy nhiên, mỗi bộ phận thị trường đều có những mặt mạnh và hạn chế riêng đòi hỏi Nhà nước cần ban hành chính sách quy định cụ thể về mô hình tổ chức thị trường vàng (giống như TTCK) để từ đó có biện pháp quản lý phù hợp.

- Bộ máy quản lý điều hành thị trường, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể quản lý: Mỗi bộ phận thị trường đều có những đặc thù riêng đòi hỏi phải có quy định về bộ máy quản lý điều hành, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể quản lý cho từng bộ phận thị trường riêng biệt. Tuy nhiên, vì kinh doanh vàng là một lĩnh vực kinh doanh rất phức tạp và có nhiều rủi ro nên đòi hỏi phải có sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, NHNN, Hiệp hội kinh doanh vàng và các bộ liên quan) trên tất cả các bộ phận thị trường, chỉ có điều quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trên các bộ phận thị trường khác nhau có thể khác nhau.

- Ngoài ra, cũng cần có những quy định cụ thể về các thành viên giao dịch trên thị trường của thị trường vàng nói chung và trên từng bộ phận thị trường nói riêng. Cụ thể, thành viên giao dịch của thị trường vàng có tổ chức là các nhà kinh doanh là tổ chức (NHNN, các NHTM, các DN kinh doanh vàng) và các nhà đầu tư cá nhân; chủ thể giao dịch trên thị trường vàng tự do là các tiệm vàng tư nhân và các cá nhân nhỏ lẻ.

4.3.2. Các chính sách cụ thể đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

Trong bối cảnh thị trường vàng hiện nay có nhiều biến động, Thống đốc NHNN đã khẳng định mục tiêu trước mắt và trực tiếp của thị trường vàng là bình ổn thị trường nói chung, trong đó có bình ổn giá vàng trong nước để tránh hiện tượng đầu cơ trục lợi từ việc giá vàng lên xuống thất thường. Theo đó, việc hoàn thiện các chính sách quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng là vô cùng cấp thiết trong tình hình hiện nay.

4.3.2.1. Hoàn thiện các quy định đối với hoạt động kinh doanh vàng miếng

Sự ra đời của Nghị định 24/2012/NĐ-CP đã cho thấy quyết tâm của Chính phủ trong việc quản lý các hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng thông qua giải

pháp độc quyền SX vàng miếng cũng như thiết lập rào cản kỹ thuật đối với hoạt động giao dịch vàng miếng kể từ 05/2012. Cùng với một số văn bản đi kèm, có thể khẳng định đây là biện pháp quản lý cứng rắn nhất của các cơ quan hữu quan nhằm can thiệp vào thị trường vàng sau nhiều năm thả nổi. Tuy nhiên, như đã phân tích ở chương 3, sự thay đổi này đã dẫn đến sự xáo trộn trên thị trường trong giai đoạn đầu thực hiện. Mặt khác, một khi Việt Nam chấp nhận một thị trường vàng, các quy luật thị trường nhất thiết phải được tôn trọng. Trong đó, NHNN chỉ nên chú trọng vào chức năng quản lý và hoạch định chính sách chứ không nên tham gia SX, kinh doanh hoặc can thiệp quá sâu vào thị trường, vào các hoạt động của các DN kinh doanh vàng bằng các biện pháp hành chính. Để hoàn thiện các chính sách điều chỉnh hoạt động kinh doanh vàng miếng, NCS đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp quy điều chỉnh trực tiếp hoặc có liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng theo hướng thống nhất vai trò tổ chức sản xuất và quản lý kinh doanh vàng của NHNN.

Hiện nay, trong hệ thống các văn bản pháp quy ở Việt Nam hiện nay có Nghị định 24/2012/NĐ-CP và Thông tư 16/2012/TT-NHNN quy định về điều kiện cấp phép kinh doanh vàng đối với TCTD và các DN kinh doanh vàng nhưng chưa có văn bản nào quy định cụ thể về tổ chức, quản lý SX vàng miếng của NHNN và kinh doanh mua, bán vàng miếng của NHNN. Do đó, để thị trường vàng hoạt động minh bạch, ổn định, hiệu quả cần hoàn thiện hệ thống văn bản điều chỉnh trực tiếp hoặc có liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng theo hướng thống nhất vai trò tổ chức SX và quản lý kinh doanh vàng của NHNN. Hệ thống văn bản này cần khẳng định rõ hoạt động mua bán vàng miếng của các tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện tại các TCTD và DN được NHNN cấp giấy phép. Theo đó, căn cứ vào Quyết định 1623/2012/QĐ-NHNN và kinh nghiệm của Trung Quốc và Mỹ trong tổ chức và quản lý SX vàng miếng của NHTW để ban hành *Quy chế tổ chức và quản lý SX vàng miếng của NHNN Việt Nam*; Đồng thời căn cứ vào Nghị định 24/2012/NĐ-CP, Thông tư 06/2013/TT-NHNN, Quyết định 16/2013/QĐ-TTg, Đề án cơ cấu lại các TCTD giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 154/2012/QĐ-TTg và kinh nghiệm của Trung Quốc về kinh doanh mua, bán vàng miếng của NHTW ban hành *Quy chế kinh doanh mua, bán vàng miếng của NHNN Việt Nam*.

Thứ hai, cần có quy định cụ thể về tiêu chuẩn vàng miếng.

Thực tế phân biệt đối xử vàng miếng theo thương hiệu chứ không theo hàm lượng vàng và chất lượng dịch vụ như hiện nay đã gây xáo trộn thị trường, gây thiệt

hại cho nhà đầu tư và gây khó khăn cho NHNN trong việc kiểm soát nguồn cung điều tiết thị trường. Do vậy, cần có quy định cụ thể về tiêu chuẩn vàng miếng nhằm giúp hạn chế tình trạng làm giả vàng SJC trên thị trường, nhờ đó kiểm soát được nguồn cung nhằm điều tiết thị trường vàng của NHNN một cách hiệu quả. Về mặt kỹ thuật, để bảo đảm chức năng “*nhận dạng thương hiệu*” đối với vàng miếng SJC do NHNN tổ chức SX và được giao dịch trên thị trường cần đưa ra tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng, cụ thể.

Căn cứ vào Thông tư 05/2013/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung quy chế phân loại, kiểm định, đóng gói, giao nhận kim loại quý, đá quý của ngành Ngân hàng kèm theo Quyết định số 78/2000/QĐ-NHNN, luận án đề xuất quy định cụ thể về tiêu chuẩn vàng miếng như sau:

Vàng miếng là vàng được dập thành miếng, có đóng chữ, số chỉ khối lượng, chất lượng và mã ký hiệu của DN, TCTD được NHNN cho phép SX hoặc vàng miếng được NHNN tổ chức SX trong từng thời kỳ.

Vàng miếng phải được đóng gói vào hộp theo lô, mỗi lô gồm 100 lượng hoặc là bội số của 100, tối đa là 500 lượng vàng miếng.

Thứ ba, hoàn thiện quy định về điều kiện kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Văn bản hiện hành đưa ra điều kiện dựa trên quy mô vốn điều lệ để cấp phép hoạt động kinh doanh vàng như đã phân tích trong mục 3.4.2 thuộc chương 3 là chưa hợp lý, không đồng bộ với Đề án tái cấu trúc TTTC của Chính phủ giai đoạn 2011-2015. Căn cứ vào Nghị định 24/2012/NĐ-CP, Đề án tái cơ cấu hệ thống ngân hàng giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 154/2012/QĐ-TTg, kết hợp với kinh nghiệm cấp phép kinh doanh vàng miếng của Thái Lan và Ấn Độ, NCS cho rằng cần quy định vốn điều lệ tối thiểu đối với các TCTD là 9.000 tỷ đồng thay vì mức quy định 3.000 tỷ đồng như trước đây. Theo đó, nếu tăng quy định về vốn tự có tối thiểu với các TCTD lên bao nhiêu lần thì cũng cần tăng quy định đối với các DN kinh doanh vàng lên bấy nhiêu lần (Giả định việc quy định vốn tự có tối thiểu của các TCTD gấp 30 lần vốn tự có tối thiểu của các DN như quy định hiện nay trong Nghị định 24/NĐ-CP đã được các nhà làm luật tính toán chính xác), NCS đề xuất mức quy định vốn điều lệ tối thiểu đối với các DN kinh doanh vàng là 300 tỷ đồng thay cho mức quy định 100 tỷ đồng trước đây.

Ngoài ra, để được cấp phép kinh doanh vàng miếng, các DN và các NHTM còn cần phải đảm bảo được các điều kiện sau:

- *Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực tài chính:* Trong kinh doanh vàng, rủi ro tiềm ẩn là khá cao. Mọi biến động trên TTTC, các biến động về kinh tế - chính trị - XH, các động thái của NHTW... đều ảnh hưởng đến giá vàng và tác động đến các quyết định giao dịch. Vì vậy, các chủ thể kinh doanh vàng phải có hệ thống cung cấp thông tin hiệu quả, kịp thời. Bên cạnh đó, việc định giá các công cụ vàng phái sinh như quyền chọn vàng và phân tích thị trường cũng là một khâu quan trọng và phức tạp, do đó, đòi hỏi các chủ thể kinh doanh cần có đầy đủ các trang thiết bị để đo lường, kiểm định vàng theo tiêu chuẩn quốc tế và ứng dụng các công nghệ thông tin như: các phần mềm chuyên dùng cho định giá, tính phí quyền chọn; các phần mềm kỹ thuật hiện đại dùng cho việc phân tích, dự đoán xu hướng giá.

- *Điều kiện về nhân lực:* Yếu tố con người luôn là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại trong mọi hoạt động kinh doanh. Kinh doanh vàng là lĩnh vực kinh doanh phức tạp đòi hỏi người cán bộ phải có phẩm chất tốt và kiến thức sâu về nhiều lĩnh vực.

Năng lực trình độ của nhân viên kinh doanh vàng phải đáp ứng các điều kiện sau: nắm chắc kiến thức chuyên môn, kỹ năng giải quyết nhanh chóng, chính xác các công việc, các yêu cầu của khách hàng. Để tiếp cận được với các công nghệ thông tin hiện đại các chủ thể kinh doanh phải có đội ngũ nhân viên, chuyên gia nắm vững cả kiến thức chuyên môn và kỹ năng sử dụng phần mềm.

- *Điều kiện, thủ tục và quy trình cung cấp dịch vụ:* Việc đặt ra các điều kiện và thủ tục đối với các chủ thể kinh doanh vàng nói chung và kinh doanh vàng trên tài khoản nói riêng nhằm hạn chế rủi ro cho khách hàng. Hệ thống các điều kiện và thủ tục này của DN kinh doanh vàng cần phải thông thoáng, cởi mở, phù hợp với thực tế phát triển hoạt động kinh doanh vàng trong nước và quốc tế.

Thứ tư, tiếp tục tạo điều kiện cho các TCTD chủ động sử dụng lượng vàng hiện hữu trong nền kinh tế để can thiệp, bình ổn thị trường thông qua đấu thầu vàng. Khi cần can thiệp thị trường, NHNN thông báo công khai lượng vàng cần mua, bán, mức giá trần - giá sàn, danh sách các đơn vị dự thầu, cách thức đăng ký tham gia và giao nhận vàng trước thời điểm diễn ra các phiên đấu thầu. Điều này giúp làm tăng tính chủ động cho các TCTD và các DN trong việc cân đối kế hoạch kinh doanh vàng của đơn vị mình.

Thêm nữa, trên cơ sở phân tích diễn biến của thị trường vàng, trong thời gian tới, NHNN cần xem xét tăng cường tần suất tổ chức đấu thầu vàng, rút ngắn khoảng thời gian chuyển nhượng vàng.

Thứ năm, bổ sung quy định về công khai kết quả đấu thầu mua bán vàng miếng.

Thực tế hiện nay cho thấy, quá trình đấu thầu vàng miếng của NHNN so với thế giới còn rườm rà, thiếu công khai và minh bạch khiến các đơn vị tham gia e ngại. Để đảm bảo tính minh bạch của chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng cần bổ sung quy định về công khai kết quả đấu thầu mua bán vàng miếng. Theo kinh nghiệm của Mỹ về nguyên tắc quản lý thị trường đảm bảo tính công khai, minh bạch thông tin trên các sàn giao dịch vàng, tạo điều kiện để thị trường vàng vận hành hiệu quả, đồng thời phòng ngừa các sai phạm, nạn tham nhũng trong hoạt động giao dịch mua, bán vàng của NHNN. NCS đề xuất sửa đổi điều khoản “*Thông báo kết quả đấu thầu*” và “*Thông báo khối lượng vàng miếng mua, bán*” trong Quyết định số 563/2013/QĐ-NHNN nhằm công khai thông tin về quy mô giao dịch, số lượng giao dịch, khối lượng vàng miếng được sở hữu bởi mỗi thành viên tham gia thị trường vàng chính thức. Mặt khác, thông tin này còn phải được báo cáo đến NHNN hàng ngày để NHNN có thể kiểm soát, điều tiết thị trường bằng các biện pháp phù hợp. Điều này góp phần ngăn chặn hiện tượng làm giá, đầu cơ. Nội dung sửa đổi như sau:

- Thông báo kết quả đấu thầu: Sau khi xác định kết quả đấu thầu, NHNN (Sở giao dịch) thông báo công khai kết quả đấu thầu, đảm bảo đầy đủ các nội dung sau: Tổng khối lượng trúng thầu; Các mức giá trúng thầu; Danh sách các DN, TCTD trúng thầu đi kèm khối lượng trúng thầu và mức giá trúng thầu tương ứng.

- Thông báo khối lượng vàng miếng mua, bán: NHNN (Sở giao dịch) thông báo bằng văn bản tới các TCTD, DN có đơn đăng ký mua, bán vàng miếng hợp lệ thông qua người đại diện giao dịch về khối lượng vàng miếng NHNN mua, bán với từng TCTD, DN.

4.3.2.2. Hoàn thiện chính sách xuất nhập khẩu vàng

Trong thời gian qua, chính sách quản lý hoạt động XNK vàng ở Việt Nam đã cho thấy những tác động tích cực đến biến động giá vàng trong nước và góp phần bình ổn thị trường ngoại tệ. Tuy nhiên, do sự lên xuống bất thường của thị trường vàng thế giới và Việt Nam nhưng ở mức khác nhau, không ít đối tượng đã nhập lậu vàng để hưởng chênh lệch giá vàng Việt Nam và thế giới. Trong luận án này, NCS đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động XNK vàng nhằm đẩy lùi tệ nạn này, cụ thể:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về XNK vàng theo đúng quy định.

Qua quá trình nghiên cứu các văn bản hiện hành (Nghị định 24/2012/NĐ-CP, Thông tư 16/2012/TT-NHNN), đồng thời tiếp thu học hỏi có chọn lọc kinh nghiệm quản lý thị trường vàng của Trung Quốc, Ấn Độ Thái Lan và Mỹ, NCS thấy NHNN cần nghiên cứu ban hành “*Chính sách tổ chức và quản lý hoạt động XK, NK vàng*” quy định về tổ chức và quản lý hoạt động XK, NK vàng trang sức, mỹ nghệ nhằm mục đích thương mại; Hoạt động XK, NK vàng trang sức để tham gia hội chợ triển lãm quốc tế; Hoạt động XK, NK vàng nguyên liệu; Quản lý vàng của cá nhân mang theo khi xuất cảnh, nhập cảnh; Thuế XK, NK vàng...

Thứ hai, cần nới lỏng các điều kiện NK vàng, cho phép đánh thuế các DN nhập khẩu vàng ở mức phù hợp để đáp ứng nhu cầu tạm thời trong nước.

Theo quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP, NHNN độc quyền NK vàng nguyên liệu đã tạo nên sự chênh lệch khá lớn giữa cung và cầu vàng trong nước, dẫn đến nguy cơ nhập lậu vàng để đáp ứng nhu cầu trong nước. Để khắc phục tình trạng này, theo NCS cần nới lỏng các điều kiện NK vàng, cho phép đánh thuế các DN nhập khẩu vàng ở mức phù hợp. Tuy nhiên, cần có lộ trình cụ thể cho giải pháp này và chỉ nên thực hiện trong ngắn hạn, tránh tạo áp lực cho cán cân thanh toán quốc tế, cán cân XNK. Cụ thể, khi Việt Nam hội đủ các điều kiện để tự do hóa TTTC, NHNN nên nới lỏng, sau đó tiến tới tự do hóa hoạt động NK để thị trường trong nước và thế giới gắn kết với nhau, đưa giá vàng trong nước về sát với giá vàng thế giới.

Thứ ba, từng bước nới lỏng hoạt động XNK vàng.

Hiện nay, một số lượng lớn người dân Việt Nam vẫn giữ thói quen tiêu dùng và tích trữ vàng. Đây là lượng vàng không có khả năng sinh lời nên đã gây tổn thất lớn cho nền kinh tế. Chính vì vậy, Nhà nước cần có các biện pháp cụ thể để huy động được lượng “*vàng chết*” này (các giải pháp này sẽ được trình bày ở mục 4.3.2.4). Nếu khai thông được XK vàng, một lượng vốn lớn bằng vàng trong dân cư sẽ được huy động, chuyển thành ngoại tệ đầu tư trực tiếp phục vụ kinh doanh. Nhà nước cần phân bổ số lượng XK cho các đơn vị tùy theo năng lực và vốn pháp định. Đồng thời phải kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn chất lượng vàng được XK theo đúng quy định tại các văn bản luật. Chính phủ nên mở rộng thêm loại vàng được phép XK thay vì chỉ có vàng nguyên liệu và vàng trang sức như hiện nay.

Thứ tư, ban hành chính sách quản lý kho ngoại quan vàng phát huy vai trò của kho ngoại quan vàng.

Việc ra đời của kho ngoại quan giúp các nhà XNK vàng trong nước mua bán trực tiếp, giảm được chi phí vận chuyển hay bảo hiểm vì không phải thông qua

trung gian. Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam, kho ngoại quan vàng vẫn chưa phát huy được hiệu quả của nó, công suất sử dụng còn hạn chế. Do đó, để thúc đẩy hoạt động của kho ngoại quan, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động XNK vàng, Chính phủ cần nhanh chóng ban hành chính sách quản lý thích hợp.

Thứ năm, tăng cường chế tài xử phạt vi phạm đối với hành vi vi phạm.

Để hạn chế tình trạng nhập lậu vàng, cần có chế tài xử phạt thật nặng đối với các hành vi vi phạm. Tuy nhiên, như đã phân tích ở chương 3 thì hiện nay, chế tài xử phạt các hành vi nhập lậu vàng ở Việt Nam còn thấp nên chưa có tác dụng hạn chế, răn đe hành vi tiêu cực này (hiện nay mức phạt tối đa theo văn bản mới nhất của Chính phủ Nghị định 96/2014/NĐ-CP là 500 triệu đồng). Do đó, để ngăn chặn tình trạng nhập lậu vàng cần tăng cường chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm. Xuất phát từ mức phạt các vi phạm trong Luật thuế TNCN của Việt Nam, luận án đề xuất: Chính phủ cần tăng mức phạt tiền đối với hành vi XK, NK vàng mà không có giấy phép của NHNN. Theo đó, mức phạt của hành vi này là tịch thu tang vật, đồng thời đối tượng vi phạm phải nộp phạt thêm số tiền tương đương với giá trị buôn lậu, nhưng tối thiểu của hành vi này là 500 triệu đồng.

4.3.2.3. Hoàn thiện chính sách thuế đối với kinh doanh vàng

Thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN. Tuy nhiên, nếu chính sách thuế không hợp lý sẽ trở thành gánh nặng cho các DN, người dân... dẫn đến tình trạng trốn thuế, lậu thuế... Chính sách thuế liên quan đến thị trường vàng cần thực sự linh hoạt, phù hợp với mục tiêu điều hành, và đảm bảo cân đối lợi ích của các chủ thể tham gia thị trường.

Về chính sách thuế GTGT: Với mục đích ổn định thị trường vàng trong nước, đồng thời giảm lượng vàng dự trữ trong dân, việc áp thuế GTGT là cần thiết. Theo quy định tại Công văn số 323/TCT-CS, thuế GTGT của các cơ sở kinh doanh vừa có hoạt động kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý, vừa có hoạt động chế tác sản phẩm vàng bạc, đá quý tính theo phương pháp trực tiếp trên GTGT. Tuy nhiên, việc áp dụng cùng mức thuế suất đối với hoạt động SX, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ và hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng trang sức là không hợp lý. Theo NCS, đối với các loại vàng khác nhau (khác nhau về hàm lượng, về “tuổi vàng”) cần áp dụng mức thuế GTGT khác nhau. Từ kinh nghiệm của Trung Quốc trong quản lý SX, kinh doanh vàng miếng và vàng trang sức kết hợp với các quy định về thuế suất trong Luật thuế GTGT hiện hành ở Việt Nam hiện nay, đồng thời xuất phát từ quan điểm, vàng miếng là vàng tiền tệ, còn vàng trang sức là hàng hóa mang một giá trị gia tăng rất lớn từ dịch vụ chế tác nên NCS đề xuất mức thuế suất thuế

GTGT đối với vàng miếng nên ở mức 5%, còn thuế suất thuế GTGT đối với vàng trang sức nên ở mức 10%.

Về chính sách thuế TTĐB: Thuế TTĐB là thuế gián thu đánh vào việc tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đặc biệt. Người tiêu dùng những hàng hóa chịu thuế TTĐB sẽ phải trả nhiều tiền hơn cho việc tiêu dùng những hàng hóa, dịch vụ này. Vì vậy, việc áp dụng thuế TTĐB với vàng là một giải pháp có tác dụng hạn chế người dân mua bán, tích trữ vàng. Tuy nhiên, do tập quán nắm giữ vàng của người dân Việt Nam đã tồn tại từ rất lâu đời, không thể thay đổi trong một sớm một chiều nên cần hết sức thận trọng trong chính sách đưa ra. Hơn nữa, theo kinh nghiệm của Trung Quốc, Ấn Độ là 2 nước tiêu thụ vàng nhiều nhất thế giới song các nước này cũng không đánh thuế TTĐB. Trên cơ sở đó, theo NCS chỉ nên áp dụng thuế TTĐB đối với cá nhân mua bán, cất trữ vàng miếng.

4.3.2.4. Hoàn thiện chính sách huy động vàng trong dân

Theo số liệu khảo sát ở chương 3, hiện nay lượng vàng dự trữ trong dân ở Việt Nam vẫn còn rất lớn. Tuy nhiên, trong thời gian vừa qua, việc huy động và chuyển đổi vàng của các NHTM gặp nhiều bất cập, đòi hỏi Chính phủ và NHNN cần nghiên cứu tìm ra giải pháp huy động mới nhằm khai thác hiệu quả nguồn vốn lớn này giúp tăng DTNH, tăng nhanh vốn trong ngắn hạn phục vụ nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Để huy động vàng dự trữ trong dân, học tập và rút kinh nghiệm từ trường hợp của Ấn Độ, luận án đề xuất giải pháp phát hành chứng chỉ vàng. Thực tế giải pháp này đã được các NHTM ở Việt Nam áp dụng nhưng do chưa có sự nghiên cứu kỹ lưỡng nên cũng giống như Ấn Độ chúng ta đã bị thất bại do giá vàng biến động quá mạnh. Vì vậy, trong thời gian tới, cần hoàn thiện chính sách huy động vàng trong dân như sau:

- NHNN là chủ thể duy nhất được phát hành chứng chỉ vàng. Những chứng chỉ này được cầm cố khi có nhu cầu, được tự do chuyển nhượng và giao dịch ở thị trường thứ cấp. Ngoài ra, NHNN có thể ủy nhiệm giao dịch thông qua một số NHTM lớn như Vietcombank, Vietinbank, BIDV... để thuận tiện và giảm chi phí hoạt động.

- Khối lượng vàng giao dịch tính trên mỗi chứng chỉ là bội số của 1 lượng vàng.

- Giá vàng trên chứng chỉ được tính theo giá vàng do NHNN công bố tại thời điểm giao dịch. Tuy nhiên, giá vàng trên chứng chỉ sẽ được điều chỉnh 1 năm/1 lần nhưng không được tăng hoặc giảm vượt quá biên độ cho phép so với giá tại thời điểm mua chứng chỉ. Biên độ này sẽ được tính trên cơ sở bình quân gia quyền biến động của chỉ số giá vàng ở Việt Nam trong thời gian tối thiểu 3 năm gần nhất.

- Giá trị của chứng chỉ được tính trên cơ sở tích số của giá vàng với khối lượng giao dịch được niêm yết trên chứng chỉ.

- Thời hạn của chứng chỉ cần được nghiên cứu kỹ, nhưng luận án đề xuất tạm thời thời gian tối thiểu là 1 năm và tối đa là 3 năm do vàng là một hàng hóa có nhiều biến động về giá và rất phức tạp trên nhiều khía cạnh nên chính sách quản lý của Nhà nước đối với vàng cũng nên thường xuyên có sự điều chỉnh cho phù hợp.

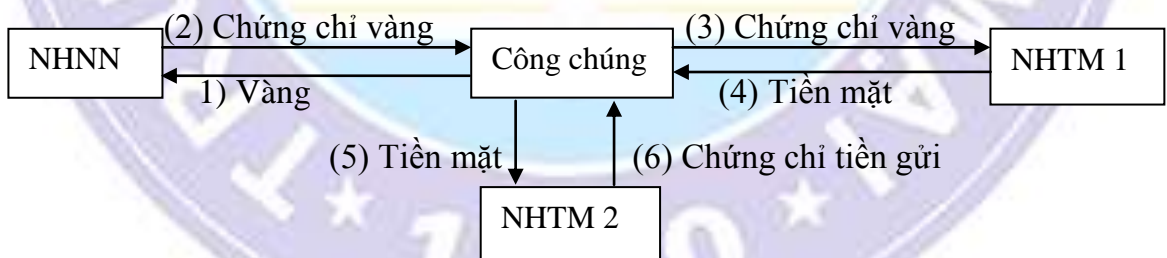
- NHNN có thể phát hành 2 loại chứng chỉ gồm: chứng chỉ có lãi suất và chứng chỉ không lãi suất. Người thụ hưởng chứng chỉ có lãi suất (thông thường bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ) sẽ được hưởng biên độ giao động giá nhỏ hơn so với chứng chỉ không lãi suất.

- Đối với những giao dịch có khối lượng lớn, biên độ giao động giá có thể được thương lượng giữa NHNN và cá nhân/tổ chức gửi vàng.

Với hình thức chứng chỉ mới này, quyền tích trữ vàng của người dân vẫn được đảm bảo trong khi nguồn vốn vẫn được lưu chuyển phục vụ hoạt động SX, kinh doanh và công tác điều hành của Nhà nước.

Đối với NHNN, do đây là đầu mối duy nhất phát hành và quản lý chứng chỉ vàng nên công tác chuyển đổi cũng được đảm bảo an toàn. Ngoài ra, NHNN khi thu hút được vàng về sẽ thực hiện chuyển đổi thành tiền thông qua giao dịch Swap, là một giao dịch phái sinh có rào chắn rủi ro, hạn chế được nguy cơ biến động giá mạnh dẫn đến rủi ro thanh khoản.

Quy trình giao dịch đối với chứng chỉ vàng được mô tả như sau:



Để nâng cao tính khả thi của giải pháp này, NHNN cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro khi giá vàng biến động nhằm đảm bảo an toàn cho người dân khi mua chứng chỉ vàng do NHNN phát hành. Cụ thể: Khi NHNN chuyển đổi từ số vàng huy động được trong dân sang tiền để phục vụ nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế thì ngay lập tức nên tiến hành mua kỳ hạn vàng qua tài khoản (với mức giá bằng hoặc thấp hơn giá đã chuyển đổi) để hạn chế rủi ro trong trường hợp giá vàng tăng.

Tuy nhiên, nhược điểm của giải pháp là: (1) Các chứng chỉ vàng có khả năng bị làm giả; (2) Để tính toán được một biên độ giao động giá vừa tạo được sự hấp dẫn đối với người mua chứng chỉ, vừa đảm bảo hạn chế tối đa rủi ro biến động giá thực sự là một bài toán khó đối với NHNN; (3) Dù áp dụng giao dịch phái sinh trong hoạt động chuyển vàng thành tiền và biên độ giá trong hợp đồng nhưng hoạt động phát hành chứng chỉ vàng vẫn chịu những rủi ro nhất định về tỷ giá và giá vàng do cung - cầu thị trường và những yếu tố tác động khác mang lại; (4) Có thể gây khó khăn trong điều hành CSTT, bởi việc phát hành chứng chỉ vàng sẽ làm tăng bên có trên bảng cân đối của NHTW, đồng thời tăng tài sản nợ là chứng chỉ vàng. Khi người dân có chứng chỉ vàng và chiết khấu tại các NHTM sẽ làm tăng cung tiền trong lưu thông, từ đó có thể gây ra hiện tượng lạm phát cho nền kinh tế.

Trước những nhược điểm nêu trên, đòi hỏi NHNN trong quá trình triển khai phát hành chứng chỉ vàng cần tiếp tục nghiên cứu để tìm ra giải pháp hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực đó. Mặt khác, do thuộc tính tích trữ vàng cổ hữu của người dân Việt Nam nên hiện nay có thể khẳng định lượng vàng trong dân vẫn còn rất lớn, song trên thực tế Chính phủ cũng như các bộ, ngành có liên quan chưa có biện pháp để ước lượng được lượng vàng này nên việc quản lý gặp khó khăn. Trong ngắn hạn, Chính phủ cần kiểm soát được lượng vàng dự trữ này, từ đó có những tính toán chính xác nhằm đề xuất chính sách quản lý phù hợp với thị trường.

4.3.2.5. Các chính sách hỗ trợ khác

a. Chính sách quản lý thị trường vàng trang sức, mỹ nghệ

Mặc dù vàng trang sức, mỹ nghệ không thuộc phạm vi nghiên cứu của luận án nhưng xuất phát từ quan điểm: Các phân đoạn của thị trường vàng có sự liên thông nhất định. Sẽ không thể quản lý tốt thị trường vàng miếng, thị trường vàng tài khoản nếu không đề cập đến sự liên thông, tác động nhất định của thị trường vàng trang sức, mỹ nghệ đến 2 phân đoạn thị trường vàng này. Do vậy, cần nghiên cứu giải pháp quản lý thị trường vàng trang sức, mỹ nghệ nhằm đảm bảo cho thị trường vàng nói chung, hoạt động kinh doanh vàng (vàng miếng và vàng tài khoản) nói riêng phát triển một cách ổn định và bền vững.

Theo quy định tại Nghị định 24/2012/NĐ-CP, NHNN độc quyền XNK vàng nguyên liệu cho SX vàng miếng và vàng trang sức, mỹ nghệ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn xảy ra trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng vàng nguyên liệu, cụ thể: NHNN cung ứng vàng nguyên liệu cho các chủ thể đáng lẽ để SX vàng trang sức,

mỹ nghệ nhưng thực chất các chủ thể đó lại dùng vào việc SX, kinh doanh vàng miếng - vàng tiền tệ. Hành vi này vừa vi phạm quy định của Nghị định 24/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh vàng miếng, vừa gây ra sự mất ổn định trên thị trường vàng nói chung và hoạt động kinh doanh vàng vật chất nói riêng. Vì vậy, để đảm bảo nguồn nguyên liệu này được sử dụng đúng mục đích, NHNN cần phải thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra để quản lý chặt chẽ nguồn cung ứng nguyên liệu SX vàng trang sức. Mặt khác, cần ban hành chế tài xử phạt đối với các trường hợp vi phạm, cụ thể như sau: Phạt tịch thu tang vật và nộp tiền phạt tương đương với giá trị tang vật nếu vi phạm lần đầu; Phạt tước giấy phép SX và kinh doanh vàng trang sức nếu vi phạm lần tiếp theo.

b. Chính sách quản lý vàng thuộc dự trữ ngoại hối nhà nước

Thực tế nghiên cứu ở chương 3 cho thấy, hiện nay mức độ hiệu quả và hợp lý của chính sách quản lý vàng thuộc DTNH của Nhà nước còn thấp. Do vậy, NHNN nên gia tăng tỷ lệ vàng cũng như số lượng vàng dự trữ tuyệt đối trong tổng DTNHNN đạt đến mức hợp lý.

Bắt nguồn từ việc lượng DTNH của Việt Nam hiện nay chưa thực sự lớn và không tương xứng với quy mô phát triển của thị trường vàng, đồng thời xuất phát từ kinh nghiệm của Ấn Độ, NCS đề xuất tăng tỷ lệ dự trữ vàng ở nước ta lên ngang mức bình quân của thế giới là khoảng 9-11% tổng quy mô DTNHNN [59]. Vì theo nghiên cứu của các chuyên gia, nếu tăng DTNH bằng vàng sẽ hạn chế được phần nào rủi ro chênh lệch giá vàng và tăng tính chủ động trong các hoạt động đấu thầu của NHNN. Tuy nhiên, trong trường hợp chưa thể thay đổi ngay lập tức cơ cấu DTNH theo mục tiêu trên, NHNN cần xem xét quy định lượng DTNH theo số tuyệt đối đảm bảo cho NHNN có đủ nguồn lực để can thiệp thị trường vàng khi có những biến động xấu. Trong dài hạn, theo kinh nghiệm của Trung Quốc khi quy mô DTNH đã tăng đến một mức nhất định, NHNN có thể duy trì tỷ lệ DTNH tương tự như một số nước trong khu vực từ 3-5% [59], song vẫn cần phải có những quy định song hành liên quan đến lượng vàng tuyệt đối tối thiểu phải đạt được trong dự trữ.

Mặt khác, hiện nay quy định về vàng tiêu chuẩn quốc tế trong Pháp lệnh Ngoại hối ở Việt Nam⁵ đang có sự khác biệt so với quốc tế. Vì vậy, để phân định rõ hai hoạt động: SX vàng trang sức, mỹ nghệ (hàng hóa thông thường) hay SX vàng

⁵ Theo Pháp lệnh Ngoại hối vàng tiêu chuẩn quốc tế là vàng được xuất khẩu, nhập khẩu dưới dạng khối, thỏi, hạt, miếng của các TCTD và các DN được phép kinh doanh vàng theo quy định của NHNN.

tiền tệ, qua đó giúp quản lý tốt hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng, cần hoàn thiện quy định về vàng tiền tệ theo tiêu chuẩn quốc tế trong Pháp lệnh ngoại hối. Theo đó, vàng đạt tiêu chuẩn quốc tế phải thỏa mãn 3 điều kiện sau: Là vàng khối, thỏi, nặng từ 1 kilogram trở lên; Chất lượng từ 99,5% trở lên; Có giấy chứng nhận của Sở giao dịch vàng quốc tế hoặc Hiệp hội vàng thế giới.

4.4. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu lực pháp lý của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

Thị trường vàng là một thị trường rất phức tạp đòi hỏi Quốc hội, Chính Phủ, các cơ quan quản lý nhà nước phải có một hệ thống chính sách quản lý đồng bộ để có một thị trường vàng phát triển đầy đủ và ổn định. Để phát huy có hiệu quả các chính sách đó cần có sự phối kết hợp chặt chẽ của các cơ quan chức năng.

4.4.1. Giải pháp đối với Quốc hội và Chính phủ

4.4.1.1. Đối với Quốc hội

Ở hầu hết các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam, Quốc hội là cơ quan lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Để chính sách quản lý thị trường vàng nói chung và các hoạt động kinh doanh vàng nói riêng có thể hoàn thiện theo định hướng trình bày ở mục 4.3, Quốc hội cần:

* Hoàn thiện quy trình ban hành chính sách quản lý đối với hoạt động kinh doanh vàng. Cụ thể:

- Tăng cường và nâng cao chất lượng khâu phát hiện vấn đề làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách: Các ý tưởng hoạch định chính sách ngoài xuất phát từ các cơ quan nhà nước được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý (Chính phủ, NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Công thương...) cần có sự tham gia ý kiến của chính đối tượng thụ hưởng chính sách (DN kinh doanh vàng, các NHTM, các nhà đầu tư kinh doanh vàng...).

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả của khâu hoạch định chính sách: Trên cơ sở các ý kiến đã thu thập được ở khâu phát hiện vấn đề, Quốc hội giao cho Chính phủ nghiên cứu tìm ra hạn chế, khiếm khuyết và nguyên nhân của vấn đề, tạo đầy đủ căn cứ khoa học và thực tiễn để hoàn thiện chính sách nhằm đảm bảo các yêu cầu, mục tiêu, tiêu chí đánh giá sự hoàn thiện của chính sách. Muốn vậy, trong công đoạn này cần trả lời được các câu hỏi sau: Vấn đề bất cập đang đặt ra trong phát triển thị trường vàng nói chung và các hoạt động kinh doanh vàng nói riêng là gì? Đây là nguyên nhân chính của vấn đề? Để xử lý nguyên nhân đó, thì giải pháp đề ra

là gì? Giải pháp được đề ra có tính khả thi, có phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hay không (đứng cả trên góc độ của người ban hành và góc độ của người thụ hưởng chính sách)?

- Đẩy mạnh công tác đánh giá chính sách sau khi triển khai thực thi chính sách làm cơ sở để điều chỉnh, hoàn thiện chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế và hoạch định chính sách cho thời gian tiếp theo.

* Nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi đại biểu quốc hội trong góp ý, biểu quyết ban hành chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng, trên cơ sở tăng cường giám sát chất lượng đại biểu quốc hội của toàn cộng đồng.

Thực tế cho thấy, ở các kỳ họp quốc hội, có một số đại biểu quốc hội chưa phát huy hết trách nhiệm của mình trong việc đưa ra các chính kiến góp phần xây dựng, hoàn thiện chính sách. Vì vậy, cần có cơ chế, biện pháp cụ thể nhằm tăng cường giám sát cộng đồng, tăng cường hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu quốc hội.

* Đặt ra các yêu cầu và lộ trình cụ thể cho Chính phủ trong xây dựng dự thảo các văn bản quản lý thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng nhất là các chính sách cơ bản sau:

- Giao cho Chính phủ chỉ thị các bộ, ngành liên quan (NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Công an, Tổng cục Hải quan, Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam...) sớm phối hợp để đưa ra chính sách và các giải pháp nhằm xây dựng thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng theo hướng ổn định và phát triển bền vững.

- Giao cho Chính phủ ban hành các chính sách quản lý thị trường vàng nói chung và các hoạt động kinh doanh vàng nói riêng theo đúng định hướng, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thị trường vàng và của nền KT-XH.

- Giao cho Chính phủ chỉ thị các bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các chính sách (tài chính, tiền tệ...) nhằm ổn định môi trường kinh tế vĩ mô (giá cả, lạm phát, lãi suất...), góp phần tạo điều kiện cho sự phát triển của thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng theo đúng lộ trình đã đặt ra.

Tóm lại, Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động quản lý kinh doanh vàng của Nhà nước nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường phát triển ổn định và hiệu quả, đồng thời có những quyết định điều chỉnh khi cần thiết.

4.4.1.2. Đối với Chính phủ

Trên cơ sở Nghị quyết cũng như Quyết định của Quốc hội, Chính phủ là cơ quan hành pháp thực hiện ban hành các quy định nhằm quản lý hoạt động kinh

doanh vàng. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng, Chính phủ cần:

- Chỉ thị các bộ, ngành có liên quan (NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Công thương) tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các chính sách điều tiết các hoạt động của nền KT-XH nhằm góp phần ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, từ đó tạo điều kiện cho thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng phát triển một cách an toàn, bền vững theo đúng lộ trình đã đặt ra.

- Tiến hành nghiên cứu ban hành chính sách (Nghị định, Quyết định) quản lý hoạt động kinh doanh vàng theo đúng định hướng của Quốc hội. Chính sách ban hành phải đúng thời điểm, điều kiện, hoàn cảnh chủ quan và khách quan, có như vậy mới phát huy hiệu quả trong quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường.

- Chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan (NHNN, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bộ Tài chính) nghiên cứu ban hành chính sách và thực hiện chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng theo đúng định hướng của Nhà nước, cụ thể:

+ Giao cho NHNN trên cơ sở Nghị định, Quyết định của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, nghiên cứu ban hành chính sách hướng dẫn thi hành, đồng thời trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên thị trường theo đúng định hướng của Chính phủ.

+ Giao cho Bộ Công thương nghiên cứu, sớm ban hành văn bản hướng dẫn việc thành lập, hoạt động của Sở giao dịch hàng hóa, trong đó có vàng để các DN kinh doanh vàng có thị trường bán buôn tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh và phòng ngừa rủi ro.

+ Giao cho Bộ Công thương phối hợp với Bộ Công an và Bộ Tài chính (cụ thể là Tổng cục Hải quan), chính quyền địa phương các cấp kiểm tra chống XNK vàng lậu, lách XK vàng miếng, thổi qua XK vàng trang sức có tỷ lệ vàng nguyên chất cao.

+ Giao cho Bộ Công an (cụ thể là Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm), Bộ Công thương phối hợp với NHNN để có chính sách phù hợp ngăn chặn các hành vi “lách luật” kinh doanh vàng qua tài khoản trái phép trên các sàn vàng “chui”.

+ Giao cho Bộ Tài chính (cụ thể là Tổng cục thuế) phối hợp với NHNN để có chính sách thuế phù hợp với hoạt động kinh doanh vàng trong nước, hoạt động XNK vàng theo yêu cầu điều hành CSTT trong từng thời kỳ.

+ Hỗ trợ và phối kết hợp với các tổ chức có liên quan như: các DN kinh doanh vàng, các NHTM, hiệp hội các nhà đầu tư, các tổ chức tuyên truyền, phát

thanh, truyền hình nhằm tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức về đầu tư kinh doanh vàng rộng rãi trong công chúng đầu tư. Các chương trình này cần thực hiện thường xuyên, có trọng tâm và mục đích rõ ràng.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của các thành viên Chính phủ (Tổng đốc NHNN, Bộ trưởng các Bộ Tài chính, Bộ Công thương...) trong việc đưa ra ý kiến góp ý, biểu quyết ban hành chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh, ti vi, internet...) nhằm nâng cao ý thức pháp luật nói chung, pháp luật về lĩnh vực kinh doanh vàng nói riêng của mỗi người dân (là các chủ thể thụ hưởng chính sách), không chỉ là ý thức trong việc chấp hành chính sách mà còn bao gồm cả ý thức trong việc tham gia xây dựng, góp ý để hoàn thiện chính sách...

4.4.2. Giải pháp đối với NHNN và các bộ, ngành có liên quan

*** Đối với NHNN**

NHNN tham gia vào thị trường vàng không phải là kinh doanh, mà là một biện pháp, một nghiệp vụ để quản lý thị trường. Để giúp ổn định và nâng cao hiệu quả của thị trường vàng nói chung và các hoạt động kinh doanh vàng nói riêng theo đúng định hướng của Nhà nước, NHNN cần:

- Đồng bộ các chính sách vĩ mô

Tác động của NHNN với việc ổn định giá cả, lãi suất, tỷ giá, hệ thống ngân hàng, thị trường ngoại hối... cũng có những ảnh hưởng quan trọng đến sự ổn định hay biến động của thị trường vàng. Do đó, khi thực hiện chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng, NHNN có thể đồng thời nghiên cứu các chính sách liên quan đến lạm phát, ngoại tệ, lãi suất... Từ đó, làm giảm các áp lực do lạm phát, tỷ giá tác động lên tâm lý người dân, khiến thị trường vàng ổn định hơn. Các chính sách đối với hệ thống ngân hàng cũng nên được thực hiện đồng bộ và khéo léo, tạo điều kiện để ngân hàng tham gia thị trường vàng một cách lành mạnh, không gặp rủi ro.

- Cùng cố niềm tin vào giá trị đồng tiền

Khi người dân mất niềm tin vào sự ổn định của đồng tiền sẽ chuyển sang giữa vàng, tạo ra sự liên thông tiêu cực giữa thị trường vàng với các thị trường hàng hóa khác như bất động sản, chứng khoán... Mặt khác, khi giá vàng trong nước tăng, cầu vàng, cầu ngoại tệ tăng làm tăng giá ngoại tệ, phá giá nội tệ, người dân càng trở nên mất niềm tin vào tiền đồng chuyển sang nắm giữ vàng. Vì vậy, cần có giải pháp

để củng cố niềm tin vào giá trị đồng tiền. Muốn vậy, NHNN phải thực hiện ổn định tỷ giá qua đó hướng tới mục tiêu cuối cùng là kiểm soát lạm phát, ổn định giá cả.

Năm 2014, cùng với các chính sách về tỷ giá, tín dụng và các công cụ lãi suất, NHNN đã thành công trong việc kiềm chế lạm phát ở mức 1 con số 1,86%, đây là mức lạm phát được ghi nhận là mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua [48]. Trong thời gian tới, để tiếp tục củng cố niềm tin của người dân vào Nhà nước, NHNN cần tiếp tục thực hiện chính sách kiềm chế lạm phát, đồng thời ổn định tỷ giá thông qua việc tiếp tục kiểm chế nhập siêu trên cơ sở tăng XK, kiểm soát NK... Ngoài ra, tiếp tục thực hiện ổn định giá vàng, giảm thiểu chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới nhằm tránh tình trạng nhập lậu, đầu cơ...

** Đối với Bộ Tài chính*

Trong điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế XH, thuế được coi là một trong những công cụ quan trọng và hữu hiệu. Tuy nhiên, thuế được xem như một “con dao hai lưỡi”. Nếu chính sách thuế không hợp lý sẽ trở thành gánh nặng cho người dân, các DN dẫn đến tình trạng trốn thuế, thất thu thuế... làm thiệt hại trực tiếp đến NSNN. Thuế liên quan đến quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh vàng cũng không nằm ngoài quy luật đó. Chính sách thuế liên quan đến thị trường vàng cũng cần thực sự linh hoạt, phù hợp với mục tiêu điều hành nhưng cũng cần phải cân đối lợi ích hài hòa của các chủ thể tham gia thị trường. Do vậy, trong quản lý thị trường vàng, Bộ Tài chính cần phối hợp với NHNN để ban hành các chính sách thuế phù hợp, đồng bộ với mục tiêu quản lý thị trường vàng của Nhà nước. Với các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế đối với kinh doanh vàng như đã nêu ở phần 4.3.2.3, Bộ Tài chính cần nghiên cứu để hoàn thiện chính sách Thuế GTGT, Thuế TTĐB đối với hoạt động kinh doanh vàng.

** Đối với các bộ, ngành liên quan khác*

- Hiện nay, các DN kinh doanh vàng đang gặp nhiều khó khăn trong việc điều khiển nguồn cung vàng của mình do các chính sách chưa thông thoáng. Quy trình quản lý nguồn cung vàng của NHNN gặp nhiều trở ngại phức tạp. Do vậy, bên cạnh việc ban hành biểu thuế linh hoạt hơn đối với vấn đề XNK vàng, Bộ Tài chính, Bộ Công thương... nên ban hành các quy tắc làm đơn giản thủ tục hành chính, phối hợp với các chính sách của NHNN để từ đó, DN có những điều kiện thuận lợi hơn, tự chủ hơn với nguồn vàng nguyên liệu của mình.

- Bộ Tài chính, Bộ Công thương, UBCKNN cần phối hợp để sớm sửa đổi các chính sách hiện hành về kinh doanh chứng khoán, bất động sản... đồng thời đưa ra

các chính sách phát triển hiệu quả hơn với các thị trường này, giải quyết các khó khăn đang tồn tại như tài sản đóng băng, nợ xấu... vừa có tác dụng giải phóng hoạt động chung của nền kinh tế, mặt khác giảm sức nóng quá lớn đối với thị trường vàng, giúp thị trường vàng dần ổn định.

- Các cơ quan chức năng như Cục Quản lý thị trường (Bộ Công thương), Tổng cục Hải quan, lực lượng công an... cần hỗ trợ NHNN trong việc thanh tra, giám sát thị trường, xử lý nhanh chóng và nghiêm minh các trường hợp vi phạm quy định về kinh doanh vàng, làm trong sạch thị trường.

- Bộ phận Hải quan, quản lý cửa khẩu thực hiện nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, nhanh chóng phát hiện và xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận trong XNK vàng, lợi dụng chính sách XNK vàng thực hiện các hành vi “tẩy rửa vàng”, hợp thức hóa các nguồn vàng không rõ ràng, không được NHNN kiểm soát.

- Để đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng, các cơ quan chức năng phải thường xuyên kiểm tra phương tiện đo đạc, giám định tuổi vàng tại mọi DN, cửa hàng kim hoàn; thành lập tổ chức kiểm định quốc giá với các chuyên gia và phương tiện chuẩn, hiện đại... để thực hiện có hiệu quả công việc giám sát.

- Tăng cường phối hợp giữa NHNN với Tổng cục Hải quan và Bộ Công thương để kiểm soát ngăn chặn tình trạng nhập lậu vàng.

Trong công tác phòng chống buôn lậu vàng, một trong những nguyên nhân khiến nạn nhập lậu vàng vẫn tồn tại là do sự phối hợp thiếu đồng bộ giữa các cơ quan hữu quan. NHNN không thể kiểm soát được mọi giao dịch qua biên giới hay giám sát trên thị trường mà chức năng này thuộc về các cơ quan chuyên ngành như Tổng cục Hải quan, Bộ Công thương... Mặc dù trong nhiều năm qua, WGC đánh giá Việt Nam là một trong những nước tiêu thụ rất nhiều vàng lậu nhưng trên thực tế, số vụ buôn lậu vàng bị phát hiện chưa nhiều.

Để chấm dứt tình trạng buôn lậu vàng, bên cạnh việc tạo thông thoáng hơn cho các hoạt động NK vàng chính ngạch, các bộ, ngành liên quan gồm NHNN, Tổng cục Hải quan, Bộ Công thương (cụ thể là Cục Quản lý thị trường) cần có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất về đường lối và chính sách quản lý, cùng nhau rà soát nguồn gốc xuất xứ vàng, thiết lập chế tài đối với hành vi kinh doanh vàng không rõ xuất xứ nhằm giúp lành mạnh thị trường vàng. Để phát hiện vàng lậu, các cơ quan chức năng có thể căn cứ vào hóa đơn xuất hành hoặc phiếu xuất kho kiêm hóa đơn vận chuyển nội bộ, nhờ vậy có thể giám sát được nguồn vàng vào - ra tại các đơn vị

kinh doanh có quy mô nhỏ. Đối với các DN lớn, để tránh hiện tượng “*quay vòng hóa đơn*”, cơ quan chức năng có thể yêu cầu các DN kê khai chi tiết hóa đơn NK, lấy đó làm căn cứ đối chiếu với lượng hàng nhập thực tế. Mặc dù thủ tục này có phần phức tạp song có thể hạn chế được tối đa nguy cơ NK vàng lậu ở Việt Nam.

** Đối với các nhà hoạch định chính sách*

Trong chu trình chính sách, đối tượng có ảnh hưởng nhiều nhất có tính quyết định đến tính khả thi và hiệu quả của một chính sách đó là nhà hoạch định chính sách thuộc các tổ chức pháp chế của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Để hoạch định được một chính sách toàn diện, có tác động tích cực và có hiệu quả cao trong quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng cần có một đội ngũ cán bộ hoạch định có đầy đủ phẩm chất, năng lực hoạch định chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Muốn vậy, cần đào tạo được những cán bộ hoạch định chính sách ở tầm chiến lược có năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, có kỹ năng giám sát, đánh giá, phát hiện vấn đề từ các thông tin, báo cáo tình hình hoạch định. Bên cạnh đó, cần có đội ngũ cán bộ hoạch định có chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh vàng, có kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đề xuất phương án chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng phù hợp với điều kiện, tình hình và thực tế phát triển thị trường trong từng thời kỳ.

4.4.3. Các giải pháp hỗ trợ khác

** Đối với Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam*

Để hoạt động kinh doanh vàng phát triển ổn định, ngoài vai trò quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước rất cần đến vai trò của Hiệp hội kinh doanh Vàng Việt Nam. Sự hoạt động của Hiệp hội sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao đạo đức nghề nghiệp của các thành viên thông qua việc xây dựng, phổ biến và giám sát các quy tắc đạo đức hành nghề; Phối hợp với các cơ quan quản lý thực hiện giám sát, chất lượng của các kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh; Phối hợp giám sát chất lượng công bố thông tin của các thành viên... Tích cực chủ động của Hiệp hội trong việc phối hợp với các thành viên của hội để xây dựng, ban hành và giám sát các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các NHTM... là yếu tố quan trọng góp phần đảm bảo cho hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam phát triển an toàn và bền vững.

Ngoài ra, Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam cũng cần phát huy vai trò của mình trong việc tham gia phát hiện những bất cập, mâu thuẫn, hạn chế trong chính

sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra những góp ý để xây dựng, hoàn thiện chính sách.

** Đối với các chủ thể kinh doanh vàng*

Để góp phần tích cực vào việc hoàn thiện chính sách và sự phát triển bền vững của thị trường vàng Việt Nam, các chủ thể kinh doanh vàng (các DN kinh doanh vàng và các NHTM) cần quan tâm giải quyết các vấn đề sau:

- Chủ động tham gia vào quá trình đánh giá chính sách: Các chủ thể kinh doanh vàng trong quá trình thụ hưởng chính sách nếu phát hiện vấn đề có thể thông qua Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam hoặc trực tiếp phản ánh những bất cập của chính sách tới các cơ quan quản lý nhà nước nhằm góp phần hoàn thiện chính sách.

- Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật về lĩnh vực kinh doanh vàng nói riêng để tự bảo vệ chính mình, đảm bảo hoạt động đúng pháp luật, góp phần minh bạch hóa thị trường, đảm bảo cho thị trường phát triển một cách an toàn, hiệu quả và bền vững.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực và cơ cấu đội ngũ cán bộ hợp lý, đủ khả năng tiếp cận và khai thác các dịch vụ kinh doanh vàng.

- Trang bị một hệ thống cung cấp thông tin hiệu quả, tức thời, thiết lập hệ thống nối mạng với các hãng truyền thông tài chính nổi tiếng trên thế giới như Reuters, Bloomberg... để đáp ứng nhu cầu thông tin cho khách hàng.

- Ứng dụng công nghệ thông tin như: Các phần mềm chuyên dùng cho việc định giá, tính phí quyền chọn, hỗ trợ việc theo dõi hạn mức giao dịch của nhân viên kinh doanh và hạn mức khách hàng; Các phần mềm kỹ thuật hiện đại dùng cho việc phân tích, dự đoán xu hướng giá, để giúp đơn giản hóa các khâu trung gian xử lý số liệu theo cách truyền thống, tiết kiệm thời gian làm việc, đồng thời mang lại hiệu quả và độ chính xác cao.

** Đối với các nhà đầu tư kinh doanh vàng*

Các nhà đầu tư kinh doanh vàng cần nhận thức đầy đủ trách nhiệm của cá nhân trong việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng nói chung và đối với hoạt động kinh doanh vàng nói riêng. Ngoài ra, để ổn định tâm lý đầu tư, hạn chế rủi ro cho chính mình, nâng cao trình độ và nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhà đầu tư kinh doanh vàng là vấn đề quan trọng. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức có hiệu quả sẽ giúp nhà đầu tư tự nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc bồi dưỡng, học tập, nâng cao trình độ, ổn định tâm lý đầu tư, giúp họ có thể tự mình đánh giá được

các yếu tố tác động đến giá vàng, tự đánh giá được đâu là thông tin chính xác, đâu là những tin đồn thất thiệt, sớm phát hiện các thông tin “kém” chất lượng để tự bảo vệ mình trước những sóng gió, những cơn lốc trên thị trường vàng, bình tĩnh tự tin trước các quyết định đầu tư vàng để giảm thiểu thiệt hại trong đầu tư.

TÓM TẮT CHƯƠNG 4

Trong thời gian gần đây, trước những diễn biến hết sức phức tạp của thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng, cùng những nhân định về triển vọng phát triển kinh tế của thế giới và Việt Nam đến năm 2020 và những năm tiếp theo, để phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế của Việt Nam, phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, luận án đã đề xuất hàng loạt các chính sách, biện pháp đồng bộ nhằm xây dựng thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng minh bạch, ổn định và ngày càng hoàn thiện; tránh tối đa những tác động tiêu cực đến các chỉ số kinh tế vĩ mô.

Xuất phát từ thực trạng về hoạt động kinh doanh vàng của thị trường vàng trong nước đã được phân tích ở trên, căn cứ vào định hướng chỉ đạo của Đảng và Chính phủ về quản lý thị trường vàng, trong thời gian tới, khung pháp lý về quản lý thị trường vàng phải dựa trên quan điểm quản lý về tập quán, quyền lợi của người dân; tổ chức thị trường vàng; ảnh hưởng của biến động giá đến các chỉ số kinh tế vĩ mô; ngăn chặn tình trạng “vàng hóa”; huy động nguồn vàng trong dân; vai trò quản lý và điều tiết thị trường vàng của Nhà nước.

Để thị trường vàng phát triển ổn định, trong dài hạn chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng cần hoàn thiện theo các định hướng sau:

- Thứ nhất, đối với thị trường vàng vật chất: *(i) Cần xây dựng chính sách phát triển sàn giao dịch vàng vật chất; (ii) Có chính sách phát triển hình thức quỹ đầu tư vàng.*

- Thứ hai, đối với thị trường vàng qua tài khoản: *Cần xây dựng mô hình Sàn giao dịch vàng quốc gia dựa vào kinh nghiệm của Trung Quốc*

- Thứ ba, đối với hoạt động phái sinh về vàng: *(i) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy tạo hành lang cho hoạt động phái sinh vàng phát triển; (ii) Quy định khái niệm chính thức và các loại hình phái sinh vàng được phép kinh doanh vàng cụ thể ở Việt Nam; (iii) Có tiêu chuẩn chặt chẽ về đăng ký tham gia loại hình kinh doanh dịch vụ phái sinh vàng; (iv) Cụ thể hóa các quy định về trách nhiệm liên đới giữa Sàn giao dịch vàng do NHNN thành lập với hoạt động phái sinh vàng của các chủ thể tham gia kinh doanh; (v) Quy định về quy trình giao dịch cho*

từng nghiệp vụ kinh doanh vàng phái sinh theo lộ trình phát triển của thị trường vàng và điều kiện của Việt Nam.

- Thứ tư, đối với quản lý thị trường giao dịch: *Cần nghiên cứu xây dựng các chính sách có nội dung cụ thể, thống nhất về mô hình tổ chức thị trường vàng, bộ máy quản lý điều hành thị trường, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể quản lý...*

Nhằm hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, trong chương này luận án đã đề xuất một số định hướng hoàn thiện chính sách cho từng lĩnh vực kinh doanh vàng: *Hoàn thiện các quy định đối với hoạt động kinh doanh vàng miếng; Hoàn thiện chính sách XNK vàng; Hoàn thiện chính sách huy động vàng trong dân; Hoàn thiện chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh vàng.* Luận án cũng đề xuất các giải pháp đối với Quốc hội, Chính phủ, NHNN, Bộ Tài chính, Hiệp hội kinh doanh vàng Việt Nam... nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu lực pháp lý của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam.

Để đưa ra được chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng tối ưu trong từng thời kỳ, Việt Nam cần xác định rõ ràng những định hướng thị trường trên cơ sở kết hợp khéo léo, hài hòa và có chọn lọc những “*tinh hoa kinh nghiệm*” của các quốc gia trên thế giới.

KẾT LUẬN

Thời gian qua, thị trường vàng Việt Nam đã trải qua rất nhiều biến động về giá cả, cơ cấu và hoạt động thị trường. Các cơ quan quản lý nhà nước phải đối mặt với không ít khó khăn trong việc đưa ra các chính sách nhằm can thiệp thị trường một cách có hiệu quả. Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu luận án “*Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay*” đã tập trung nghiên cứu và thực hiện được các mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra.

Thứ nhất, làm rõ các luận cứ khoa học về thị trường vàng, các hoạt động kinh doanh vàng và chính sách quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng trong nền KTTT. Trong đó, NCS đã tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm, cấu trúc, các chủ thể tham gia thị trường vàng, khái niệm và các hình thức kinh doanh vàng; Khái niệm, mục tiêu, vai trò chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; Nội dung và chu trình chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng; Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng; Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng.

Thứ hai, thông qua phân tích chính sách đối với thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng của các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan và Mỹ theo từng lĩnh vực quản lý, luận án đã rút ra bài học kinh nghiệm có giá trị dành cho Việt Nam về chính sách quản lý các hoạt động kinh doanh vàng trong bối cảnh kinh tế vĩ mô bất ổn, chính sách quản lý lĩnh vực XNK vàng. Để đưa ra được các chính sách quản lý chặt chẽ và hiệu quả đối với hoạt động kinh doanh vàng, Việt Nam cần vận dụng khéo léo, hài hòa và có chọn lọc những kinh nghiệm từ các nước.

Thứ ba, đánh giá thực trạng thị trường vàng, các hoạt động kinh doanh vàng, diễn biến giá thị trường vàng ở Việt Nam trong 2 giai đoạn: giai đoạn trước năm 2010 và giai đoạn 2010 - 2014; thực trạng các chủ thể kinh doanh vàng và các hình thức kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, phân tích, đánh giá một cách toàn diện, có hệ thống các tác động của chính sách quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng trong quá khứ, của Nghị định 24/2012/NĐ-CP và Thông tư 16/2012/TT-NHNN cùng các văn bản có liên quan theo từng lĩnh vực quản lý.

Thứ năm, trên cơ sở điều tra xã hội từ các nhà quản lý thị trường và nhà hoạch định chính sách, các tổ chức kinh doanh vàng (DN và các NHTM), xử lý kết quả điều tra bằng phần mềm SPSS, kết hợp với các nghiên cứu định tính, NCS đã đưa ra một số nhận xét, đánh giá về thực trạng chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng ở Việt Nam thời gian qua theo các tiêu chí đề ra ở chương 2, đồng thời chỉ ra một số hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam. Các phân tích dựa trên các số liệu thống kê trung thực từ hoạt động thực tiễn nên có giá trị tham khảo cao.

Thứ sáu, trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng chính sách quản lý thị trường vàng ở Việt Nam, dựa trên các kinh nghiệm quốc tế, mục tiêu phát triển thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng giai đoạn 2015 - 2020, luận án đã đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Hoàn thiện luận án này, NCS mong muốn đóng góp một phần kiến thức của mình trong việc đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm quản lý có hiệu quả thị trường vàng ở Việt Nam. Tuy nhiên, do hạn chế về năng lực nghiên cứu, về nguồn số liệu và tính nhạy cảm của thị trường, luận án không tránh khỏi những khiếm khuyết. NCS mong nhận được sự góp ý của các nhà quản lý cũng như của các nhà khoa học để công trình nghiên cứu trở nên hoàn thiện hơn, giúp NCS có thể lĩnh hội được kiến thức sâu rộng hơn về lĩnh vực nghiên cứu.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thanh Huyền (2012), *Chính sách quản lý nhà nước đối với thị trường vàng trong giai đoạn hội nhập*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế.
2. Nguyễn Thanh Huyền (2014), *Ảnh hưởng của Nghị định 24/NĐ-CP đến thị trường vàng Việt Nam và một số giải pháp hoàn thiện chính sách*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế.
3. Nguyễn Thanh Huyền (2014), *Kinh nghiệm một số nước về quản lý thị trường vàng và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Tạp chí Ngân hàng số 11/2014.
4. Nguyễn Thanh Huyền (2014), *Kinh nghiệm quản lý thị trường vàng của Trung Quốc - Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học khoa Tài chính - Ngân hàng và khoa Đào tạo quốc tế, Trường Đại học Thương Mại.
5. Nguyễn Thanh Huyền (2014), *Phát triển thị trường vàng ổn định và bền vững*, Tạp chí Kinh tế và dự báo số 16/2014.
6. Nguyễn Thanh Huyền (2014), *Chính sách quản lý của Ngân hàng nhà nước đối với hoạt động mua bán vàng miếng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài NCKH cấp cơ sở, Trường Đại học Thương Mại
7. Nguyễn Thanh Huyền (2014), *Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán vàng miếng của các doanh nghiệp kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài NCKH cấp khoa, Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Thương Mại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Văn Anh (2011), *Giải pháp quản lý thị trường vàng ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học, ngành Ngân hàng.
2. Đinh Nho Bằng (2001), *Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học, ngành Ngân hàng.
3. Bộ Khoa học Công nghệ, Thông tư 22/2013/TT-BKHHCN ngày 26/9/2013 quy định về *Quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường vàng*.
4. Bộ Tài Chính, Thông tư 182/2010/TT-BTC ngày 12/11/2010 *Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mặt hàng vàng trong biểu thuế nhập khẩu ưu đãi*.
5. Bộ Tài Chính, Thông tư 184/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 quy định *Mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế*.
6. Bộ Tài Chính, Thông tư 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về việc ban hành *Biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế*.
7. Phạm Ngọc Côn (2005), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
8. Chính phủ, Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 9/12/1999, Nghị định của Chính phủ về *Quản lý hoạt động kinh doanh vàng*.
9. Chính phủ, Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003, Nghị định của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP của Chính phủ về *Quản lý hoạt động kinh doanh vàng*.
10. Chính phủ, Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*.
11. Chính phủ, Nghị định 95/2011/NĐ-CP ngày 20/10/2011, Nghị định của Chính phủ *Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 202/2004/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng*.
12. Chính phủ, Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 25/5/2012, Nghị định của Chính phủ về *Quản lý hoạt động kinh doanh vàng* thay thế Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 1999.

13. Chính phủ, Nghị định 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng thay thế Nghị định 95/2011/NĐ-CP và Nghị định 202/2004/NĐ-CP.*

14. Chính phủ, Thông báo 369/2009/TB-VPCP yêu cầu *Bãi bỏ kinh doanh vàng trên tài khoản ở trong nước dưới mọi hình thức.*

15. Chính phủ, Quyết định 16/2013/QĐ-TTg ngày 04/03/2013 về việc *Mua, bán vàng miếng trên thị trường của NHNN Việt Nam.*

16. Chính phủ, Quyết định 08/2014/QĐ-TTg ngày 22/1/2014 về việc *Miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với vàng nguyên liệu xuất, nhập khẩu của NHNN Việt Nam.*

17. Nguyễn Thị Thanh Hương (2011), *Giải pháp nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng*, Tạp chí Ngân hàng số 3,4/2011.

18. Nguyễn Thị Phương Liên (2009), *Hoạt động kinh doanh vàng của các NHTM Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Bộ Giáo dục và đào tạo.

19. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH 10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 10/2003/QH 11.

20. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH 12 ngày 16/6/2010.

21. Vũ Thị Thúy Nga (2010), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng tại Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Ngoại Thương.

22. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 10/2003/TT-NHNN ngày 16/9/2003, *Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 9/12/1999, Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003, Nghị định của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP.*

23. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 1703/2004/QĐ-NHNN ngày 28/12/2004, *Quyết định của Thống đốc NHNN về việc Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2003/TT-NHNN ngày 16/9/2003 của Thống đốc NHNN hướng dẫn thi hành Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 9/12/1999, Nghị định của Chính phủ về quản*

lý hoạt động kinh doanh vàng và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11/6/2003, Nghị định của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP.

24. Ngân hàng Nhà nước, Thông tư 01/2010/TT-NHNN ngày 06/1/2010 Bãi bỏ Quyết định số 03/2006/QĐ-NHNN ngày 18/01/2006 của Thống đốc NHNN về việc kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài và Quyết định số 11/2007/QĐ-NHNN ngày 15/03/2007 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2006/QĐ-NHNN ngày 18/01/2006 của Thống đốc NHNN về việc kinh doanh vàng trên tài khoản ở nước ngoài.

25. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012, Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 25/5/2012, Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

26. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 38/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012, Thông tư quy định về trạng thái vàng của các TCTD.

27. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư 06/2013/TT-NHNN ngày 12/03/2013 Hướng dẫn hoạt động mua, bán vàng miếng trên thị trường trong nước của NHNN Việt Nam.

28. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (2011), Kỷ yếu hội thảo khoa học Thị trường vàng Việt Nam - Những vấn đề đặt ra.

29. Huỳnh Phước Nguyên (2007), Kinh doanh vàng tại các NHTM trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Luận văn thạc sỹ kinh tế Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

30. Pháp lệnh ngoại hối năm 2005.

31. Đỗ Hoàng Toàn (2005), Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

32. Tổng cục thuế, Công văn 323/TT-CS ngày 23/01/2013 về việc Thuế GTGT hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc.

33. Theo Hội đồng vàng Thế giới.

34. Theo thống kê từ GFMS (Thomson Reuters)

35. Nguyễn Đức Trung (2013), Giải pháp quản lý thị trường vàng ở Việt Nam, Đề tài nghiên cứu khoa học, ngành Ngân hàng.

36. Trang báo điện tử của Hội khoa học và công nghệ mở Việt Nam

37. Trang báo Tài chính điện tử 3/2014
38. Trang báo Tài chính điện tử 13/12/2014
39. Trang báo điện tử Vietnamnet.com.vn
40. Trang báo điện tử của Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia
41. Đặng Thị Tường Vân (2008), *Các giải pháp phát triển kinh doanh vàng tại Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ kinh tế Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

B. WEBSITE

42. <http://cafef.vn/tai-chinh-ngan-hang/vang-nhap-khong-chinh-thuc-40-tan-dau-thau-lai-8000-ty-dong-201401250826317607ca34.chn>
43. <http://cafef.vn/tai-chinh-ngan-hang/nhnn-ban-ra-gan-70-tan-vang-trong-nam-2013-201401011619429631ca34.chn>
44. <http://cafef.vn/su-kien/214-dau-thau-vang-mieng.chn>
45. <http://www.forex-245.com/modules.php/name=News&op=viewst&sid=563>
46. <http://golgsbj.com.vn/Default.aspx?page=new&catid=1&id=93>
47. <http://www.giadinhonline.vn/gia-vang-hom-nay-29122014-trong-giam-ngoai-tang-d38412.html>
48. <http://vietnamnet.vn/vn/kinh-te/213398/lam-phat-thap-nhat-trong-vong-15-nam.html>
49. <http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Noi-dung-chu-yeu-cua-Chien-luoc-phat-trien-KT-XH-20112020-va-nhiem-vu-trong-tam-cua-nam-2011/20111/12008.vgp>
50. <http://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/2013-viet-nam-nhap-khoang-110-tan-vang-92851.html>
51. <http://tygiavang.vn/gia-vang-sjc-lay-lai-da-tang-chenh-lech-hien-la-44-trieu-dongluong/>
52. <http://tygiavang.vn/nhnn-se-dau-thau-vang-ngay-khi-nhu-cau-tang-cao/>
53. <http://vneconomy.vn/the-gioi/10-quoc-gia-du-tru-nhieu-vang-nhat-the-gioi-0131216110852866.htm>
54. <https://vi-vn.facebook.com/tintucnganhangvietnam/posts/131783693650901>
55. <http://baodautu.vn/danh-sap-san-vang-chui-bang-cach-nao.html>

56. <http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/san-vang-chui-day-cam-do-20150120215206594.htm>

57. <http://bizlive.vn/news/acb-qua-roi-con-ac-mong-lo-vang-202174.html>

58. <http://cafef.vn/tai-chinh-ngan-hang/san-vang-chui-day-cam-do-20150121074058069.chn>

59. <http://www.vjc.vn/?site/news/detail/id/3346>

60. <http://cafef.vn/tai-chinh-quoc-te/fed-se-nang-lai-suat-vaio-thang-62015-201411101442307476.chn>

61. https://www.ts24.com.vn/web/bantints24/template_news.ts24?sKey=c0a18f0e1248b7f2d02387e3e639dd32&sStatus=1

C. TÀI LIỆU TIẾNG ANH

62. Jeff Clark, *How do the Chinese view the gold market?*, Report on resource and gold of Casey, 2010.

63. Acta Universitatis Danubius, *International Gold Market, Stock Market and Business Cycles: the Central and Eastern European Countries*, Economica, Vol 9, No 1 (2013).

64. Jeffrey M. Christian, *China's pre-eminence in the global gold market*, The Chinese gold market in CPM Group's Gold Yearbook, 2011.

65. A.Run Kumar, *The development of gold in India's market*, Osmania University, Vol 5, No 2, 9/2012.

66. A.Run Kumar, *International major gold market*, Gold price Magazine, 2003.

67. Ms Susanne Capano, *A Guide to the London Precious Metals Market*, London Bullion Market Association, 2001.

68. Shahriar Shafiee, *An overview of global gold market and gold price forecasting*, ELSEVIER Magazine, Resources policy, 2010

69. Nipon Poapongsakorn, Deunden Nikomboiruk, Tongta Temboonkiat and James Milner, *Gold bullion market in Thailand: A case for liberralisation*, Sectoral Economic Program Thailand Development Institute, 1997.

70. Michelle Smith, *2011 Top 10 Gold Producing Countries*, Goldinvesting News, 2012.

71. World Gold Council and Rand Refinery Limited, *An introduction to the Indian gold market*, report, viewed 2012.

72. World Gold Council, *China Gold in the year of Tiger*, Report, viewed 15 May 2013.

73. World Gold Council, *India: Heart of Gold Revival*, report, viewed 15 May 2013.



PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐIỀU TRA

Kính gửi: Ông (bà)

Cơ quan công tác:.....

Tôi là Nguyễn Thanh Huyền, hiện đang thực hiện đề tài nghiên cứu: “*Chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay*”. Để đánh giá chính xác thực trạng chính sách; tìm ra những hạn chế, bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện, kính đề nghị ông (bà) dành thời gian nghiên cứu và trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu tích (v) vào ô mà ông (bà) lựa chọn, với câu hỏi đánh giá theo thang 5 điểm, quy ước 5 - là tốt nhất; 1 - là kém nhất.

Tôi xin cam đoan các thông tin ông (bà) cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông (bà)!

A. Đánh giá chung về mức độ hoàn thiện của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng

Câu 1: Ông (bà) xin vui lòng cho biết những đánh giá chung của mình về mức độ hoàn thiện của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay

Nội dung điều tra	1	2	3	4	5
1.1. Các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng đều hướng tới mục tiêu chung ổn định và phát triển thị trường					
1.2. Các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng đều tạo ra động lực mạnh đối với thị trường và các chủ thể tham gia thị trường					
1.3. Sự phù hợp với tình hình thực tế của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng					
1.4. Tính đồng bộ, thống nhất của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng					
1.5. Tính toàn diện của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng					
1.6. Tính ổn định của chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng					

B. Đánh giá thực trạng của chính sách quản lý cụ thể đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam

Câu 2: Về chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng

Nội dung điều tra	1	2	3	4	5
2.1. Tính hợp lý của quy định về điều kiện tham gia kinh doanh vàng miếng của các TCTD và các DN kinh doanh vàng ở Việt Nam hiện nay (Quy định về vốn điều lệ tối thiểu)					
2.2. Tính khả thi và hiệu quả của các quy định điều kiện cấp phép kinh doanh vàng miếng					
2.3. Tính công khai, minh bạch của quy định về quy trình đấu thầu vàng miếng, thông báo kết quả đấu thầu, thông báo khối lượng vàng miếng mua, bán của NHNN hiện nay so với quốc tế					
2.4. Tính hợp lý của chính sách NHNN chọn và sử dụng vàng miếng SJC là Thương hiệu vàng quốc gia (chỉ mua, bán vàng SJC trên thị trường)					
2.5. Tính hiệu quả của chính sách quản lý xuất, nhập khẩu vàng theo hướng mềm dẻo và mở rộng dần dần như hiện nay					
2.6. Tính khả thi và hiệu quả của chính sách NHNN độc quyền nhập khẩu vàng					
2.7. Tính khả thi và hiệu quả của chính sách huy động và sử dụng lượng vàng dự trữ trong dân ở Việt Nam thời gian qua					
2.8. Mức độ hợp lý của các mức xử phạt hành vi vi phạm pháp luật trong kinh doanh vàng					

Câu 3: Về chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng ghi sổ (mua bán qua tài khoản) và giao dịch vàng phái sinh

Nội dung điều tra	1	2	3	4	5
3.1. Tính khả thi của các chính sách quản lý nhà nước hiện hành để triển khai hoạt động kinh doanh vàng qua tài khoản, thành lập các sàn giao dịch vàng					
3.2. Tính hợp lý của chính sách quản lý nhà nước hiện hành để phát triển hoạt động giao dịch vàng phái sinh					

Câu 4: Về chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh vàng

Nội dung điều tra	1	2	3	4	5
4.1. Mức độ hợp lý của mức thuế suất thuế nhập khẩu vàng ở Việt Nam so với các nước					
4.2. Tính khả thi và hiệu quả của việc tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và áp dụng cùng một mức thuế suất đối với cơ sở KD vừa có hoạt động kinh doanh vàng vừa có hoạt động chế tác sản phẩm vàng					
4.3. Tính hiệu quả của chính sách thuế TTĐB đối với vàng ở Việt Nam hiện nay (vàng không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB)					

C. Nguyên nhân của những bất cập về chính sách hiện hành

Câu 5: Ông (bà) vui lòng cho biết mức độ đồng ý của mình đối với các nguyên nhân dẫn đến những bất cập về chính sách quản lý nhà nước hiện hành đối với thị trường vàng ở Việt Nam sau đây:

Nội dung điều tra	1	2	3	4	5
5.1. Sự mất ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô ở Việt Nam					
5.2. Giá vàng thế giới biến động mạnh và thất thường					
5.3. Người Việt Nam có thói quen tích trữ tài sản bằng					

vàng					
5.4. Tâm lý của các nhà đầu tư vàng					
5.5. Sự mất ổn định của đồng Việt Nam so với các loại ngoại tệ mạnh (đặc biệt là USD)					
5.6. Sự phối hợp thiếu hiệu quả của các Bộ, ngành với NHNN trong quản lý các hoạt động kinh doanh trên thị trường vàng.					
5.7. Tình hình chính trị - xã hội					
5.8. Công tác thanh tra giám sát thực thi chính sách chưa nghiêm ngặt					
5.9. Chất lượng nguồn nhân lực tham gia xây dựng và hoạch định chính sách chưa cao.					
5.10. Trình độ quản lý của các nhà quản lý thị trường thấp					
5.11. Khả năng thu thập và xử lý thông tin					

D. Định hướng phát triển thị trường và hoàn thiện chính sách đối với hoạt động kinh doanh vàng

Câu 6: Ông (bà) vui lòng cho biết mức độ đồng ý của mình đối với xu hướng phát triển thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020 và những năm tiếp theo sau đây:

Nội dung điều tra	1	2	3	4	5
6.1. Tiếp tục phát triển thị trường vàng phi tập trung trên cơ sở nâng cao vai trò quản lý, kiểm soát của cơ quan quản lý					
6.2. Xây dựng mô hình thị trường vàng tập trung đối với hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản, trong đó NHNN giữ vai trò là tổ chức đầu mối quản lý hoạt động của thị trường vàng					

6.3. Thành lập sàn giao dịch vàng nhằm xây dựng một thị trường hoạt động tập trung, minh bạch, vận động theo cung cầu, và có một cơ quan chuyên trách quản lý sàn giao dịch vàng.					
6.4. Chuyển hướng kinh doanh vàng từ vàng không theo tiêu chuẩn quốc tế sang kinh doanh vàng theo tiêu chuẩn quốc tế.					
6.5. Phát triển hoạt động kinh doanh vàng trạng thái, các công cụ vàng phái sinh					
6.6. Tiếp tục cho phép các NHTM và các công ty kinh doanh vàng mở sàn giao dịch vàng trên cơ sở môi trường pháp lý hoàn thiện, đầy đủ và đồng bộ.					
6.7. NHNN nên tập trung đầu mối xuất nhập khẩu vàng cho một số doanh nghiệp kinh doanh vàng lớn có uy tín được nhập khẩu vàng dưới sự giám sát của NHNN					
6.8. Tiến tới xóa bỏ việc kinh doanh vàng miếng trên thị trường tự do					

Câu 7: Ông (bà) vui lòng cho biết mức độ đồng ý của mình đối với các phương hướng hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam sau đây:

Nội dung điều tra	1	2	3	4	5
7.1. Xây dựng chính sách phát triển sàn giao dịch vàng vật chất theo kinh nghiệm của Trung Quốc					
7.2. Ban hành chính sách về mô hình Sàn giao dịch vàng quốc gia theo kinh nghiệm của Trung Quốc và Mỹ					
7.3. Xây dựng hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy tạo hành lang cho hoạt động phái sinh vàng phát triển trên cơ sở học tập tiếp thu các kinh nghiệm của các nước trên thế giới có hoạt động kinh doanh phái sinh vàng phát triển mạnh mẽ					

7.4. Ban hành quy định về các loại hình phái sinh vàng được phép kinh doanh ở Việt Nam.					
7.5. Từng bước nâng cao tiêu chuẩn cấp phép kinh doanh dịch vụ phái sinh vàng theo lộ trình phát triển của thị trường vàng và điều kiện của Việt Nam					
7.6. Cụ thể hóa các quy định về trách nhiệm liên đới giữa Sàn giao dịch vàng do NHNN thành lập với hoạt động phái sinh vàng của các chủ thể tham gia kinh doanh					
7.7. Ban hành quy trình giao dịch cho từng nghiệp vụ kinh doanh vàng phái sinh theo lộ trình phát triển thị trường vàng và điều kiện của Việt Nam.					
7.8. Xây dựng các chính sách có nội dung cụ thể, thống nhất quản lý thị trường giao dịch					
7.9. Có chính sách phát triển hình thức quỹ đầu tư vàng - ETFs					

PHỤ LỤC 2

Các đơn vị được NHNN cấp phép kinh doanh vàng

STT	Tên đơn vị	Ngày cấp phép	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)
1	Ngân hàng TMCP Á Châu	28/12/2012	9.377
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	28/12/2012	37.234
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	28/12/2012	23.012
4	Công ty TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	28/12/2012	20.709
5	Ngân hàng TMCP Đông Á	28/12/2012	6.000
6	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	28/12/2012	8.000
7	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	28/12/2012	8.878
8	Ngân hàng TMCP Nam Á	28/12/2012	3.000
9	Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	28/12/2012	8.100
10	Ngân hàng TMCP Phương Đông	28/12/2012	3.234
11	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	28/12/2012	12.425
12	Ngân hàng TMCP Phương Nam	28/12/2012	4.000
13	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	28/12/2012	10.584
14	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	28/12/2012	5.500
15	Ngân hàng TMCP Việt Á	28/12/2012	3.098
16	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	28/12/2012	6.347
17	Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam	28/12/2012	12.335
18	Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý TPHCM - Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	28/12/2012	200
19	Tổng công ty Vàng Agribank Việt Nam – CTCP	28/12/2012	206

20	Công ty TNHH Bảo Tín Minh Châu	28/12/2012	
21	Công ty cổ phần Tập đoàn Vàng Bạc Đá quý DOJI	28/12/2012	400
22	Công ty cổ phần Đầu tư và kinh doanh Vàng Việt Nam	28/12/2012	100
23	Công ty TNHH MTV Kim Ngọc Phú	28/12/2012	
24	Công ty TNHH Vàng Bạc Đá quý Ngọc Hải	28/12/2012	
25	Công ty TNHH Vàng Bạc Đá quý Ngọc Thắm	28/12/2012	
26	Công ty cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận	28/12/2012	756
27	Công ty TNHH Vàng Bạc Phúc Thành	28/12/2012	
28	Công ty cổ phần thương mại Vàng Bạc Đá quý Phương Nam	28/12/2012	
29	Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	28/12/2012	
30	Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn - SJC	28/12/2012	
31	Công ty TNHH Mi Hồng	28/12/2012	
32	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeaBank)	08/01/2013	5.446
33	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	08/01/2013	11.594
34	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	08/01/2013	8.866
35	Ngân hàng TMCP Phát triển nhà ĐBSCL (MHB)	08/01/2013	3.400
36	Ngân hàng TMCP Đại Dương (Ocebank)	08/01/2013	5.350
37	Công ty cổ phần đầu tư Vàng Phú Quý	08/01/2013	
38	Công ty TNHH MTV Vàng Bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	08/01/2013	

(Nguồn: Ngân hàng Nhà nước)

PHỤ LỤC 3

Danh sách các sàn giao dịch vàng ở Việt Nam

STT	Tên sàn giao dịch vàng
1	Sàn giao dịch vàng của NHTMCP Á Châu
2	Sàn giao dịch vàng của NHTMCP Phương Nam
3	Sàn giao dịch của NHTMCP Việt Á
4	Sàn giao dịch của NHTMCP xuất nhập khẩu Việt Nam
5	Sàn giao dịch vàng của NHTMCP Đông Á
6	Sàn giao dịch vàng của NHTMCP Sài Gòn Thương Tín
7	Sàn giao dịch vàng của Công ty Vàng bạc Đá quý SJC
8	Sàn giao dịch vàng của Tổng công ty Vàng Agribank Việt Nam
9	Sàn giao dịch vàng của NHTMCP Việt Nam Thịnh vượng
10	Sàn giao dịch vàng của NHTMCP Nam Á
11	Sàn giao dịch của NHTMCP phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh
12	Sàn giao dịch vàng Phố Wall
13	Sàn giao dịch vàng của công ty Vàng Thế giới
14	Sàn giao dịch vàng của công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh vàng Việt Nam (VGB)
15	Sàn giao dịch vàng của Trung tâm giao dịch vàng 24K
16	Sàn giao dịch vàng của Trung tâm Châu Á
17	Sàn giao dịch vàng của công ty Toàn Cầu (GGB)
18	Sàn giao dịch vàng Kim Thiệu
19	Sàn giao dịch vàng Kim Minh Đạt
20	Sàn giao dịch vàng Triệu Phong

(Nguồn: NCS tổng hợp từ các trang báo điện tử)

PHỤ LỤC 4

Tóm tắt chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng giai đoạn 2000-2010

Giai đoạn	Mục tiêu	Số hiệu văn bản và nội dung cơ bản của chính sách
2000	Tiếp tục tự do hóa thị trường vàng: hoạt động huy động và cho vay bằng vàng diễn ra vô cùng sôi động	Quyết định 432/2000/QĐ-NHNN cho phép các TCTD hoạt động ngoại hối, thực hiện thêm nghiệp vụ huy động vốn và sử dụng vốn bằng vàng, bằng đồng Việt Nam đảm bảo giá trị theo vàng, trong đó các TCTD phải đảm bảo chuyển đổi nguồn vốn huy động bằng vàng thành nguồn vốn bằng tiền không vượt quá 30%, báo cáo cho NHNN hàng tháng.
2001	Siết chặt quản lý xuất nhập vàng bất hợp pháp	Quyết định 1165/2001/QĐ-NHNN quy định về việc mang theo vàng của cá nhân khi xuất nhập cảnh. Cá nhân nhập cảnh mang theo vàng tiêu chuẩn quốc tế từ 1 kg trở lên phải khai báo hải quan; Cá nhân xuất cảnh mang theo vào trên 300 gr trở lên phải khai báo hải quan.
2002	Tăng Quỹ DTNHNN	Quyết định số 23/2002/QĐ-NHNN cho phép chuyển một phần vàng từ Quỹ bình ổn tỷ giá và giá vàng sang Quỹ DTNH để đầu tư trên thị trường quốc tế khi có điều kiện thuận lợi.
2003	Nới lỏng quản lý đối với vàng phi tiền tệ, hướng tới tự do hóa thị trường vàng do trong giai đoạn này thị trường vàng hoạt động ổn định, tác động của vàng đến nền kinh tế không	Ban hành Nghị định 64/2003, bãi bỏ quy định về vốn pháp định đối với một số hoạt động sản xuất vàng miếng. NHNN chỉ cấp giấy phép với hoạt động xuất, nhập khẩu vàng miếng, các hoạt động

	quá lớn	xuất, nhập khẩu khác hoạt động theo Luật Thương mại.
2006	Tự do hóa thị trường vàng trong bối cảnh Việt Nam chuẩn bị gia nhập WTO, giúp cho các đơn vị kinh doanh vàng có thể lựa chọn mức giá khi quyết định xuất, nhập khẩu vàng, đưa giá vàng Việt Nam sát với giá vàng thế giới	Quyết định 03/2006/QĐ-NHNN chính thức công nhận hoạt động kinh doanh vàng trên tài khoản
2010	Siết chặt hoạt động kinh doanh vàng do hoạt động sàn vàng gây nhiều rủi ro cho các nhà đầu tư và chủ sàn vàng khi giá vàng biến động bất thường, có biểu hiện của đầu cơ, tích trữ, lũng đoạn thị trường	Thông báo 369/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ, Thông tư 01/2010/TT-NHNN về việc chấm dứt kinh doanh vàng trên tài khoản, chấm dứt hoạt động của sàn vàng.

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước)

PHỤ LỤC 5

Tóm tắt chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2014

Mục tiêu	Số hiệu văn bản và nội dung cơ bản của chính sách
Siết chặt hoạt động kinh doanh vàng, hạn chế đầu cơ, tích trữ, lũng đoạn thị trường	Thông tư 01/2010/TT-NHNN: Chấm dứt kinh doanh vàng trên tài khoản và đóng cửa sàn vàng
Chuyển quan hệ đi vay và cho vay bằng vàng sang quan hệ mua bán. Hạn chế tình trạng “vàng hóa”, chuẩn bị cho sự ra đời của Nghị định 24	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 22/2010/TT-NHNN: Điều chỉnh huy động và cho vay vốn bằng vàng của TCTD; - Thông tư 11/2011/TT-NHNN: Chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của TCTD
Thống nhất cơ chế quản lý vàng, quy về một mối cho NHNN, trao thêm quyền cho NHNN để chủ động can thiệp vào thị trường khi cần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; - Thông tư 16/2012/TT-NHNN hướng dẫn thi hành Nghị định 24.
Hạn chế các hiện tượng lách luật để gom vàng tất toán cho các TCTD	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị 05/2012/CT-NHNN: Chấn chỉnh việc thực hiện huy động, giữ hộ vàng, sử dụng vàng huy động và giữ hộ của TCTD; - Thông tư 12/2012/TT-NHNN và Thông tư 24/2012/TT-NHNN: bổ sung về việc chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của TCTD; - Thông tư 38/2012/TT-NHNN: Quy định về trạng thái vàng của các TCTD.
Đưa ra hệ thống pháp lý điều chỉnh hoạt	- Quyết định 1623/2012/QĐ-NHNN: Tổ

<p>động mua bán vàng miếng mở đường cho đấu thầu vàng của NHNN. Tạo nguồn cung tiến tới cân đối cung cầu trên thị trường nhằm bình ổn thị trường vàng</p>	<p>chức quản lý SX vàng miếng của NHNN;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 16/2013/QĐ-TTg: Mua bán vàng miếng trên thị trường trong nước của NHNN - Thông tư 06/2013/TT-NHNN: hướng dẫn hoạt động mua bán vàng miếng trên thị trường trong nước của NHNN; - Quyết định 563/QĐ-NHNN: Ban hành quy trình mua bán vàng miếng của NHNN
<p>Tăng cường quản lý chất lượng đo lường vàng trang sức đang lưu thông trên thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đồng thời cũng bảo vệ hoạt động kinh doanh mua bán vàng chân chính, công khai minh bạch hạn chế gian lận về hàm lượng vàng, gian lận về khối lượng vàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 22/2013/TT- BKHCN, chính thức có hiệu lực từ 1/6/2014: Quản lý đo lường trong kinh doanh vàng lưu thông trên thị trường

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước và Bộ Khoa học Công nghệ)

PHỤ LỤC 6

Các chính sách xuất, nhập khẩu vàng

Thời hạn hiệu lực	Số hiệu văn bản	Nội dung chính sách
1999-2012	Nghị định 174/1999/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định điều kiện vốn pháp định đối với hoạt động XNK vàng nguyên liệu. - DN có giấy phép khai thác vàng được NHNN cho phép XK vàng nguyên liệu. - XNK vàng nguyên liệu phải được sự cho phép của NHNN; Riêng DN đầu tư vốn nước ngoài không phải xin phép XNK vàng theo từng chuyến.
Từ 2001 đến nay	Quyết định 1165/2001/QĐ-NHNN	Quy định hình thức vàng và khối lượng vàng được mang theo khi xuất, nhập cảnh.
2003 - 2012	Nghị định 64/2003/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 174/1999/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu vốn pháp định tối thiểu được loại bỏ khi xem xét cấp phép cho doanh nghiệp SX vàng miếng - Yêu cầu về vốn pháp định tối thiểu và kinh doanh có lãi trong năm gần nhất được loại bỏ khi NHNN xem xét cấp phép XNK vàng nguyên liệu, vàng miếng cho các DN có đăng ký kinh doanh XNK vàng nguyên liệu, vàng miếng.
2011	Nghị định 95/2011/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 202/2004/NĐ-CP của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. - Điều chỉnh tăng tất cả các mức phạt đối với các vi phạm về hoạt động kinh doanh vàng.
Từ 2012	Nghị định 24/2012/NĐ-	- XNK vàng nguyên liệu cho SX vàng miếng là hoạt động độc quyền Nhà nước giao cho NHNN là cơ

	CP	<p>quan tổ chức thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định căn cứ vào mục tiêu CSTT, quan hệ cung cầu vàng trong từng thời kỳ, NHNN tổ chức thực hiện việc XK vàng nguyên liệu, NK vàng nguyên liệu để SX vàng miếng, cấp giấy phép XK vàng nguyên liệu cho DN theo quy định. - NHNN quy định về việc mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế của cá nhân.
Từ năm 2012	Thông tư 16/2012/TT-NHNN	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định điều kiện cấp giấy phép XNK vàng nguyên liệu. - Quy định hồ sơ xin cấp giấy phép XK, NK. - Quy định thủ tục cấp giấy phép XK, NK.
Từ 2014	Nghị định 96/2014/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Thay thế Nghị định 202/2004/NĐ-CP và Nghị định 95/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. - Điều chỉnh tăng tất cả các mức phạt đối với các vi phạm về hoạt động kinh doanh vàng.
Từ 2014	Quyết định 08/2014/QĐ-TTg	Quy định về việc miễn thuế XK, thuế NK đối với vàng nguyên liệu XNK của NHNN Việt Nam.

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước)

PHỤ LỤC 7

Các chính sách quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng

Thời hạn hiệu lực	Số hiệu văn bản	Nội dung chính sách
1999-2012	Nghị định 174/1999/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh vàng miếng được coi là một hoạt động kinh doanh bình thường. - Quy định điều kiện cấp giấy phép cho các DN sản xuất vàng miếng.
Từ năm 2013	Nghị định 24/2012/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước độc quyền SX vàng miếng. - Hoạt động mua bán vàng miếng của các tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện tại các TCTD và DN được NHNN cấp giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng
	Quyết định 16/2013/QĐ-TTg	<ul style="list-style-type: none"> - Việc mua bán vàng miếng thực hiện theo hình thức đấu thầu hoặc mua bán trực tiếp - Quy định Thống đốc NHNN quyết định phương án can thiệp thị trường.
	Thông tư 06/2013/TT-NHNN	Quy định cụ thể về các hoạt động liên quan đến kinh doanh vàng

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước)

PHỤ LỤC 8

Các chính sách thuế điều tiết hoạt động kinh doanh vàng

Hiệu lực	Số hiệu văn bản	Nội dung chính sách
2010-2012	Thông tư 182/2010/TT-BTC	- Mức thuế NK các mặt hàng vàng chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc ở dạng bột đồng loạt là 0%.
2010-2012	Thông tư 184/2010/TT-BTC	- Các loại vàng nguyên liệu, vàng trang sức có hàm lượng cao sẽ chịu thuế XK 10%.
2012	Nghị định 24/2012/NĐ-CP	- Hoạt động XNK vàng nguyên liệu của NHNN được miễn thuế XK, NK. - Thuế suất cho hoạt động tạm xuất vàng miếng, tái nhập vàng khối là 0% - Thuế XNK vàng trang sức, mỹ nghệ vẫn giữ nguyên ở mức cũ là 10%.
2012	Thông tư 193/2012/TT-BTC	- Thuế suất thuế XK, NK vàng nguyên liệu là 0%.
2013	Công văn 323/TCT- CS	- Quy định cơ sở kinh doanh vừa có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, vừa có hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì áp dụng tính thuế GTGT đối với các hoạt động này theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT với thuế suất 10%.

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước và Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC 9

Các chính sách quy định chế tài xử phạt hành vi vi phạm trong kinh doanh vàng

Hiệu lực	Số hiệu văn bản	Nội dung cơ bản của chính sách
2004-2011	Nghị định 202/2004/NĐ- CP	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, sử dụng vàng tiêu chuẩn quốc tế không đúng quy định; - Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động XK, NK vàng mà không có giấy phép của NHNN. - Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu số vàng đối với hành vi vi phạm quy định.
2011- 2014	Nghị định 95/2011/NĐ- CP	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh, mua, bán vàng không đúng quy định của pháp luật; - Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động XK, NK vàng mà không có giấy phép của NHNN; - Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật là số vàng đối với hành vi vi phạm; Tước Giấy phép hoạt động kinh doanh vàng trong thời hạn 12 tháng khi vi phạm lần đầu và tước không thời hạn khi tái phạm đối với các tổ chức kinh doanh vàng vi phạm quy định.
2014	Nghị định 96/2014-NĐ- CP	<ul style="list-style-type: none"> - Trong hoạt động kinh doanh vàng miếng, mức phạt tiền là từ 30 triệu - 60 triệu đồng với hành vi không niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng; có niêm yết giá mua, giá bán vàng miếng nhưng nội dung không rõ ràng, gây nhầm lẫn cho khách hàng.

	<ul style="list-style-type: none"> - Phạt từ 60 triệu - 120 triệu nếu kinh doanh mua, bán vàng hoặc mang theo vàng khi xuất cảnh, nhập cảnh không đúng quy định. - Phạt tiền từ 150 triệu đồng đến 200 triệu đồng đối với hành vi thực hiện kinh doanh mua, bán vàng miếng thông qua các đại lý ủy nhiệm. - Đặc biệt, hành vi sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán sẽ bị phạt từ 250 triệu - 300 triệu đồng. - Phạt tiền từ 450.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Kinh doanh mua, bán vàng miếng nhưng không có giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; Thực hiện XK hoặc NK vàng nguyên liệu không có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật; Hoạt động kinh doanh vàng khác khi chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định của pháp luật. - Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu số vàng đối với hành vi kinh doanh mua bán vàng miếng mà không có giấy phép; Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng trong thời hạn từ 06 tháng đến 09 tháng khi vi phạm lần đầu đối với hành vi mua bán vàng miếng thông qua các đại lý ủy nhiệm.
--	---

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước)

PHỤ LỤC 10

*(Kết quả điều tra thực trạng chính sách quản lý nhà nước
đối với hoạt động kinh doanh vàng miếng)*

Bảng 1. Tình hợp lý của quy định về điều kiện tham gia KD vàng miếng

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid				
Kem nhất	73	24.9	24.9	24.9
Kem	76	25.9	25.9	50.9
Bình thường	90	30.7	30.7	81.6
Tot	49	16.7	16.7	98.3
Tot nhất	5	1.7	1.7	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 2. Tính khả thi và hiệu quả của các quy định về dk cấp phép kd vàng miếng

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid				
Kem nhất	63	21.5	21.5	21.5
Kem	84	28.7	28.7	50.2
Bình thường	107	36.5	36.5	86.7
Tot	35	11.9	11.9	98.6
Tot nhất	4	1.4	1.4	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 3. Tính công khai, minh bạch của quy định về quy trình đấu thầu vàng miếng

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid				
Kem nhất	69	23.5	23.5	23.5
Kem	82	28.0	28.0	51.5
Bình thường	72	24.6	24.6	76.1
Tot	67	22.9	22.9	99.0
Tot nhất	3	1.0	1.0	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 4. Tính hợp lý của việc chọn và sd vàng SJC là thương hiệu vàng quốc gia

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kem nhất	88	30.0	30.0	30.0
	Kem	87	29.7	29.7	59.7
	Bình thường	77	26.3	26.3	86.0
	Tot	41	14.0	14.0	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 5. Tính hiệu quả của chính sách quản lý XNK vàng theo hướng mềm dẻo

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kem nhất	50	17.1	17.1	17.1
	Kem	105	35.8	35.8	52.9
	Bình thường	92	31.4	31.4	84.3
	Tot	41	14.0	14.0	98.3
	Tot nhất	5	1.7	1.7	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 6. Tính khả thi và hiệu quả của chính sách NHNN độc quyền NK vàng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kem nhất	82	28.0	28.0	28.0
	Kem	92	31.4	31.4	59.4
	Bình thường	71	24.2	24.2	83.6
	Tot	44	15.0	15.0	98.6
	Tot nhất	4	1.4	1.4	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 7. Tính khả thi và hiệu quả của chính sách huy động và sử dụng lượng vàng dự trữ trong dân

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kem nhất	93	31.7	31.7	31.7
	Kem	101	34.5	34.5	66.2
	Bình thường	72	24.6	24.6	90.8
	Tot	27	9.2	9.2	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

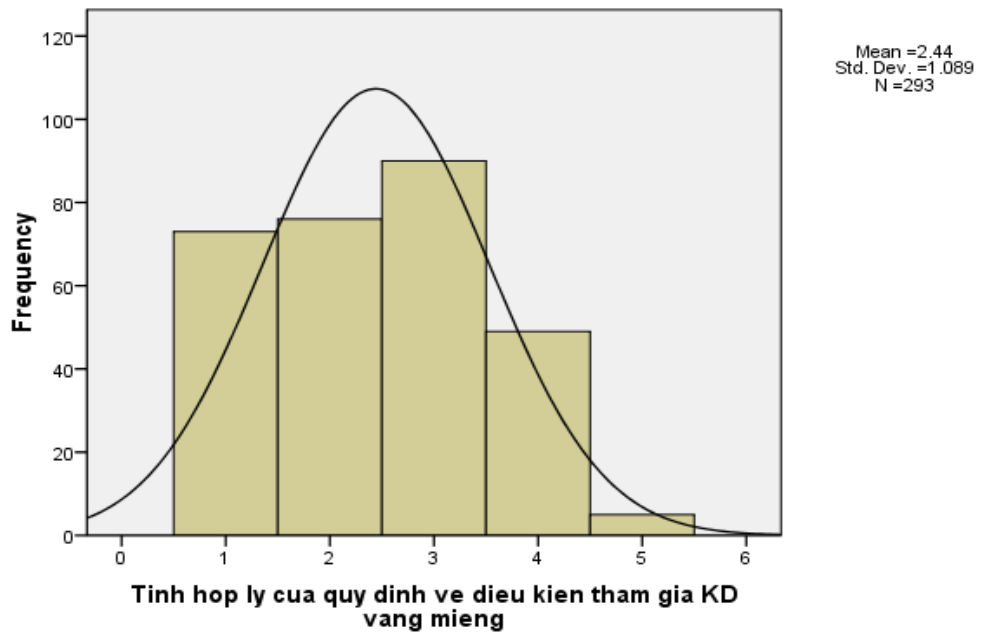
Bảng 8. Muc do hop ly cua cac muc xu phat hanh vi vi pham phap luat

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid				
Kem nhất	78	26.6	26.6	26.6
Kem	84	28.7	28.7	55.3
Bình thường	91	31.1	31.1	86.3
Tot	40	13.7	13.7	100.0
Total	293	100.0	100.0	

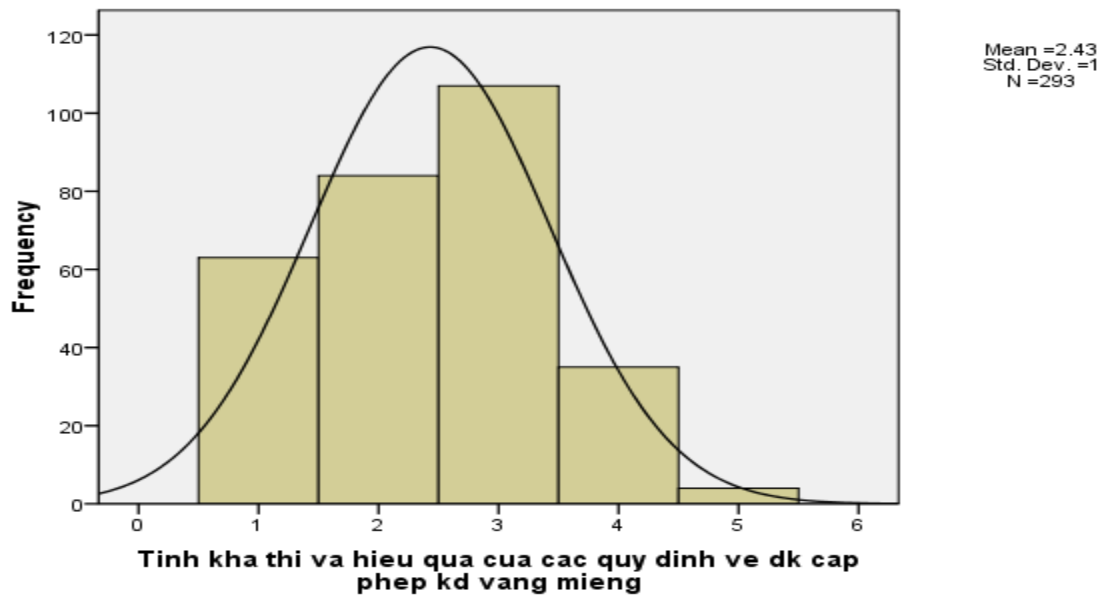
Bảng 9. Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Tình hợp lý của quy định về điều kiện tham gia KD vàng miếng	293	1	5	2.44	1.089
Tình khả thi và hiệu quả của các quy định về dk cấp phép kd vàng miếng	293	1	5	2.43	1.000
Tình công khai, minh bạch của quy định về quy trình đấu thầu vàng miếng	293	1	5	2.50	1.115
Tình hợp lý của việc chọn và sd vàng SJC là thương hiệu vàng quốc gia	293	1	4	2.24	1.033
Tình hiệu quả của chính sách quản lý XNK vàng theo hướng mềm dẻo	293	1	5	2.47	.988
Tình khả thi và hiệu quả của chính sách NHNN doc quyen NK vàng	293	1	5	2.30	1.076
Tình khả thi và hiệu quả của chính sách huy động và sử dụng lương vàng dự trữ trong dân	293	1	4	2.11	.960
Mức độ hợp lý của các mức xử phạt hành vi vi phạm pháp luật	293	1	4	2.32	1.013
Valid N (listwise)	293				

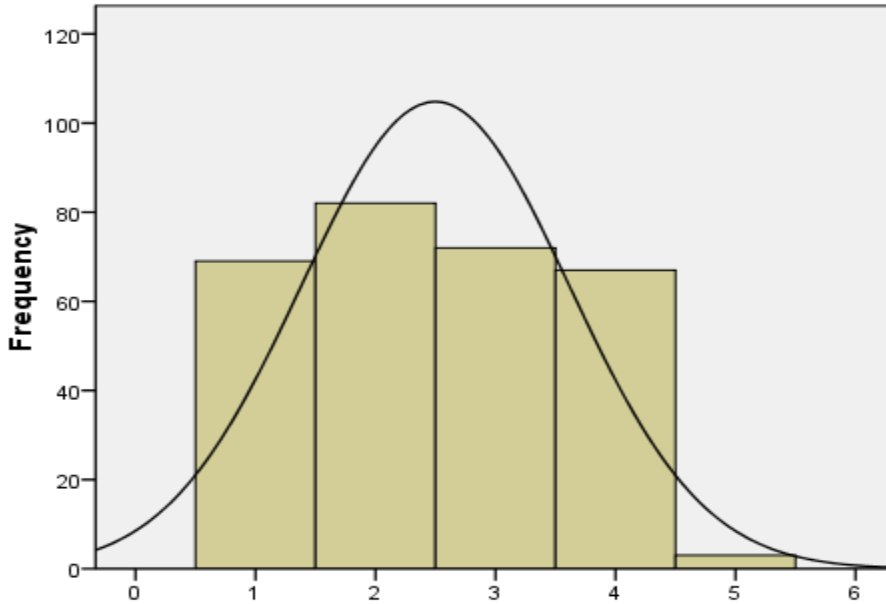
Histogram



Histogram

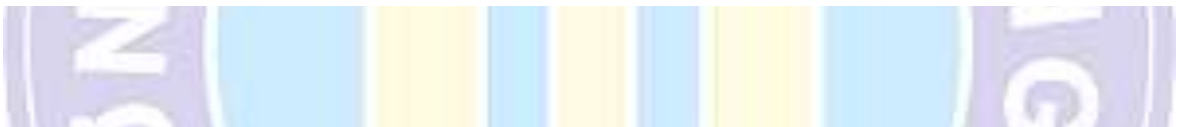


Histogram

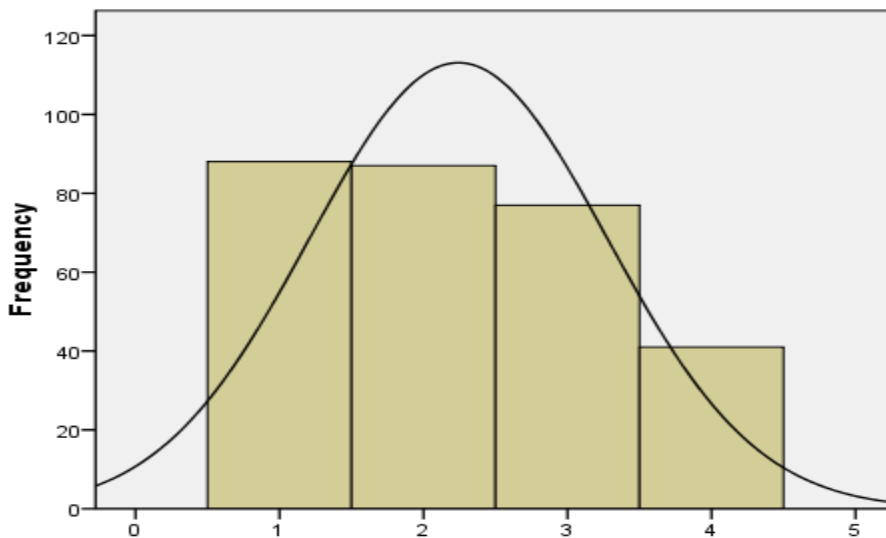


Mean = 2.5
Std. Dev. = 1.115
N = 293

Tinh cong khai, minh bach cua quy dinh ve quy trinh dau thau vang mieng



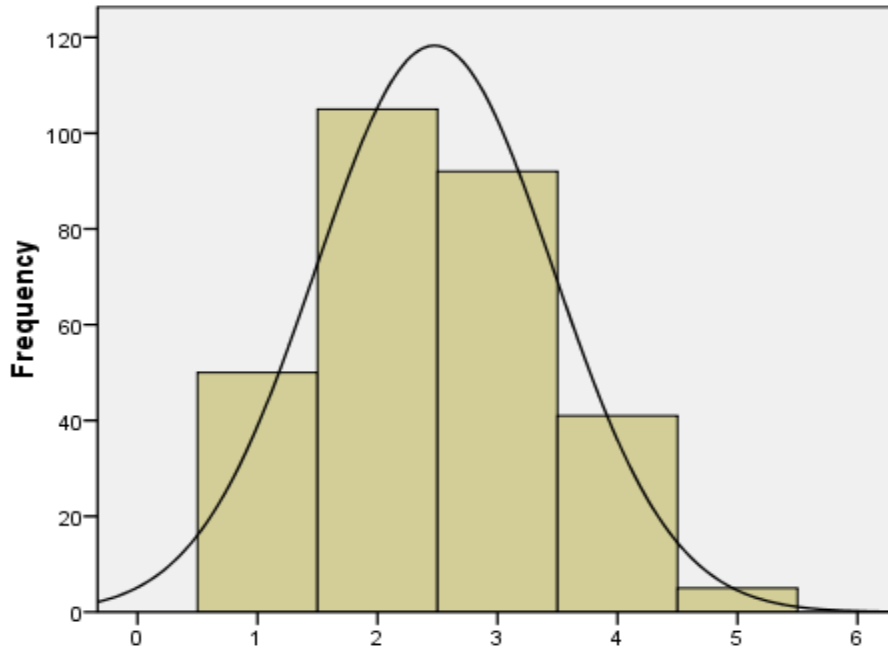
Histogram



Mean = 2.24
Std. Dev. = 1.033
N = 293

Tinh hop ly cua viec chon va sd vang SJC la thuong hieu vang quoc gia

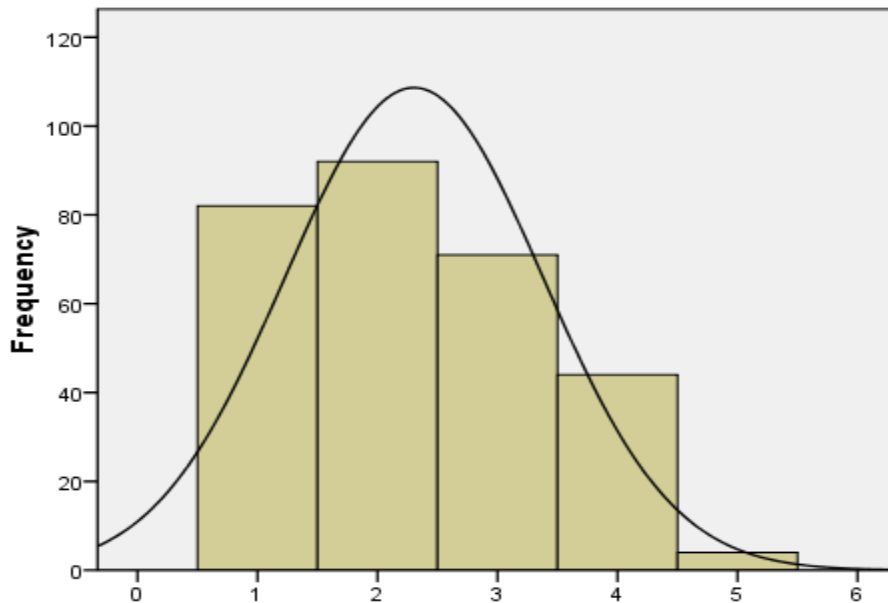
Histogram



Mean =2.47
Std. Dev. =0.988
N =293

Tinh hieu qua cua chinh sach quan ly XNK vang theo huong mem deo

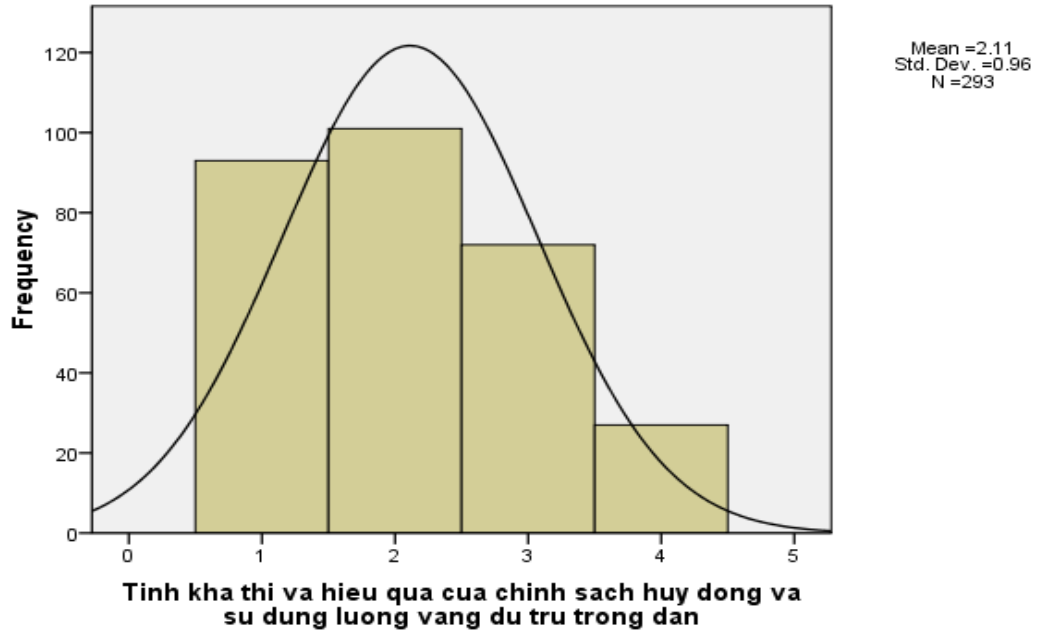
Histogram



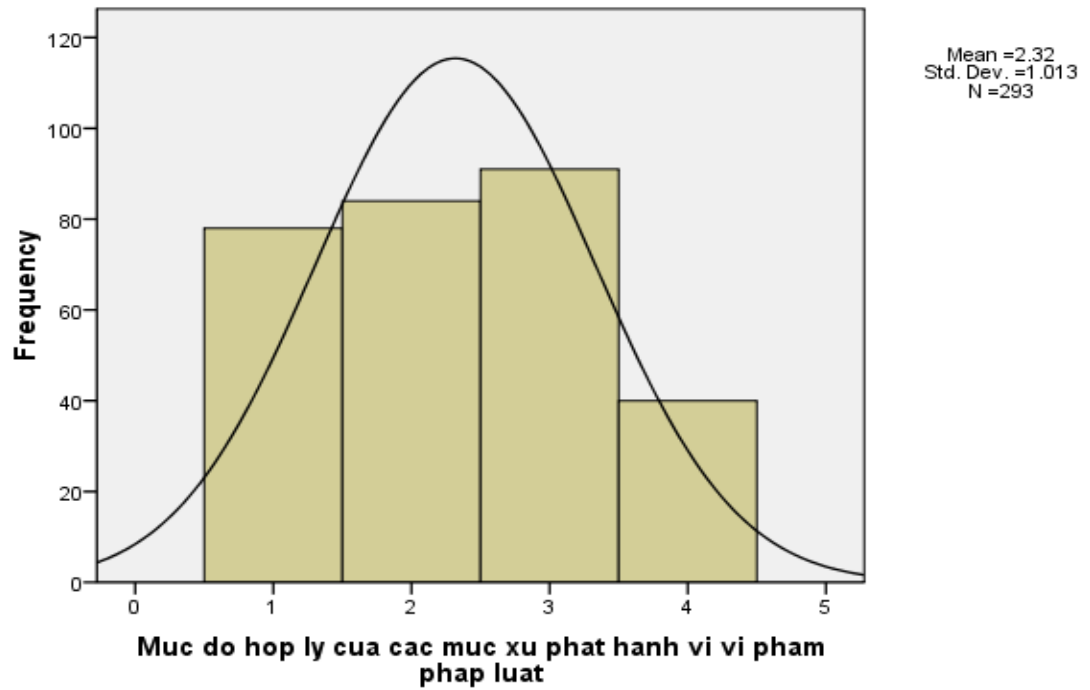
Mean =2.3
Std. Dev. =1.076
N =293

Tinh kha thi va hieu qua cua chinh sach NHNN doc quyen NK vang

Histogram



Histogram



(Nguồn: NCS tự tổng hợp)

PHỤ LỤC 11

*(Kết quả điều tra thực trạng chính sách quản lý nhà nước
đối với hoạt động kinh doanh vàng ghi sổ và giao dịch vàng phái sinh)*

**Bảng 1. Tình kha thi của các chính sách qly NN để triển khai hoạt động kd vàng qua TK,
thanh lập san GD**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Kem nhất	73	24.9	24.9	24.9
Kem	99	33.8	33.8	58.7
Bình thường	89	30.4	30.4	89.1
Tot	31	10.6	10.6	99.7
Tot nhất	1	.3	.3	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 2. Tính hợp lý của chính sách qly NN hiện hành để phát triển hoạt động giao dịch vàng phái sinh

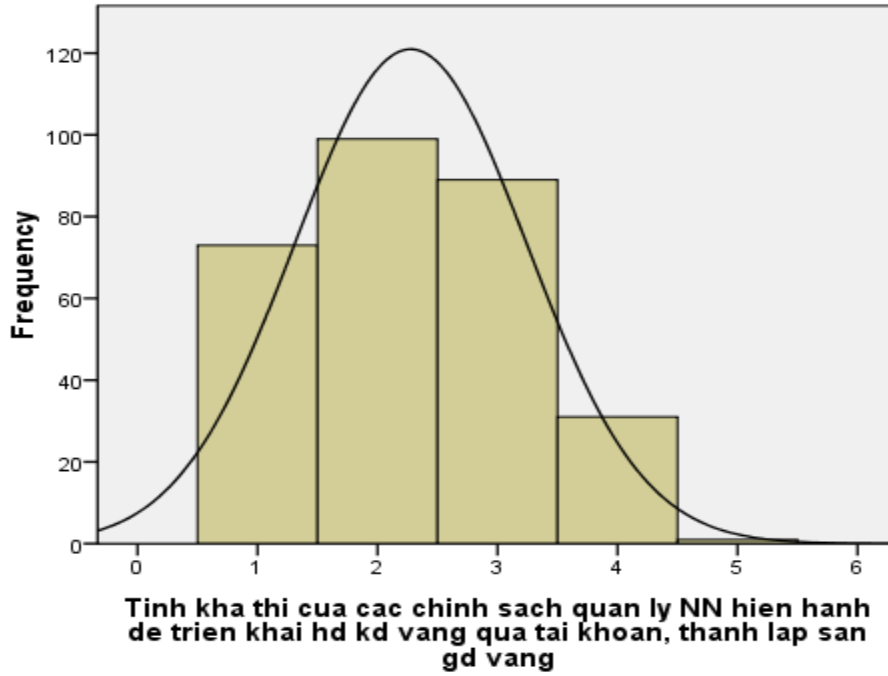
	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Kem nhất	91	31.1	31.1	31.1
Kem	76	25.9	25.9	57.0
Bình thường	94	32.1	32.1	89.1
Tot	24	8.2	8.2	97.3
Tot nhất	8	2.7	2.7	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 3. Descriptive Statistics

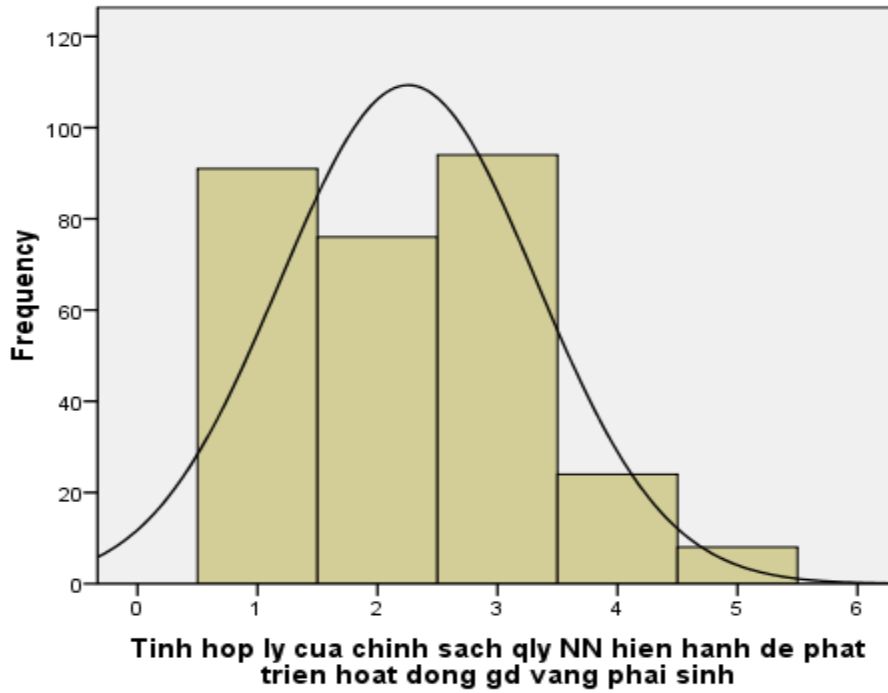
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Tình kha thi của các chính sách qly NN để triển khai hoạt động kd vàng qua TK, thanh lập san GD	293	1	5	2.28	.966
Tính hợp lý của chính sách qly NN hiện hành để phát triển hoạt động giao dịch vàng phái sinh	293	1	5	2.26	1.069
Valid N (listwise)	293				

(Nguồn: NCS tổng hợp)

Histogram



Histogram



PHỤ LỤC 12

(Kết quả điều tra thực trạng chính sách thuế đối với hoạt động kinh doanh vàng)

Bảng 1. Mục do hợp lý của mức thuế suất thuế NK vàng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kem nhất	46	15.7	15.7	15.7
	Kem	73	24.9	24.9	40.6
	Bình thường	123	42.0	42.0	82.6
	Tot	43	14.7	14.7	97.3
	Tot nhất	8	2.7	2.7	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 2. Tính khả thi và hiệu quả của việc tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và áp dụng cùng một mức thuế suất

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kem nhất	35	11.9	11.9	11.9
	Kem	69	23.5	23.5	35.5
	Bình thường	141	48.1	48.1	83.6
	Tot	43	14.7	14.7	98.3
	Tot nhất	5	1.7	1.7	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

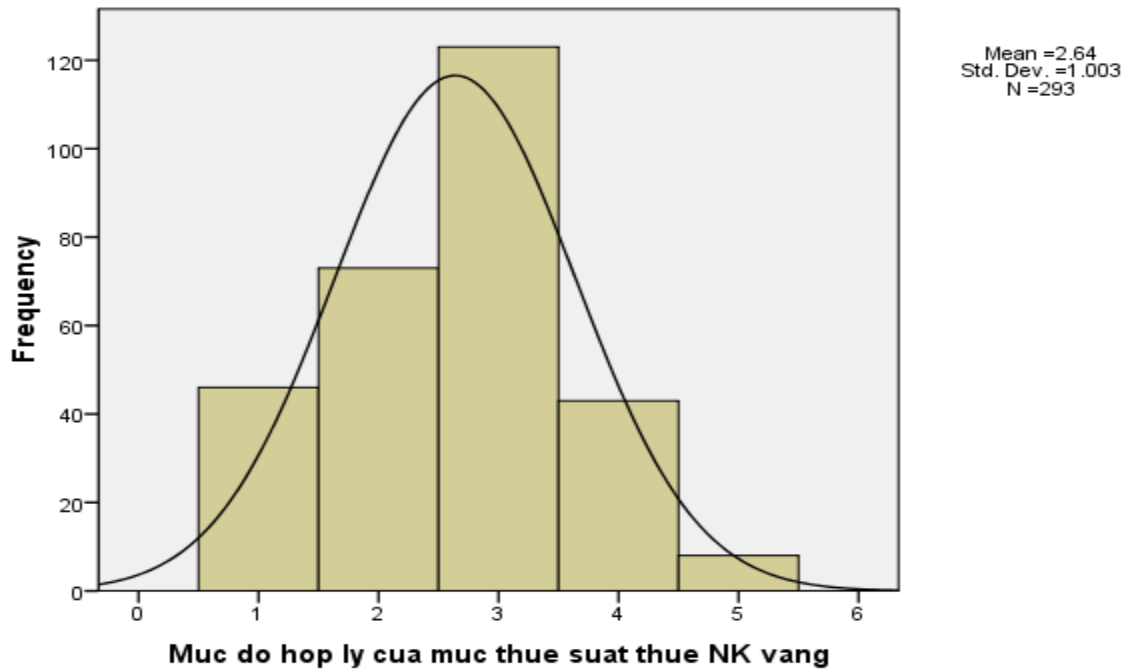
Bảng 3. Tính hiệu quả của chính sách thuế TTDB đối với vàng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kem nhất	11	3.8	3.8	3.8
	Kem	68	23.2	23.2	27.0
	Bình thường	135	46.1	46.1	73.0
	Tot	66	22.5	22.5	95.6
	Tot nhất	13	4.4	4.4	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

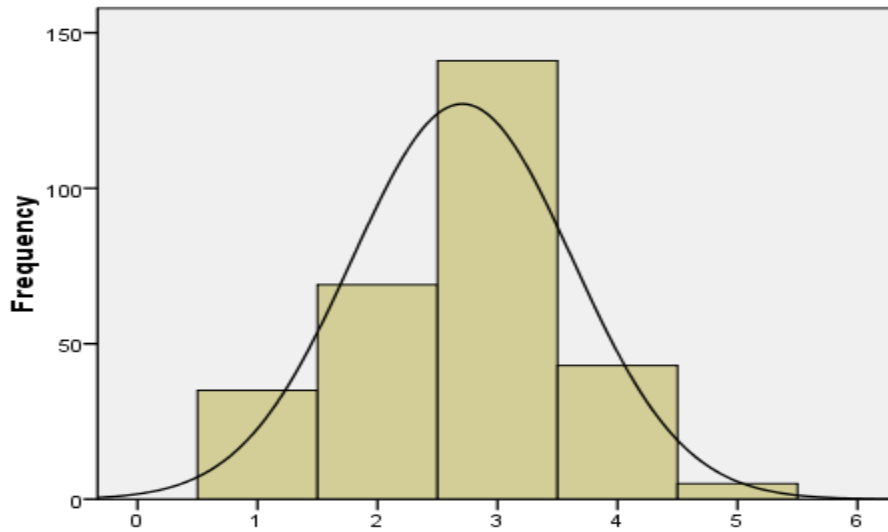
Bảng 4. Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Mức độ hợp lý của mức thuế suất thuế NK vàng	293	1	5	2.64	1.003
Tình khả thi và hiệu quả của việc tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và áp dụng cùng một mức thuế suất	293	1	5	2.71	.919
Tình hiệu quả của chính sách thuế TTDB đối với vàng	293	1	5	3.01	.887
Valid N (listwise)	293				

(Nguồn: NCS tổng hợp)

Histogram

Histogram

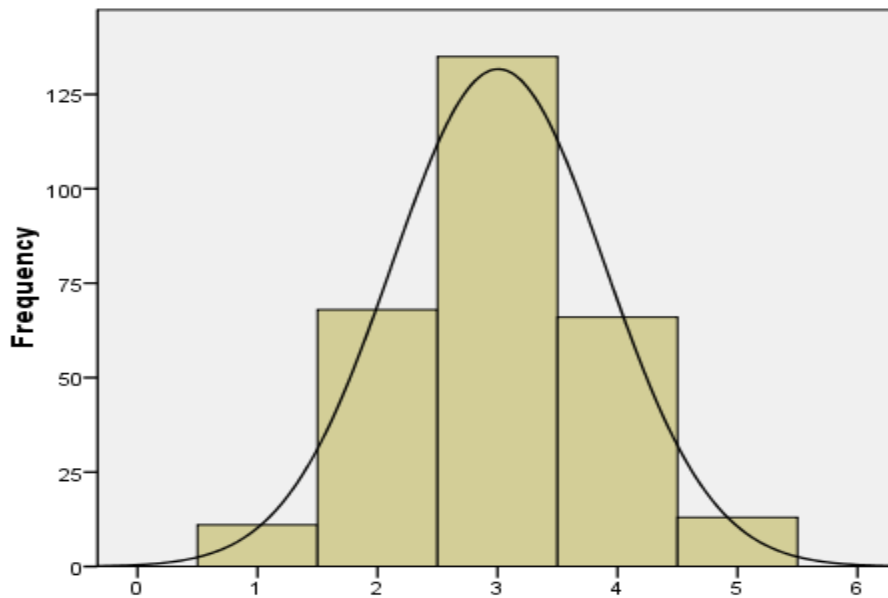


Mean = 2.71
Std. Dev. = 0.919
N = 293

Tinh kha thi va hieu qua cua viec tinh thue GTGT theo phương pháp trực tiếp và áp dụng cùng một mức thuế suất



Histogram



Mean = 3.01
Std. Dev. = 0.887
N = 293

Tinh hieu qua cua chinh sach thue TTDB doi voi vang

PHỤ LỤC 13

(Kết quả điều tra thực trạng mức độ hoàn thiện của các chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vàng)

Bảng 1. Tình đồng bộ, thống nhất của chính sách quản lý NN

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kem nhất	90	30.7	30.7	30.7
	Kem	81	27.6	27.6	58.4
	Bình thường	102	34.8	34.8	93.2
	Tot	19	6.5	6.5	99.7
	Tot nhất	1	.3	.3	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 2. Các chính sách quản lý NN đối với hoạt động kd vàng đều tạo ra đồng lực mạnh đối với thị trường vàng và các chủ thể

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Kem	10	3.4	3.4	3.4
	Bình thường	65	22.2	22.2	25.6
	Tot	116	39.6	39.6	65.2
	Rat tot	102	34.8	34.8	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 3. Các chính sách quản lý NN đối với hoạt động kd vàng đều hướng tới mục tiêu ổn định và phát triển thị trường

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rat kem	1	.3	.3	.3
	Kem	10	3.4	3.4	3.8
	Bình thường	78	26.6	26.6	30.4
	Tot	137	46.8	46.8	77.1
	Rat tot	67	22.9	22.9	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 4. Su phu hop voi tinh hình thực tế của các chính sách quản lý NN đối với hoạt động kd vàng

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat kem	1	.3	.3	.3
Kem	18	6.1	6.1	6.5
Bình thường	84	28.7	28.7	35.2
Tot	110	37.5	37.5	72.7
Rat tot	80	27.3	27.3	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 5. Tinh on dinh của chính sách quản lý NN đối với hd kinh doanh vàng

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Kem nhất	82	28.0	28.0	28.0
Kem	92	31.4	31.4	59.4
Bình thường	79	27.0	27.0	86.3
Tot	39	13.3	13.3	99.7
Tot nhất	1	.3	.3	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 6. Tinh toán diện của chính sách quản lý NN đối với hoạt động kd vàng

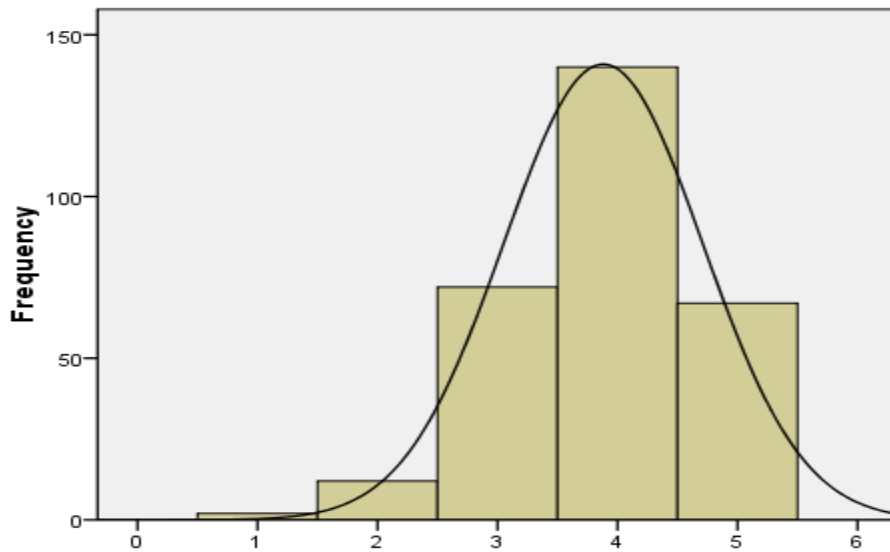
	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Kem nhất	90	30.7	30.7	30.7
Kem	93	31.7	31.7	62.5
Bình thường	92	31.4	31.4	93.9
Tot	18	6.1	6.1	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 7. Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Tình đồng bộ, thống nhất của chính sách quản lý NN	293	1	5	2.18	.957
Su phu hop voi tinh hình thực tế của các chính sách qly NN đối với hd kd vàng	293	1	5	3.87	.880
Tinh toán diện của chính sách quản lý NN đối với hoạt động kd vàng	293	1	4	2.13	.924
Tinh on dinh của chính sách quản lý NN đối với hd kinh doanh vàng	293	1	5	2.27	1.022
Các chính sách qly NN đối với hd kd vàng đều hướng tới mục tiêu chung on dinh va phát triển thị trường	293	1	5	3.88	.829
Các chính sách qly NN đối với hd kd vàng đều tạo ra động lực mạnh đối với thị trường và các chủ thể tham gia thị trường	293	1	5	4.04	.887
Valid N (listwise)	293				

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

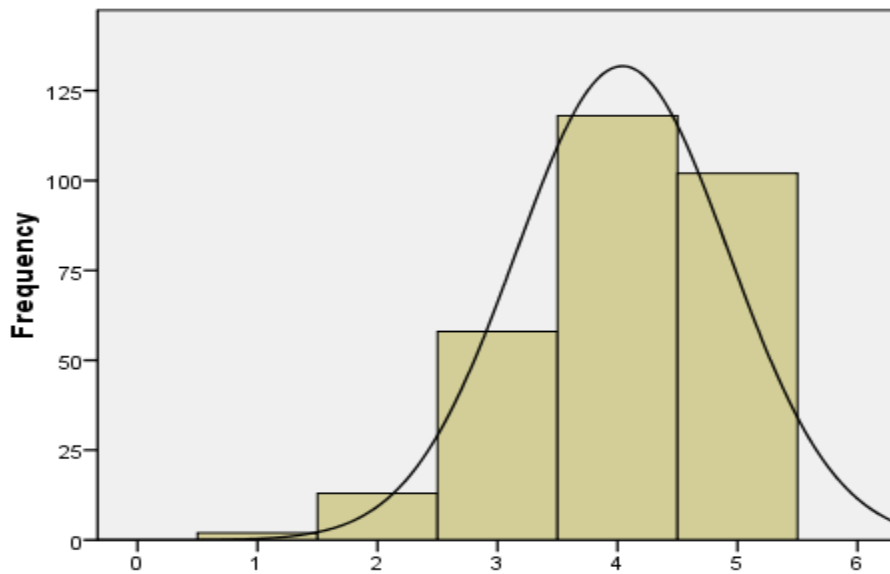
Histogram



Mean =3.88
Std. Dev. =0.829
N =293

**Các chính sách qly NN doi voi hd kd vang deu huong
toi muc tieu chung on dinh va phat trien thi truong**

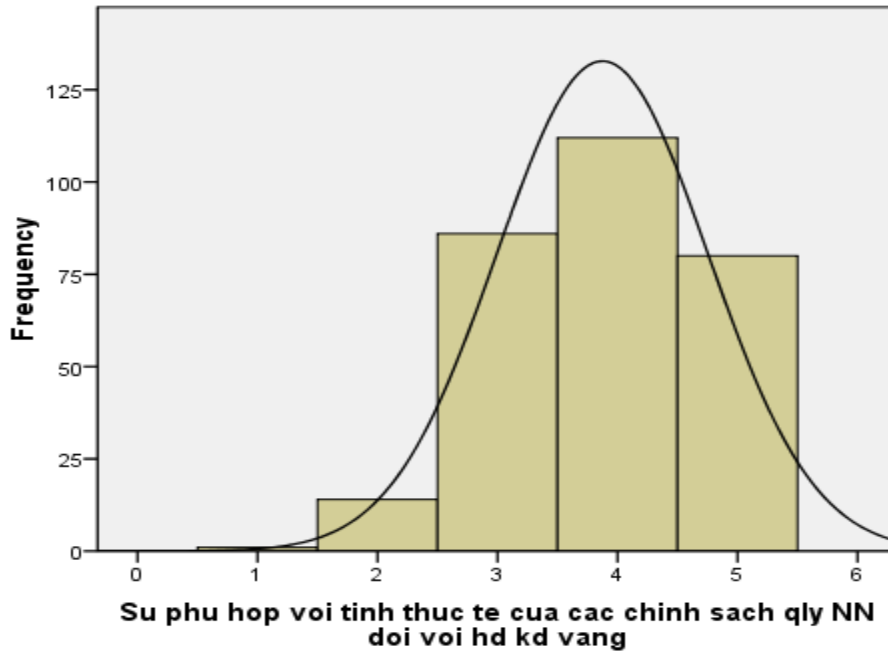
Histogram



Mean =4.04
Std. Dev. =0.887
N =293

**Các chính sách qly NN doi voi hd kd vang deu tao ra
dong luc manh doi voi thi truong va cac chu the tham
gia thi truong**

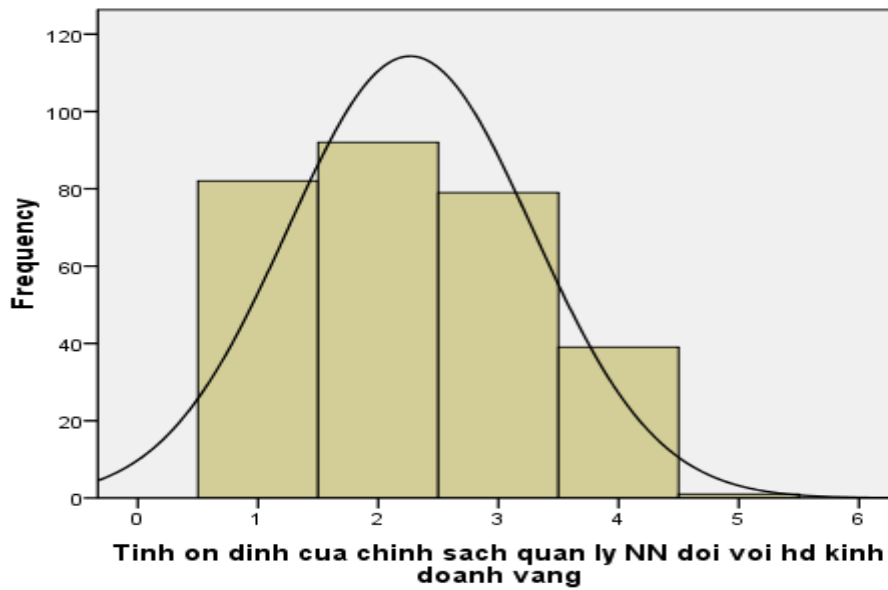
Histogram



Mean =3.87
Std. Dev. =0.88
N =293

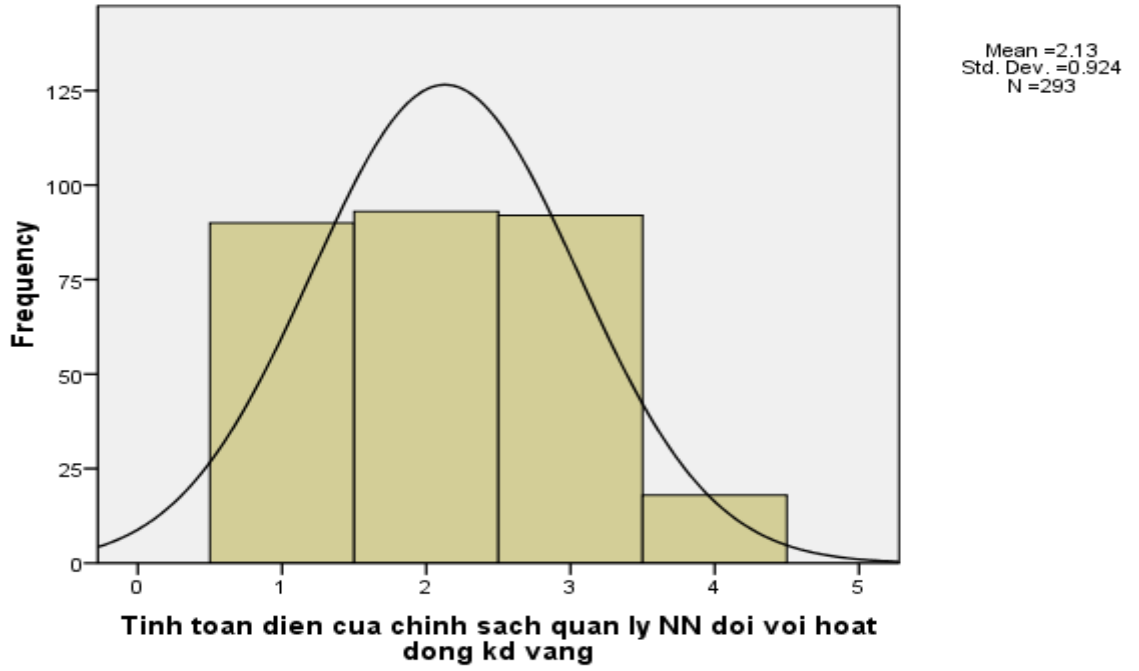


Histogram

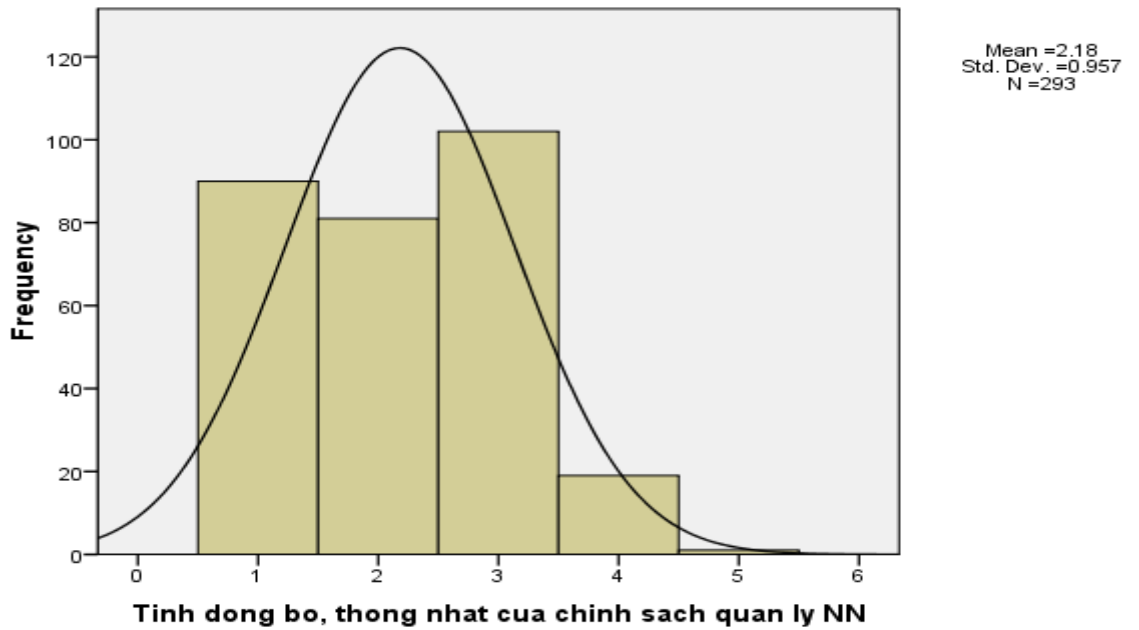


Mean =2.27
Std. Dev. =1.022
N =293

Histogram



Histogram



PHỤ LỤC 14

(Kết quả điều tra nguyên nhân của những bất cập về chính sách hiện hành)

Bảng 1. Sự mất an ninh của môi trường kinh tế vi mô

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không đồng ý	1	.3	.3	.3
	Không đồng ý	42	14.3	14.3	14.7
	Đồng ý	127	43.3	43.3	58.0
	Đồng ý ở mức cao	83	28.3	28.3	86.3
	Đồng ý ở mức rất cao	40	13.7	13.7	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 2. Giá vàng thế giới biến động mạnh và thất thường

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đồng ý	54	18.4	18.4	18.4
	Đồng ý	84	28.7	28.7	47.1
	Đồng ý ở mức cao	98	33.4	33.4	80.5
	Đồng ý ở mức rất cao	57	19.5	19.5	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 3. Người VN có thói quen tích trữ tại sân băng vàng

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không đồng ý	1	.3	.3	.3
	Không đồng ý	24	8.2	8.2	8.5
	Đồng ý	50	17.1	17.1	25.6
	Đồng ý ở mức cao	114	38.9	38.9	64.5
	Đồng ý ở mức rất cao	104	35.5	35.5	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 4. Tam lý của nhà đầu tư

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Khong dong y	18	6.1	6.1	6.1
Dong y	95	32.4	32.4	38.6
Dong y o muc cao	114	38.9	38.9	77.5
Dong y o muc rat cao	66	22.5	22.5	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 5. Su mat on dinh của đồng VN và giá trị hồi đoai của đồng VN so voi cac loai ngoại te manh

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat khong dong y	8	2.7	2.7	2.7
Khong dong y	48	16.4	16.4	19.1
Dong y	87	29.7	29.7	48.8
Dong y o muc cao	120	41.0	41.0	89.8
Dong y o muc rat cao	30	10.2	10.2	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 6. Su phoi hop hieu qua của các Bộ, ngành với NHNN trong quản lý các hoạt động kd trên tt vãng

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat khong dong y	7	2.4	2.4	2.4
Khong dong y	46	15.7	15.7	18.1
Dong y	83	28.3	28.3	46.4
Dong y o muc cao	106	36.2	36.2	82.6
Dong y o muc rat cao	51	17.4	17.4	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 7. Tình hình chính trị - xã hội

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rat khong dong y	61	20.8	20.8	20.8
	Khong dong y	89	30.4	30.4	51.2
	Dong y	105	35.8	35.8	87.0
	Dong y o muc cao	29	9.9	9.9	96.9
	Dong y o muc rat cao	9	3.1	3.1	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 8. Công tác thanh tra, giám sát thực thi chính sách chưa nghiêm ngát

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rat khong dong y	1	.3	.3	.3
	Khong dong y	41	14.0	14.0	14.3
	Dong y	77	26.3	26.3	40.6
	Dong y o muc cao	127	43.3	43.3	84.0
	Dong y o muc rat cao	47	16.0	16.0	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 9. Chất lượng nguồn nhân lực tham gia xd và hoạch định chính sách

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rat khong dong y	5	1.7	1.7	1.7
	Khong dong y	33	11.3	11.3	13.0
	Dong y	78	26.6	26.6	39.6
	Dong y o muc cao	109	37.2	37.2	76.8
	Dong y o muc rat cao	68	23.2	23.2	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 10. Trình độ quản lý của các nhà quản lý thi trường thấp

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	4	1.4	1.4	1.4
Không đồng ý	32	10.9	10.9	12.3
Đồng ý	73	24.9	24.9	37.2
Đồng ý ở mức cao	114	38.9	38.9	76.1
Đồng ý ở mức rất cao	70	23.9	23.9	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 11. Khả năng thu thập và xử lý thông tin

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	15	5.1	5.1	5.1
Không đồng ý	36	12.3	12.3	17.4
Đồng ý	69	23.5	23.5	41.0
Đồng ý ở mức cao	133	45.4	45.4	86.3
Đồng ý ở mức rất cao	40	13.7	13.7	100.0
Total	293	100.0	100.0	

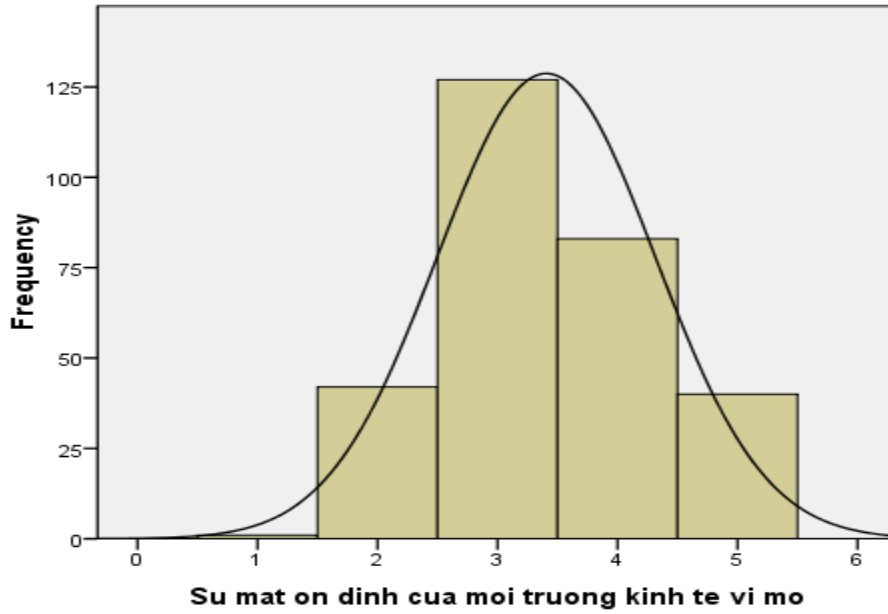


Bảng 12. Descriptive Statistics

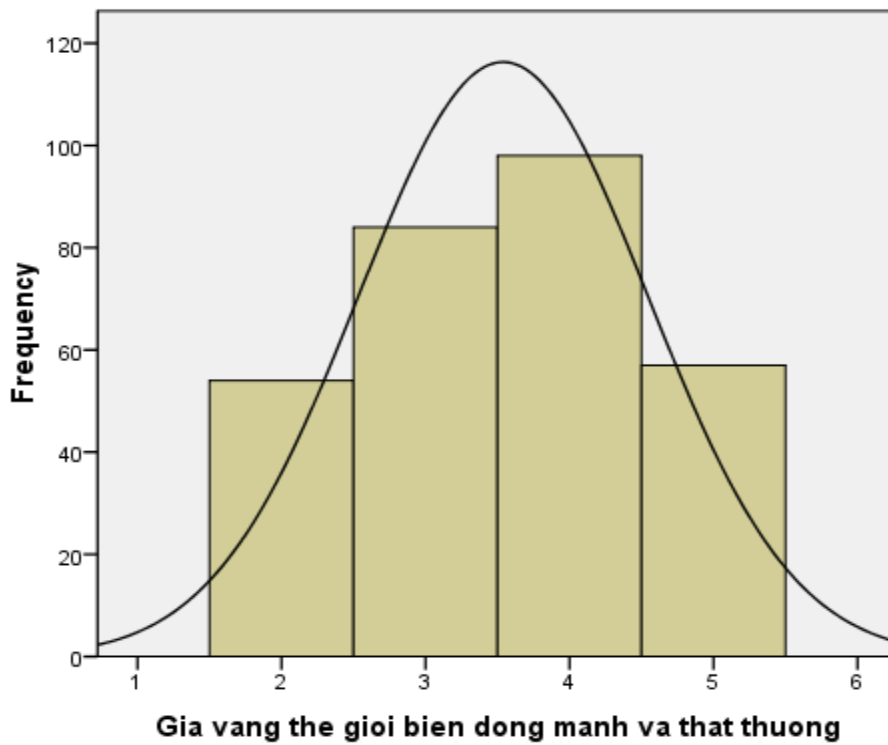
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Su mat on dinh cua moi truong kinh te vi mo	293	1	5	3.41	.908
Gia vang the gioi bien dong manh va that thuong	293	2	5	3.54	1.005
Ngươi VN co thoi quen tích tru tai san bang vang	293	1	5	4.01	.942
Su mat on dinh cua dong VN va gia tri hoi doi cua dong VN so voi cac loai ngoai te manh	293	1	5	3.40	.969
Su phoi hop hieu qua cua cac Bo, ngành voi NHNN trong quan ly cac hoạt động kd trên thị trường vàng	293	1	5	3.51	1.029
Tinh hình chính trị - xã hội	293	1	5	2.44	1.024
Chat lượng nguồn nhân lực tham gia xd và hoạch định chính sách	293	1	5	3.69	1.005
Công tác thanh tra, giám sát thực thi chính sách chưa nghiêm ngặt	293	1	5	3.61	.929
Trình độ quản lý của các nhà quản lý thị trường thấp	293	1	5	3.73	.989
Tâm lý của nhà đầu tư	293	2	5	3.78	.865
Khả năng thu thập và xử lý thông tin	293	1	5	3.50	1.039
Valid N (listwise)	293				

1960

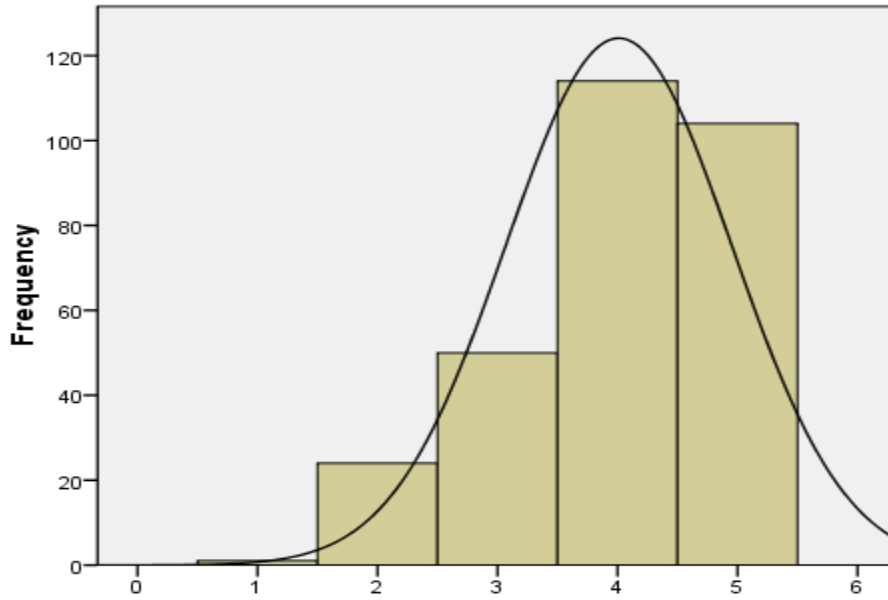
Histogram



Histogram



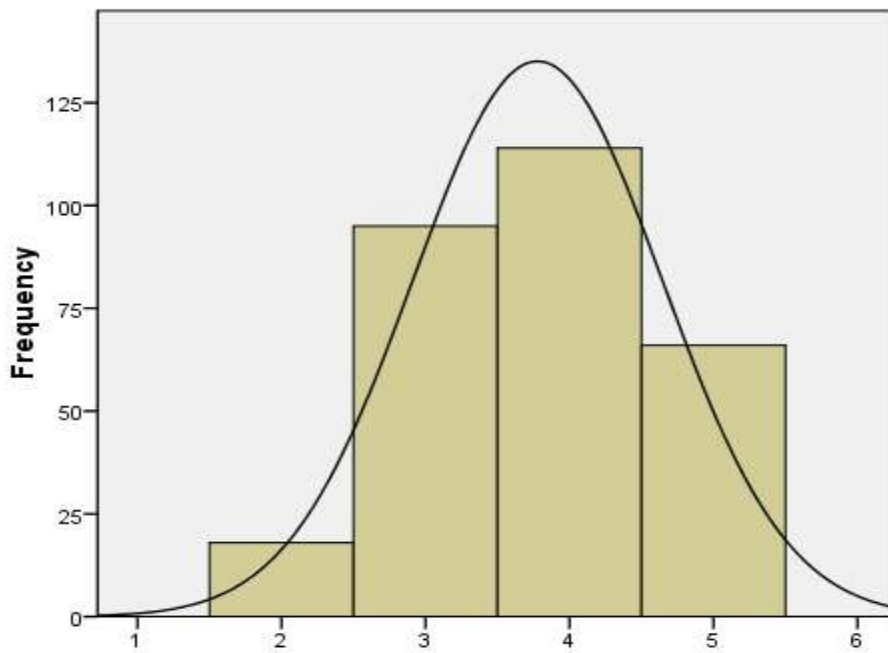
Histogram



Mean =4.01
Std. Dev. =0.942
N =293

Nguoi VN co thoi quen tích tru tai san bang vang

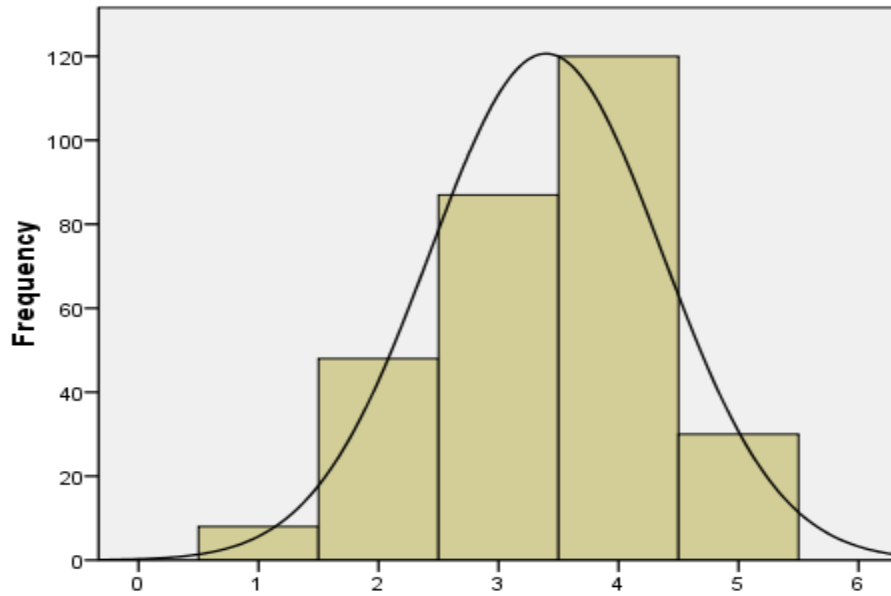
Histogram



Mean =3.78
Std. Dev. =0.865
N =293

Tam ly của nhà đầu tư

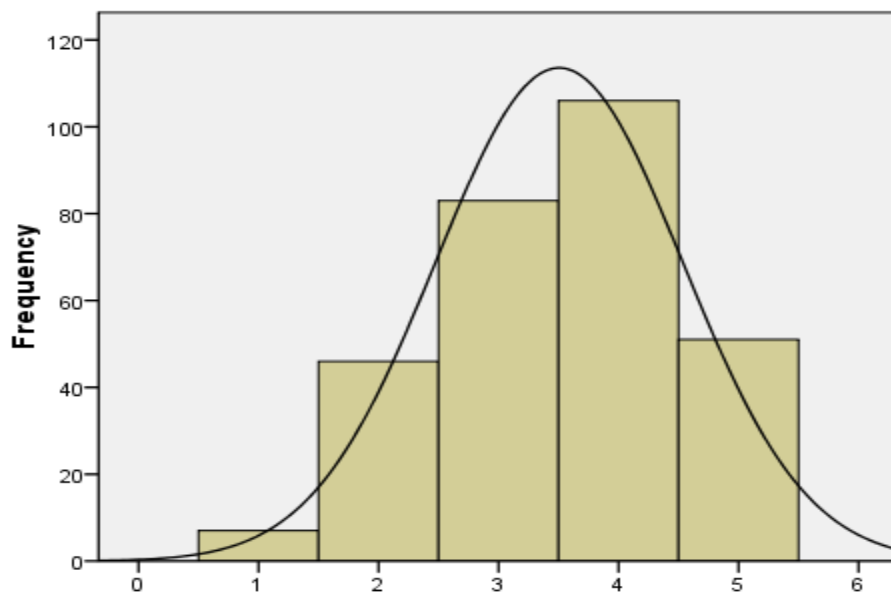
Histogram



Mean =3.4
Std. Dev. =0.969
N =293

Su mat on dinh cua dong VN va gia tri hoi doai cua dong VN so voi cac loai ngoai te manh

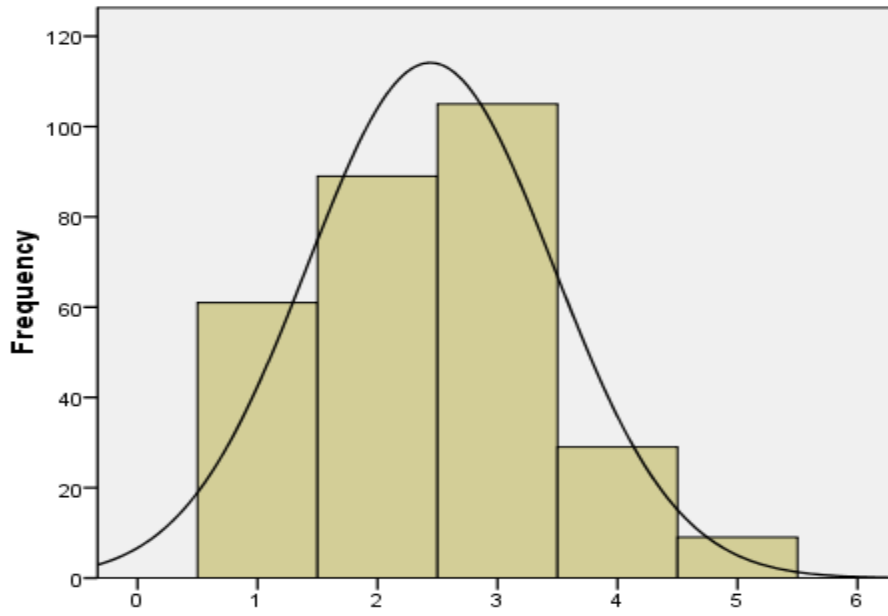
Histogram



Mean =3.51
Std. Dev. =1.029
N =293

Su phoi hop hieu qua cua cac Bo, ngành voi NHNN trong quan ly cac hoạt động kd trên thị trường vàng

Histogram

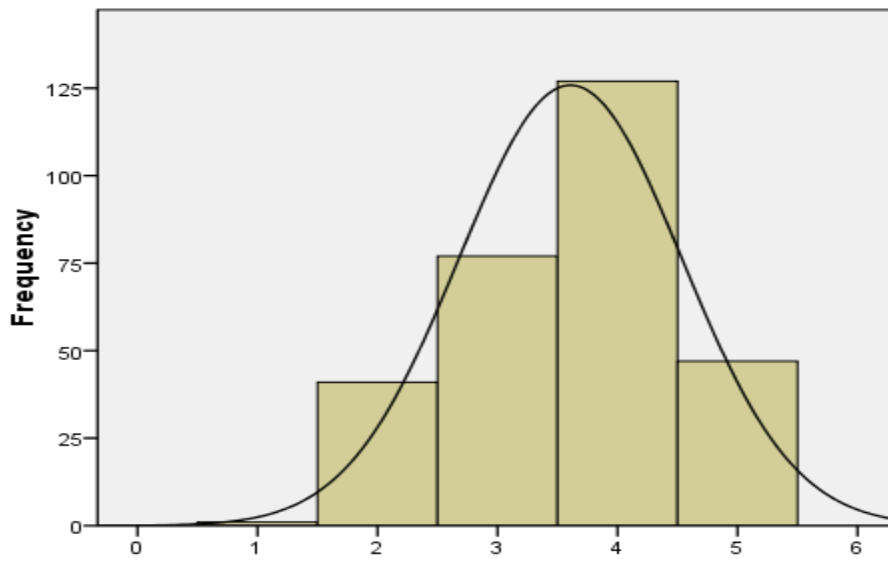


Mean = 2.44
Std. Dev. = 1.024
N = 293

Tinh hình chính trị - xa hoi



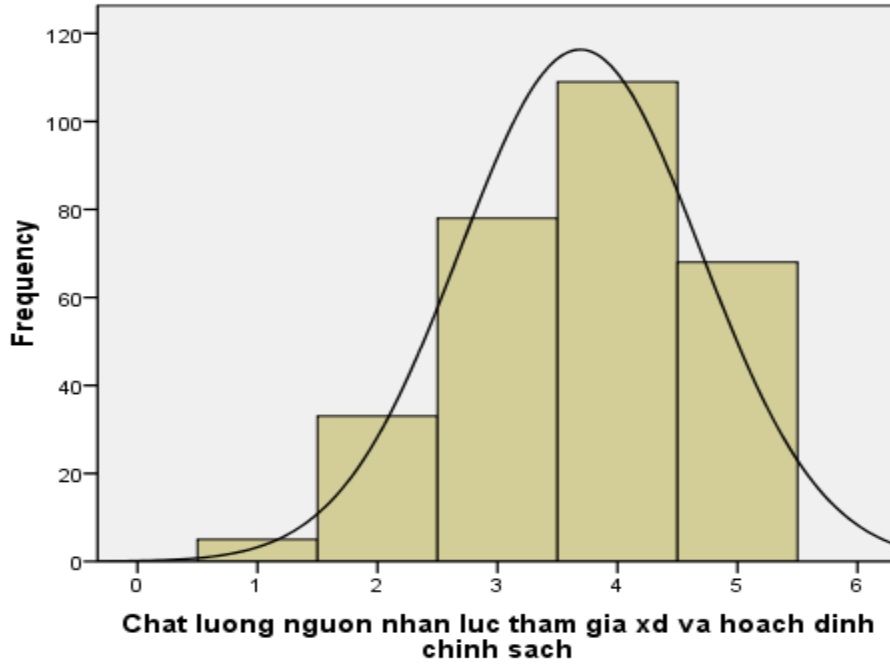
Histogram



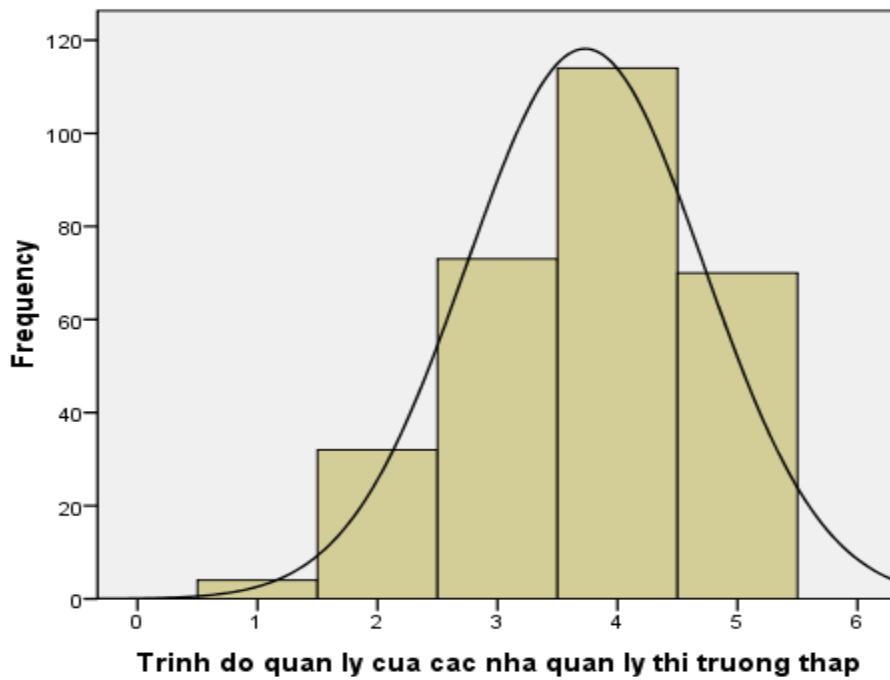
Mean = 3.61
Std. Dev. = 0.929
N = 293

Cong tac thanh tra, giam sat thuc thi chinh sach cua nghieng ngat

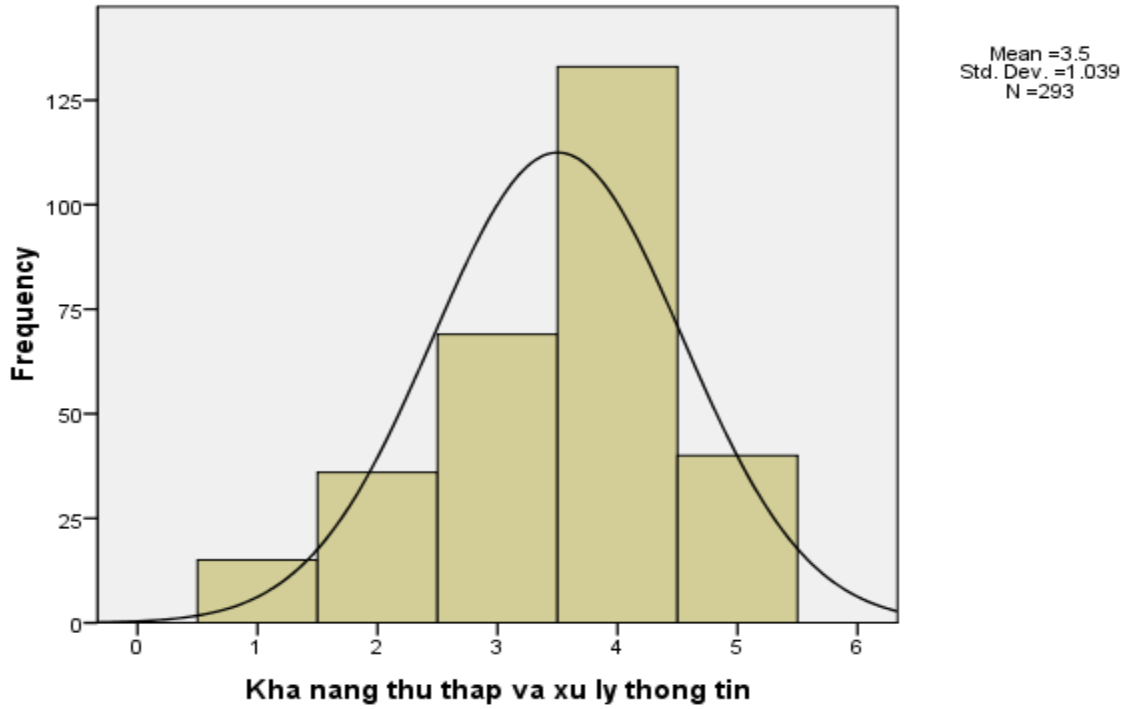
Histogram



Histogram



Histogram



PHỤ LỤC 15

(Kết quả điều tra về xu hướng phát triển thị trường vàng và các hoạt động kinh doanh vàng ở Việt Nam đến năm 2020)

Bảng 1. Tiếp tục phát triển thị trường vàng phi tập trung

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	1	.3	.3	.3
Không đồng ý	17	5.8	5.8	6.1
Đồng ý	86	29.4	29.4	35.5
Đồng ý ở mức cao	108	36.9	36.9	72.4
Đồng ý ở mức rất cao	81	27.6	27.6	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 2. Xây dựng mô hình thị trường vàng tập trung đối với hệ thống kinh doanh vàng trên TK

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	3	1.0	1.0	1.0
Không đồng ý	30	10.2	10.2	11.3
Đồng ý	84	28.7	28.7	39.9
Đồng ý ở mức cao	115	39.2	39.2	79.2
Đồng ý ở mức rất cao	61	20.8	20.8	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 3. Thành lập sản phẩm giao dịch vàng

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	2	.7	.7	.7
Không đồng ý	23	7.8	7.8	8.5
Đồng ý	67	22.9	22.9	31.4
Đồng ý ở mức cao	127	43.3	43.3	74.7
Đồng ý ở mức rất cao	74	25.3	25.3	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 4. Chuyển hướng kd vàng sang kd vàng theo tiêu chuẩn quốc tế

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đồng ý	16	5.5	5.5	5.5
	Đồng ý	49	16.7	16.7	22.2
	Đồng ý ở mức cao	123	42.0	42.0	64.2
	Đồng ý ở mức rất cao	105	35.8	35.8	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 5. Phát triển hoạt động kd vàng trạng thái, các công cụ phái sinh

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Không đồng ý	24	8.2	8.2	8.2
	Đồng ý	74	25.3	25.3	33.4
	Đồng ý ở mức cao	117	39.9	39.9	73.4
	Đồng ý ở mức rất cao	78	26.6	26.6	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 6. Tiếp tục cho phép các NHTM và công ty kd vàng mô sản giao dịch trên cơ sở hoàn thiện môi trường pháp lý

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Rất không đồng ý	5	1.7	1.7	1.7
	Không đồng ý	21	7.2	7.2	8.9
	Đồng ý	55	18.8	18.8	27.6
	Đồng ý ở mức cao	123	42.0	42.0	69.6
	Đồng ý ở mức rất cao	89	30.4	30.4	100.0
	Total	293	100.0	100.0	

Bảng 7. NHNN tap trung dau moi XNK vang cho mot so DN KD vang lon co uy tin

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat khong dong y	4	1.4	1.4	1.4
Khong dong y	51	17.4	17.4	18.8
Dong y	79	27.0	27.0	45.7
Dong y o muc cao	70	23.9	23.9	69.6
Dong y o muc rat cao	89	30.4	30.4	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 8. Tien toi xoa bo kd vang mieng tren thi truong tu do

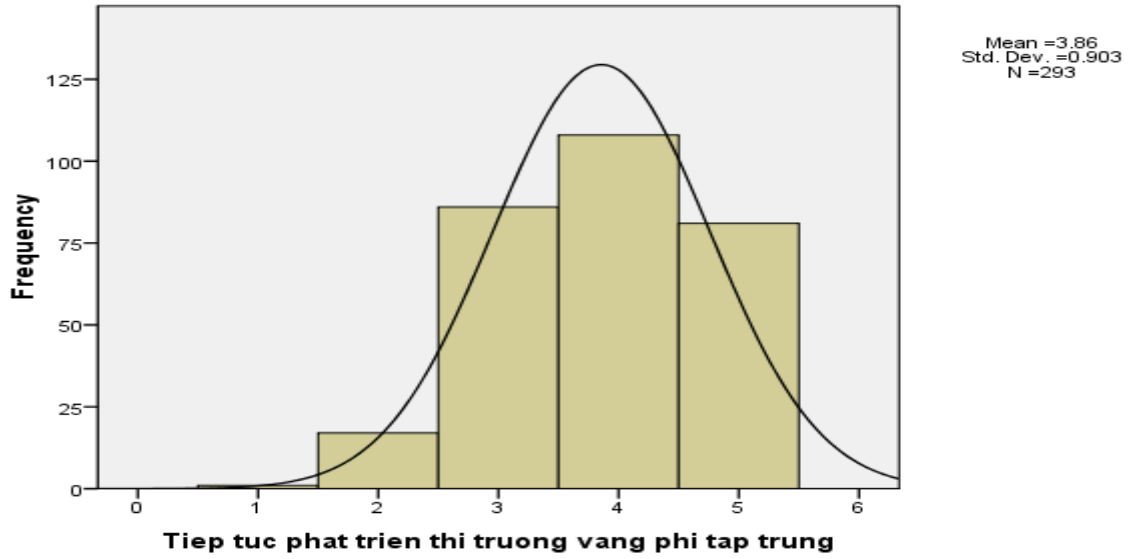
	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat khong dong y	2	.7	.7	.7
Khong dong y	58	19.8	19.8	20.5
Dong y	75	25.6	25.6	46.1
Dong y o muc cao	70	23.9	23.9	70.0
Dong y o muc rat cao	88	30.0	30.0	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 9. Descriptive Statistics

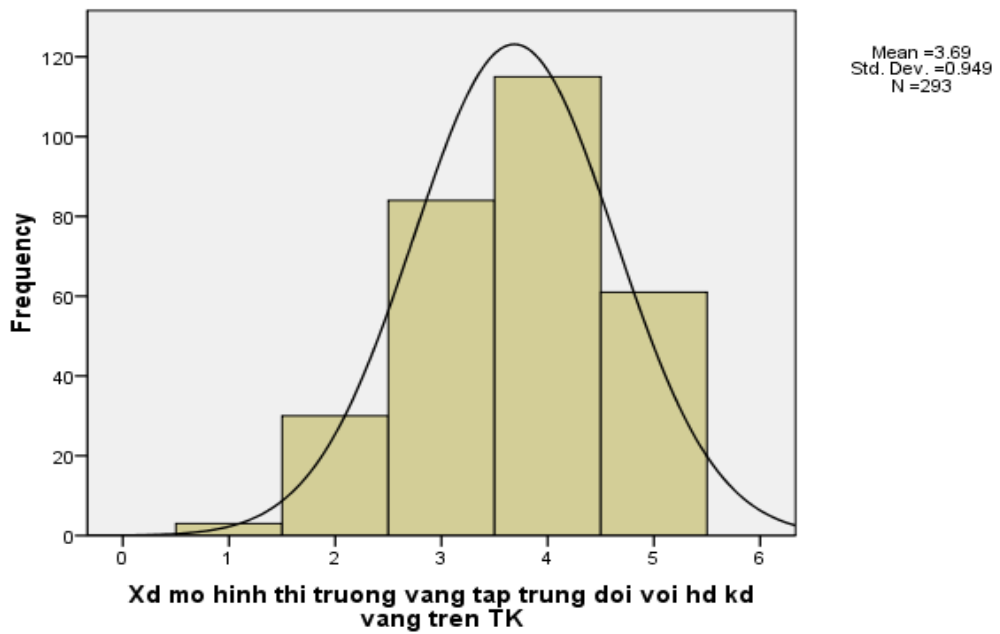
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Tiep tục phát triển thị trường phi tập trung trên cơ sở nâng cao vào trợ quản lý của NN	293	1	5	3.86	.903
Xd mô hình thị trường vàng tập trung đối với hd kd vàng trên TK	293	1	5	3.69	.949
Thành lập sàn giao dịch vàng	293	1	5	3.85	.914
Chuyển hướng kd vàng sang kd vàng theo tiêu chuẩn quốc tế	293	2	5	4.08	.860
Phát triển hoạt động kd vàng trạng thái, các công cụ phái sinh	293	2	5	3.85	.909
Tiếp tục cho phép các NHTM và công ty kd vàng mô sàn giao dịch trên cơ sở hoàn thiện mọi trung pháp lý	293	1	5	3.92	.964
NHNN tập trung đầu mỗi XNK vàng cho một số DN KD vàng lớn có uy tín	293	1	5	3.65	1.127
Tiến tới xóa bỏ kd vàng miếng trên thị trường tự do	293	1	5	3.63	1.129

(Nguồn: NCS tổng hợp)

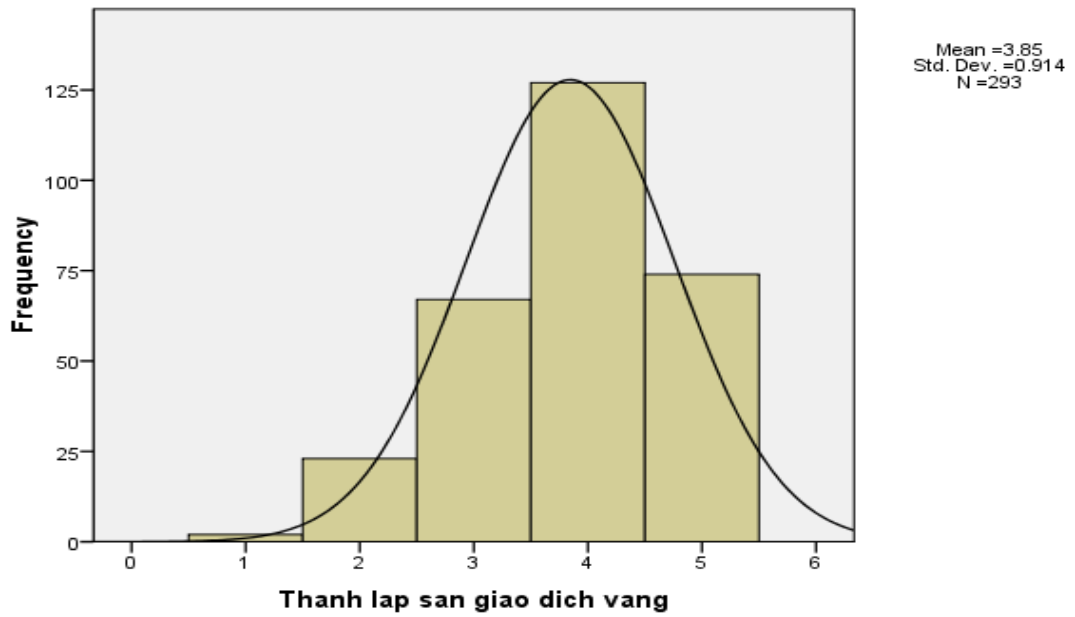
Histogram



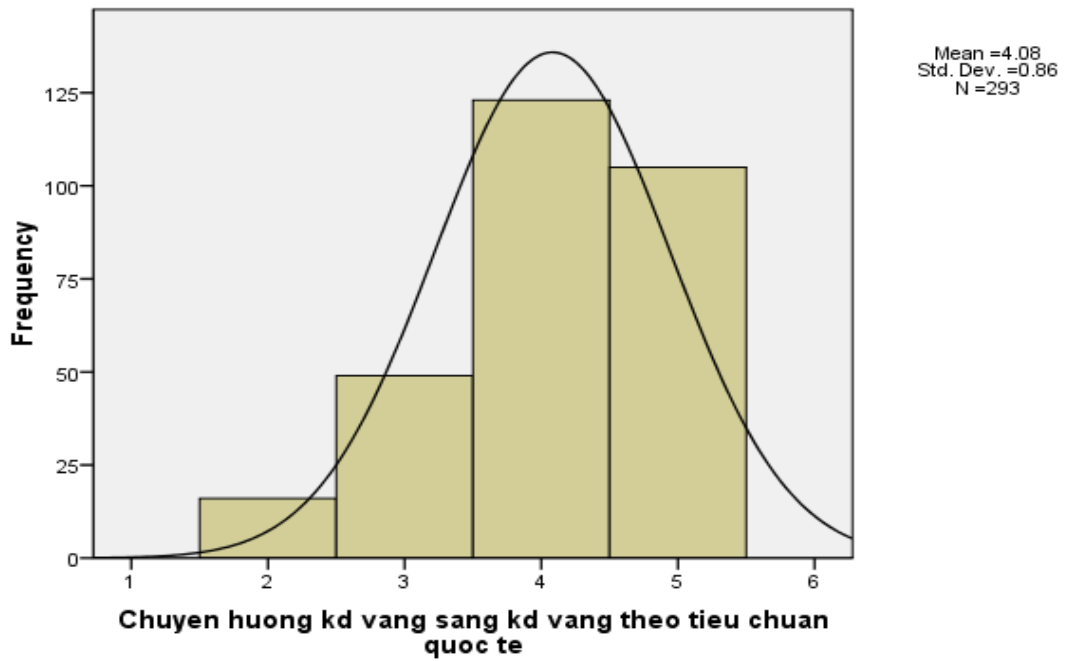
Histogram



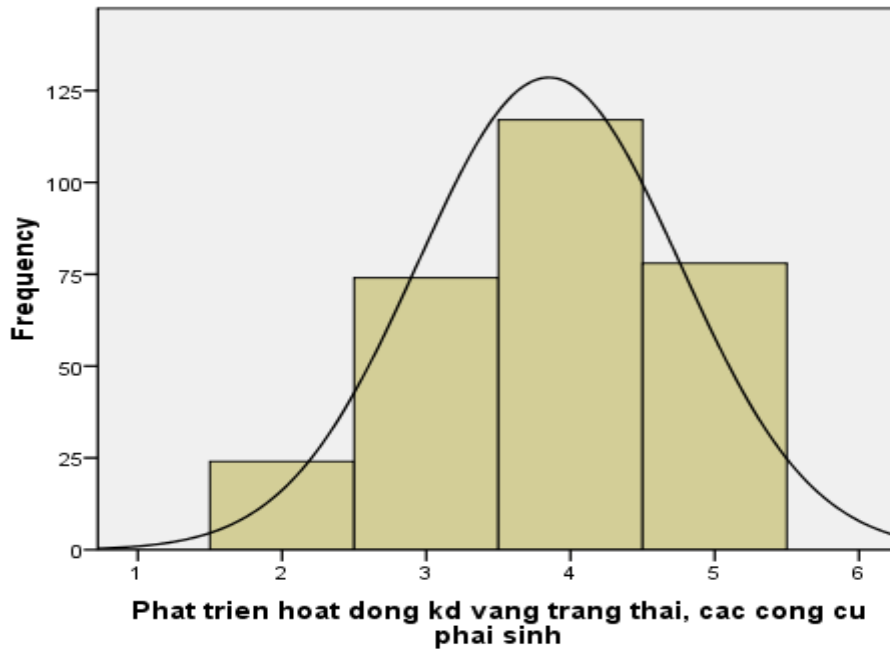
Histogram



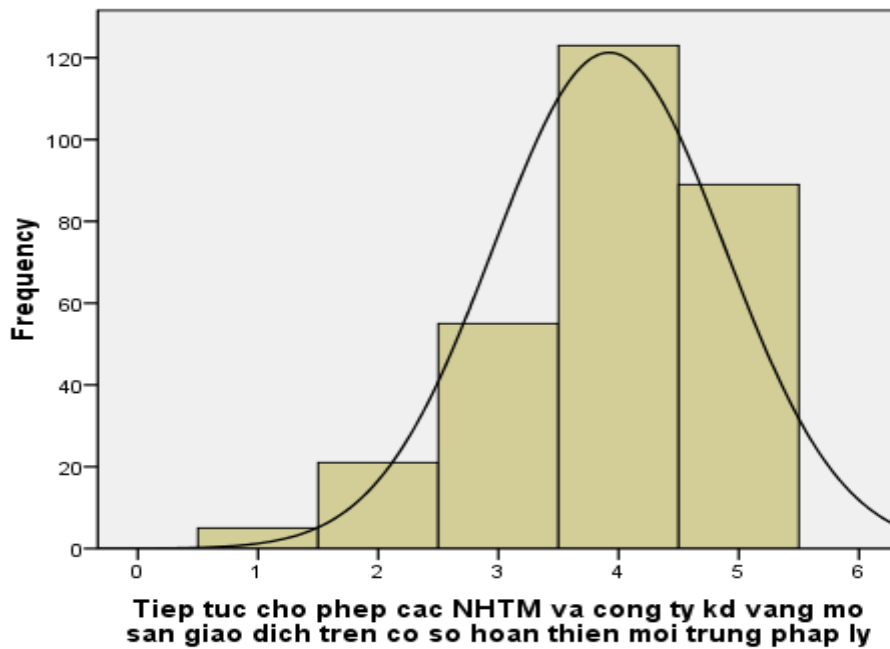
Histogram

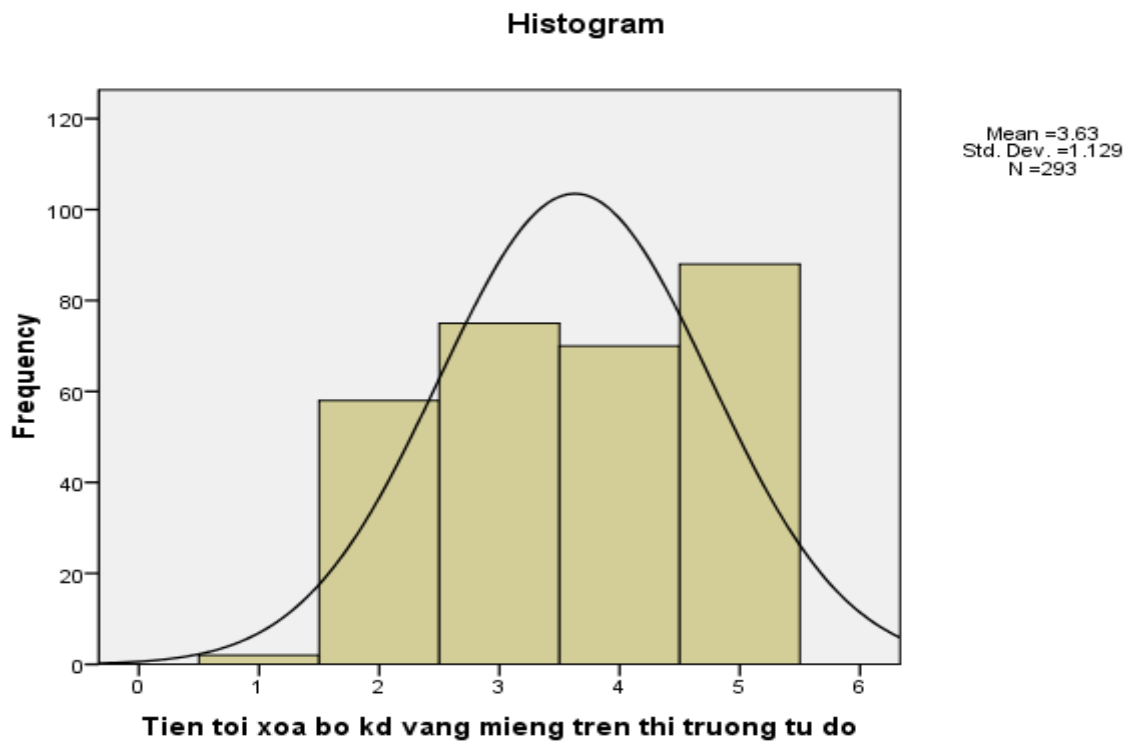
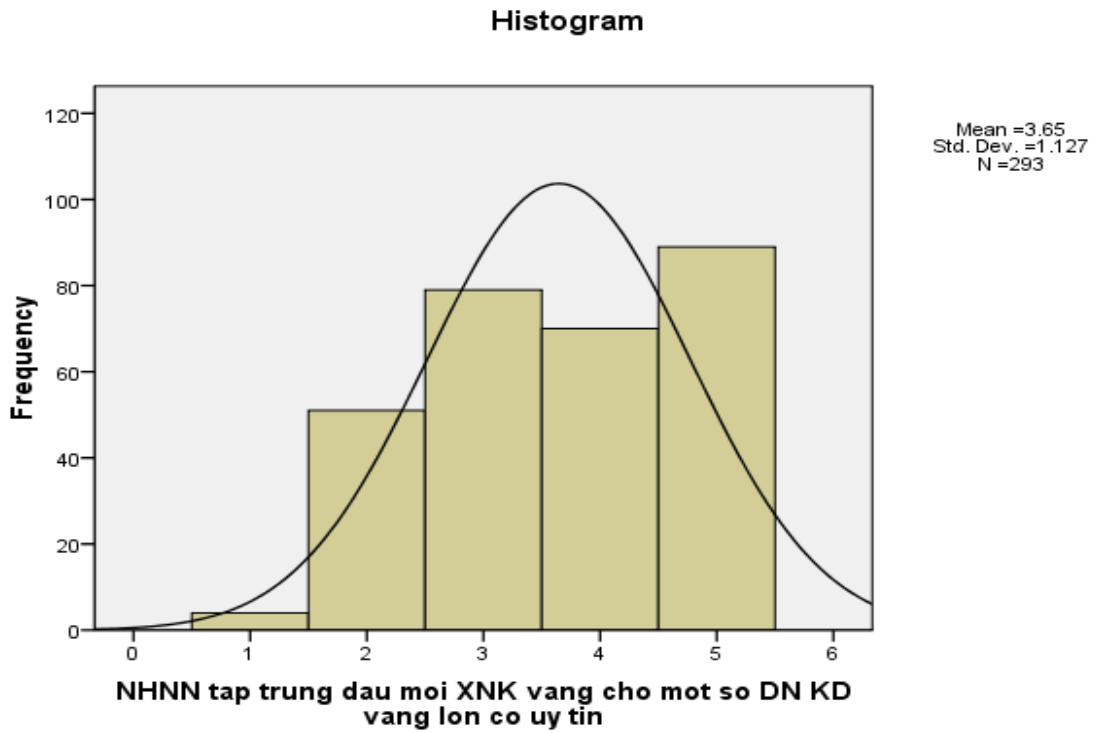


Histogram



Histogram





(Nguồn: NCS tổng hợp)

PHỤ LỤC 16

*(Kết quả điều tra về phương hướng hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước
đối với hoạt động kinh doanh vàng)*

Bảng 1. Xd chính sách phát triển sản phẩm giao dịch vàng vật chất theo kinh nghiệm của Trung Quốc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	2	.7	.7	.7
Không đồng ý	51	17.4	17.4	18.1
Đồng ý	96	32.8	32.8	50.9
Đồng ý ở mức cao	100	34.1	34.1	85.0
Đồng ý ở mức rất cao	44	15.0	15.0	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 2. Ban hành chính sách về mô hình Sản phẩm giao dịch vàng quốc gia theo kn của Trung Quốc và Mỹ

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	2	.7	.7	.7
Không đồng ý	27	9.2	9.2	9.9
Đồng ý	78	26.6	26.6	36.5
Đồng ý ở mức cao	127	43.3	43.3	79.9
Đồng ý ở mức rất cao	59	20.1	20.1	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 3. Xd hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy tạo hành lang cho hoạt động phái sinh vàng pt

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	1	.3	.3	.3
Không đồng ý	4	1.4	1.4	1.7
Đồng ý	101	34.5	34.5	36.2
Đồng ý ở mức cao	109	37.2	37.2	73.4
Đồng ý ở mức rất cao	78	26.6	26.6	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 4. Ban hành các quy định về các loại hình phái sinh vàng được phép kd ở VN

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	2	.7	.7	.7
Không đồng ý	21	7.2	7.2	7.8
Đồng ý	64	21.8	21.8	29.7
Đồng ý ở mức cao	121	41.3	41.3	71.0
Đồng ý ở mức rất cao	85	29.0	29.0	100.0

Bảng 5. Nâng cao tiêu chuẩn cấp phép KD dịch vụ phái sinh vàng theo lộ trình

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	2	.7	.7	.7
Không đồng ý	11	3.8	3.8	4.4
Đồng ý	81	27.6	27.6	32.1
Đồng ý ở mức cao	112	38.2	38.2	70.3
Đồng ý ở mức rất cao	87	29.7	29.7	100.0

Bảng 6. Cụ thể hóa các quy định về trách nhiệm liên đới giữa San giao dịch vàng do NHNN thành lập với đồng phái sinh vàng

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat không đồng ý	5	1.7	1.7	1.7
Không đồng ý	10	3.4	3.4	5.1
Đồng ý	74	25.3	25.3	30.4
Đồng ý ở mức cao	137	46.8	46.8	77.1
Đồng ý ở mức rất cao	67	22.9	22.9	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 7. Ban hành quy trình giao dịch cho tung nghiệp vụ kd vàng phái sinh theo lo trình

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat khong dong y	5	1.7	1.7	1.7
Khong dong y	10	3.4	3.4	5.1
Dong y	60	20.5	20.5	25.6
Dong y o muc cao	116	39.6	39.6	65.2
Dong y o muc rat cao	102	34.8	34.8	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 8. Xây dựng các chính sách cơ nội dung quy định cụ thể quản lý thị trường giao dịch

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat khong dong y	2	.7	.7	.7
Khong dong y	18	6.1	6.1	6.8
Dong y	83	28.3	28.3	35.2
Dong y o muc cao	110	37.5	37.5	72.7
Dong y o muc rat cao	80	27.3	27.3	100.0
Total	293	100.0	100.0	

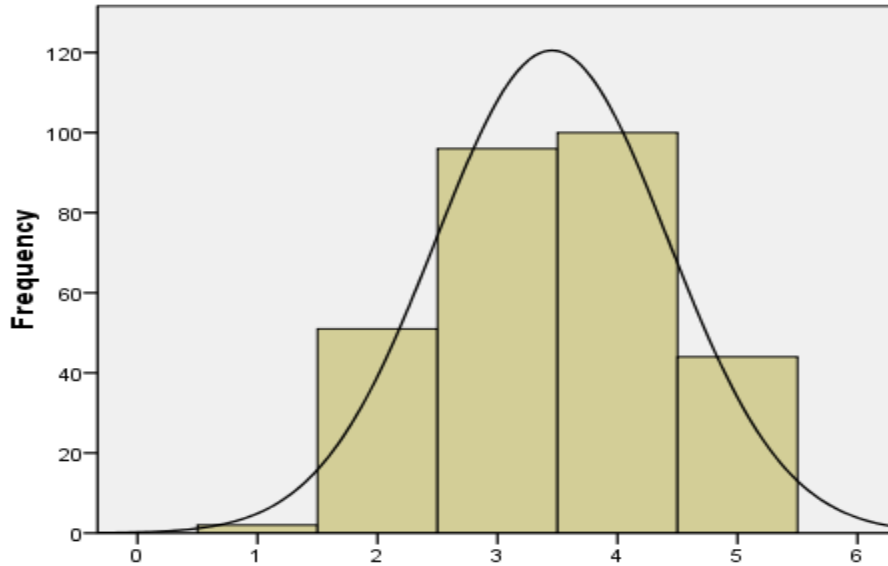
Bảng 9. Cơ chính sách phát triển hình thức quy đầu tư vàng-ETFs

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Rat khong dong y	1	.3	.3	.3
Khong dong y	11	3.8	3.8	4.1
Dong y	77	26.3	26.3	30.4
Dong y o muc cao	137	46.8	46.8	77.1
Dong y o muc rat cao	67	22.9	22.9	100.0
Total	293	100.0	100.0	

Bảng 10. Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Xd chinh sach phat trien san giao dich vang vat chat theo kinh nghiem cua Trung Quoc	293	1	5	3.45	.970
Ban hanh chinh sach ve mo hinh San giao dich vang quoc gia theo kinh nghiem cua Trung Quoc va My	293	1	5	3.73	.910
Xd hoan thien he thong cac van ban phap quy tao hanh lang cho hoat dong phai sinh vang phat trien	293	1	5	3.88	.828
Ban hanh cac quy dinh ve cac loai hinh phai sinh vang duoc phep kd o VN	293	1	5	3.91	.923
Nang cao tieu chuan cap phep KD dich vu phai sinh vang theo lo trinh	293	1	5	3.92	.884
Cu the hoa cac quy dinh ve trach nhiem lien doi giua San giao dich vang do NHNN thanh lap voi hdong phai sinh vang	293	1	5	3.86	.868
Ban hanh quy trinh giao dich cho tung nghiep vu kd vang phai sinh theo lo trinh	293	1	5	4.02	.919
Xay dung cac chinh sach co noi dung quy dinh cu the quan ly thi truong giao dich	293	1	5	3.85	.918
Co chinh sach phat trien hinh thuc quy dau tu vang-ETFs	293	1	5	3.88	.813
Valid N (listwise)	293				

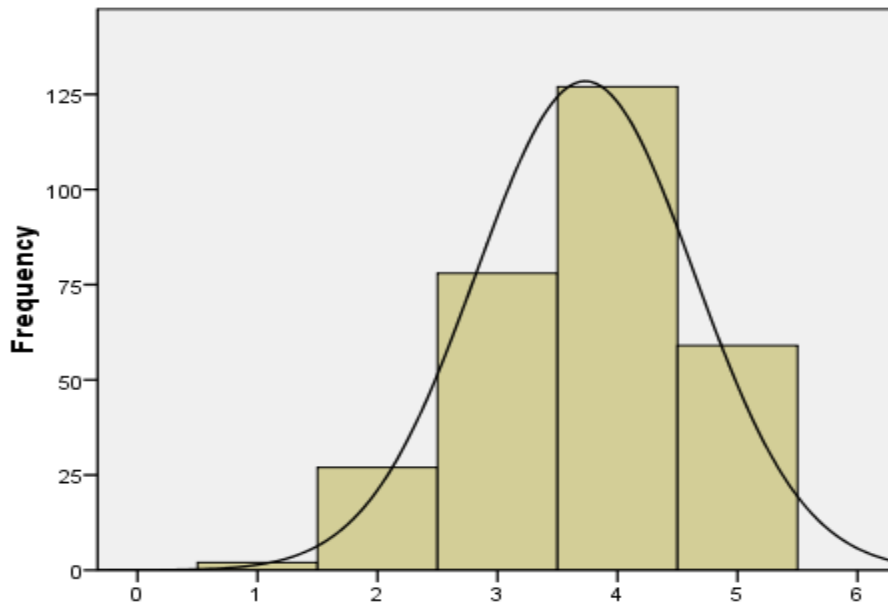
Histogram



Mean =3.45
Std. Dev. =0.97
N =293

Xd chinh sach phat trien san giao dich vang vat chat theo kinh nghiem cua Trung Quoc

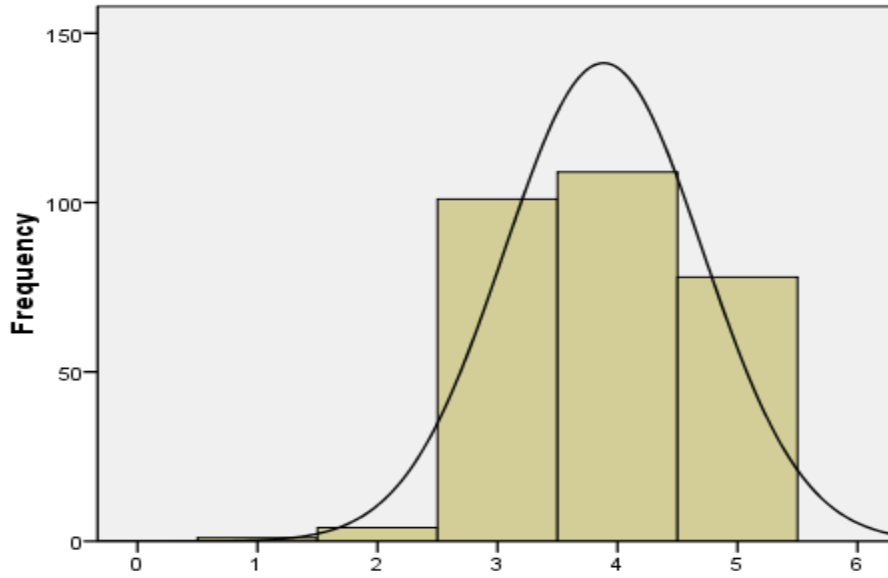
Histogram



Mean =3.73
Std. Dev. =0.91
N =293

Ban hanh chinh sach ve mo hinh San giao dich vang quoc gia theo kinh nghiem cua Trung Quoc va My

Histogram

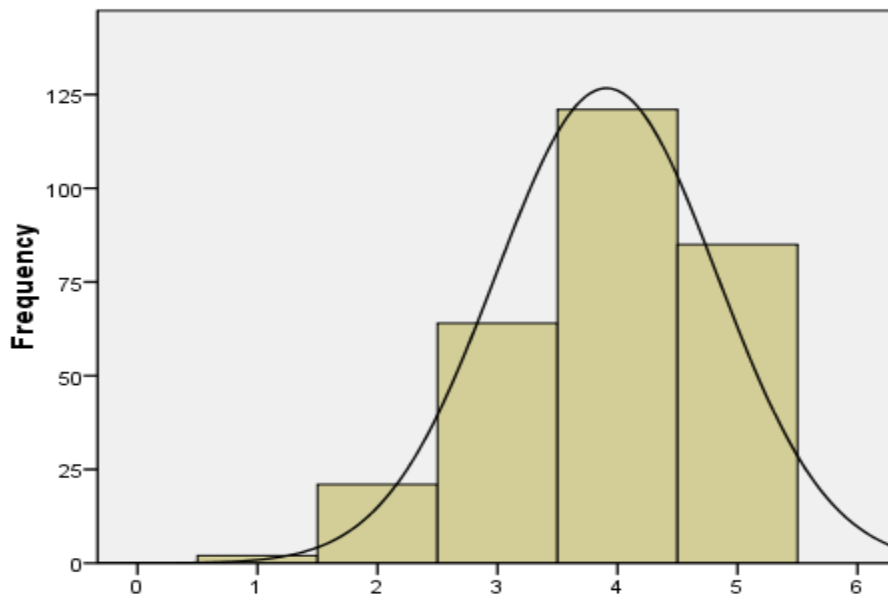


Mean =3.88
Std. Dev. =0.828
N =293

Xd hoan thien he thong cac van ban phap quy tao hanh lang cho hoạt động phai sinh vãng phát triển



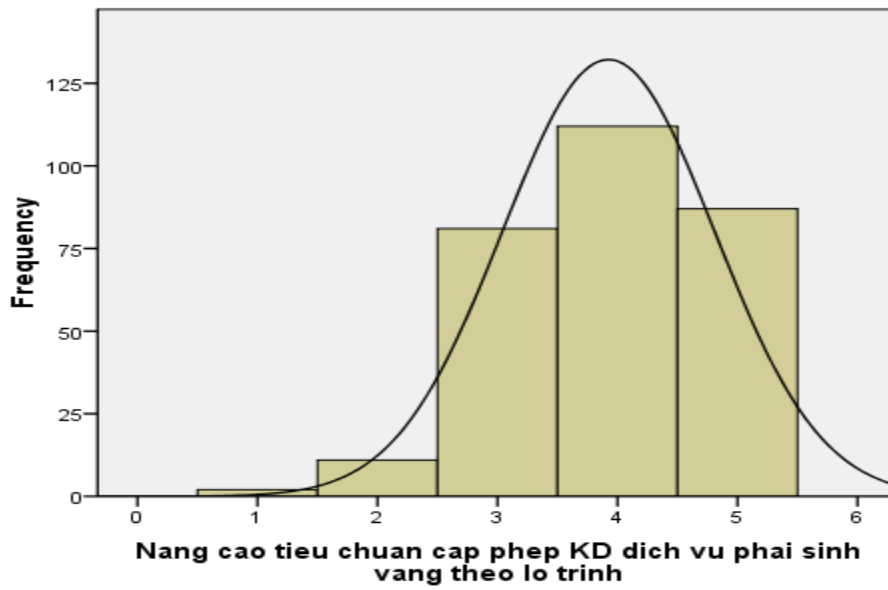
Histogram



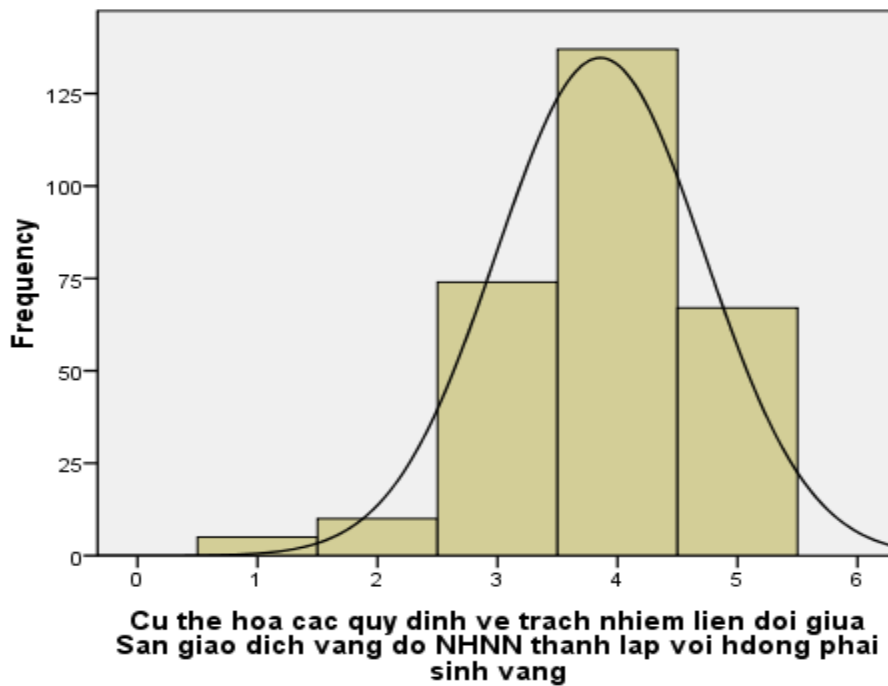
Mean =3.91
Std. Dev. =0.923
N =293

Ban hanh cac quy dinh ve cac loai hình phai sinh vãng được phép kd ở VN

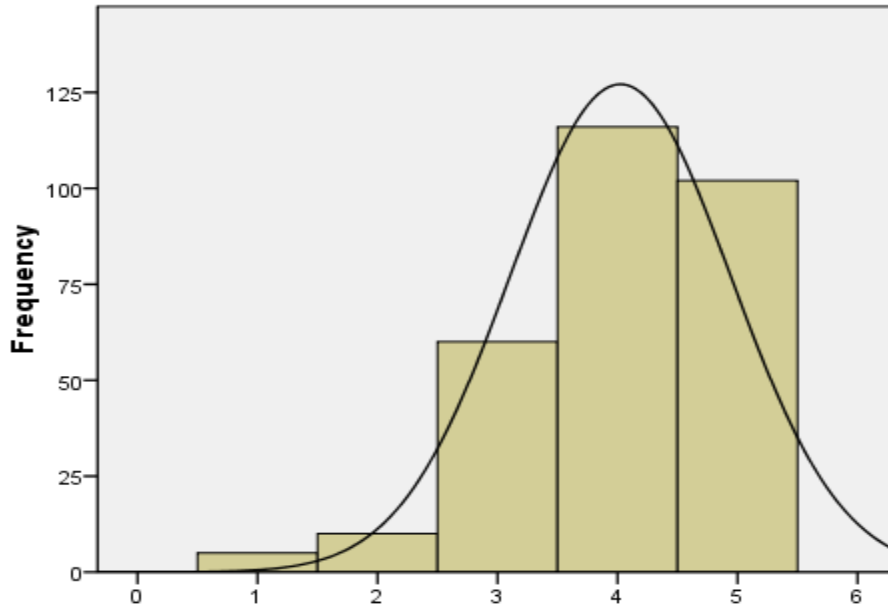
Histogram



Histogram



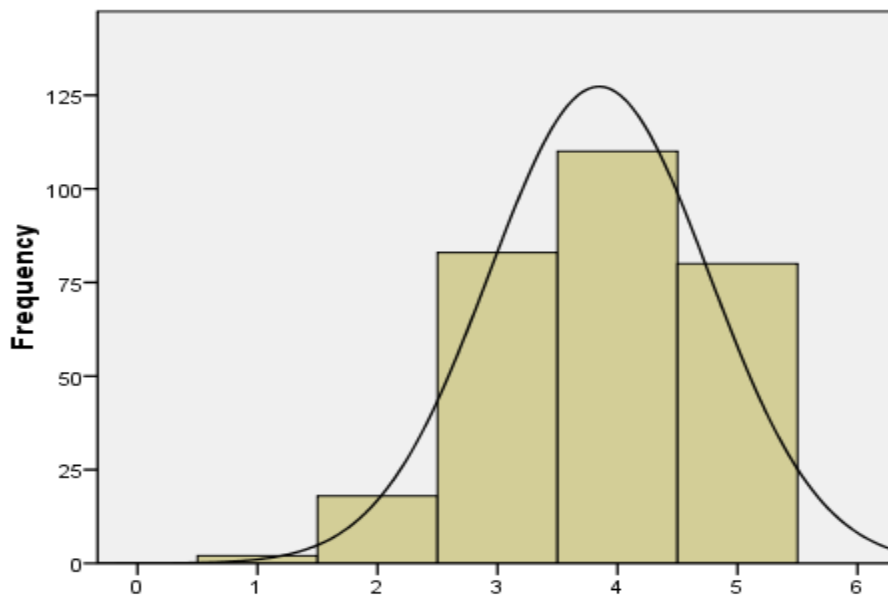
Histogram



Mean =4.02
Std. Dev. =0.919
N =293

Ban hanh quy trinh giao dich cho tung nghiep vu kd vang phai sinh theo lo trinh

Histogram



Mean =3.85
Std. Dev. =0.918
N =293

Xay dung cac chinh sach co noi dung quy dinh cu the quan ly thi truong giao dich

